



THÔNG TIN LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ HÀ TĨNH

30-4
1975-2025

50
năm



NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

Số 55

4/2025



Khai giảng Lớp Trung cấp lý luận chính trị khóa 204, hệ không tập trung, năm học 2025 - 2026 (12/4/2025)



Khai giảng Lớp Trung cấp lý luận chính trị khóa 203, hệ không tập trung, năm học 2025 - 2026 (13/3/2025)



Đồng chí Võ Trọng Hải - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh và lãnh đạo các sở, ban ngành đến thăm và làm việc với Trường Chính trị Trần Phú (20/03/2025)



Bế giảng lớp bồi dưỡng đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương khóa 43/2024 (10/5/2025)



Thạc sỹ Nguyễn Anh Tấn đạt danh hiệu “Giảng viên dạy xuất sắc” và Thạc sỹ Phan Thị Ái Vân đạt danh hiệu “Giảng viên dạy giỏi” tại Hội thi Giảng viên dạy giỏi toàn quốc các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lần thứ IX - Năm 2025 (21/5/2025).



Bế giảng Lớp Trung cấp Lý luận chính trị Khóa 193 huyện Can Lộc (16/5/2025)

THÔNG TIN
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ
SỐ: 55/2025

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. NGUYỄN TRỌNG TỬ

Ban biên tập:
TS. NGUYỄN TRỌNG TỬ
TS. NGUYỄN QUANG NGỌC
THS. TRẦN ÁNH DƯƠNG
THS. NGUYỄN XUÂN BÉ
THS. TRẦN THỊ QUỲNH NGÀ
THS. NGUYỄN THẮNG MỸ
THS. NGUYỄN TRỌNG VINH
THS. NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

Thư ký:
THS. NGUYỄN THỊ THẢO LINH

Trình bày:
THS. LÊ ĐÌNH HÙNG

Địa chỉ: TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TRẦN PHÚ HÀ TĨNH
Số 14, Đường Hoàng Xuân Hãn,
Phường Thành Sen, Tỉnh Hà Tĩnh
Điện thoại: 02393 885073
Fax: 02393 885073

Email: phongkhoahoc.tcttp@gmail.com
Website: http://www.truongchinhtrihatinh.gov.vn

Bìa 1: Sơ tư
Bìa 2,3,4: Ảnh: Tư liệu trường

In 250 cuốn, khuôn khổ 19 x 26,5 cm
tại Công ty CP In Hà Tĩnh. Số 153,
đường Hà Huy Tập, P. Thành Sen, tỉnh
Hà Tĩnh. Giấy phép xuất bản số: 342/
GP-SVHTTDL do Sở Văn hóa, Thể
thao và Du lịch cấp ngày 17/12/2025.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12/2025

MỤC LỤC

TS. Nguyễn Trọng Tử	Nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ cán bộ từ việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn	2
TS. Đặng Duy Bá	Tạo xung lực phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	7
TS. Nguyễn Quang Ngọc	Xây dựng và phát triển Hà Tĩnh dưới ánh sáng Đề cương về văn hóa Việt Nam	9
Ths. Trần Ánh Dương	Giải pháp phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	19
NGHIÊN CỨU, TRAO ĐỔI		
Ths. Trần Thị Quỳnh Nga	Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư" trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc	23
Ths. Nguyễn Xuân Bé	Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp	28
Ths. Nguyễn Trọng Vinh	Hoàn thiện cơ chế tổ chức và vận hành của thiết chế ủy ban nhân dân góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương trong giai đoạn hiện nay	32
Ths. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Tấm gương danh nhân văn hóa thế giới Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác đối với việc tu dưỡng của cán bộ, đảng viên ngày nay	36
Ths. Nguyễn Thị Thảo Linh	Phát triển kinh tế xanh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	40
Ths. Nguyễn Quỳnh Nga	Đại thắng mùa xuân năm 1975 - Thắng lợi của tinh thần tự chủ, độc lập và sáng tạo của Đảng ta	46
Ths. Thái Thị Hiền	Ngăn chặn, đẩy lùi bệnh "sợ trách nhiệm" của đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi công vụ	50
Ths. Trần Thị Thúy Hương	Vận dụng quan điểm Hồ Chí Minh về khoa học công nghệ đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới	55
Ths. Lê Thị Thùy Dung	Một số giải pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân trong môi trường số hiện nay	60
Ths. Dương Thị Vân Linh	Vận dụng bài học về phát huy tinh thần tự lực, tự cường từ đại thắng mùa xuân 1975 trong xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ở Việt Nam hiện nay	65
Ths. Nguyễn Thị Lam	Chủ tịch Hồ Chí Minh - Tấm gương người cán bộ dân vận mẫu mực	96
Ths. Phan Thị Ái Vân	Nhận diện và đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh	73
Ths. Võ Thanh Cường	Quá trình phát triển tư duy về phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ đổi mới	77
Ths. Nguyễn Trọng Minh Quân	Tăng cường hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nghiên cứu thực tế đáp ứng yêu cầu đổi mới đào tạo cán bộ trong giai đoạn mới	82
Trần Thị Tú Anh	Vận dụng bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm trong đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng	87
Võ Thị Quyền	Bồi dưỡng chủ nghĩa yêu nước thời đại Hồ Chí Minh cho thế hệ trẻ góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn hiện nay	90
THỰC TIỄN, KINH NGHIỆM		
Ths. Nguyễn Thắng Mỹ	Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ tại Đảng bộ Trường Chính trị Trần Phú	95
Ths. Phan Bá Linh	Vận dụng nguyên tắc "dân tộc hóa", "tính chất dân tộc" của Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943, phát huy truyền thống văn hóa cần cù, sáng tạo xây dựng quê hương Hà Tĩnh phồn vinh, hạnh phúc	99
TS. Hồ Thanh	Trường Chính trị Trần Phú với nhiệm vụ nâng cao hiệu quả bồi dưỡng công chức đáp ứng yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp	103
Ths. Phan Chí Quyết	Thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW, tạo động lực cho Hà Tĩnh bứt phá phát triển trong kỷ nguyên mới	107
Ths. Nguyễn Thị Phương Thủy	Phát triển kinh tế tư nhân tạo động lực cho tăng trưởng bền vững tại Hà Tĩnh	111
Ths. Nguyễn Hà Giang	Xây dựng văn hóa pháp luật góp phần phát triển toàn diện con người Hà Tĩnh theo Nghị quyết số 18-NQ/TW	117
Ths. Nguyễn Anh Tấn	Đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị tỉnh Hà Tĩnh trong giai đoạn hiện nay	122
Ths. Trần Thị Bích Thủy	Thực hiện văn hóa công sở góp phần hoàn thành tiêu chí văn hóa trường Đảng tại Trường Chính trị Trần Phú	125

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ TỪ VIỆC ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ DỮ LIỆU LỚN

❁ TS. NGUYỄN TRỌNG TÚ

Hiệu trưởng

Tóm tắt: Đổi mới, tăng cường bồi dưỡng chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới luôn được Đảng ta đặc biệt quan tâm chú trọng, là tiền đề căn bản và rất quan trọng để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) trở thành hai yếu tố quan trọng định hình lại cách thức quản lý, điều hành và hoạch định chính sách ở mọi cấp độ. Việc ứng dụng AI và Big Data là công cụ hữu hiệu cho việc nâng cao hiệu quả giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ.

Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định quan điểm: “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới”. Đối với Việt Nam, việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cán bộ, công chức trong việc làm chủ và vận dụng hiệu quả các công nghệ số, đặc biệt là AI và Big Data, là yêu cầu cấp thiết nhằm phục vụ cho quá trình chuyển đổi số quốc gia, phát triển chính phủ điện tử, hướng tới chính phủ số, xã hội số và nền kinh tế số.

Trí tuệ nhân tạo (viết tắt của Artificial Intelligence - AI) có nghĩa là trí tuệ nhân

tạo hay trí thông minh nhân tạo. Công nghệ AI là trí tuệ do con người lập trình tạo nên với mục tiêu giúp máy tính có thể tự động hóa các hành vi thông minh như con người. Trí tuệ nhân tạo là công nghệ cho phép máy móc, đặc biệt là máy tính, “học hỏi” và “suy nghĩ” như con người. Trí tuệ nhân tạo khác với việc lập trình logic trong các ngôn ngữ lập trình là ở việc ứng dụng các hệ thống học máy (machine learning) để mô phỏng trí tuệ của con người trong các xử lý mà con người làm tốt hơn máy tính. Cụ thể, trí tuệ nhân tạo giúp máy tính có được những trí tuệ của con người như: biết suy nghĩ và lập luận để giải quyết vấn đề, biết giao tiếp do hiểu ngôn ngữ, tiếng nói, biết học và tự thích nghi,...

Dữ liệu lớn là thuật ngữ dùng để mô tả một lượng dữ liệu khổng lồ và phức tạp đến mức các công cụ quản lý dữ liệu truyền thống không có khả năng thu thập, quản lý và xử lý dữ liệu trong một khoảng thời gian hợp lý. Một số đặc điểm của Big data: *Khối*

lượng (Volume) dữ liệu trong Big Data rất lớn, thường là hàng terabyte (TB), petabyte (PB) hoặc thậm chí exabyte (EB). *Tốc độ* (Velocity) xử lý và truyền tải dữ liệu và truyền tải với tốc độ rất nhanh từ các nguồn trực tuyến, mạng xã hội, cảm biến và hệ thống giao dịch, là một yêu cầu quan trọng để khai thác giá trị từ Big Data. Đa dạng (Variety) dữ liệu trong Big Data đến từ nhiều nguồn: dữ liệu có cấu trúc (structured), dữ liệu bán cấu trúc (semi-structured) và dữ liệu phi cấu trúc (unstructured). Các dạng dữ liệu bao gồm văn bản, hình ảnh, video, âm thanh, log files, và nhiều loại dữ liệu khác. *Tính xác thực* (Veracity) của dữ liệu đề cập đến chất lượng và độ tin cậy của dữ liệu. Cần kỹ thuật làm sạch và xác thực dữ liệu được sử dụng để cải thiện chất lượng dữ liệu. *Giá trị* (Value) là mục tiêu cuối cùng của việc khai thác Big Data, giúp các tổ chức và doanh nghiệp đưa ra các quyết định chiến lược, tối ưu hóa hoạt động và tạo ra lợi thế cạnh tranh, đòi hỏi các công cụ và kỹ thuật phân tích mạnh mẽ. *Biến động* (Variability) đề cập đến sự không nhất quán của dữ liệu, dữ liệu có thể thay đổi đáng kể theo thời gian, làm cho việc quản lý và phân tích dữ liệu trở nên phức tạp hơn, đòi hỏi các hệ thống linh hoạt và có khả năng mở rộng. *Trực quan hóa* (Visualization) là khả năng trình bày dữ liệu một cách trực quan và dễ hiểu, biến dữ liệu phức tạp thành các biểu đồ, đồ thị và báo cáo dễ hiểu, hỗ trợ quá trình ra quyết định, giúp các nhà phân tích và người ra quyết định hiểu rõ hơn về dữ liệu và các kết quả phân tích.

Trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, công tác giáo dục lý luận chính trị cần được đổi mới theo hướng hiện đại, hiệu quả và linh hoạt hơn. Nhận diện đầy đủ, sâu sắc vai trò của AI và Big data trong giáo dục lý luận chính trị có ý nghĩa quyết định đến hoạt động thực tiễn và giáo dục lý luận chính trị.

Trí tuệ nhân tạo thực hiện cá nhân hóa lộ trình học: phân tích dữ liệu học tập của từng

học viên để đề xuất các bài học, hoạt động và nội dung phù hợp với năng lực và sở thích cá nhân. Tự động hóa các tác vụ có thể tự động chấm bài, tạo đề thi, quản lý lớp học và hỗ trợ giảng viên trong các công việc hành chính, tiết kiệm thời gian và năng lượng cho giảng viên. Phản hồi tức thì về kết quả học tập của học viên, giúp họ nhận biết những sai sót và cải thiện hiệu quả học tập. Hỗ trợ người khuyết tật, có thể tạo ra các bài giảng có phụ đề, dịch thuật ngôn ngữ ký hiệu và hỗ trợ học viên khuyết tật vận động, giúp họ tiếp cận kiến thức dễ dàng hơn.

Dữ liệu lớn (Big Data): Phân tích dữ liệu học viên: giúp thu thập, lưu trữ và phân tích dữ liệu học tập của học viên, từ đó nhận diện các xu hướng, yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập. Đề xuất phương pháp giảng dạy: dựa trên phân tích dữ liệu, Big Data có thể đề xuất các phương pháp giảng dạy, nội dung và tài liệu học tập phù hợp với từng nhóm học viên, giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy. Dự đoán kết quả học tập của học viên, giúp giảng viên và nhà trường phát hiện sớm những học viên có nguy cơ rớt môn và đưa ra các biện pháp hỗ trợ kịp thời. Tối ưu hóa quy trình quản lý của trường học, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động. Đặc biệt, các nền tảng học tập tích hợp AI còn giúp mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục lý luận chính trị đến cả những địa bàn khó khăn, vùng sâu vùng xa.

Khi sử dụng AI và Big data trong giáo dục lý luận chính trị sẽ tạo ra năng suất vượt trội. Áp dụng hệ thống tự động trong ứng dụng của AI và Big data giúp quá trình dạy và học có tính tự động hóa các tác vụ lặp đi lặp lại, giải phóng sức lao động giảng viên và học viên. Xử lý thông tin với tốc độ và khối lượng khổng lồ, vượt xa khả năng con người, thời gian tham gia hoạt động đào tạo, bồi dưỡng liên tục 24/7, không cần nghỉ ngơi. Tạo ra độ chính xác cao, hạn chế tối đa lỗi do con người gây ra. Đưa ra quyết định trong hoạt động dạy và học dựa trên dữ

liệu và thuật toán, ít bị ảnh hưởng bởi cảm xúc, tạo ra kết quả chính xác hơn. Sử dụng AI và Big data trong giáo dục lý luận chính trị mang lại khả năng sáng tạo tìm ra những giải pháp mới, đột phá cho các vấn đề phức tạp, thậm chí dự đoán và phòng ngừa rủi ro và giải quyết những thách thức toàn cầu.

Một số ứng dụng cụ thể của AI và Big Data: Học trực tuyến: tạo ra các khóa học trực tuyến cá nhân hóa, tự động đánh giá học viên và hỗ trợ họ trong quá trình học. Học tập cá nhân hóa: AI và Big Data giúp tạo ra các lộ trình học tập cá nhân hóa, phù hợp với từng học viên, giúp họ học hiệu quả hơn. Giáo dục đặc biệt, hỗ trợ học viên có nhu cầu đặc biệt, chẳng hạn như học viên khiếm thính, học viên khó đọc, học viên có vấn đề về vận động. Dự đoán học viên có nguy cơ rớt môn và đưa ra các biện pháp hỗ trợ kịp thời.

Mặc dù AI và Big Data đang mở ra nhiều cơ hội to lớn trong quản lý, giáo dục, y tế, công nghiệp, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục lý luận chính trị và đào tạo cán bộ, nhưng quá trình ứng dụng tại Việt Nam nói riêng vẫn còn gặp nhiều thách thức. Những thách thức này đến từ nhiều phía, bao gồm con người, công nghệ, thể chế và văn hóa. Một số thách thức, khó khăn khi ứng dụng AI và Big data trong giáo dục lý luận chính trị:

Thứ nhất, nguy cơ mất việc làm, giảm việc làm của giảng viên và người lao động: Tự động hóa của các ứng dụng AI và Big data có thể thay thế giảng viên và người lao động trong lĩnh vực dạy học, dẫn đến thất nghiệp. Đòi hỏi giảng viên và người lao động phải thích ứng và nâng cao kỹ năng để đáp ứng nhu cầu mới. Khi sử dụng Big Data học viên có thể học mọi lúc mọi nơi, thi, kiểm tra thường xuyên, không giới hạn không gian, thời điểm; số người giám sát, phục vụ, chấm thi, kiểm tra và quản lý sẽ giảm thiểu.

Thứ hai, phân biệt đối xử: Thuật toán AI có thể bị sai lệch do dữ liệu đầu vào thiếu khách quan hoặc mang định kiến, AI và Big Data có thể bị lạm dụng để thao túng dư luận, tạo tin giả (Deepfake), ảnh hưởng tới tư tưởng, chính trị, tiềm ẩn nguy cơ rò rỉ thông tin cá nhân, dữ liệu bí mật nếu không có hệ thống bảo mật tốt. Gây ra những quyết định không công bằng, ảnh hưởng đến các nhóm người yếu thế. Vấn đề về đạo đức trong đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị là việc AI vượt khỏi tầm kiểm soát của con người, sử dụng AI cho mục đích xấu như thao túng thông tin. Nếu quá phụ thuộc AI, người học dễ bị “lười tư duy”, bị dẫn dắt thay vì phản biện, đặc biệt nguy hiểm trong giáo dục lý luận chính trị.

Thứ ba, hạn chế về nhận thức và năng lực của giảng viên và học viên tham gia dạy và học lý luận chính trị: Phần lớn cán bộ, công chức, kể cả một số giảng viên, vẫn còn chưa nhận thức đầy đủ về bản chất, chức năng và cách ứng dụng AI, dữ liệu lớn vào công việc thực tiễn. Ngại thay đổi, sợ công nghệ, e ngại tiếp cận cái mới, thói quen làm việc thủ công khiến nhiều người chưa sẵn sàng thích nghi với công nghệ. Thiếu đội ngũ chuyên gia công nghệ trong khu vực công và giáo dục lý luận chính trị, gặp nhiều khó khăn trong việc tư vấn, triển khai và đánh giá hiệu quả ứng dụng AI/Big Data. Đặc biệt khi Chuyển từ giảng dạy thuyết trình sang đào tạo cá nhân hóa đòi hỏi sự thay đổi toàn diện về tư duy, công cụ và tổ chức đào tạo.

Thứ tư, các trường chính trị cấp tỉnh hiện nay thiếu dữ liệu và hạ tầng dữ liệu chất lượng cao. Dữ liệu bị phân mảnh, rời rạc, không liên thông: Các cơ sở dữ liệu của nhà nước và đơn vị đào tạo chưa được kết nối; thiếu kho dữ liệu mở, dữ liệu có thể học máy. Chất lượng dữ liệu thấp, thiếu chuẩn hóa: Dữ liệu thu thập thủ công, chưa được làm sạch, dẫn đến sai lệch khi AI phân tích hoặc dự đoán. Thiếu

cơ sở hạ tầng lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn: nhiều đơn vị chưa có hệ thống máy chủ, phần mềm, nền tảng tính toán đủ mạnh để vận hành AI hoặc Big Data.

Thứ năm, hệ thống văn bản, quy định về thể chế và chính sách của các cơ quan Trung ương và cấp tỉnh còn nhiều khó khăn và hạn chế. Chưa có khung pháp lý đồng bộ về AI, dữ liệu lớn: thiếu các quy định về quyền riêng tư, chia sẻ, sử dụng, lưu trữ và bảo vệ dữ liệu công. Cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương còn yếu dẫn đến chồng chéo trong đầu tư hạ tầng, dữ liệu bị cát cứ, thiếu chia sẻ thông tin. Chưa có chính sách khuyến khích cán bộ, giảng viên học và ứng dụng công nghệ mới, đào tạo chủ yếu mang tính hình thức, chưa gắn với nhu cầu và kết quả đầu ra cụ thể. Kinh phí, nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số trong đào tạo cán bộ lý luận chính trị ở cấp địa phương là rất lớn, dài hạn cũng là những rào cản, khó khăn trong thực tiễn.

Việc ứng dụng AI và Big Data trong giáo dục nói chung và đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cán bộ, đảng viên nói riêng là xu thế tất yếu. Tuy nhiên, để ứng dụng thành công, cần nhìn nhận đầy đủ những thách thức mang tính đa chiều: từ nhận thức, thể chế, hạ tầng, nhân lực đến vấn đề đạo đức và văn hóa sử dụng dữ liệu. Việc vượt qua những rào cản này đòi hỏi một chiến lược tổng thể, đồng bộ, có tầm nhìn dài hạn, trong đó đặc biệt cần sự chủ động của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trường chính trị cấp tỉnh, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh trong việc chuyển đổi tư duy, phương pháp và công cụ giảng dạy. Từ thực tế đó, để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khi ứng dụng AI và Big Data, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hệ thống chính trị về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính

trị. Tập trung nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy trong đào tạo, bồi cán bộ các cấp. Tổ chức các lớp tập huấn chuyên đề về AI, Big Data cho cán bộ lãnh đạo, quản lý và giảng viên, giúp hiểu đúng, đủ về bản chất, lợi ích và rủi ro của công nghệ mới. Tăng cường truyền thông nội bộ về vai trò của chuyển đổi số trong công tác đào tạo cán bộ, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động. Chuyển từ tư duy “cung cấp kiến thức” sang “phát triển năng lực”, hướng tới đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cá thể hóa, phù hợp với từng vị trí việc làm.

Hai là, phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý đào tạo, bồi dưỡng có năng lực công nghệ là nội dung trọng tâm, cốt lõi, trong đó thể chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện và đi trước một bước. Bồi dưỡng năng lực số cho giảng viên các trường chính trị, trung tâm bồi dưỡng chính trị, giúp họ sử dụng thành thạo các công cụ AI, phân tích dữ liệu, xây dựng bài giảng số. Tuyển chọn, đào tạo hạt nhân công nghệ trong mỗi đơn vị, xây dựng nhóm chuyên gia phụ trách triển khai, hỗ trợ kỹ thuật tại chỗ. Khuyến khích giảng viên tự học, tự nghiên cứu về AI, Big Data thông qua tài liệu mở, nền tảng học trực tuyến (Coursera, Udemy, EdX, v.v.). Phát triển hạ tầng số, công nghệ số trong giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên trên nguyên tắc “hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí”; làm giàu, khai thác tối đa tiềm năng của dữ liệu, đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính, thúc đẩy phát triển nhanh cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu.

Ba là, hoàn thiện hạ tầng công nghệ và cơ sở dữ liệu dùng chung. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu cán bộ tập trung, liên thông giữa các cấp, ngành giúp phân tích xu hướng học tập, đánh giá hiệu quả đào tạo, đề xuất khóa học phù hợp. Đầu tư nâng cấp hạ tầng số tại các cơ sở đào tạo như phòng học thông minh, hệ thống quản lý học tập (LMS), máy chủ lưu trữ dữ liệu lớn, nền tảng AI nội

bộ. Kết nối với kho học liệu số quốc gia, hệ thống thông tin ngành nội vụ, tạo nguồn dữ liệu phong phú phục vụ đào tạo cá thể hóa. Bảo đảm chủ quyền trên không gian mạng; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin của tổ chức và cá nhân là yêu cầu xuyên suốt, không thể tách rời trong quá trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giáo dục lý luận chính trị.

Năm là, đổi mới nội dung, phương pháp và mô hình đào tạo. Tích hợp AI vào thiết kế chương trình đào tạo theo hướng linh hoạt, cá nhân hóa: tự động gợi ý tài liệu, lộ trình học, bài tập phù hợp với từng học viên. Ứng dụng AI để xây dựng bài giảng mô phỏng, tình huống tương tác giúp học viên trải nghiệm các vấn đề thực tiễn trong quản lý, điều hành. Khai thác Big Data để điều chỉnh chương trình theo phản hồi và kết quả đầu ra như phân tích xu hướng học tập, đo lường tác động đào tạo đến hiệu quả công tác thực tế.

Sáu là, hoàn thiện thể chế, cơ chế quản lý và bảo vệ dữ liệu, quy định cụ thể về sử dụng AI, dữ liệu lớn trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảm bảo quyền riêng tư, bảo mật thông tin cá nhân. Ban hành khung tiêu chuẩn về năng lực số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; từ đó xác định nội dung đào tạo, kiểm tra đầu ra. Thiết lập cơ chế chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị đào tạo, cơ quan quản lý cán bộ, đảng viên thúc đẩy phân tích tổng thể để ra quyết định chính xác, kịp thời.

Bảy là, đẩy mạnh hợp tác, học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm. Liên kết với các trường đại học, doanh nghiệp công nghệ, viện nghiên cứu để cập nhật công nghệ, chuyên gia giải pháp AI phù hợp với điều kiện thực tiễn. Tham gia các chương trình hợp tác quốc tế, diễn đàn chuyên môn để học tập mô hình đào tạo cán bộ bằng AI ở các nước tiên tiến (Singapore, Hàn Quốc, Estonia...). Tổ chức các hội thảo chuyên đề, diễn đàn

sáng kiến giữa cán bộ quản lý, giảng viên và học viên để phát hiện, chia sẻ cách làm hay trong ứng dụng AI/Big Data.

Tám là, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh cần ban hành tiêu chuẩn cụ thể về Trường học thông minh, khung năng lực số cho cán bộ, giảng viên làm căn cứ xây dựng chương trình đào tạo phù hợp. Các Trường đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, hành chính cần nhanh chóng cập nhật nội dung số hóa trong giảng dạy. Các địa phương cần chủ động phối hợp với các Trường và doanh nghiệp để tổ chức đào tạo thực tiễn, gắn với nhu cầu quản lý.

Đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên là khâu then chốt trong xây dựng đội ngũ cán bộ “vừa hồng, vừa chuyên”. Việc ứng dụng AI và Big Data không chỉ là yêu cầu của chuyển đổi số mà còn là động lực tạo bước đột phá về chất lượng và hiệu quả. Tuy nhiên, điều đó chỉ trở thành hiện thực khi đi kèm với tư duy đổi mới, đầu tư bài bản và hành động quyết liệt từ cấp lãnh đạo đến cơ sở đào tạo, từ Trung ương đến cơ sở.

Tài liệu tham khảo:

(1). Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

(2). Kỷ yếu hội thảo khoa học: Cách mạng công nghiệp 4.0 với việc giảng dạy lý luận chính trị ở các trường đại học và cao đẳng hiện nay, Giảng dạy lý luận chính trị trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, Trần Văn Hiếu;

(3). Áp dụng chuyển đổi số trong giáo dục lý luận chính trị, <https://lylu-anchinhtri.vn>

TẠO XUNG LỰC PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ



TS. ĐẶNG DUY BÁU

Nguyên Bí Thư Tỉnh ủy tỉnh Hà Tĩnh

Ngày 22/12/2024 Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Có thể nói đây là một Nghị quyết có tính đột phá, tạo xung lực để Việt Nam thích ứng và đón đầu thoát khỏi “bẫy thu nhập trung bình”, đưa “Việt Nam trở thành cường quốc về công nghệ” như dự báo của Tổng thống V.Putin khi đến thăm Việt Nam.

Tại hội nghị Liên hiệp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD) cho biết hiện nay tổng số giá trị thị trường của 17 công nghệ tiên tiến như AI, Internet vạn vật (IoT), Hydro xanh... trên toàn cầu đạt 1500 tỷ USD, dự báo năm 2030 sẽ lên tới 9000 tỷ USD. Trong bối cảnh cuộc cách mạng lần thứ 4 đang diễn ra mạnh mẽ, việc phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo được xem là cơ hội mà các quốc gia đang phát triển cần nắm bắt để bứt phá vươn lên.

Nhận thức được vai trò tầm quan trọng của khoa học, công nghệ đối với sự phát triển của đất nước ngay khi bước vào công cuộc đổi mới (từ Đại hội VI năm 1986) Đảng ta đã khẳng định: “Tăng cường hoạt động các ngành khoa học kỹ thuật, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội... gắn chặt với sản xuất và đời sống để trở thành một bộ phận của lực lượng sản xuất xã hội”. Qua các kỳ Đại hội của Đảng việc phát triển khoa học công nghệ cùng với phát triển giáo dục và đào tạo được xem là quốc sách hàng đầu, là nền

tảng và động động lực để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đến Đại hội XIII của Đảng (năm 2021) trước sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư đã khẳng định: “Tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương khoa học công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại”. Nghị quyết Đại hội đã đưa nội dung “đổi mới sáng tạo” trên nền tảng khoa học công nghệ là yếu tố mang tầm chiến lược để đề ra những chủ trương có tính đột phá nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới.

Với chủ trương đúng đắn của Đảng, hoạt động về khoa học công nghệ đã góp phần quan trọng vào thành quả của công cuộc đổi mới. Tính riêng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFD) đạt tốc độ tăng trưởng cao, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế; năm 2001 43%, năm 2020 là 45,2% đưa Việt Nam từ nhóm cuối vươn lên top 5 trong khu vực ASEAN (sau Singapore, Malaysia, Indonesia, Thái Lan). Đặc biệt khoa học, công nghệ góp phần nâng cao năng suất lao động của toàn nền kinh tế (giai đoạn 2011-2015 là 4,3%; giai đoạn 2016-2020 là 5,8%; năm 2022 là 6,1%). Nhiều công trình nghiên cứu có đóng góp lớn cho phát triển kinh tế xã hội nhất là ở các lĩnh vực như y học, năng lượng, dầu khí, cơ khí chế tạo, quân sự, quốc phòng... Đặc biệt hệ thống hạ tầng số quốc gia được xây dựng theo hướng đồng bộ, hiện đại. Công nghiệp công nghệ số đóng góp ngày

càng lớn vào GDP. Tính đến năm 2024 tỷ trọng kinh tế số trong GDP ước đạt 18,3%; công nghiệp công nghệ số doanh thu 152 tỷ USD; kim ngạch xuất khẩu điện tử đạt 132 tỷ USD. Năm 2025 Việt Nam đã đứng vào top 6 thế giới và chỉ số AI tổng hợp, đã sản xuất và xuất khẩu chip, linh kiện điện tử thương hiệu Việt Nam ra thị trường Mỹ và Quốc tế.

Các tổ chức khoa học, công nghệ và đội ngũ cán bộ khoa học phát triển cả về số lượng và chất lượng. Cả nước có hơn 420 tổ chức nghiên cứu và phát triển, gần 900 doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học, công nghệ. Công tác quản lý nhà nước, cơ chế chính sách về phát triển, quản lý khoa học và công nghệ được tiếp tục đổi mới. Ngoài Trung tâm đổi mới, sáng tạo quốc gia còn có hơn 200 quỹ đầu tư, 84 vườn ươm, 20 trung tâm khởi nghiệp sáng tạo. Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của Việt Nam đứng thứ 56 thế giới, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh lọt vào top 200 thành phố khởi nghiệp sáng tạo toàn cầu...

Mặc dầu đã có những chuyển biến tích cực và những kết quả thiết thực góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới, nhưng so với yêu cầu của sự phát triển đất nước, đứng trước sự bùng phát của cuộc cách mạng công nghệ lần thứ 4 và nguy cơ tụt hậu thì những gì đã đạt được trên lĩnh vực phát triển khoa học và công nghệ trong thời gian qua vẫn chưa xứng tầm. Với mục tiêu trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, thu nhập trung bình cao vào năm 2030, nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045 cần phải đưa đất nước phát triển bứt phá vươn mình trở thành cường quốc về công nghệ.

Nghị quyết số 57 của Bộ Chính trị đã xác định phát triển khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là động lực chính để phát triển nhanh

lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu đưa đất nước phát triển vươn lên giàu mạnh. Nghị quyết xác định đây là cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, được triển khai quyết liệt, kiên trì, đồng bộ, nhất quán, lâu dài với những giải pháp đột phá mang tính cách mạng. Nghị quyết nêu rõ mục tiêu cụ thể đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó đến năm 2030 tiềm lực, trình độ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc nhóm dẫn đầu trong các nước có thu nhập trung bình cao, một số lĩnh vực khoa học công nghệ đạt trình độ quốc tế. Việt Nam thuộc nhóm ba nước dẫn đầu Đông Nam Á, nhóm 50 nước đứng đầu thế giới về năng lực cạnh tranh số, về nghiên cứu và phát triển AI. Đóng góp của tăng năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế trên 55%. Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GDP. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% tổng số doanh nghiệp. Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người Việt Nam, đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7%. Để thực hiện hóa các quan điểm, mục tiêu đề ra, Nghị quyết đã nêu lên những giải pháp cụ thể.

Cần nâng cao nhận thức cho toàn xã hội để có quyết tâm chính trị mạnh mẽ, đột phá và đổi mới tư duy nhằm tạo xung lực mới, khí thế mới trong lãnh đạo, chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Hoàn thiện thể chế, xóa bỏ những rào cản đang cản trở sự phát triển, khơi thông và tạo lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho cơ sở khoa học, công nghệ;

Xem tiếp trang 18

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HÀ TĨNH DƯỚI ÁNH SÁNG ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM



TS. NGUYỄN QUANG NGỌC

Phó Hiệu trưởng

Tóm tắt: Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 được coi là bản cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa, đặt nền móng và định hướng cho sự phát triển của nền văn hóa cách mạng Việt Nam. Với ba nguyên tắc cốt lõi là dân tộc hóa, khoa học hóa và đại chúng hóa, Đề cương về văn hóa Việt Nam thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Trải qua hơn 80 năm, Đề cương về văn hóa Việt Nam vẫn giữ nguyên sức sống và có vai trò quan trọng đối với sự nghiệp phát triển của đất nước. Đối với Hà Tĩnh, trong giai đoạn hiện nay, việc vận dụng, phát huy giá trị của Đề cương về văn hóa Việt Nam để xây dựng văn hóa Hà Tĩnh theo hướng tiên tiến, đậm đà bản sắc, phát triển con người Hà Tĩnh toàn diện, thấm nhuần tinh thần dân tộc, dân chủ và nhân văn là một trong những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng.

Năm 1943, sự ra đời của Đề cương về văn hóa Việt Nam đã cho thấy tư duy, tầm nhìn và sự quan tâm sâu sắc của Đảng ta trong phát triển văn hóa. Từ điểm khởi nguồn này, trải qua tiến trình lịch sử với rất nhiều biến động, việc phát triển các giá trị mang tính cương lĩnh của Đề cương vẫn giữ nguyên sức sống và có vai trò quan trọng đối với sự nghiệp phát triển của đất nước. Các luận điểm của Đề cương về văn hóa Việt Nam về vai trò, sứ mệnh của văn hóa như nguồn lực nội sinh cho phát triển; sự gắn kết của văn hóa với kinh tế, chính trị, xã hội; vai trò trung tâm của con người trong phát triển văn hóa và các nguyên tắc vận động của văn hóa... đã được thực tiễn chứng minh là những giá trị nền tảng, định hình đường lối và chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trước những biến động không ngừng của lịch sử và yêu cầu của

sự phát triển, các luận điểm của Đề cương vẫn còn nguyên giá trị và tiếp tục được vận dụng, kế thừa, bổ sung, hoàn thiện trong hệ thống các văn kiện của Đảng về văn hóa. Điều đó đã cho thấy vị thế và tầm ảnh hưởng của Đề cương về văn hóa Việt Nam như một cương lĩnh khởi nguồn cho quá trình xác lập và hoàn thiện tư duy lý luận về phát triển văn hóa, con người ở Việt Nam. Không chỉ có giá trị về mặt lý luận, Đề cương về văn hóa Việt Nam còn có ý nghĩa thực tiễn to lớn trong xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Trong hơn 80 năm qua, việc vận dụng, phát huy tinh thần, luận điểm, nguyên tắc về phát triển văn hóa được đặt ra trong Đề cương đã thực sự mang lại nhiều chuyển biến và kết quả quan trọng trong sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Vai trò của văn hóa với vai trò là một nguồn sức mạnh nội sinh cho sự phát triển

toàn diện của kinh tế - xã hội đất nước từng bước được hiện thực hóa; văn hóa không chỉ có đóng góp như một lĩnh vực độc lập mà còn là nhân tố xuất hiện và tác động đến tất cả các lĩnh vực khác của đời sống xã hội.

Sau gần 40 năm đổi mới đất nước và gần 35 năm tái lập tỉnh Hà Tĩnh, văn hóa, con người Hà Tĩnh đã có những bước phát triển khá toàn diện. Hà Tĩnh đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, phát triển văn hoá, con người: Văn kiện các Đại hội Đảng bộ tỉnh từ sau tái lập; Chương trình hành động số 848/CTr-TU, ngày 31/10/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị khóa X về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học nghệ thuật trong thời kỳ mới; Chỉ thị số 20-CT/TU, ngày 20/3/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; Chương trình hành động số 1347/Ctr-TU, ngày 30/9/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Nghị quyết số 55/2013/NQ-HĐND ngày 13/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tăng cường xây dựng và nâng cao chất lượng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020; Nghị quyết số 93/2018/NQ-HĐND, ngày 16/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh, Ca trù, truyện Kiều, Mộc bản trường học phúc Giang và Hoàng Hoa sứ trình đồ, giai đoạn 2018-2025 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 265/2020/NQ-HĐND, ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ

thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND, ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách phát triển văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2023-2025; Nghị quyết số 18-NQ/TU, ngày 22/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng, phát triển văn hóa và con người Hà Tĩnh trong giai đoạn mới...

Thực hiện các chủ trương trên, nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người Hà Tĩnh trong giai đoạn mới được chú trọng, đến nay, công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được chú trọng (Toàn tỉnh hiện có trên 1.800 di tích lịch sử - văn hoá đã được kiểm kê, trong đó có 3 di tích quốc gia đặc biệt (Ngã ba Đồng Lộc là di tích lịch sử quốc gia đặc biệt: Mộ và Khu lưu niệm Lê Hữu Trác, Khu lưu niệm Đại thi hào Nguyễn Du là di tích quốc gia đặc biệt), 93 di tích cấp quốc gia và 598 di tích được xếp hạng cấp tỉnh với đủ các loại hình di tích lịch sử, di tích kiến trúc nghệ thuật, di tích khảo cổ và di tích danh thắng), nhất là các di sản được UNESCO vinh danh như: Ca trù, Dân ca Ví - Giặm Nghệ Tĩnh, Mộc bản trường học Phúc Giang, sách Hoàng Hoa sứ trình đồ; tổ chức thành công các sự kiện chính trị, văn hóa gắn với tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, tiềm năng vùng đất, con người Hà Tĩnh; hoạt động sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật ngày càng phong phú, đi vào chiều sâu; nhiều tác phẩm đạt giải cao trong các cuộc thi, liên hoan, triển lãm của quốc gia, khu vực; đội ngũ văn nghệ sỹ phát triển nhanh cả về số lượng và nâng cao về chất lượng; phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh tạo lan tỏa sâu rộng; Toàn tỉnh hiện có 89,98% gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa; công tác xã hội hóa xây

dựng các thiết chế văn hóa, thể thao đạt kết quả tích cực.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Hà Tĩnh vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế: Đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân nhìn chung chưa phong phú; môi trường văn hóa, nhất là văn hóa nghe, nhìn còn có những biểu hiện thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục; việc bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa hiệu quả chưa cao; cơ chế, chính sách dành cho văn hóa chưa thỏa đáng; chưa đặt đúng vai trò của văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển, đầu tư cho văn hóa còn thấp so với đầu tư cho kinh tế và một số lĩnh vực khác...; quản lý văn hóa một số lĩnh vực còn buông lỏng, nhất là thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; chưa quan tâm đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, công trình phục vụ sinh hoạt cộng đồng cấp tỉnh và ở các khu kinh tế trọng điểm như Bảo tàng, Nhà hát, Khu liên hợp thể thao, Nhà văn hóa thiếu nhi... Thể chất, năng lực, phong cách sống, làm việc của người Hà Tĩnh đã được cải thiện nhưng vẫn còn những đặc tính xấu cố hữu, như tâm lý tự thỏa mãn, thiếu khát vọng vươn lên; chịu khổ nhưng không chịu khó; thiếu kỹ năng lao động, kỹ năng làm việc nhóm; tư tưởng cục bộ địa phương; ý thức tuân thủ pháp luật và tính kỷ luật chưa cao; nặng về ganh đua, đố kỵ, ít chia sẻ và tôn trọng, thừa nhận lẫn nhau...

Đối với Hà Tĩnh, việc xây dựng văn hóa không chỉ bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp, mà còn phải xây dựng, hình thành những giá trị mới, tiên tiến; đóng góp cho sự phát triển nguồn nhân lực; sự phát triển của chính trị - kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường. Việc phát triển văn hóa cần phát huy sức mạnh nội sinh, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; hình thành

“sức mạnh mềm” góp phần xây dựng môi trường hòa bình, hữu nghị giữa các dân tộc, quốc gia, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, độc lập dân tộc vì chủ nghĩa xã hội, nâng cao vị thế, hình ảnh của tỉnh Hà Tĩnh nói riêng, đất nước Việt Nam nói chung trên trường quốc tế.

Để xây dựng nền văn hóa của Hà Tĩnh theo hướng tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển con người Hà Tĩnh toàn diện, thấm nhuần tinh thần dân tộc, dân chủ và nhân văn, trước hết Nhận diện cơ hội và thách thức đang đặt ra với văn hóa, con người Việt Nam nói chung, Hà Tĩnh nói riêng; xác định các vấn đề “nóng”, “bức thiết” đang đặt ra cho phát triển văn hóa; đánh giá các yếu tố tác động đến thể chế, công tác quản lý văn hóa và sự phát triển của văn hóa, con người; nêu ra những bài học kinh nghiệm; đề xuất giải pháp đột phá về thể chế, kiến tạo môi trường thúc đẩy văn hóa, con người phát triển. Bên cạnh đó, cần phát huy thể mạnh, lợi thế địa phương để xây dựng con người, môi trường văn hóa lành mạnh; bảo tồn và phát huy kho tàng di sản văn hóa; tạo động lực phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, kinh tế sáng tạo; các lĩnh vực văn học nghệ thuật phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển không gian văn hóa của tỉnh Hà Tĩnh phù hợp với các đặc trưng vùng miền, dân tộc, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, dân cư, lao động theo hướng công nghiệp hóa, đô thị hóa. Tăng cường liên kết, hợp tác xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ văn hóa có chất lượng ngày càng cao đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của Nhân dân, giảm sự chênh lệch hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền; quảng bá hình ảnh, con người, vùng đất Hà Tĩnh; bảo đảm nội dung xây dựng, phát triển văn hóa thống nhất, đồng bộ với các chiến lược, quy hoạch, đề án phát triển ngành văn hóa của quốc gia, vùng và các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh; phù hợp với

mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh của tỉnh trong giai đoạn trước mắt và lâu dài...

Tiếp tục vận dụng và phát huy giá trị của Đề cương về văn hóa Việt Nam trong xây dựng, phát triển văn hoá, con người Hà Tĩnh, trước hết cần nhận thức sâu sắc và thực hiện đồng bộ những giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức, tạo đồng thuận và quyết tâm trong hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân về vị trí, vai trò của văn hoá và Đề cương về văn hoá Việt Nam. Đây mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội về giá trị lý luận và thực tiễn của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” đối với cách mạng giải phóng dân tộc và công cuộc xây dựng, đổi mới đất nước; mối quan hệ giữa các luận điểm của Đề cương và thành tựu của cách mạng Việt Nam; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa; mục tiêu, định hướng xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền sâu rộng và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng về văn hóa; nội dung về xây dựng, phát triển văn hoá, con người trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và phát biểu chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021; các chủ trương, chính sách phát triển văn hóa, con người Hà Tĩnh theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XIX; tiếp tục

quán triệt sâu sắc quan điểm “văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”; đẩy mạnh tuyên truyền về thành tựu của Đảng bộ và Nhân dân Hà Tĩnh trong hơn 80 năm thực hiện “Đề cương về văn hóa Việt Nam”; vai trò, tầm quan trọng của nhiệm vụ bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, di sản văn hóa Hà Tĩnh và việc vận dụng các giá trị Đề cương vào xây dựng, phát triển văn hóa, con người Hà Tĩnh trong giai đoạn cách mạng mới.

Đẩy mạnh việc thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” giai đoạn 2021 - 2025 đi vào chiều sâu, chất lượng, hiệu quả, thiết thực; tạo chuyển biến tích cực trong xây dựng, phát triển con người Hà Tĩnh toàn diện gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh”; “Thực hành nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội”; “xây dựng làng, khu phố, gia đình văn hóa”. Phát huy vai trò, trách nhiệm của mỗi người dân, mỗi chủ thể văn hóa phối hợp và có giải pháp đồng bộ đấu tranh loại trừ các hủ tục, sản phẩm văn hóa độc hại, trái thuần phong mỹ tục; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết, khát vọng vươn lên, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của mỗi cán bộ, đảng viên, các tầng lớp Nhân dân, để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đây mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư về những giá trị văn hoá và tác dụng của văn hóa đối với việc định hình nền tảng đạo đức, chuẩn mực ứng xử của cộng đồng; nguồn nội lực quan trọng để phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội địa phương.

Thứ hai, chú trọng xây dựng văn hóa trong chính trị; xây dựng văn hoá trong Đảng, các cơ quan Nhà nước và các tổ

chức chính trị - xã hội. Văn hóa là một trong những nội dung quan trọng góp xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng. Vì vậy, để tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, thực sự vì lợi ích của Nhân dân, cần xem việc thực hành văn hóa trong Đảng là một trong những yếu tố quyết định đối với năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng và hiệu lực, hiệu quả vận hành của thống chính trị. Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với việc thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp. Cần phải xem xây dựng, thực hành văn hóa trong Đảng là hạt nhân lãnh đạo xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và xây dựng, phát triển văn hoá, con người Hà Tĩnh.

Tiếp đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, giáo dục lý luận chính trị. Các tổ chức đảng, trước hết là các chi bộ phải thường xuyên chăm lo công tác giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên, nhất là việc học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp cán bộ, đảng viên rèn luyện, trau dồi đạo đức cách mạng, lối sống trong sáng, lành mạnh; tôn trọng đối thoại, phản biện xã hội, khắc phục bệnh giáo điều, máy móc, tăng tính thuyết phục của công tác tư tưởng, giáo dục lý luận chính trị thông qua những thành tựu của quá trình đổi mới đất nước; xây dựng thế giới quan khoa học góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; thực hiện nghiêm nguyên tắc tự phê bình và phê bình, góp phần nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng; tăng cường quản lý, thường xuyên kiểm tra việc chấp hành chủ trương, nghị quyết, chính

sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước của cán bộ, đảng viên.

Xây dựng văn hóa trong tổ chức Đảng, trong các cơ quan Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh gắn với thực hiện các Nghị quyết Trung ương 4 Khóa XI, Khóa XII, Khóa XIII và Kết luận số 21-KL/TW về tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; thực hiện có hiệu quả Kết luận số 01-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Kết luận số 29-KL/TU, ngày 22/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức công vụ trong cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang.

Coi trọng xây dựng văn hóa, đạo đức và lối sống trong sáng, lành mạnh trong cán bộ, công chức, viên chức các cấp trong hệ thống chính trị; xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất đạo đức, tận tụy, liêm chính, có năng lực uy tín để hoàn thành những nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân đã giao phó; hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, gắn bó máu thịt với Nhân dân; có ý thức thượng tôn pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương; tự do cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân. Tiếp tục bổ sung cơ chế, chính sách thu hút, tuyển dụng nhân tài vào làm việc trong hệ thống chính trị; xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay; cụ thể hóa chủ trương của Đảng về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Hoàn thiện các quy chế, quy định thực hành văn hoá nêu gương, văn hoá ứng xử với bản thân, với tổ chức, với đồng chí, với Nhân dân trong đội ngũ cán bộ đảng viên, nhất là đảng viên giữ chức vụ

lãnh đạo, quản lý. Cán bộ, đảng viên phải giữ mối liên hệ mật thiết với Nhân dân. Coi trọng tài năng và sáng kiến cá nhân, kịp thời tổng kết và nhân rộng các điển hình tiên tiến. Khuyến khích cán bộ từ chức khi có khuyết điểm. Ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên; kiên quyết đấu tranh để đưa ra khỏi Đảng những cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức lối sống và xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật Nhà nước; kịp thời thay thế cán bộ bị kỷ luật, cán bộ năng lực hạn chế, uy tín giảm sút; đồng thời, tích cực phát hiện, bồi dưỡng những nhân tố mới để bổ sung lực lượng cho Đảng. Thực hiện bố trí công tác đối với cán bộ sau khi bị kỷ luật, góp phần bảo đảm kỷ cương, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên, Nhân dân đối với Đảng.

Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp. Đổi mới, nâng cao chất lượng việc ban hành nghị quyết, xây dựng và triển khai các chương trình hành động gắn với hình thành và phát triển các chuẩn giá trị văn hóa chính trị trong Đảng và công tác xây dựng Đảng về tư tưởng, đạo đức, tránh hình thức, thành tích; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng vừa đảm bảo để văn hóa, văn học nghệ thuật, báo chí phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa đảm bảo quyền tự do, dân chủ cá nhân trong sáng tạo trên cơ sở phát huy tính tự giác cao với mục đích đúng đắn; khắc phục tình trạng áp đặt, mất dân chủ, hạn chế tự do sáng tạo hoặc buông lỏng sự lãnh đạo.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; xây dựng quy ước, hương ước, các cộng đồng liên

gia tự quản, giữ gìn thuần phong mỹ tục, kết nối tình làng nghĩa xóm, tương thân tương ái, trọng tình nghĩa, tôn trọng pháp luật. Nâng cao chất lượng công tác tổng kết, biểu dương, nhân rộng các phong trào xây dựng văn hóa trong từng gia đình, đoàn thể, từng cộng đồng, địa phương tạo động lực thúc đẩy các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Các cơ quan báo chí tăng cường thông tin tuyên truyền để người dân thường xuyên tiếp cận gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiêu biểu trong đời sống; đồng thời không lan truyền các thông tin sai sự thật, xúc phạm đến uy tín tổ chức, cá nhân, ảnh hưởng xấu đến niềm tin của Nhân dân gây mất trật tự an toàn xã hội.

Thứ ba, giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển văn hóa và phát triển kinh tế, xây dựng văn hoá trong kinh tế góp phần thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững. Nhận thức và giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa; tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước đi, từng chính sách phát triển; hoạt động kinh tế phải hàm chứa tinh thần, giá trị văn hóa, nhân văn, nhân đạo, tất cả vì con người; đẩy mạnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; quá trình công nghiệp hóa, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, đảm bảo sự phát triển kinh tế - xã hội Hà Tĩnh nhanh, bền vững.

Nâng cao nhận thức gắn kết phát triển kinh tế và phát triển văn hóa; gắn kết bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa với phát triển ngành du lịch ở các cấp, các ngành, các địa phương và các tầng lớp nhân dân. Kết hợp chặt chẽ văn hóa với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với văn hóa trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng hệ thống giải pháp đồng bộ, có tầm nhìn gắn kết giữa bảo tồn di sản văn hóa, giá trị văn

hóa truyền thống với kinh tế du lịch - dịch vụ; gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch và dịch vụ văn hóa, đưa du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn; phát triển du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng tạo những trải nghiệm sinh động cho du khách về những nét văn hóa đặc sắc của các cộng đồng, các địa phương; phát triển du lịch để tái đầu tư bảo tồn các di sản văn hóa, góp phần rất quan trọng trong xây dựng phát triển kinh tế bền vững. Bên cạnh đó, cần quan tâm đầu tư xây dựng, triển khai các dự án hỗ trợ, các dự án mẫu, dự án trọng tâm, xác định chuỗi kinh tế từ văn hóa - du lịch - dịch vụ - thương mại. Đẩy mạnh tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển dần sang kinh tế tri thức; chú trọng chất lượng tăng trưởng kinh tế; giảm thiểu tác động tới môi trường, cạn kiệt tài nguyên. Tăng cường các chính sách xã hội, phúc lợi xã hội, thực hiện văn hóa là động lực và là mục tiêu của tăng trưởng kinh tế.

Thứ tư, xây dựng con người để phát triển văn hoá, xây dựng văn hoá để phát triển toàn diện con người Hà Tĩnh. Chăm lo đầu tư xây dựng con người Hà Tĩnh phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống, nhân cách, tâm hồn. Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, xây dựng gia đình thực sự là nơi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách văn hóa và giáo dục nếp sống cho con người. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh.

Tiếp tục đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, toàn diện, có trí tuệ, phẩm chất, thẩm mỹ. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong giáo dục thế hệ trẻ phát triển toàn diện đức - trí - thể - mỹ, ngăn ngừa, ngăn chặn những hành vi lệch chuẩn văn hóa, nhất là ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; vùng đô

thị hóa nhanh, tăng trưởng kinh tế nóng. Khuyến khích thế hệ trẻ sáng tạo các công trình, hoạt động văn hóa nghệ thuật nhiều hơn. Đầu tư nguồn lực, ban hành các cơ chế chính sách, xây dựng kế hoạch phát hiện, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực văn hóa đáp ứng nhu cầu bảo tồn các di sản văn hóa, nhu cầu về đời sống văn hóa và phát triển kinh tế trong bối cảnh mới.

Đánh giá thực trạng và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sự phát triển mạnh mẽ, đa dạng của văn học, nghệ thuật. Có cơ chế khuyến khích văn nghệ sĩ, nghệ nhân phát huy tài năng, năng lực sáng tác, quảng bá văn học, nghệ thuật với ý thức đầy đủ về trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của mình. Đẩy mạnh sáng tác, quảng bá tác phẩm, công trình về đề tài cách mạng, kháng chiến, lịch sử dân tộc, công cuộc đổi mới của Hà Tĩnh. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội Liên hiệp văn học, nghệ thuật nhằm tập hợp, tạo điều kiện để văn nghệ sĩ hoạt động tích cực, hiệu quả. Khuyến khích văn nghệ sĩ sáng tạo các tác phẩm văn học nghệ thuật tiêu biểu có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật, tương xứng với sự nghiệp cách mạng và công cuộc đổi mới của quê hương Hà Tĩnh. Trọng dụng, tôn vinh trí thức, văn nghệ sĩ, nghệ nhân có cống hiến cho công cuộc xây dựng, phát triển quê hương, đất nước. Tìm kiếm, đào tạo, phát triển tài năng, năng khiếu trẻ về văn học nghệ thuật, nghệ nhân dân gian để bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể; hình thành đội ngũ văn nghệ sĩ có khát vọng sáng tạo, cống hiến và có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao.

Quan tâm xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác văn hóa không chỉ về phẩm chất chính trị mà còn phải có trình độ chuyên môn, có tầm nhìn sâu rộng, có khả năng vận động và thuyết

phục các tầng lớp nhân dân tham gia vào công cuộc xây dựng, phát triển văn hóa, ngang tầm với yêu cầu và nhiệm vụ phát triển văn hóa, con người Hà Tĩnh trong giai đoạn mới. Đổi mới chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ văn nghệ sĩ và những người làm công tác văn hóa; sớm khắc phục tình trạng chấp vá, tùy tiện trong bố trí cán bộ làm công tác văn hóa.

Thứ năm, nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch gắn với công tác bảo tồn các di sản, giá trị văn hoá. Chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện quy hoạch không gian văn hóa toàn tỉnh; văn hóa nông thôn, văn hóa đô thị, các vùng ven đô. Phát triển thiết chế văn hóa - thông tin của Nhà nước và xã hội trong một không gian phù hợp. Khuyến khích sáng tạo không gian văn hóa; thẩm định và quản lý hoạt động biểu diễn, triển lãm, xuất bản chuyên nghiệp, nghiệp dư... Xây dựng, hình thành môi trường văn hóa đặc trưng, đa dạng trong thống nhất vùng văn hóa phong phú, hội tụ nhiều giá trị cao đẹp; một môi trường sống an toàn, lành mạnh, hạnh phúc; xây dựng con người Hà Tĩnh kết tinh những phẩm chất tốt đẹp về trí tuệ; phẩm chất đạo đức, lối sống.

Tập trung điều tra toàn diện, nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn và phát huy tốt giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể. Khai thác, huy động nguồn lực cho công tác trùng tu, tôn tạo. Phân đấu 100% di tích lịch sử văn hóa và danh thắng được đầu tư, trùng tu, tôn tạo. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa tiêu biểu, di sản văn hoá Hán - Nôm phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế - xã hội; gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch. Phát huy các di sản được UNESCO công nhận, góp phần quảng bá hình ảnh quê hương, đất nước, vùng đất và con người Hà Tĩnh. Huy động sức mạnh toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, khích lệ sáng tạo ra giá trị văn hóa mới, tiếp

thu tinh hoa văn hóa nhân loại làm giàu văn hóa địa phương. Khơi dậy nhân tố tích cực, giá trị nhân văn trong hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, đồng thời đấu tranh phê phán, ngăn chặn, đẩy lùi biểu hiện tiêu cực, lạc hậu, lợi dụng tôn giáo để hoạt động mê tín, dị đoan.

Thứ sáu, phát huy giá trị, khai thác hiệu quả các thiết chế văn hóa. Đẩy mạnh xây dựng văn hóa công sở, tập trung xây dựng cơ chế, chính sách, đầu tư hạ tầng cơ sở vật chất tạo môi trường thuận lợi cho quá trình đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số, nâng cao hiệu lực hiệu quả trong thực hiện văn hóa công sở. Chú trọng đổi mới, sáng tạo và nâng cao chất lượng, tính kịp thời trong giải quyết các kiến nghị, đề xuất, khiếu nại, tố cáo của công dân; duy trì và làm tốt công tác đối thoại với nhân dân, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp và hiện đại phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp ở Hà Tĩnh.

Phát huy công năng các công trình văn hoá, điểm sinh hoạt cộng đồng. Đa dạng hoá hình thức sinh hoạt, làm mới, hiện đại hoá hoạt động cộng đồng. Đưa các giá trị tích cực vào hương ước làng, xã, nhằm tạo hiệu ứng tích cực trong điều chỉnh các hành vi ứng xử theo chuẩn giá trị cộng đồng theo Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh về Quy định nội dung định hướng xây dựng hương ước, quy ước thôn (bản, tổ dân phố) trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện quy hoạch, hình thành đồng bộ và nâng cao hiệu quả thiết chế văn hóa. Đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng, thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa, các khu vui chơi giải trí, nhà văn hóa cộng đồng, sân vận động, khu liên hiệp Thể dục, thể thao, thư viện, câu lạc bộ nghệ thuật, công viên, trung tâm sinh hoạt cộng đồng ở các xã, phường, thị trấn. Tạo điều kiện để người dân thụ hưởng và sáng tạo

những sản phẩm văn hóa, từ đó nâng cao năng lực, trình độ nhận thức, xây dựng đời sống tinh thần phong phú, tạo động lực hăng say học tập, lao động, sản xuất. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa; nâng cao vai trò chủ thể của người dân trong tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí. Đặc biệt là lựa chọn các loại hình văn hóa truyền thống đặc sắc, làng nghề tiêu biểu, quy hoạch xây dựng các khu, điểm du lịch đa dạng các loại hình du lịch văn hoá, tâm linh, sinh thái, nghỉ dưỡng; đẩy mạnh tuyên truyền các giá trị văn hoá, lịch sử, cách mạng của quê hương Hà Tĩnh.

Thứ bảy, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong bảo tồn, xây dựng và phát triển văn hóa. Xây dựng, hoàn thiện và phát huy mạnh mẽ các kênh thông tin tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về giá trị văn hóa, bản sắc văn hóa con người đóng góp vào sự bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng phát triển văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc của con người Hà Tĩnh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xây dựng, số hóa bản đồ văn hóa, bản đồ các di sản văn hóa Hà Tĩnh; số hóa các dịch vụ du lịch - thương mại đồng bộ với văn hóa để tăng cường năng lực giới thiệu, quảng bá về những giá trị đặc sắc của văn hóa Hà Tĩnh trên không gian mạng. Tăng cường các hoạt động giáo dục, tuyên truyền cập nhật, sáng tác văn học, nghệ thuật về văn hóa trên nền tảng Internet. Khuyến khích người dân sáng tạo và giới thiệu các sản phẩm văn học nghệ thuật trên Internet.

Đa dạng hóa các hình thức đào tạo, nghiên cứu khoa học về văn hóa; đặc biệt là khai thác không gian mạng để trao đổi thông tin, các phát hiện mới về văn hóa; đào tạo các kỹ năng sử dụng môi trường số cho đội ngũ văn nghệ sỹ phát huy năng lực, sở trường. Phát huy các kênh trực tuyến trong

giáo dục, đào tạo tri thức, đạo đức, phẩm cách toàn diện cho con người. Căn cứ nội dung của Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội đã được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, phối hợp trách nhiệm giữa các cơ quan chức năng với các tổ chức, đoàn thể, giữa gia đình và nhà trường, giữa cá nhân với các phong trào mang tính cộng đồng hướng tới xây dựng những giá trị chuẩn mực về ứng xử trên không gian mạng; đóng góp và hiệu quả vào sự phát triển của toàn xã hội; góp phần xây dựng hành vi ứng xử; giáo dục ý thức, tạo thói quen tích cực, chuẩn mực đạo đức của người dùng trên mạng xã hội.

Thứ tám, gắn kết nhiệm vụ xây dựng, phát triển văn hóa, con người với bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong xu thế mới. Lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu các giá trị văn hóa quân sự độc đáo của dân tộc và của nhân dân Hà Tĩnh qua các thời kỳ dựng nước, giữ nước để tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chiến lược, chiến thuật, nghệ thuật quân sự thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Giáo dục, trang bị cho lực lượng vũ trang về các giá trị truyền thống “ngụ binh ư nông”, “lấy nhỏ thắng lớn” “lấy đại nghĩa thắng hung tàn”, “quân với dân như cá với nước”; hình thành, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh; xây dựng các thiết chế văn hóa quốc phòng - an ninh nhằm đảm bảo văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần vững chắc trong lực lượng vũ trang.

Thứ chín, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về văn hóa. Đẩy mạnh thể chế hóa quan điểm của Đảng về văn hóa; tập trung sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, chương trình, kế hoạch về văn hóa đồng bộ dựa trên các quy định về quyền văn hóa và các quyền

liên quan phù hợp với chuẩn mực quốc tế, thực tiễn Việt Nam và địa phương Hà Tĩnh. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về văn hóa; các sở, ngành, địa phương chủ động lồng ghép các quan điểm, chủ trương, cơ chế, chính sách về văn hóa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cụ thể hóa cho từng ngành, từng lĩnh vực, trong các đề án, chương trình, kế hoạch phát triển của mỗi địa phương để góp phần phát triển văn hóa, con người Hà Tĩnh, là chỉ tiêu quan trọng trong các chỉ tiêu đánh giá phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Đầu tư xây dựng nâng cao năng lực tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ văn hóa; về cơ sở vật chất và trang thiết bị kỹ thuật công nghệ cao, hiện đại bảo đảm triển khai có hiệu quả các biện pháp quản lý văn hóa theo pháp luật. Tăng cường đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, nhận thức, kỹ năng về ngành du lịch - dịch vụ cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý và người lao động, người dân trên địa bàn.

Phân định rõ vai trò, trách nhiệm và quyền lợi giữa Nhà nước và cộng đồng trong quản lý, khai thác, bảo vệ di sản. Xây dựng cơ chế phân cấp, phân quyền theo nguyên tắc các cơ quan quản lý nhà nước chỉ tập trung xây dựng hoàn thiện thể chế, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật về văn hóa. Cần đảm bảo các hoạt động văn hóa, kinh tế có tính lâu dài tới tất cả những người được hưởng lợi từ di sản làm động lực tự nguyện, tự giác bảo vệ, phát huy di sản văn hóa.

Thực hiện nghiêm các quy phạm pháp luật về văn hóa; ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi vi phạm trong lĩnh vực văn hóa, việc lan truyền thông tin xấu, độc, sai sự thật, hành vi vi phạm, trục lợi từ văn hóa. Tăng cường thanh tra về quản lý văn hóa, xã hội. Nâng cao chất lượng giám sát, phản biện xã hội trong tổ chức thực hiện và quản lý văn hóa. Rà soát, ban hành, thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách của tỉnh và các địa phương về phát triển văn hóa, con người trong điều kiện kinh tế thị trường, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế./.

TẠO XUNG LỰC...

(Tiếp theo trang 8)

phát triển và trọng dụng nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong toàn xã hội, việc ứng dụng khoa học, công nghệ trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị, hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên mọi lĩnh vực, đảm bảo quốc phòng và an ninh. Đẩy mạnh khởi nghiệp và có cơ chế đề thúc đẩy các doanh nghiệp trong các thành phần kinh tế tham gia vào lĩnh vực hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cùng với việc phổ cập và “xóa mù số”. Tăng cường hợp tác quốc tế, đón đầu sự phát triển về khoa học, công nghệ của thế giới về chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, vi mạch bán dẫn, công nghệ tái tạo, công nghệ hạt nhân... để đưa Việt Nam phát triển nhanh và hòa nhập cùng với các cường quốc có nền công nghiệp, công nghệ và kinh tế số hiện đại.

Trước diễn biến nhanh chóng của tình hình thế giới và sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 cần nhận biết và định vị được mình đang đứng ở đâu để sáng suốt và chủ động đón đầu và nắm bắt thời cơ đưa đất nước thực sự vươn mình, đột phá tạo nên xung lực mới về cuộc cách mạng phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số của nhân loại, phấn đấu để đưa Việt Nam bước vào đội ngũ những nước có nền khoa học công nghệ tiên tiến của thế giới./.

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH

❄ ThS. TRẦN ÁNH DƯƠNG

Phó Hiệu trưởng

Tóm tắt: Kinh tế tư nhân ngày càng khẳng định vai trò là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tại Hà Tĩnh. Những năm gần đây, số lượng doanh nghiệp tư nhân thành lập mới liên tục tăng, nhiều doanh nghiệp đã chủ động đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất, tham gia vào các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao. Tuy nhiên, khu vực kinh tế này vẫn còn nhiều hạn chế. Trong thời gian tới, để phát triển bền vững kinh tế tư nhân tại Hà Tĩnh cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp để tạo điều kiện cho doanh nghiệp lớn mạnh, vươn ra thị trường trong nước và quốc tế.

Kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đóng vai trò then chốt trong việc tạo động lực phát triển kinh tế, tăng trưởng GDP, giải quyết việc làm và thu hút đầu tư xã hội. Thực tiễn phát triển kinh tế đất nước thời gian qua cho thấy khu vực kinh tế tư nhân ngày càng khẳng định vai trò và vị thế của mình trong nền kinh tế quốc dân.

Kinh tế tư nhân là khu vực kinh tế gồm các chủ thể kinh doanh thuộc sở hữu tư nhân, hoạt động theo cơ chế thị trường, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động. Bao gồm hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần không có vốn nhà nước chi phối...

Nhằm tiếp tục khơi dậy tiềm năng to lớn của khu vực này, ngày 04/5/2025,

Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, với định hướng “kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia; là lực lượng tiên phong trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”. Việc triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW tại Hà Tĩnh có ý nghĩa thiết thực trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương theo hướng nhanh, bền vững, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế sẵn có.

Trong thời gian qua, phát triển kinh tế tư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đạt được những kết quả: Số lượng doanh nghiệp tư nhân tăng nhanh: Tính đến hết năm 2024, toàn tỉnh có 9.825 doanh nghiệp, trong đó 98,3% là doanh nghiệp tư nhân. Mỗi năm, Hà Tĩnh thu hút trung bình 850 doanh nghiệp mới đăng ký thành lập. Theo Cục Thống kê Hà Tĩnh, năm 2024, khu vực

kinh tế tư nhân đóng góp khoảng 59,7% GRDP toàn tỉnh, đóng vai trò dẫn dắt ở các lĩnh vực xây dựng (chiếm 75% giá trị toàn ngành), thương mại (65%) và dịch vụ (60%). kinh tế tư nhân tạo việc làm ổn định cho hơn 182.000 lao động (chiếm khoảng 68% tổng số lao động toàn tỉnh). Mức thu nhập bình quân đạt 6,5 triệu đồng/tháng, góp phần cải thiện đời sống và an sinh xã hội. Năm 2024, khu vực tư nhân đóng góp khoảng 3.250 tỷ đồng vào ngân sách tỉnh, chiếm hơn 40% tổng thu nội địa. Một số doanh nghiệp tư nhân lớn như: Tập đoàn Hoàn Sơn, Tập đoàn An Phát... không chỉ tạo ra giá trị kinh tế lớn mà còn có tác động lan tỏa đến cộng đồng doanh nghiệp nhỏ hơn. Ngoài ra, khu vực kinh tế tư nhân còn tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội, từ thiện, đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, góp phần vào công cuộc xây dựng nông thôn mới. Trong những năm gần đây, nhiều doanh nghiệp tư nhân đã mạnh dạn đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao, logistics, du lịch sinh thái, giáo dục - đào tạo, cho thấy xu hướng chuyển dịch sang các ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao đang diễn ra ngày càng rõ nét.

Bên cạnh những kết quả tích cực nêu trên, việc phát triển kinh tế tư nhân ở Hà Tĩnh trong thời gian vừa qua cũng còn có những hạn chế nhất định: Hơn 86% doanh nghiệp tư nhân thuộc loại hình nhỏ và siêu nhỏ, thường xuyên thiếu vốn, công nghệ, nhân lực chất lượng cao. Chỉ có khoảng 23% doanh nghiệp tiếp cận được vốn vay từ ngân hàng. Tỷ lệ doanh nghiệp có chiến lược R&D (nghiên cứu và phát triển) hoặc đầu tư cho đổi mới công nghệ chỉ đạt 8%. Theo khảo sát năm 2023 của Sở Kế

hoạch & Đầu tư, có tới 65% doanh nghiệp phản ánh còn gặp khó khăn khi tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất do thủ tục kéo dài và thiếu quỹ đất sạch. Lao động qua đào tạo đạt khoảng 62%, nhưng tỷ lệ lao động có kỹ năng cao còn thấp (dưới 25%), chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa và chuyển đổi số. Liên kết sản xuất, kinh doanh giữa các doanh nghiệp tư nhân và các thành phần kinh tế khác còn yếu, thiếu chuỗi giá trị ổn định. Mức độ tham gia vào các chuỗi cung ứng toàn cầu, chuỗi sản xuất liên kết vùng còn rất thấp. Sự hỗ trợ của các hiệp hội doanh nghiệp trong việc kết nối thị trường, xúc tiến thương mại, đào tạo và bảo vệ quyền lợi hội viên còn hạn chế.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên là do một số cơ chế, chính sách còn chưa sát với thực tiễn địa phương; việc tổ chức thực hiện còn chậm, thiếu đồng bộ; nguồn lực đầu tư cho phát triển doanh nghiệp tư nhân còn dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm; công tác cải cách hành chính tuy có chuyển biến nhưng chưa đáp ứng kỳ vọng của doanh nghiệp; văn hóa khởi nghiệp và tinh thần đổi mới sáng tạo trong cộng đồng doanh nhân còn yếu; thiếu đội ngũ chuyên gia, tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp phát triển bền vững; chưa có cơ chế minh bạch, hiệu quả để giám sát và đánh giá việc triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân.

Từ thực tiễn phát triển kinh tế tư nhân ở Hà Tĩnh trong thời gian vừa qua, bước đầu có thể đúc kết một số kinh nghiệm: Cần sự vào cuộc quyết liệt, đồng bộ của cả hệ thống chính trị trong phát triển kinh tế tư nhân; doanh nghiệp tư nhân phải chủ động nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi

mới mô hình sản xuất, kinh doanh; phát triển kinh tế tư nhân cần gắn với chiến lược phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội; phải coi phát triển doanh nghiệp là nhiệm vụ trung tâm trong các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh, xã/phường.

Để phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh trong giai đoạn 2025 - 2030, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau đây:

Thứ nhất: Hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Tiếp tục rà soát, sửa đổi các chính sách, quy định chưa phù hợp, xây dựng khung pháp lý thông thoáng, ổn định, minh bạch để doanh nghiệp yên tâm đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước để giảm chi phí tuân thủ và rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục.

Thứ hai: Hỗ trợ tiếp cận vốn. Xây dựng cơ chế tín dụng linh hoạt, đa dạng hóa kênh dẫn vốn như phát hành trái phiếu doanh nghiệp, gọi vốn cộng đồng, quỹ đầu tư khởi nghiệp. Tăng cường vai trò của ngân hàng chính sách xã hội trong hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ. Thực hiện tốt quỹ bảo lãnh tín dụng cấp tỉnh để bảo lãnh cho doanh nghiệp tiếp cận vốn ngân hàng.

Thứ ba: Phát triển nguồn nhân lực. Mở rộng hệ thống đào tạo nghề gắn với nhu cầu doanh nghiệp; liên kết giữa doanh nghiệp và cơ sở giáo dục để đào tạo theo địa chỉ, theo đơn đặt hàng; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao trình độ quản lý, kỹ năng số, ngoại ngữ cho người lao động. Khuyến khích doanh nghiệp chủ động đào tạo nội bộ, tổ chức các lớp học ngắn hạn tại chỗ.

Thứ tư: Hỗ trợ chuyển đổi số và đổi mới công nghệ. Có cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số, tự động hóa, chuyển đổi xanh và tiết kiệm năng lượng. Hỗ trợ xây dựng nền tảng quản trị số, hệ thống kế toán - tài chính điện tử, quản lý quan hệ khách hàng (CRM), hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP). Tổ chức đào tạo chuyên sâu về công nghệ mới như: Trí tuệ nhân tạo (AI), internet kết nối vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), chuỗi khối (Blockchain)... cho cán bộ quản lý doanh nghiệp.

Thứ năm: Tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ, hội thảo, kết nối cung cầu trong và ngoài nước. Phát triển thương mại điện tử và các kênh phân phối hiện đại. Thiết lập các văn phòng xúc tiến thương mại tại một số địa phương trọng điểm như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng để quảng bá sản phẩm Hà Tĩnh. Tổ chức các đoàn doanh nghiệp ra nước ngoài tìm hiểu thị trường xuất khẩu tiềm năng.

Thứ sáu: Phát triển các ngành có giá trị gia tăng cao. Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân đầu tư vào công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp công nghệ cao, logistics, giáo dục, y tế, du lịch sinh thái, dịch vụ số. Ưu tiên bố trí quỹ đất tại các khu, cụm công nghiệp để phát triển các ngành này; hỗ trợ chi phí nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm mới.

Thứ bảy: Nâng cao năng lực quản trị và xây dựng thương hiệu. Hỗ trợ đào tạo, tư vấn về quản trị hiện đại, quản trị rủi ro, pháp lý, tài chính. Khuyến khích doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm đạt chuẩn quốc tế.

Tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận các chương trình hỗ trợ bảo hộ sở hữu trí tuệ, đăng ký nhãn hiệu trong và ngoài nước.

Thứ tám: Tăng cường liên kết vùng và chuỗi giá trị. Hình thành các cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nông sản, thủy sản, dệt may, vật liệu xây dựng. Thúc đẩy hợp tác công - tư; kết nối doanh nghiệp địa phương với các doanh nghiệp lớn trong nước và nước ngoài để tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Xây dựng cơ chế khuyến khích doanh nghiệp «đầu tàu» dẫn dắt liên kết vùng.

Thứ chín: Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi xanh và tiết kiệm năng lượng. Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng mô hình sản xuất sạch hơn, tuần hoàn, phát triển năng lượng tái tạo. Hỗ trợ doanh nghiệp đánh giá mức độ phát thải, xây dựng lộ trình giảm phát thải phù hợp. Ưu tiên tiếp cận vốn xanh, các quỹ khí hậu, quỹ phát triển bền vững để đổi mới công nghệ và thiết bị tiết kiệm năng lượng.

Thứ mười: Nâng cao vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp. Hỗ trợ tổ chức hội thảo, tập huấn, cung cấp thông tin thị trường, pháp lý, giúp doanh nghiệp hội viên nâng cao năng lực cạnh tranh. Tăng cường vai trò phản biện, đề xuất chính sách, là cầu nối giữa doanh nghiệp với chính quyền. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của hiệp hội để tăng tính hiệu quả và kịp thời.

Tóm lại: Phát triển kinh tế tư nhân theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW là chủ trương chiến lược đúng đắn nhằm khai thác tối đa nguồn lực xã hội và thúc đẩy động lực tăng trưởng mới. Với lợi thế sẵn có, nếu được hỗ trợ đúng mức, khu vực kinh tế tư nhân Hà Tĩnh hoàn toàn có

thể trở thành lực lượng tiên phong dẫn dắt kinh tế địa phương. Việc thực hiện thành công các giải pháp sẽ tạo tiền đề để Hà Tĩnh hiện thực hóa mục tiêu trở thành tỉnh khá khu vực Bắc Trung Bộ, hội nhập mạnh mẽ vào nền kinh tế quốc gia và khu vực, vì sự thịnh vượng chung./.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Chính trị (2025). *Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*. Văn phòng Trung ương Đảng.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội XIII của Đảng*, Tập I, II. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2021). *Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế*.
4. Tổng cục Thống kê (2024-2025). *Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024*; Thống kê số lượng doanh nghiệp tư nhân và đóng góp vào GDP.
5. Tỉnh ủy Hà Tĩnh (2025). *Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh*.
6. Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh (2024). *Báo cáo tổng kết 10 năm phát triển khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh (2013–2023)*.

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN “CẦN, KIỆM, LIÊM, CHÍNH, CHÍ CÔNG VÔ TƯ” TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC

✧ ThS. TRẦN THỊ QUỲNH NGÀ

Trưởng khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Trong bối cảnh đất nước đang bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vườn mình của dân tộc, việc xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” có vai trò quan trọng trong việc xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Kỷ nguyên phát triển mới của đất nước đòi hỏi mỗi cán bộ đảng viên phải xác định việc rèn luyện, tu dưỡng và thực hành “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” như một yêu cầu, nguyên tắc đạo đức bắt buộc phải thực hiện thường xuyên.

Cần, kiệm, liêm chính, chí công, vô tư là những phẩm chất đạo đức căn bản của người cách mạng, là yêu cầu tất yếu mà mỗi cán bộ, đảng viên phải xây dựng và thường xuyên rèn luyện để xứng đáng là “người đầy tớ trung thành của nhân dân”. Đồng thời, đó cũng là một trong những tiêu chuẩn để phân loại, đánh giá quá trình phấn đấu của mỗi người trong công tác và sinh hoạt đời thường. Trong tình hình hiện nay, uy tín của Đảng phụ thuộc rất lớn vào việc xây dựng, rèn luyện và thực hành đạo đức cách mạng, mà trên hết, trước hết là đức “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Vì vậy, mỗi cán bộ đảng viên phải xác định việc rèn luyện, tu dưỡng và thực hành “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” như một yêu cầu, nguyên tắc đạo đức bắt buộc phải thực hiện thường xuyên.

Để tăng cường công tác giáo dục cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư cho cán bộ, đảng viên, góp phần nâng cao hiệu quả công tác xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên vườn mình của dân tộc, ngày 09/5/2024, Bộ Chính trị ban hành Quy định số 144-QĐ/TW, quy định chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên giai đoạn mới; ngày 16/01/2025, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 42-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Bên cạnh việc tiếp tục kế thừa nội hàm các định nghĩa “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” theo tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất phát từ tình hình thực tiễn và đòi hỏi của công tác cán bộ trong tình hình mới, Đảng ta đã cập nhật, mở rộng từng khái niệm với cách giải

thích rõ ràng, có tính định lượng, giúp mỗi cán bộ, đảng viên dễ dàng soi chiếu để thực hiện, gắn với mục tiêu góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc; đồng thời Nhân dân cũng có thể hiểu để giám sát việc thực hiện quy định của Đảng của mỗi cán bộ, đảng viên.

Thời gian qua, công tác giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên được Đảng, Nhà nước, các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đã đạt được kết quả quan trọng. Các chuẩn mực đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư từng bước được cụ thể hóa thành quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử, văn hóa công sở. Nội dung thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được lồng ghép vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị ở các trường chính trị, trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ từ Trung ương đến địa phương và được tích hợp vào một số môn học ở các cơ sở giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân. Các cơ quan báo chí, truyền thông, văn hóa, văn học - nghệ thuật đã có nhiều hoạt động, tuyên truyền, sáng tác, biểu diễn, công bố, giới thiệu các tác phẩm có nội dung về giáo dục đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nhờ đó, đạo đức cách mạng nói chung, các phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư nói riêng của cán bộ, đảng viên được nâng lên, góp phần quan trọng vào việc phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tuy nhiên, trong điều kiện tác động của cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế, bên cạnh những tấm gương “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, vẫn có không ít cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, thiếu trách nhiệm trước nhiệm vụ, chức trách được giao; sa vào

quan liêu, tham nhũng, lãng phí, cục bộ, bè phái, chạy chức, chạy quyền, vi phạm kỷ luật đảng, thậm chí có những trường hợp vi phạm pháp luật phải xử lý hình sự. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đánh giá: “Một bộ phận cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, ngại khó, ngại khổ, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”⁽¹⁾. Chính vì lẽ đó, Đảng ta đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng đạo đức của cán bộ, đảng viên: “Tập trung xây dựng Đảng về đạo đức, tích cực đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ gắn với đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phát huy thật tốt trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên theo phương châm chức vụ càng cao càng phải gương mẫu”⁽²⁾; có cơ chế, chính sách bảo vệ những “cán bộ, đảng viên có ý chí chiến đấu cao, gương mẫu thực hiện nguyên tắc của Đảng và pháp luật của Nhà nước, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách và quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung”⁽³⁾.

Bên cạnh đó, nhận thức về vai trò, tầm quan trọng, tính cấp thiết của việc giáo dục cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư của không ít cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên chưa thực sự đầy đủ và đúng mức. Công tác giáo dục đạo đức cách mạng, nhất là giáo dục liêm chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chưa trở thành nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của nhiều cấp ủy, tổ chức đảng. Nội dung, phương pháp, hình thức và đối tượng giáo dục còn nhiều bất cập; chưa hình thành ý thức tự giác học

tập, rèn luyện, thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong cán bộ, đảng viên; các giá trị liêm chính, tiết kiệm chưa được xã hội đề cao. Đất nước ta đang bước vào thời kỳ phát triển mới với nhiều thời cơ, vận hội lớn, nhưng cũng nhiều khó khăn, thách thức. Do đó, hơn bao giờ hết, công tác cán bộ phải được quan tâm, chú trọng, đặc biệt là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”. Chỉ khi làm tốt công tác cán bộ thì mục tiêu bước vào kỷ nguyên mới mới được hiện thực hóa.

Kỷ nguyên mới là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu; mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho sự hòa bình, ổn định, phát triển của thế giới, hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu. Ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên mới là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao; khơi dậy mạnh mẽ hào khí dân tộc, tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Do đó, để tăng cường công tác giáo dục cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư cho cán bộ, đảng viên nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên

mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong thời gian tới, các cấp ủy, tổ chức đảng cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, người đứng đầu đối với giáo dục liêm chính cho cán bộ, đảng viên. Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp phải coi công tác giáo dục cần, kiệm, liêm, chính là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên và lâu dài của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Triển khai thực hiện nghiêm túc, chất lượng, hiệu quả việc học tập, nghiên cứu các chỉ thị, nghị quyết, kết luận, các văn bản, chủ trương của Đảng, Nhà nước về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; xây dựng chương trình, kế hoạch hành động phù hợp với thực tiễn địa phương, đơn vị để tổ chức thực hiện. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phòng ngừa, phát hiện, xử lý các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, tiêu cực và các hành vi bao che, dung túng, cản trở công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ việc, vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm. Tăng cường giáo dục liêm chính cho cán bộ, đảng viên gắn với tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII, XIII; Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; Quy định số 114-QĐ/TW, ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ; Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị quy định

chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên giai đoạn mới; Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư gắn với đẩy mạnh việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và thực hiện các quy định về những điều đảng viên không được làm, về trách nhiệm nêu gương.

Hai là, cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ chủ chốt, cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp, phải nêu gương về học tập và thực hành các chuẩn mực đạo đức cách mạng trong giai đoạn mới, nhất là về cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư: Tâm huyết, trách nhiệm, miễn cưỡng, tận tụy với công việc được giao; tiết kiệm, không xa hoa, lãng phí; giữ mình trong sạch, không tham nhũng, tiêu cực, không gây phiền hà, sách nhiễu; trung thực, ngay thẳng, công tâm, khách quan; nghiêm túc, gương mẫu chấp hành quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy tắc ứng xử, đạo đức công vụ, nghề nghiệp; thấy đúng phải bảo vệ, thấy sai phải đấu tranh; thực hiện nghiêm Điều lệ Đảng, kỷ luật Đảng, quy định về những điều đảng viên không được làm và những quy định về nêu gương; trọng liêm sỉ, danh dự, chủ động nhận trách nhiệm khi bản thân và người thân tham nhũng, tiêu cực; tích cực tự phê bình và phê bình, chống chủ nghĩa cá nhân, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì sự phát triển của đất nước, vì hạnh phúc của Nhân dân; thường xuyên thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư mọi lúc, mọi nơi, trong công việc và đời sống hằng ngày.

Ba là, tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định, quy chế của cơ quan,

tổ chức, đơn vị và hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư về giáo dục và thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, xây dựng văn hóa liêm chính, tiết kiệm, không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực để thực hiện trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị và hệ thống chính trị. Bổ sung, hoàn thiện và đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, đặc biệt chú trọng công tác giáo dục liêm chính hướng tới xây dựng xã hội liêm chính, quốc gia liêm chính với lộ trình phù hợp, góp phần xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam. Thực hiện giáo dục cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư cho cả khu vực công và khu vực tư với nội dung và phạm vi phù hợp; đề cao vai trò tự giáo dục, tu dưỡng, rèn luyện; kết hợp chặt chẽ giữa gia đình, cơ sở giáo dục - đào tạo, cơ quan, tổ chức, cộng đồng trong giáo dục và thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Tăng cường giáo dục cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư cho thế hệ trẻ. Kế thừa, phát huy những hình thức, phương pháp giáo dục đạo đức có hiệu quả trong truyền thống lịch sử văn hóa dân tộc. Tăng cường hợp tác quốc tế, tiếp thu kinh nghiệm hay về giáo dục cần, kiệm, liêm, chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí của các nước, bảo đảm phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Bốn là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, qua đó kịp thời phát hiện những sai phạm và xử lý theo quy định của pháp luật đối với những cán bộ không đủ năng lực, uy tín, phẩm chất đạo đức, lối sống, không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao, gây mất đoàn kết nội bộ, gây bức xúc ở cấp dưới và Nhân dân. Quán triệt và thực hiện quan điểm của Đảng tại Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung

ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới: “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực. Nghiên cứu thành lập các thiết chế mới về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; ban hành các quy định về kiểm soát quyền lực để phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; trong công tác xây dựng pháp luật và quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công. Hình thành cơ chế phòng ngừa chặt chẽ để không thể tham nhũng, tiêu cực; phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi tham nhũng, tiêu cực để không dám tham nhũng, tiêu cực; đẩy mạnh cải cách chính sách tiền lương, nâng cao đời sống của cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng văn hóa liêm chính, tiết kiệm để không cần, không muốn tham nhũng, tiêu cực”.

Năm là, nâng tầm liêm chính lên thành “văn hóa liêm chính” trong mọi mặt của đời sống xã hội. Cần xem việc xây dựng văn hóa liêm chính là một bộ phận quan trọng của văn hóa chính trị và là bộ phận không thể thiếu của văn hóa xã hội trong thời kỳ mới. Văn hóa liêm chính cần được triển khai trên mọi phương diện, ở nhiều cấp độ, trong mọi tầng lớp nhân dân, nhằm xây dựng nên “tuyên phòng thủ” đạo đức chống lại tham nhũng, lãng phí và tiêu cực; thiết lập quy tắc ứng xử tôn vinh đạo đức trong sáng, đồng thời tạo ra một hệ sinh thái chính trị và xã hội văn minh, tiến bộ. Văn hóa chính trị cần được hướng dẫn bởi lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, dựa trên nền tảng văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, lấy văn hóa xã hội chủ nghĩa tiên tiến làm chủ đạo và thể hiện đầy đủ tính đảng, tính nhân dân. Một mặt, cần giữ gìn phẩm chất

chính trị trong sạch, bản lĩnh chính trị vững vàng, phát triển văn hóa chính trị tích cực, lành mạnh, liêm chính; mặt khác, cần tăng cường đẩy mạnh xây dựng văn hóa liêm chính trong mọi tầng lớp xã hội, không chỉ tập trung vào đội ngũ cán bộ, đảng viên. Chỉ khi có sự tương tác và chung tay trong xây dựng văn hóa xã hội liêm chính và văn hóa chính trị liêm chính thì mới có thể thúc đẩy tâm lý không khoan nhượng, “không có vùng cấm” của xã hội đối với các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Sáu là, tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước, đào tạo và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ. Nhà nước phải thể hiện và thực hiện trên thực tế quyền lực của Nhân dân, chịu sự kiểm tra, giám sát của Nhân dân; thực hiện dân chủ hóa, công khai hóa sự quản lý của Nhà nước. Hoàn thiện bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm phải đi sâu, đi sát thực tế, gắn bó với quần chúng, thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân theo đúng tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2018, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả./.

Chú thích:

(1), (2), (3). Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 92, 41, 42.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ THEO MÔ HÌNH TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP

✧ ThS. NGUYỄN XUÂN BÉ

Trưởng Phòng QLĐT và NCKH

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi mô hình vận hành chính quyền địa phương từ 03 cấp sang 02 cấp ở Việt Nam, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức thực thi công vụ trong mô hình mới là nhân tố quyết định đến hiệu quả, hiệu lực của mô hình này. Trong các khâu của công tác cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng cần được xác định là nhiệm vụ cấp thiết, cấp bách trong giai đoạn chuyển đổi mô hình. Trong đó cần tập trung xác định nội dung trọng tâm, đối tượng đào tạo, bồi dưỡng gắn với chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, vị trí việc làm và chức danh đội ngũ cán bộ, công chức trong toàn bộ hệ thống.

Xây dựng và vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong giai đoạn hiện nay là một chủ trương đúng đắn, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và mục tiêu phát huy quyền làm chủ của nhân dân; góp phần cắt giảm các tầng nấc trung gian trong thực thi quyền lực của Nhân dân, đưa chính quyền đến gần dân và phục vụ Nhân dân tốt hơn. Để thực hiện chủ trương sắp xếp tinh gọn bộ máy và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, đào tạo, bồi dưỡng được xem là một trong những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng nhằm góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; là “công việc gốc” quyết định đến năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị ở cơ sở. Thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, việc tinh gọn tổ chức bộ máy, phân cấp quản lý, chuyển giao

thẩm quyền cho cấp dưới nhằm tăng tính chủ động, linh hoạt, sát dân hơn. Theo đó, cấp tỉnh là đầu mối tổ chức thực hiện các chủ trương lớn của Trung ương, đồng thời là cấp quản lý tổng hợp, điều hành các lĩnh vực phát triển của địa phương; cấp xã là cấp trực tiếp thực hiện công tác hành chính, an sinh xã hội và các chính sách của Đảng, Nhà nước.

Như vậy, để vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, yêu cầu đặt ra đối với chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cao hơn rất nhiều so với mô hình cũ, nhất là cán bộ, công chức cấp xã. Cấp xã hiện nay không phải là “cánh tay nối dài” của cấp huyện mà là một cấp thực thi quyền lực trực tiếp, quyết định nhiều vấn đề liên quan đến người dân. Vì vậy, cán bộ, công chức cấp xã sẽ cần phải nâng cao năng lực, phẩm chất, kỹ năng, khả năng chịu áp lực để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Bên cạnh đó, đối với đội ngũ cán bộ cấp tỉnh, vì không còn chính quyền cấp huyện, đòi hỏi

đội ngũ này phải nâng cao chất lượng tham mưu, triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách lớn một cách kịp thời toàn diện đến tận hệ thống chính quyền cấp xã. Vì vậy, cán bộ, công chức cấp tỉnh cũng cần phải nâng cao năng lực tư duy chiến lược, tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực và phương pháp linh hoạt, sáng tạo, kết nối kịp thời không để gián đoạn trong quá trình thực thi chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh đến cấp xã.

Thực tế trên đang đặt ra những yêu cầu mới đối với kiến thức, kỹ năng, phẩm chất của đội ngũ cán bộ, công chức cấp tỉnh và cấp xã, cụ thể:

Về kiến thức: Cán bộ, công chức phải nắm vững pháp luật, chính sách công, hiểu biết sâu về các lĩnh vực chuyên môn phụ trách. Có khả năng kết nối chính sách liên thông giữa cấp tỉnh và cấp xã phù hợp với thực tiễn của từng địa phương, đơn vị, ngành, lĩnh vực.

Về kỹ năng: Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, kỹ năng giao tiếp, quản trị sự thay đổi, xử lý tình huống, tổ chức thực hiện nhiệm vụ; kỹ năng trong khai thác, ứng dụng tối đa thành tựu khoa học công nghệ và chuyển đổi số; có tư duy phản biện, độc lập, đổi mới, sáng tạo, thích ứng linh hoạt trong môi trường số trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc hiệu quả, thực chất.

Về phẩm chất: Thật sự tâm huyết, trách nhiệm, tận tụy, gương mẫu, đặt lợi ích của Nhân dân lên trên hết, trước hết; dám đương đầu với khó khăn, thử thách và những khó khăn bất cập trong giai đoạn đầu vận hành mô hình mới; luôn bám sát nhu cầu và sự kỳ vọng của Nhân dân để phát huy tối đa trách nhiệm, trí tuệ với phương châm lắng nghe, tiếp nhận, hành động.

Bên cạnh những yêu cầu mới đối với kiến thức, kỹ năng, phẩm chất của đội ngũ cán bộ, công chức, đặc điểm của mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp cũng đặt ra những yêu cầu mới đối với

công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, cụ thể:

Về đặc điểm nhiệm vụ của cán bộ: Trong mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, việc phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền giữa cấp tỉnh và cấp xã được đẩy mạnh với rất nhiều nội dung, lĩnh vực quan trọng⁽¹⁾. Do không còn cấp huyện, đội ngũ cán bộ cấp xã ngoài năng lực thực thi trong điều kiện khối lượng công việc lớn, thẩm quyền cao hơn, thì nhiều nội dung trước đây thuộc về cấp huyện nay sẽ do cấp xã trực tiếp giải quyết với tinh thần nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả thực chất. Mặt khác, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp cần có năng lực tích hợp, đầu nối liên thông kịp thời việc thực hiện các chủ trương, chính sách từ xã lên tỉnh. Chính đặc điểm này, đặt ra cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong thời gian tới phải vừa cung cấp kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ để đảm bảo thực thi có hiệu quả các chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền cấp xã, vừa giúp cán bộ có năng lực kết nối triển khai kịp thời các nội dung liên quan đến thẩm quyền cấp tỉnh.

Về mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng: Trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, chương trình cần phải linh hoạt hơn, gắn với năng lực thực thi đa nhiệm, xử lý tình huống thực tế của đội ngũ cán bộ. Cán bộ cần thích nghi linh hoạt giữa nhiều cấp, nhiều lĩnh vực, vì vậy cần được tăng cường kỹ năng phối hợp liên cấp giữa cấp xã với cấp tỉnh. Đối với mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng, nếu mô hình đào tạo, bồi dưỡng trước đây nhằm đáp ứng yêu cầu công việc theo từng cấp hành chính cụ thể, thì trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp hiện nay, công tác đào tạo, bồi dưỡng cần phải hướng xây dựng đội ngũ cán bộ có khả năng đảm nhiệm công việc trong bối cảnh phân cấp, phân quyền mạnh, giảm tầng nấc trung gian.

Về chủ thể thiết kế nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng: Trong mô hình truyền thống trước đây, nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng chủ yếu do các cơ quan nội vụ, các học viện tổ chức xây dựng theo kế hoạch và áp dụng chung cho nhiều đối tượng ở nhiều cấp khác nhau. Tuy nhiên hiện nay, trước yêu cầu đặt ra, nội dung chương trình, đối tượng tham gia đào tạo bồi dưỡng phải xuất phát từ thực tiễn của mỗi cấp chính quyền và gắn với vị trí việc làm, chức danh đội ngũ cán bộ, công chức, do cấp ủy, chính quyền mỗi cấp đề xuất các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thiết kế xây dựng module chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

Về nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng: Trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, phải căn cứ vào vị trí việc làm gắn với công tác sử dụng, quản lý công chức phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao của các địa phương, đơn vị; thực hiện phân công, phân cấp trong tổ chức bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo trong đào tạo, bồi dưỡng. Đề cao trách nhiệm của công chức trong tự nghiên cứu, tự học tập và lựa chọn chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ. Đổi mới nội dung đào tạo, bồi dưỡng công chức và tăng cường đào tạo, bồi dưỡng các nội dung, kiến thức mới về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số. Tập trung bồi dưỡng đối với công chức lãnh đạo, quản lý sau khi bổ nhiệm vào vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức đáp ứng yêu cầu thực hiện quản trị địa phương theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả.

Từ những phân tích nêu trên, để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo,

bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất: Tiếp tục thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, hướng trọng tâm vào việc nâng cao nhận thức, tạo đồng thuận trong đội ngũ cán bộ, công chức về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng và vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; những áp lực nhiệm vụ và yêu cầu mới đặt ra đối với năng lực, trình độ, kỹ năng của mỗi cán bộ, công chức trên từng vị trí việc làm. Đồng thời, tuyên truyền, giáo dục làm cho đội ngũ cán bộ, công chức nhận thức đúng đắn về những khó khăn, bất cập trong giai đoạn đầu vận hành mô hình tổ chức chính quyền mới, từ đó để mỗi cán bộ, công chức nâng cao nhận thức, lan toả niềm tin, củng cố quyết tâm chính trị, giữ vững lập trường và thể hiện rõ bản lĩnh, trách nhiệm trước áp lực và những khó khăn, thử thách.

Thứ hai: Đổi mới mạnh mẽ nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo hướng gắn lý luận với thực tiễn, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện và quản trị sự thay đổi. Xây dựng nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo hướng chuyên sâu, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng cấp chính quyền. Bên cạnh củng cố kiến thức lý luận, cần tăng cường các nội dung về kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành; kỹ năng xử lý tình huống; kỹ năng giao tiếp, phối hợp; kỹ năng trong ứng dụng khoa học, công nghệ; cần tích hợp nhiều hơn các nội dung mới như chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, quản lý ngân sách, kỹ năng xử lý tình huống pháp lý tại cơ sở, nhất là những tình huống mới trong mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; nâng cao kiến thức, hiểu biết pháp luật sát với nhiệm vụ mới theo phân cấp,

phân quyền, phân định thẩm quyền cho từng cấp chính quyền.

Thứ ba: Căn cứ nhu cầu của từng nhóm đối tượng cán bộ, công chức để thiết kế khung nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp. Việc đào tạo, bồi dưỡng cần dựa trên việc khảo sát nhu cầu thực tế của cán bộ, theo từng vị trí việc làm, nhóm chức danh và từng cấp chính quyền. Theo đó, bên cạnh việc chuyển trọng tâm sang hoạt động bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, cần nhất quán quan điểm đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cán bộ cần, không phải kiến thức cơ sở đào tạo có; cần phân biệt rõ chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ cấp tỉnh và cán bộ cấp xã để phù hợp đặc thù công việc và các quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền trong tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp. Đối với cán bộ cấp xã, cần tập trung bồi dưỡng kỹ năng giải quyết thủ tục hành chính, quản lý đất đai, xây dựng nông thôn mới, tiếp cận người dân trên các lĩnh vực...; đối với cán bộ cấp tỉnh, cần chú trọng đến quản lý ngành, lĩnh vực, phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính, ứng dụng số hóa trong điều hành đến tận cấp xã; đối với cán bộ từ cấp tỉnh, cấp huyện, các sở ngành được bố trí về công tác tại cấp xã, cán bộ trẻ, cán bộ quy hoạch nguồn, cán bộ tại vùng khó khăn... cần được đánh giá toàn diện nhu cầu để xây dựng nội dung chương trình đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức phù hợp.

Thứ tư: Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy theo hướng chuyển từ phương pháp giảng dạy truyền thống chủ yếu là thuyết trình sang phương pháp nêu vấn đề, tình huống giả định gắn với thực tiễn việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mỗi cấp trong hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp; tăng cường thảo luận, làm việc nhóm để học viên trao đổi, chia sẻ nhằm tìm ra những nút thắt, điểm nghẽn và kinh nghiệm giải quyết trong quá trình thực thi chủ trương, chính sách.

Thứ năm: Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong đào tạo, bồi dưỡng và quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng. Các cơ sở tham gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đặc biệt là Trường Chính trị Trần Phú cần chủ động thực hiện chuyển đổi số, xây dựng mô hình “Trường học thông minh”; mở rộng các nền tảng đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến, xây dựng kho học liệu mở; phối hợp với các cơ quan Trung ương, Bộ Nội vụ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh thiết lập nền tảng đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến tại địa phương; kết hợp khoa học, hiệu quả giữa đào tạo trực tuyến và trực tiếp. Đồng thời, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong nâng cao hiệu quả công tác quản lý đào tạo, xây dựng hệ thống phần mềm theo dõi, kiểm tra, đánh giá tiến độ, kết quả học tập, rèn luyện.

Thứ sáu: Gắn kết chặt chẽ giữa công tác đào tạo, bồi dưỡng với quy hoạch, đánh giá và bổ nhiệm, sử dụng cán bộ; xem kết quả đào tạo, bồi dưỡng là một trong những tiêu chí đánh giá, quy hoạch và bổ nhiệm, sử dụng cán bộ. Cán bộ sau đào tạo, bồi dưỡng cần có báo cáo kết quả học tập, rèn luyện, xây dựng kế hoạch và báo cáo hiệu quả áp dụng kiến thức vào thực tiễn công tác. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng cần được đưa vào hồ sơ cán bộ và xem đây là một trong những căn cứ quan trọng để xem xét quy hoạch, bổ nhiệm và công tác thi đua khen thưởng.

Thứ bảy: Thực hiện “công việc gốc của Đảng” là nhiệm vụ chung của cả hệ thống chính trị, không chỉ là việc riêng của cơ sở đào tạo. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, cần có sự tham gia của cả hệ thống chính trị. Bên cạnh trách nhiệm trực tiếp của các cơ sở đào tạo, cấp ủy, chính quyền, các địa phương, đơn vị cần tham gia

Xem tiếp trang 72

HOÀN THIỆN CƠ CHẾ TỔ CHỨC VÀ VẬN HÀNH CỦA THIẾT CHẾ ỦY BAN NHÂN DÂN GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

✧ ThS. NGUYỄN TRỌNG VINH
Trưởng Khoa Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt: Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là vấn đề đặc biệt quan trọng. Trong thời gian qua, tổ chức và hoạt động của các cấp chính quyền địa phương ngày càng được hoàn thiện, đáp ứng các yêu cầu quản lý và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới việc tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương cần phải có nhiều thay đổi, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi chúng ta đang đẩy mạnh sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước thực sự tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

C hính quyền địa phương theo quy định tại Luật tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi năm 2025 có hiệu lực ngày 01/3/2025 là thiết chế gồm: cơ quan đại diện (quyền lực) do nhân dân địa phương trực tiếp bầu ra và cơ quan hành chính nhà nước là ủy ban nhân dân, thường được tổ chức và vận hành theo cơ chế tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách. Theo Quyết định 759/QĐ-TTg, ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp thì việc xem xét hoàn thiện cơ chế tổ chức và vận hành của thiết chế ủy ban nhân dân thực sự phù hợp, vận hành thông suốt trên

tinh thần “địa phương quyết, địa phương làm và địa phương chịu trách nhiệm” là một trong những vấn đề được quan tâm nhằm nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hiện nay. Có ý kiến cho rằng, việc chọn “hành pháp tập thể” khiến thiết chế ủy ban nhân dân không đảm bảo yếu tố kiểm soát quyền lực, trở thành mảnh đất màu mỡ cho tham nhũng phát triển, không xác định được trách nhiệm của cá nhân trong “tập thể lãnh đạo”.

Để làm rõ nội dung nêu trên, trước hết cần nhận diện ưu điểm và hạn chế của hai phương thức tổ chức và vận hành của thiết chế ủy ban nhân dân trên thế giới hiện nay. Trên thế giới hiện nay thiết chế ủy

ban nhân dân được tổ chức và vận hành chủ yếu theo hai cách đó là cơ chế người đứng đầu và các cơ quan giúp việc và cơ chế “hành pháp tập thể, ủy ban - các cơ quan giúp việc”, mỗi cơ chế đều có những ưu và nhược điểm khác nhau:

Cơ chế thủ trưởng người đứng đầu - các cơ quan giúp việc, chủ thể lãnh đạo được hình thành bởi cơ quan đại diện (quyền lực) hay được nhân dân bầu trực tiếp và chủ thể lãnh đạo là cá nhân và bộ máy giúp việc ở đây cơ quan hành chính - chấp hành đang vận hành theo cơ chế thủ trưởng. Đặc trưng cơ bản của cơ chế thủ trưởng đề cao trách nhiệm cá nhân trong lãnh đạo, quyền lực được tập trung vào cá nhân người đứng đầu trong cơ quan hành chính - chấp hành. Vì vậy, khi giải quyết công việc quản lý, người đứng đầu được chủ động, quyết đoán nhưng đồng thời trách nhiệm của họ cũng là cao nhất đối với quyết định quản lý của mình.

Cơ chế “hành pháp tập thể, ủy ban - các cơ quan giúp việc” có rất nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ trong đó có Việt Nam đã chọn mô hình chủ thể lãnh đạo của cơ quan hành chính - chấp hành là một tập thể. Cơ chế làm việc của ủy ban này là “tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách” gắn với việc lãnh đạo quản lý, nhân vật được chỉ định làm người đứng đầu ủy ban được gọi với chức danh là chủ tịch, nhưng xét về mặt bản chất, quyền hạn của chủ tịch ủy ban cũng chỉ ngang tầm với những ủy viên khác, cơ chế hoạt động này là cơ chế “hành pháp tập thể” của cơ quan hành chính - chấp hành trong bộ máy chính quyền địa phương.

Cơ chế thủ trưởng và cơ chế “hành pháp tập thể” đều có những ưu điểm và hạn chế cần khắc phục. Trước hết, cơ chế

thủ trưởng giúp giải quyết công việc chủ động và quyết đoán trong hoạt động hành chính nhà nước, đặc biệt là ở các đô thị luôn phải giải quyết kịp thời các công việc phát sinh hàng ngày, hàng giờ. Xã hội hiện đại ngày càng có nhiều sự cố bất thường phải xử lý, giải quyết những ùn tắc giao thông, những vấn đề kinh tế - xã hội khác... nếu phải đợi cả tập thể bàn bạc, thống nhất bằng biểu quyết theo một quy trình nhất định thì có thể chậm trễ, mất thời cơ giải quyết hoặc gây ra những hậu quả khôn lường trong quản lý. Ưu điểm quan trọng nhất của cơ chế thủ trưởng là đề cao được trách nhiệm cá nhân trong lãnh đạo quyền lực tập trung vào cá nhân người đứng đầu (bộ phận khác chỉ là giúp việc) thì khi giải quyết một vấn đề cụ thể, dễ dàng xác định trách nhiệm thuộc về người đứng đầu đầu, tuy nhiên, cơ chế thủ trưởng cũng có những hạn chế thường thấy, đó là tính chủ quan, dựa vào kinh nghiệm cá nhân của người thủ trưởng nên dễ đưa ra những quyết định nóng vội, sai lầm; dễ nảy sinh tình trạng độc đoán, lạm dụng quyền lực.

Đối với cơ chế “Hành pháp tập thể” (kết cấu ủy ban - bộ phận giúp việc), những ưu điểm được thấy rõ là, hạn chế được sự áp đặt ý chủ chủ quan của cá nhân người lãnh đạo trên cơ sở cập nhật được thông tin đầy đủ, kịp thời, xem xét vấn đề thấu đáo; phát huy được tinh thần dân chủ, huy động được trí tuệ, nguồn lực của tập thể, gia tăng sự đồng thuận về mục tiêu và các giải pháp thực hiện. Tuy nhiên, cơ chế tập thể lãnh đạo cũng ẩn chứa những nhược điểm, dễ nhận thấy nhất là tiêu tốn nhiều thời gian cho việc họp hành, bàn bạc, thảo luận dẫn tới nhiều quyết định của tập thể chậm trễ, mất tính thời sự và

hạn chế kết quả thực hiện. Các quyết định thường mang tính thỏa hiệp, thiếu quyết đoán, có nguy cơ bị ý chí của một thiểu số có lợi thế thao túng, nhiều khi quyết định xét về mặt lý thuyết là ý chí của đa số, nhưng thực chất là ý chí của một cá nhân hay của một thiểu số nhất định.

Nhược điểm dễ nhận thấy của cơ chế tập thể lãnh đạo là vấn đề xác định trách nhiệm cá nhân chưa thực sự rõ ràng. Trách nhiệm của tập thể thuộc về tất cả các thành viên nên bị phân tán, khó xác định khi xảy ra những hậu quả trong tiến hành thực hiện, chắc chắn sẽ có vấn đề đùn đẩy trách nhiệm, đổ lỗi cho tập thể, do vậy rất khó xử lý trách nhiệm cá nhân. Chính khả năng đùn đẩy trách nhiệm trong cơ chế tập thể lãnh đạo sẽ làm cho vấn đề độc đoán, chuyên quyền phát triển và đó là mảnh đất màu mỡ cho tham nhũng.

Mỗi cơ chế đều có những ưu và nhược điểm của mình, vấn đề là phải phát huy những ưu điểm, khắc phục những nhược điểm của cơ chế mà mình đã chọn lựa. Ở cơ chế thủ trưởng, vấn đề khắc phục những nhược điểm, hạn chế có chiều thuận lợi, việc khắc phục tính chủ quan, nóng vội bằng cách phát huy dân chủ chính là nhu cầu tự thân của chính nhân vật làm lãnh đạo của cơ quan hành chính - chấp hành bởi, khi trực tiếp chịu trách nhiệm với quyết định của mình, người lãnh đạo buộc phải tiếp thu, tham khảo các ý kiến sáng suốt của tập thể, của những bộ phận tham mưu, giúp việc vì sai lầm sẽ trả giá bằng sinh mạng chính trị của họ, tuy nhiên, việc khắc phục nhược điểm của cơ chế “Hành pháp tập thể” lại gặp không ít khó khăn. Như trên đã phân tích, nhược điểm lớn nhất của “Hành pháp tập thể” là trách nhiệm của các cá nhân khó được xác định

rõ ràng, dẫn đến việc đùn đẩy trách nhiệm cho tập thể, cho nên, giải pháp duy nhất cho vấn đề này là phải tập trung xác định trách nhiệm của từng cá nhân cụ thể trong tập thể đó và điều cần thiết nhất vẫn là xác định và đề cao vai trò của người đứng đầu.

Từ những đánh giá khách quan nêu trên chúng ta cần tiếp tục hoàn thiện tổ chức và hoạt động của thiết chế ủy ban nhân dân ở Việt Nam hiện nay. Việc nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý của thiết chế ủy ban nhân dân với cơ chế “Hành pháp tập thể” ở Việt Nam hiện nay, vấn đề mấu chốt phải xác định cho được trách nhiệm của các thành viên trong tập thể ủy ban đó, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu, không đáp ứng yêu cầu này, cơ chế tập thể lãnh đạo sẽ không bảo đảm yêu cầu của sự kiểm soát quyền lực và pháp luật Việt Nam đang từng bước hoàn thiện thiết chế này theo xu hướng đó là:

Thứ nhất, nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động điều hành quản lý, xây dựng cơ chế công khai thông tin hoạt động của ủy ban nhân dân trên cổng thông tin điện tử. Để nâng cao trách nhiệm giải trình trong hoạt động điều hành quản lý của ủy ban nhân dân cần hoàn thiện cơ chế, chính sách về trách nhiệm giải trình trong đó chú trọng xây dựng, ban hành quy định rõ ràng về trách nhiệm giải trình của ủy ban nhân dân và từng cá nhân trong bộ máy quản lý nhà nước. Xác định cụ thể trách nhiệm của người đứng đầu ủy ban nhân dân các cấp đối với các quyết định hành chính và việc thực thi nhiệm vụ. Trong phân công nhiệm vụ cần rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm trên tinh thần, khuyến khích tính năng động, sáng tạo lấy lợi ích chung, lợi ích tập thể và nhân dân làm động lực và

mục tiêu phấn đấu, một việc nên giao cho một người, một bộ phận tự làm, tự quyết và tự chịu trách nhiệm. Bên cạnh đó cần tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động của ủy ban nhân dân để người dân và các tổ chức có thể giám sát.

Thứ hai, đẩy mạnh công khai, minh bạch thông tin, công khai đầy đủ kịp thời, rõ ràng các chính sách, quyết định hành chính trên cổng thông tin điện tử của ủy ban nhân dân. Xác định rõ trách nhiệm công khai, hình thức công khai và thời điểm phải công khai, đồng thời xử lý nghiêm những hành vi những nhiễu, gây phiền hà, sách nhiễu, mập mờ của đội ngũ cán bộ công chức hành chính trong giải quyết thủ tục hành chính đối với người dân và doanh nghiệp. Xây dựng cơ chế tiếp nhận, xử lý phản hồi từ người dân về các hoạt động quản lý, điều hành của ủy ban nhân dân trong đó tập trung giải quyết những vấn đề, vụ việc nổi cộm gây bất bình trong dư luận.

Thứ ba, tăng cường giám sát, kiểm tra phát huy vai trò của hội đồng nhân dân trong giám sát hoạt động của ủy ban nhân dân. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra nội bộ nhằm phát hiện và xử lý kịp thời sai phạm. Tạo điều kiện để các tổ chức xã hội, báo chí và người dân tham gia giám sát hoạt động quản lý nhà nước. Tăng cường vai trò của hội đồng nhân dân trong việc giám sát hoạt động của ủy ban nhân dân. Quy định danh mục thông tin bắt buộc công khai: các văn bản chỉ đạo, điều hành, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, đầu tư công, đấu thầu, tuyển dụng, cấp phép; xác định hình thức công khai: các tài liệu, báo cáo có thể công khai qua nhiều hình thức như văn bản điện tử, đồ họa trực quan, video, pa nô áp phích để

dễ tiếp cận; thiết lập lịch công khai định kỳ: bảo đảm thông tin được cập nhật kịp thời theo tuần, tháng, quý hoặc theo yêu cầu của pháp luật; cải cách hành chính và tinh giản bộ máy rà soát, cắt giảm các vị trí trung gian không cần thiết; ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu suất hoạt động; tăng cường kiểm tra, giám sát, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức xã hội trong giám sát hoạt động ủy ban nhân dân; xây dựng cơ chế xử lý vi phạm rõ ràng, nghiêm minh đối với những sai phạm trong điều hành.

Thứ tư, nâng cao năng lực cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về kiến thức pháp luật, quản lý nhà nước. Đổi mới cơ chế tuyển dụng, đề bạt theo hướng công khai, minh bạch, dựa trên năng lực thực tế. Xây dựng cơ chế “sàng lọc” dần dần xóa bỏ tư duy công chức “suốt đời”, “có vào không có ra” trong tuyển dụng, đào tạo, bố trí, đánh giá, sử dụng cán bộ công chức.

Ủy ban nhân dân đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước tại địa phương; là cơ quan hành chính nhà nước trực tiếp điều hành mọi hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, ủy ban nhân dân góp phần bảo đảm sự phát triển ổn định, bền vững của địa phương và thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Hoàn thiện tổ chức bộ máy ủy ban nhân dân không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước mà còn là giải pháp quan trọng để kiểm soát quyền lực, ngăn ngừa tham nhũng và tăng cường trách nhiệm giải trình. Điều này đòi hỏi sự quyết tâm của các cấp chính quyền cùng sự tham gia giám sát của toàn xã hội./.

TẤM GƯƠNG DANH NHÂN VĂN HÓA THẾ GIỚI HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG LÊ HỮU TRÁC ĐỐI VỚI VIỆC TU DƯỠNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN NGÀY NAY

✧ ThS. NGUYỄN MỸ HẠNH

Trưởng Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Đại danh y Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác là một trong 7 danh nhân Việt Nam được UNESCO vinh danh Danh nhân văn hóa thế giới. Cuộc đời, sự nghiệp của ông đã để lại cho hậu thế một di sản quý báu cần được gìn giữ và phát huy. Con người và triết lý của Hải Thượng Lãn Ông về vấn đề đạo đức, vấn đề tu dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và các phẩm chất khác là tấm gương để đội ngũ cán bộ, đảng viên tu dưỡng, trau dồi, hoàn thiện bản thân, góp phần hiện thực hoá mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, văn minh, phát triển và hội nhập.

Đại danh y Lê Hữu Trác (1720-1791) là sinh ra tại Liêu Xá, huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng, tỉnh Hải Dương (nay thuộc huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên) ngày 12/11/1720; là con út trong gia đình có 7 anh em. Gia đình ông nổi danh với truyền thống học tập đỗ đạt khoa bảng, làm quan cho trong triều đình thời Lê - Trịnh⁽¹⁾. Từ nhỏ, Lê Hữu Trác đã lên kinh kỳ theo con đường khoa bảng. Tuy nhiên năm năm 1739, cha ông mất, ông phải về nhà chịu tang. Năm 1740, do chiến tranh loạn lạc⁽²⁾, Lê Hữu Trác đã quyết định gác lại sách vở, luyện tập võ thuật và binh thư, xung phong vào quân ngũ. Trong môi trường binh nghiệp, ông nhận ra đây không phải là lẽ sống mà mình muốn nên ông đã viện cớ xin về chăm mẹ già và các cháu nhỏ mồ côi; năm 1746, ông rời khỏi quân ngũ về quê mẹ là huyện Hương Sơn, Nghệ An, nay là Hà Tĩnh. Cuộc đời và sự nghiệp Lê Hữu Trác đã gắn bó với bước ngoặt này. Tại đây, ông đã tiếp xúc với y thuật sau khi bản thân ốm nặng. Quá trình chữa trị, Lê Hữu Trác gặp lương y tên Trần Độc ở xã Trung Càn, huyện Thanh Chương (nay là xã Thiên Nhẫn, Nghệ An), một nho sĩ từ chối vinh hoa quan trường về quê làm thầy

thuốc. Tiếp xúc với Trần Độc, Lê Hữu Trác bắt đầu nghiên cứu sách y học, nhen nhóm đam mê nghiên cứu về y thuật.

Trong quan niệm Nho giáo lúc bấy giờ, nam nhân đại trượng phu phải tề gia, trị quốc, độ dân, ra làm quan là con đường đúng đắn, là lẽ sống ở đời. Nghề y không được xem là sự nghiệp của nam giới; không được coi là con đường lập thân lập nghiệp của nhà Nho. Với Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, sau khi tiếp xúc với thầy Trần Độc và y học, đi sâu nghiên cứu y lý, ông đã lựa chọn con đường làm thuốc cứu người, không màng đến danh lợi chốn quan trường. Lê Hữu Trác đóng cửa đọc sách y dược Trung Hoa, sách y dược Việt Nam; tìm thầy học hỏi ở kinh đô và nhiều nơi khác; trau dồi nghiên cứu sâu y lý, y dược, y thuật để nâng cao tri thức bản thân. Ông trở thành thầy thuốc tài năng học rộng, chẩn bệnh giỏi, bốc thuốc hay; chữa khỏi bệnh cho rất nhiều người; chữa được cả người bệnh nhiều năm không khỏi. Hải Thượng Lãn Ông còn mở thêm Hội y nhằm quy tụ các danh y từ khắp nơi đến để bầu bạn, tâm sự và chia sẻ kiến thức, học hỏi lẫn nhau. Ông cũng mở các lớp dạy y, đào tạo thế hệ thầy thuốc trẻ, thu hút rất đông học viên tới theo học.

Sau khoảng 10 năm miệt mài nghiên cứu y học và chữa bệnh, cống hiến cho xã hội, tên tuổi của Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác nhanh chóng vang danh khắp vùng và đến tận Kinh thành Thăng Long. Năm 1782, khi đã 62 tuổi, ông nhận lệnh Chúa Trịnh về kinh chữa bệnh cho thế tử Trịnh Cán. Ở đây, tên tuổi, y đức y thuật của ông nổi danh khắp kinh thành, được hầu khắp các tầng lớp xã hội kính trọng. Chúa Trịnh Sâm ban chức tước, Lê Hữu Trác đã viện cớ tuổi già, bệnh tật, từ chối chức tước bổng lộc, cố gắng hoàn thành nhiệm vụ và mau chóng thoát khỏi chốn kinh thành, thoái lui về quê trước khi sự kiện biến cố phủ Chúa xảy ra và Tây Sơn Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc diệt Trịnh thành công⁽³⁾.

Quá trình nghiên cứu và khám, điều trị bệnh lâm sàng, Hải Thượng Lãn Ông đã phát hiện, đúc rút những kiến thức mới về y học, sinh lý học, dược học. Dựa trên thực tế dược liệu Việt Nam, ông đã có những sáng tạo độc đáo, tạo nên nhiều bài thuốc quý hiếm, chữa bệnh cứu người thành công. Ông đã phát hiện, ghi chép công dụng, dược lý 305 vị thuốc nam; sưu tầm, thu thập bổ cứu 2.854 vị thuốc nam hay của các bậc tiền bối (nhất là Nam dược của Thiền sư Tuệ Tĩnh). Quá trình nghiên cứu, khảo nghiệm đúc rút tri thức được ghi chép phân tích tỉ mỉ, để lại cho đời sau một tàng thư y học công phu, một tấm gương sáng về y đức, y lý, y thuật... vô giá trong di sản văn hoá Việt Nam.

Bên cạnh là một nhà y dược học vĩ đại, Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác còn là một nhà Nho đa tài, là nhà thơ, nhà văn, nhà tư tưởng tiên bộ, để lại nhiều tác phẩm xuất sắc phản ánh tư tưởng, tinh thần nhân đạo lớn. Cuộc đời và sự nghiệp của ông được kết tinh bởi tri thức uyên thâm, tư tưởng tiên bộ, đạo đức nhân cách trong sáng. Từ lý tưởng cao cả “làm sách truyền phương để giúp đời vô tận”, Lê Hữu Trác đã để lại cho hậu thế một khối di sản văn hóa đồ sộ, thể hiện qua nhiều tác phẩm mà tiêu biểu là bộ “Hải Thượng y tông tâm lĩnh” - bộ sách được coi là “Bách

khoa thư” y học vĩ đại nhất của Việt Nam thời trung đại và còn nguyên giá trị đến hiện tại.

Hải Thượng Lãn Ông qua đời ngày 15/01/1791 (al), hưởng thọ 71 tuổi, được nhân dân và giới y học cả nước suy tôn là bậc “Y thánh của Việt Nam”. Sau khi mất 232 năm, nghiên cứu về những cống hiến và sự nghiệp đồ sộ của ông, ngày 21/11/2023 tổ chức UNESCO bỏ phiếu vinh danh Đại danh y Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác là Danh nhân văn hóa thế giới cho kỳ xét tặng 2023 - 2024.

Cuộc đời trải qua nhiều giai đoạn, nhiều biến cố lịch sử, quá trình khám chữa bệnh là quá trình Đại danh y Lê Hữu Trác làm việc, cống hiến, gặp gỡ nhiều cảnh đời, nhiều hoàn cảnh, nhiều giai cấp và tầng lớp trong xã hội; từ những kẻ bần cùng khốn khó, neo đơn goá bụa, phụ nữ trẻ em đến các tầng lớp quý tộc mà lâu son gác tía bậc nhất là hậu cung chúa Trịnh cùng bản thân chúa Trịnh Sâm là đỉnh cao quyền lực đương thời. Trong hoàn cảnh đó, Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác luôn hành động theo nguyên tắc nghề y, đưa tiêu chuẩn của Nho giáo về người quân tử làm chuẩn mực y đức để ứng phó với mọi tình huống ngộ cảnh.

Để hoàn thành bộ “Hải Thượng Y tông tâm lĩnh”, Danh y Lê Hữu Trác đã bỏ ra gần 10 năm (1760 - 1770) biên soạn. Đây là công trình quan trọng, đồ sộ nhất của ông, được thực hiện một cách bền bỉ, cẩn thận, sàng lọc từ tri thức các danh y tiền bối và quá trình thăm khám điều trị lâm sàng của chính bản thân ông để sàng lọc, bổ cứu, tổng hợp lại. Toàn bộ cuốn sách bao gồm 28 tập, 66 quyển về các chuyên ngành nội khoa, sản khoa, phụ khoa, da liễu, nhãn khoa; bao gồm đủ các lĩnh vực trong y học: Y đức, Y lý, Y thuật, Dược, Di dưỡng và được xem là bộ “Bách khoa toàn thư” về y học. Đồng thời ông còn phát hiện ra và phê phán, chỉ ra những điểm không phù hợp trong các bài thuốc của tiền nhân khi áp dụng trong điều trị cho người Việt Nam. “Bộ sách Hải Thượng Y tông tâm lĩnh là bộ

sách thuốc duy nhất do người Việt Nam viết ra. Lê tiên sinh thấu góp mọi cách ngôn ở các sách cổ lại thêm nhiều sáng kiến, chữa bệnh theo vương đạo, hợp với khí hậu nước ta và tạng phủ của đời nay”⁽⁴⁾. “Hải Thượng y tông tâm lĩnh” là cuốn sách chứa đựng những gì tinh túy nhất trong sự nghiệp của Đại danh y Lê Hữu Trác và trở thành tài sản vô giá của nền y học Việt Nam nói riêng, của nhân loại nói chung.

Trong bộ “Hải Thượng Y tông tâm lĩnh”, Lê Hữu Trác không chỉ đề lại tri thức đồ sộ về ngành y mà còn thể hiện rất nhiều điều về những phẩm chất, triết lý, những giá trị, lẽ sống mà ông theo đuổi. Ông coi nghề y là một nghề cao quý, coi việc bảo vệ sinh mệnh con người là nhiệm vụ hàng đầu. Lê Hữu Trác đề cao đạo đức nhưng cũng đồng thời hết sức coi trọng việc khảo nghiệm, nghiên cứu, học tập tinh thông nghề nghiệp. Phần mở đầu ông nói về y đạo: “Đạo làm thuốc là một thuật cao quý để giữ gìn mạng sống, cũng là đầu mối lớn lao về đạo đức chân chính” (Y đạo nãi vệ sinh chi phí thuật, thực đức chi đại đoan). Ông cũng khẳng định nghề liên quan chặt chẽ với đức độ của bản thân và của con cháu lâu dài; nhân cách của người thầy thuốc chân chính là tuân thủ 8 chữ “Nhân - Minh - Đức - Trí - Lượng - Thành - Khiêm - Cần” (nhân ái - sáng suốt - đức độ - tốt bụng - chân thành - khiêm tốn - cần cù) và phê phán những thất đức không nhỏ của người lợi dụng nghề y và có thể vô tình hoặc hữu ý làm những điều có hại cho người khác: “đem nhân thuật làm chước dối lừa, đem lòng nhân đổi ra lòng buôn bán. Như thế thì người sống trách móc, người chết oán hờn, không thể tha thứ được...”. Lê Hữu Trác khẳng định không có nghề nào nhân đạo bằng nghề y cứu sống người; cũng có thể nói không có nghề nào vô nhân đạo bằng nghề y thiếu đạo đức. Lê Hữu Trác thường răn dạy học trò: “Làm thuốc mà không có lòng thương chung (từ) giúp đỡ người khác (tê) làm hằng tâm, không nghiên ngẫm sâu sắc tìm cách cứu sống người mà

chỉ chăm chăm kể lợi tính công, lấy của hại người thì còn khác gì bọn giặc cướp”. Theo ông người lương y ngoài việc biết quan tâm đến người khác, còn cần có những tính cách như: đức độ, sáng suốt, thông minh, rộng lượng, thành thật, khiêm tốn, chăm chỉ, chịu khó và nhất là cần phải tránh 8 tội: Lười; Keo; Tham; Dối; Dốt; Ác; Hẹp hòi; Thất đức.

Cuộc đời và sự nghiệp vĩ đại của Đại danh y Lê Hữu Trác không chỉ là cuộc đời và sự nghiệp của một người thầy thuốc mà còn là cuộc đời và sự nghiệp người Thầy theo cả nghĩa hẹp và nghĩa rộng. Ông trực tiếp chỉ dạy học trò về tri thức, về phương pháp; giáo dục về đạo đức lối sống; trao truyền những kỹ năng không chỉ trong khám chữa bệnh, bốc thuốc mà còn cả trong ứng xử với con người, với hoàn cảnh. Ông không chỉ điều trị từng ca bệnh mà triết lý của ông là “truyền phương thuốc”, phổ biến rộng rãi để chữa được cho tất cả người bệnh, đúc kết thành sách để lại phương thuốc cứu người, cứu nhiều người, nhiều thế hệ. Những kỹ năng ứng xử của người thầy thuốc trong nhiều hoàn cảnh cũng được ông ghi chép, dặn dò mai sau như việc khám chữa bệnh cho đàn bà con gái; phụ nữ neo đơn, góa bụa phải có người thứ ba bên cạnh; khám chữa bệnh cho người nghèo không nên đòi hỏi tiền bạc; khám chữa bệnh cho người giàu chớ để bị tiền bạc dụ dỗ, điều khiển, sai khiến... Hành vi của thầy thuốc phải vì bệnh tình nặng nhẹ, không được vì giàu nghèo địa vị mà khắt khe hay chậm trễ... Tư duy của ông rành mạch, phương pháp cẩn trọng, khoa học, đúc kết tri thức sau nhiều trải nghiệm lâm sàng khác nhau mới biên soạn lại, vì ông cho rằng nếu hồ đồ, không đủ thực nghiệm mà để lại phương thuốc sai có thể gây nguy hại lâu dài, hậu quả lớn không thể nào lường hết.

Từ phương châm làm việc và tiêu chuẩn Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác đặt ra cho bản thân và học trò (yêu cầu tính cách phải đức độ, sáng suốt, thông minh, rộng lượng, thành thật, khiêm tốn, chăm chỉ,

chịu khó; phải tránh 8 tội 1-Lười: 2-Keo: 3-Tham: 4-Dối: 5-Dốt: 6-Ác: 7-Hẹp hòi: 8-Thất đức, chúng ta thấy đây không chỉ là phương châm, tiêu chuẩn về phẩm chất của riêng người thầy thuốc, của riêng ngành y mà nó là những tiêu chuẩn có tính phổ quát mà xã hội cần ở tất cả mọi ngành nghề, nhất là những ngành nghề có ảnh hưởng, tác động rộng lớn đến xã hội. Nó cũng là triết lý của xã hội Việt Nam đã thể hiện qua truyền thống văn hóa cần cù giản dị khiêm tốn, yêu thương đùm bọc; bao dung, hiếu học... Ngày nay, qua tấm gương cuộc đời và sự nghiệp, nhân cách tỏa sáng của ông, qua những triết lý ông để lại chính là những giá trị mà tất cả nhân sinh đang sống và hoạt động trong đời sống xã hội ở những vị thế khác nhau; đặc biệt là đối với những người trong hệ thống chính trị, là cán bộ, đảng viên đang làm việc với mục tiêu là phục vụ lợi ích xã hội càng cần nghiên cứu, suy ngẫm, học tập, làm theo.

Đất nước ta đã trải qua gần 40 năm đổi mới, bên cạnh những thành tựu to lớn, vẫn còn tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên. Nghiên cứu cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng của Danh nhân văn hóa thế giới Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác đặt trong bối cảnh Đảng ta đang đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng đạo đức phong cách Hồ Chí Minh và các nghị quyết Trung ương về xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, các cấp ủy cần tăng cường lãnh đạo công tác rèn luyện, xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ đức và tài, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng; quán triệt nhận thức đúng đắn về mối quan hệ giữa đức và tài trong xây dựng đội ngũ cán bộ. Theo đó, cần tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; giáo dục học tập và làm theo những tấm gương nhân cách lớn của Đại danh y Lê Hữu Trác; nghiên cứu, thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng; quy hoạch, sử dụng cán bộ trên các tiêu chuẩn đức và tài; đề cao việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức;

coi trọng đúng mức việc phát triển toàn diện, thống nhất cả đức và tài, lấy đạo đức làm gốc cho tài năng phát triển; hình thành và củng cố phương pháp, tác phong làm việc khoa học, nâng cao chất lượng công việc đảm nhiệm. Đồng thời, cần có chiến lược dài hạn trong bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực toàn diện cho đội ngũ cán bộ, đảng viên vươn lên chiếm lĩnh tri thức, làm chủ khoa học công nghệ và chuyên môn nghiệp vụ trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập; cần khuyến khích và yêu cầu cán bộ phải học tập, tu dưỡng, rèn luyện không ngừng về năng lực, trình độ toàn diện, chuyên sâu và phương pháp làm việc hiệu quả, có nền tảng kiến thức khoa học tương ứng; kiên trì, đổi mới, sáng tạo; tăng cường thể hiện vai trò, trách nhiệm cấp ủy các cấp và người đứng đầu, chú ý bồi dưỡng, rèn luyện tinh thần khắc phục khó khăn, gian khổ, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao cho cán bộ, đảng viên; làm việc và sống với tình thương yêu sâu sắc đối với con người, với đồng chí, với nhân dân, sống có nghĩa tình, tôn trọng nhân cách, phẩm giá con người như Đại danh y Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác đã thực hành suốt cuộc đời và nhấn nhủ lại mai sau./.

Chú thích:

(1) Cha Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác là Đệ tam giáp Tiến sĩ, chức Ngự sử, tước Bá; chú là Đại triều thần của nhà Lê; cả 6 người anh của ông đều thi đỗ khoa cử, tiến sĩ.

(2) Cuộc chiến tranh Trịnh – Nguyễn – Tây Sơn

(3) Năm 1786 Nguyễn Huệ đem quân ra đánh Bắc và nhanh chóng lật đổ tập đoàn phong kiến họ Trịnh thống trị đã hơn 250 năm, chấm dứt cuộc nội chiến Trịnh – Nguyễn phân tranh, khôi phục lại nhà Hậu Lê, chấm dứt tình trạng phân biệt Đảng Trong – Đảng Ngoài kéo dài suốt 2 thế kỷ.

(4) Đông y sĩ Hà Ngọc Xuyên: Lời giới thiệu bộ sách Hải Thượng y tôn tâm lĩnh. Nhà sách Khai Trí in tại Sài Gòn năm 1971.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

✧ ThS. NGUYỄN THỊ THẢO LINH

Giảng viên Phòng QLĐT&NCKH

Tóm tắt: Phát triển kinh tế xanh đang là xu hướng tất yếu của các quốc gia nhằm đạt được sự tăng trưởng kinh tế trong khi vẫn duy trì sự bền vững về môi trường. Những năm gần đây, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, tập trung vào bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và nâng cao hiệu quả đầu tư. Tuy nhiên, tại Việt Nam, mô hình kinh tế xanh vẫn đang ở giai đoạn khởi đầu, quá trình triển khai còn thiếu đồng bộ, gặp nhiều khó khăn và cần hệ thống giải pháp nhằm thúc đẩy chuyển đổi một cách hiệu quả và bền vững.

Kinh tế xanh được đề cập đến lần đầu tiên bởi các nhà kinh tế môi trường Anh năm 1989, sau đó, chính thức được sử dụng tại Hội nghị thượng đỉnh của Liên hợp quốc về phát triển bền vững tháng 6/2012 ở Brazil. Theo Chương trình môi trường Liên hợp quốc (UNEP), kinh tế xanh là “nền kinh tế vừa mang lại hạnh phúc cho con người và công bằng xã hội, vừa giảm thiểu đáng kể các nguy cơ môi trường và suy giảm sinh thái. Một nền kinh tế xanh có thể được coi là nền kinh tế có lượng phát thải carbon thấp, sử dụng tài nguyên hiệu quả và bao trùm xã hội”. Kinh tế xanh là nền kinh tế ít carbon, giảm thiểu mọi nguy hại đến môi trường cũng như tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

Nhận thức được tầm quan trọng của phát triển kinh tế xanh hướng tới mục tiêu phát triển bền vững đất nước, bảo đảm ổn

định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và khả năng chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài của nền kinh tế, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách định hướng phát triển kinh tế xanh. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định, phát triển nhanh và bền vững và phát triển kinh tế xanh: “Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh

thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã “xác định nội dung cốt lõi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2021 - 2030 là thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư..., chuyển đổi các ngành công nghiệp thâm dụng tài nguyên, năng lượng sang các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp phát thải carbon thấp”. Quán triệt quan điểm của Đảng, Chính phủ đã ban hành “Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050” theo Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ với mục tiêu “Tăng trưởng xanh, tiến tới nền kinh tế các-bon thấp, làm giàu vốn tự nhiên trở thành xu hướng chủ đạo trong phát triển kinh tế bền vững; giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính dần trở thành chỉ tiêu bắt buộc và quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội”. Đây là Chiến lược quốc gia đầu tiên, toàn diện đến lĩnh vực phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam, tạo tiền đề và căn cứ pháp lý quan trọng để các bộ, ngành Trung ương và địa phương thực hiện tăng trưởng kinh tế dựa trên nền kinh tế xanh. Ngày 01/10/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1658/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, trong đó chỉ rõ “Tăng trưởng xanh là một phương thức quan trọng để thực hiện phát triển bền vững, đóng góp trực tiếp vào giảm phát thải khí nhà kính để hướng tới nền kinh tế

trung hòa các-bon trong dài hạn”. Chiến lược đặt ra mục tiêu: Tăng trưởng xanh góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nhằm đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội; hướng tới nền kinh tế xanh, trung hòa các-bon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu với bốn nhiệm vụ trọng tâm: Thứ nhất, giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP. Thứ hai, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hóa các ngành kinh tế. Thứ ba, xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Thứ tư, xanh hóa quá trình chuyển đổi trên nguyên tắc bình đẳng, bao trùm, nâng cao năng lực chống chịu.

Thời gian qua, Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch hành động và văn bản chỉ đạo điều hành về phát triển kinh tế xanh, tăng trưởng bền vững và bảo vệ môi trường. Chính phủ đã ký kết, tham gia nhiều hiệp định và giao ước quốc tế về bảo vệ môi trường, phát triển bền vững như Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu, Thỏa thuận Paris về hỗ trợ phát triển, Hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc (COP26, COP27); đã thúc đẩy xây dựng các công trình xanh, quy hoạch và đầu tư vào các khu công nghiệp và khu đô thị xanh, nhằm giảm thiểu tác động của các hoạt động kinh tế đến môi trường,... Tại Hội nghị Khí hậu COP 26 (diễn ra từ ngày 31/10 đến 13/11/2021 tại thành phố Glasgow, Scotland, Vương quốc Anh), Việt Nam cam kết đến năm 2050 đạt phát thải ròng bằng “0” (net-zero).

Từ chủ trương của Đảng, quyết sách mạnh mẽ, quyết liệt của Chính Phủ và các bộ, ngành, địa phương, đơn vị, sau gần 15 năm triển khai và thực hiện phát triển kinh

tế xanh, nền kinh tế Việt Nam đã có những tiến bộ vượt bậc. Những năm gần đây nền kinh tế Việt Nam đang chuyển mình mạnh mẽ theo hướng xanh, bước đầu được cơ cấu lại theo hướng số hóa, xanh hóa, đa dạng hóa, tăng cường sức chống chịu, nâng cấp chuỗi giá trị dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) giai đoạn 2011-2016 bình quân đạt trên 5,9%/năm. Mặc dù năm 2020 kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, thiên tai, bão lụt nghiêm trọng ở miền Trung nhưng tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm 2016 - 2020 đạt khoảng 6,0%/năm và thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao nhất khu vực, thế giới. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 6,2%/năm. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng trưởng xanh, phát triển bền vững đạt kết quả tích cực. *Công nghiệp*: xu hướng phát triển công nghiệp xanh tập trung vào hai mục tiêu chính là hạn chế phát thải khí CO₂, hóa chất độc hại từ các khu công nghiệp, khu chế xuất ra môi trường; nghiên cứu phát triển các nguồn năng lượng mới, máy móc kỹ thuật mới thân thiện với môi trường được chú trọng. Cơ cấu công nghiệp dịch chuyển đúng hướng và tích cực, giảm tỷ trọng của ngành khai khoáng, tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững. Phát triển các ngành công nghiệp xanh, gắn với mô hình kinh tế tuần hoàn, sản xuất sạch hơn, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên; hình thành được một số ngành công nghiệp có quy mô lớn, có khả năng cạnh tranh và vị trí vững chắc trên thị trường quốc tế. Một số doanh nghiệp công nghiệp trong nước có năng lực cạnh tranh tốt. Công nghiệp năng lượng tái tạo

được quan tâm đầu tư, nhiều dự án điện gió, điện mặt trời được khởi công xây dựng và đi vào hoạt động. *Nông nghiệp*: Tập trung phát triển nông nghiệp xanh với công nghệ sinh học, phân bón sinh học, áp dụng những tiến bộ trong canh tác và nghiên cứu về giống, kỹ năng thâm canh mới để tạo ra sự gia tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, đồng thời bảo đảm các giá trị xanh với môi trường và an toàn với con người. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hữu cơ được chú trọng, từng bước chuyển đổi sang cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao và ngày càng khẳng định vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế trong những lúc khó khăn. Đầu tư của doanh nghiệp vào khu vực nông nghiệp có xu hướng tăng; liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, khép kín có bước phát triển. Cơ cấu lại ngành lâm nghiệp đã thực hiện theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm gỗ qua chế biến; sắp xếp các nông, lâm trường quốc doanh và phát triển dịch vụ môi trường rừng đạt kết quả tích cực. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả tích cực, tạo bước đột phá làm thay đổi diện mạo nông thôn Việt Nam. *Dịch vụ*: Chú trọng xây dựng và khai thác các loại hình dịch vụ gắn với gìn giữ, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và môi trường. Các ngành dịch vụ có tiềm năng, lợi thế, có hàm lượng khoa học, công nghệ cao như viễn thông, công nghệ thông tin, logistics và vận tải, tài chính, ngân hàng, du lịch, thương mại điện tử... được tập trung phát triển. Một số doanh nghiệp viễn thông và công nghệ thông tin Việt Nam đã phát triển vượt bậc. Ngành du lịch được triển khai theo hướng tập trung đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật đồng bộ, chú

trọng nâng cao chất lượng và phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, đặc biệt là sản phẩm, dịch vụ có năng lực cạnh tranh cao. Thương mại điện tử phát triển mạnh mẽ, trở thành một kênh phân phối ngày càng quan trọng. Thanh toán không dùng tiền mặt cùng với các nền tảng thanh toán trực tuyến ngày càng được ứng dụng rộng rãi, tăng cường sử dụng dịch vụ ngân hàng qua kênh số, làm thay đổi thói quen của người dân. Lĩnh vực du lịch dần chuyển dịch sang du lịch thông minh, du lịch xanh, dịch vụ vận tải trên nền tảng công nghệ phát triển nhanh chóng với nhiều hình thức. Lĩnh vực logistics gắn với quá trình chuyển đổi số để tối ưu hóa các quy trình, mô hình quản lý vận tải, đơn hàng, kho bãi... Một số ứng dụng công nghệ số trong hoạt động dịch vụ môi trường đã thu hút sự quan tâm của nhiều doanh nghiệp trong việc tái chế, phân loại nguồn thải để xanh hóa và bảo vệ môi trường. Trong lĩnh vực dịch vụ công, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số được thúc đẩy mạnh mẽ, cung cấp dịch vụ công trực tuyến ngày càng cao cho người dân, doanh nghiệp.

Đến 2025, tỷ trọng khu vực công nghiệp và dịch vụ tăng lên 80,5% GDP (năm 2020 là 78,6); Khu vực nông nghiệp giảm còn 11,5% GDP; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,00% GDP. Tốc độ tăng trưởng kinh tế số giai đoạn 2021-2025 đạt bình quân 9-10%/năm, chiếm khoảng 14-15% GDP năm 2025; tỷ lệ người dân trưởng thành có tài khoản thanh toán chiếm trên 87%, thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng mở rộng. So với các năm trước đó, cơ cấu kinh tế Việt Nam năm 2025 có sự chuyển dịch theo hướng tăng trưởng xanh, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản; cơ cấu lao động Việt Nam có

xu hướng chuyển dịch rõ nét theo hướng phi nông nghiệp. Hiện nay, xuất hiện nhiều mô hình sản xuất và tiêu dùng tiết kiệm, an toàn, văn minh, thân thiện với thiên nhiên. Môi trường sống của người dân ngày càng thay đổi theo hướng tích cực. Nhiều doanh nghiệp cũng đã hưởng ứng chuyển đổi từ mô hình kinh doanh truyền thống sang mô hình sản xuất, kinh doanh thông minh và bền vững, thân thiện với môi trường; ý thức bảo vệ môi trường của cộng đồng, doanh nghiệp có nhiều chuyển biến; công tác xây dựng thể chế về chuyển đổi xanh, tăng trưởng xanh đạt nhiều kết quả. Về xếp hạng quốc tế, năm 2024, theo báo cáo Global Green Economy Index cập nhật năm 2024, Việt Nam đứng ở vị trí 79/160 quốc gia được xếp hạng về Chỉ số kinh tế xanh. Xét về tăng trưởng xanh, Việt Nam đang đứng ở vị trí 73/245 quốc gia trên toàn cầu, và xếp thứ 16/50 ở khu vực châu Á.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam hiện nay đang đối mặt với nhiều khó khăn như: Thiên tai, biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng khốc liệt, phức tạp và khó lường; nhận thức của một bộ phận doanh nghiệp, người dân về kinh tế xanh chưa đầy đủ dẫn đến sự thiếu chủ động trong việc chuyển đổi mô hình sản xuất theo hướng bền vững; trình độ khoa học và công nghệ chưa cao; nguồn lực cho mục tiêu xanh hóa nền kinh tế còn khá hạn chế; phần lớn dây chuyền sản xuất là công nghệ lạc hậu, tiêu tốn khá nhiều nhiên liệu và năng lượng; hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, chưa có văn bản pháp luật cụ thể quy định về năng lượng xanh và năng lượng tái tạo; hoạt động quản lý và triển khai chiến lược phát triển kinh tế xanh ở các ngành và địa phương cũng còn thiếu sự phối hợp, chưa tạo được sự đồng bộ trên toàn quốc. Để hiện thực hóa các mục tiêu

về phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong giai đoạn hiện nay, cần tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền, doanh nghiệp, cộng đồng, người dân về vai trò, tầm quan trọng của tăng trưởng xanh. Tăng trưởng xanh là một xu hướng tất yếu và là con đường phát triển bền vững của nước ta; việc thực hiện hiệu quả tăng trưởng xanh sẽ góp phần bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tập trung tuyên truyền, phổ biến các chính sách, quy định để các doanh nghiệp, các chủ thể kinh tế, người dân dễ dàng tiếp cận thông tin chủ trương, chính sách, quy định của Đảng và Nhà nước về môi trường, kinh tế xanh và phát triển bền vững, tạo sự chuyển biến trong nhận thức, đề cao trách nhiệm xã hội, tích cực chuyển hướng đầu tư sang sản xuất và tiêu dùng xanh, góp phần nâng cao tính hiệu quả của các chiến lược, chương trình, kế hoạch hành động mà Chính phủ đã đề ra.

Hai là, xây dựng khung pháp lý, cơ chế chính sách đồng bộ phát triển kinh tế xanh. Nhà nước cần hoàn thiện hệ thống pháp luật về kinh tế xanh, tích hợp các yếu tố môi trường, khí hậu, sử dụng tài nguyên bền vững vào trong các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Doanh nghiệp... Cần ban hành các đạo luật chuyên biệt về kinh tế xanh, năng lượng tái tạo, sản xuất và tiêu dùng bền vững. Đồng thời, cần phát triển các cơ chế tài chính xanh như tín dụng xanh, trái phiếu xanh, quỹ đầu tư xanh để huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân và

quốc tế; thúc đẩy mô hình hợp tác công - tư (PPP) trong phát triển cơ sở hạ tầng và công nghệ xanh; xây dựng chính sách ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi mô hình tăng trưởng xanh như miễn, giảm thuế, tiếp cận vốn tín dụng xanh, hỗ trợ đổi mới công nghệ thân thiện môi trường. Nhà nước cần tạo điều kiện thuận lợi cho thị trường carbon, tín chỉ khí thải phát triển. Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành, liên vùng để triển khai các chương trình, dự án kinh tế xanh hiệu quả; tăng cường thanh tra, giám sát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

Ba là, tăng cường đầu tư cho khoa học và công nghệ phát triển kinh tế xanh. Khoa học và công nghệ là yếu tố then chốt giúp nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm phát thải và đổi mới mô hình tăng trưởng. Trước hết, Nhà nước cần ưu tiên bố trí ngân sách cho các chương trình nghiên cứu khoa học liên quan đến phát triển năng lượng tái tạo, công nghệ sạch, công nghệ xử lý chất thải, nông nghiệp thông minh, kinh tế tuần hoàn... Xây dựng các quỹ hỗ trợ nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ mục tiêu tăng trưởng xanh, khuyến khích các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp tham gia nghiên cứu ứng dụng. Thứ hai, thúc đẩy hợp tác công - tư trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, đặc biệt trong thương mại hóa kết quả nghiên cứu và chuyển giao công nghệ xanh. Cần có chính sách ưu đãi tài chính, thuế, đất đai cho các doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ thân thiện môi trường. Thứ ba, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, triển khai và ứng dụng công nghệ xanh; thúc đẩy hợp tác quốc tế nhằm tiếp thu và chuyển giao công nghệ tiên tiến.

Bốn là, cải thiện môi trường đầu tư, tăng cường thu hút mọi nguồn lực từ tất cả các thành phần kinh tế, tập trung huy động nguồn vốn nước ngoài. Phát huy vai trò dẫn dắt của khu vực công trong đầu tư phát triển kinh tế xanh, thông qua việc ưu tiên ngân sách nhà nước cho các dự án hạ tầng xanh, nghiên cứu - phát triển công nghệ sạch, đồng thời tạo niềm tin cho khu vực tư nhân cùng tham gia. Nhà nước cần xây dựng tiêu chí chặt chẽ để lựa chọn những dự án đầu tư thực sự có hiệu quả trong phát triển kinh tế xanh, đảm bảo yếu tố bảo vệ môi trường. Việc thu hút nguồn vốn nước ngoài không chỉ góp phần phát triển kinh tế xanh mà còn giúp doanh nghiệp trong nước học hỏi được kinh nghiệm từ phía doanh nghiệp nước ngoài. Tăng cường hoạt động giao lưu, hợp tác với cộng đồng quốc tế nhằm tranh thủ sự hỗ trợ quốc tế trong việc đạt được các mục tiêu quốc gia về phát triển xanh. Tạo điều kiện thuận lợi cho những dự án đầu tư quy mô lớn, hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn về môi trường, xã hội, quản trị, và thông qua đó học tập kinh nghiệm phát triển xanh của các quốc gia tiên tiến để áp dụng vào Việt Nam.

Năm là, phát huy vai trò của cấp ủy, chính quyền, doanh nghiệp và mỗi người dân đối với nhiệm vụ chuyển đổi xanh, tăng trưởng xanh. Các bộ, ngành, địa phương cần nhanh chóng rà soát quy hoạch, áp dụng, lồng ghép chuyển đổi xanh vào các kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, gắn kết chỉ tiêu tăng trưởng xanh trong hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược ngành; tăng cường giám sát và kiểm soát để đảm bảo các hoạt động sản xuất, kinh doanh và sử dụng tài nguyên được thực hiện đúng quy định và đảm bảo bền vững về môi trường; xây dựng và phát triển các công trình, hạ

tầng thân thiện với môi trường; tăng cường giáo dục và tuyên truyền cho cộng đồng về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và chuyển đổi xanh, từ đó khuyến khích mọi người tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Các doanh nghiệp nâng cao trách nhiệm xã hội, đạo đức kinh doanh, xác định rõ những thách thức và cơ hội, bảo đảm tuân thủ các quy định về môi trường, đổi mới công nghệ và nâng cao hiệu quả sản xuất; sắp xếp, cơ cấu lại, hạn chế phát triển những ngành kinh tế phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên; hình thành đội ngũ doanh nhân “xanh” của đất nước. Các bộ, ngành chuyên môn với các cơ quan chỉ đạo, định hướng công tác thông tin, tuyên truyền tăng cường công tác phối hợp, xây dựng chiến lược truyền thông, nâng cao tính định hướng truyền thông chính sách về chuyển đổi xanh, tăng trưởng xanh; phát huy hiệu quả các cơ quan, phương tiện truyền thông trong việc tạo ra nhận thức và lan tỏa thông điệp về chuyển đổi xanh. Nhân dân tham gia tích cực chuyển đổi xanh, bảo vệ môi trường và bảo vệ tài nguyên bằng việc thay đổi cách sống, cách tiêu dùng, như: Sử dụng các sản phẩm và vật liệu thân thiện với môi trường; phân loại và tái chế rác để giảm thiểu lượng rác thải và bảo vệ môi trường; tham gia các hoạt động trồng cây và bảo vệ rừng để giữ gìn và phát triển các nguồn tài nguyên thiên nhiên; tham gia các hoạt động tình nguyện và giáo dục về môi trường để nâng cao nhận thức và đóng góp vào việc bảo vệ môi trường; hỗ trợ và tham gia các hoạt động chuyển đổi xanh trong cộng đồng, như tìm kiếm và sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, xây dựng các công trình xanh./.

ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975 - THẮNG LỢI CỦA TINH THẦN TỰ CHỦ, ĐỘC LẬP VÀ SÁNG TẠO CỦA ĐẢNG TA

✧ ThS. NGUYỄN QUỲNH NGÀ

Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước là kết quả của tinh thần tự chủ, độc lập và sáng tạo của Đảng ta, chủ động chuẩn bị đầy đủ mọi mặt, triệt để chớp thời cơ giành thắng lợi, đặc biệt trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. Từ chỗ hạ quyết tâm hoàn thành giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975 và 1976, rồi rút ngắn giải phóng trong năm 1975 và cuối cùng là ngay trong tháng 4/1975, cuộc tổng tiến công đạt đến độ “thần tốc”, triệt để tận dụng thời cơ chiến lược mở ra từ chiến thắng Tây Nguyên ta chuyển sang tổng tiến công chiến lược hoàn thành nhiệm vụ giải phóng miền Nam. Tinh thần tự chủ, độc lập, sáng tạo của Đảng ta trong lãnh đạo cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đã để lại những bài học quý giá cho công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

Đại thắng mùa xuân năm 1975 là một trong những thắng lợi vĩ đại của dân tộc Việt Nam và nhân loại tiến bộ trong thế kỷ XX. Thắng lợi vĩ đại đó do nhiều nhân tố tạo nên, nhưng nhân tố có ý nghĩa quyết định nhất là sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng - nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh rất đặc sắc của Trung ương Đảng từ bước tạo thời cơ, nắm bắt đúng thời cơ, hạ quyết tâm chiến lược kịp thời, chính xác đến chỉ đạo chiến lược kiên quyết, linh hoạt, sáng tạo.

Thượng tướng Trần Văn Trà đã nói: “Một dân tộc đã biết đứng lên cầm vũ khí tiến hành cuộc chiến tranh một mất một còn để tự giải phóng cho mình khỏi ách nô lệ thì dân tộc đó cũng phải biết kết thúc cuộc chiến tranh thế nào cho có lợi nhất”⁽¹⁾. Với cuộc tiến công chiến lược năm 1972 trên các chiến trường miền Nam, cùng với việc đập tan cuộc tập kích chiến lược

bằng B52 của Mỹ ở miền Bắc cuối tháng 12/1972, Việt Nam đã đạt được mục tiêu giành thắng lợi quyết định, buộc đế quốc Mỹ phải xuống thang, chấp nhận ký kết Hiệp định Paris, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (01/1973). Mặc dù Hiệp định Paris được ký kết, quân Mỹ và các nước đồng minh của Mỹ buộc phải rút khỏi miền Nam Việt Nam nhưng đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục theo đuổi chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, hậu thuẫn cho nguy quân, nguy quyền Nguyễn Văn Thiệu đẩy mạnh tiến hành “cuộc chiến tranh lấn chiếm và bình định” trên toàn miền Nam; chiến trường vẫn không ngưng tiếng súng. Trước tình hình đó, Đảng và Nhân dân ta biết rõ nếu pháp lý hiệp định không chấm dứt được chiến tranh thì chỉ còn một phương pháp là phải dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao

động Việt Nam lần thứ 21 (tháng 7/1973) khẳng định con đường của cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực: “Con đường tiến lên của cách mạng miền Nam là con đường cách mạng bạo lực. Bất kể trong tình huống nào cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên”⁽²⁾.

Thực hiện Nghị quyết lần thứ 21, Ban Chấp hành Trung ương khóa III, cả miền Bắc và miền Nam đều thi đua chiến đấu và lao động sản xuất với tinh thần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Thắng lợi toàn diện trong năm 1973 đã tạo đà và đặt nền tảng cho bước ngoặt của cuộc chiến tranh. Với tinh thần trách nhiệm lớn lao, sau một thời gian chuẩn bị, tháng 9/1974, Bộ Chính trị họp bàn về chủ trương giải phóng miền Nam. Tại Hội nghị này, Bộ Chính trị đã phê chuẩn kế hoạch 2 năm và kế hoạch tác chiến năm 1975. Từ ngày 08/12/1974 đến ngày 08/1/1975, Bộ Chính trị tiếp tục họp (lần 2), nhận định: Đây là thời cơ thuận lợi nhất để nhân dân ta giải phóng miền Nam, giành thắng lợi trọn vẹn. Hai mươi năm nhân dân cả nước chiến đấu mới tạo được thời cơ này. “Ngoài thời cơ này, không có thời cơ nào khác. Nếu để chậm mười, mười lăm năm nữa, bọn nguy cơ dậy được, các thế lực xâm lược được hồi phục... thì tình hình sẽ phức tạp vô cùng”. Trên cơ sở nhận diện đúng thời cơ, Bộ Chính trị hạ quyết tâm chiến lược: “Động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy cuối cùng, đưa chiến tranh cách mạng phát triển đến mức cao nhất, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân nguy, đánh chiếm Sài Gòn, sào huyệt trung tâm của địch cũng như tất cả các thành thị khác, đánh đổ nguy quyền ở trung ương và các cấp, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, giải phóng hoàn toàn miền Nam, hoàn thành cách mạng dân

tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thống nhất nước nhà”. Quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam của Bộ Chính trị ở Hội nghị này cho thấy chúng ta đã có sự chuẩn bị kỹ càng chủ động, cho thấy tư duy chiến lược, bản lĩnh chính trị độc lập tự chủ, sáng tạo, nhạy bén nắm vững tình hình để hạ quyết tâm chiến lược kịp thời, chính xác.

Ngày 06/01/1975, Chiến dịch Đường số 14 - Phước Long - “trận trình sát chiến lược” của ta giành thắng lợi, tạo cơ sở vững chắc cho quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam. Sau thắng lợi của Chiến dịch Đường số 14 - Phước Long, Bộ Chính trị chính thức xác định: Tây Nguyên là chiến trường chủ yếu. Ngày 09/01/1975, Thường trực Quân ủy Trung ương họp bàn và quyết định mở Chiến dịch Tây Nguyên với mật danh “Chiến dịch 275”. Ngày 04/3/1975, ta mở Chiến dịch Tây Nguyên và chọn mục tiêu tiến công chủ yếu là Buôn Ma Thuột làm trận đột phá then chốt mở màn cho Chiến dịch giành thắng lợi, làm đảo lộn thế phòng thủ của địch, buộc chúng phải rút khỏi Kon Tum, Pleiku, tạo bước ngoặt quan trọng và thời cơ thuận lợi cho các chiến trường tiến tới thực hiện cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Dự kiến phương án và kế hoạch tác chiến chiến lược cho năm 1975, Trung ương Đảng đã khẳng định: “Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”. Sự quyết đoán của Trung ương Đảng, thể hiện tầm nhìn chiến lược, tư duy sắc sảo, quyết tâm chiến lược táo bạo nhưng hết sức chính xác. Cùng với đó, ta đã tận dụng được thời cơ chiến lược mở ra từ thắng lợi ở Buôn Ma Thuột, chuyển sang kế hoạch một năm từ tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược, rút ngắn một nửa thời gian hoàn thành nhiệm vụ giải phóng miền Nam. Quán triệt sâu sắc quan điểm “Muốn tạo thời cơ, tranh thủ thời cơ, trước hết phải quán triệt tư tưởng

chỉ đạo: Kiên quyết tiến công, tích cực tiêu diệt địch” và “Nếu không có tinh thần kiên quyết và liên tục tiến công thì không thể tạo được thời cơ tốt, có thời cơ tốt cũng bỏ lỡ mà có khi còn bị địch ép vào thế bị động rất nguy hiểm”. Năm bắt thời cơ lịch sử, sau khi giải phóng Tây Nguyên, Bộ Chính trị đã chỉ đạo Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng “Chớp thời cơ nâng cao tốc độ tiến công”. Các đơn vị thừa thắng, phát triển xuống vùng Duyên hải Trung Bộ lần lượt giải phóng Bình Khê, Phú Yên, Nha Trang, Cam Ranh... làm cho toàn bộ lực lượng Quân đoàn 2, Quân khu 2 của địch bị tan rã; hệ thống phòng thủ chiến lược của địch bị chia cắt, tạo nên thời cơ mới. Trong lúc Chiến dịch Tây Nguyên tập trung phản kích đánh địch ở Buôn Ma Thuột và tổ chức trận đánh tiêu diệt các lực lượng còn lại của Quân đoàn 2 Quân đội Sài Gòn rút chạy trên Đường số 7, ngày 18/3/1975, Bộ Chính trị họp bàn kịp thời bổ sung quyết tâm chiến lược: Tranh thủ thời cơ, giải phóng hoàn toàn miền Nam ngay trong năm 1975 (kế hoạch hai năm được rút xuống còn một năm) và nhấn mạnh: Muốn hoàn thành nhiệm vụ cơ bản đó, nhiệm vụ trước mắt của quân và dân ta là mở đòn tiến công chiến lược thứ hai nhằm giải phóng Huế - Đà Nẵng và các tỉnh ven biển miền Trung. Ngày 21/3/1975, Chiến dịch Huế - Đà Nẵng bắt đầu. Ngay sau đó, ngày 25/3/1975, Bộ Chính trị tiếp tục bổ sung quyết tâm chiến lược: giải phóng miền Nam trước mùa mưa. Bộ Chính trị khẳng định: “Cuộc tổng tiến công chiến lược của ta đã bắt đầu với Chiến dịch Tây Nguyên. Thời cơ chiến lược mới đã đến”, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam, từ đó thống nhất quyết nghị: Tập trung nhanh nhất binh lực, vật lực giải phóng miền Nam trước mùa mưa (khoảng giữa tháng 5/1975). Kế hoạch một năm tiếp tục được rút xuống còn 5 tháng. Bộ Chính trị hạ quyết tâm mở chiến dịch lịch sử có

ý nghĩa quyết định với quy mô lớn nhất: Chiến dịch Tổng công kích và nổi dậy giải phóng Sài Gòn. Nhưng muốn đi đến đòn quyết chiến chiến lược ấy, Bộ Chính trị chỉ đạo: Dứt điểm giải phóng Thừa Thiên - Huế; đồng thời tiến công Đà Nẵng kịp thời nhất, nhanh chóng nhất, táo bạo nhất, bất ngờ nhất và chắc thắng. Ngày 26/3/1975 chúng ta giải phóng Huế, ngày 29/3/1975, ta giải phóng hoàn toàn thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Đà. Đòn tiến công chiến lược vào Huế - Đà Nẵng giành thắng lợi, tạo bước nhảy vọt về chiến lược, làm thay đổi hoàn toàn cục diện so sánh lực lượng, thế trận.

Trên đà thắng lợi, với tư tưởng: “Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”, “Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa...”, ngày 31/3/1975, Bộ Chính trị lại tiếp tục họp bàn, nhận định: Cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam phát triển nhảy vọt “một ngày bằng hai mươi năm”, thời cơ để mở tổng tiến công và nổi dậy tại Sài Gòn - Gia Định đã chín muồi. Từ đó, Bộ Chính trị quyết định: “Chúng ta phải nắm vững thời cơ chiến lược, quyết tâm thực hiện tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc thắng lợi chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất. Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng Tư năm nay, không để chậm. Phải hành động “thần tốc, táo bạo, bất ngờ”. Phải tiến công ngay lúc địch hoang mang, suy sụp. Tập trung lực lượng lớn hơn nữa vào những mục tiêu chủ yếu trên từng hướng, trong từng lúc”. Kế hoạch 5 tháng tiếp tục được rút xuống còn 4 tháng. Ngày 9/4/1975, quân ta tiến công Xuân Lộc - tuyến phòng thủ trọng yếu bảo vệ Sài Gòn từ phía Đông của nguy quân. Ngày 16/4/1975, quân ta đập tan tuyến phòng thủ Phan Rang. Ngày 14/4/1975, Bộ Chính trị phê chuẩn chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định lấy tên là Chiến dịch Hồ Chí Minh. Ngày 21/4/1975, quân địch ở Xuân Lộc tháo chạy. Nguy quân, nguy

quyền Sài Gòn ngày càng rơi vào tình trạng hoang mang. Mỹ lập cầu hàng không viện trợ khẩn cấp cho ngụy quyền, ngụy quân nhằm cứu vãn sự sụp đổ hoàn toàn, hy vọng tìm kiếm một giải pháp qua đàm phán. Ngày 22/4/1975, Bộ Chính trị họp bàn, phát lệnh: “Thời cơ để mở cuộc tổng tiến công về quân sự và chính trị vào Sài Gòn đã chín muồi. Ta cần tranh thủ từng ngày để kịp thời phát động tiến công. Hành động trong lúc này là bảo đảm chắc chắn nhất để giành thắng lợi hoàn toàn. Nếu để chậm sẽ không có lợi cả về quân sự và chính trị”.

Sau khi tạo thế và lực, chiều 26/4/1975, ta nổ súng mở màn Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn - Gia Định. Năm cánh quân từ năm hướng lấy điểm đến là trung tâm Sài Gòn kết hợp với pháo lệnh, xe tăng và không quân đã nhanh chóng tiêu diệt hàng chục vạn quân địch, đè bẹp các trung tâm đề kháng, phòng thủ để tiến vào trung tâm thành phố. Đúng 11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975, lá cờ Chiến thắng của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, kết thúc Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giành thắng lợi trọn vẹn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, với tinh thần, ý chí triệt để cách mạng, tư tưởng tích cực, chủ động tiến công.

Thắng lợi Chiến dịch Tây Nguyên đến Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 là sự vận dụng sáng tạo quan điểm tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh muốn giành thắng lợi không thể chỉ dựa vào ý chí, mà phải có đường lối chiến lược đúng đắn, sáng tạo, biết tạo ra sức mạnh. Trong đó, tư tưởng “Kiên quyết không ngừng thế tiến công” giữ vị trí chủ đạo. Với tinh thần “một ngày bằng 20 năm”, chúng ta đã tổng động viên sức mạnh của cả nước cho đòn tiến công chiến lược mang tính quyết định. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975

được tạo bởi 3 đòn tiến công chiến lược, đến đầu tháng 4/1975, ta giành chiến thắng ở các chiến dịch Tây Nguyên, Trị - Thiên, Đà Nẵng. Trước tốc độ phát triển tiến công diễn ra nhanh hơn dự kiến, Bộ Chính trị và Thường trực Quân ủy Trung ương tiếp tục điều chỉnh kế hoạch chiến lược và hạ quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam trong thời gian sớm nhất. Từ chỗ hạ quyết tâm hoàn thành giải phóng miền Nam trong hai năm, rồi rút ngắn giải phóng trong năm 1975 và cuối cùng là ngay trong tháng 4/1975. Cuộc tổng tiến công đạt đến độ “thần tốc”. Đảng ta đã trực tiếp chỉ đạo, chọn hướng tiến công chiến lược đúng, xác định cách đánh đúng, nắm bắt nhanh diễn biến chiến trường và nhạy bén trước mọi động thái, tình huống, liên tục bổ sung quyết tâm chiến lược với nhịp độ phát triển cực nhanh của toàn bộ chiến trường, đồng thời bảo đảm bất ngờ, táo bạo.

Thắng lợi của cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đã kết thúc vẻ vang 30 năm đấu tranh kiên cường của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thắng lợi đó chứng minh đường lối và phương pháp cách mạng của Đảng ta là hoàn toàn đúng đắn; sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương chính xác, kịp thời, kiên quyết, táo bạo và sắc bén. Đại thắng mùa Xuân 1975 là đại thắng của chính nghĩa, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; đại thắng của sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại, trong đó đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng là hạt nhân cốt lõi. Đây là thắng lợi của tinh thần tự chủ, độc lập và sáng tạo của Đảng ta./.

Tài liệu tham khảo:

(1). Thượng tướng Trần Văn Trà – Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm, Nxb quân đội nhân dân, HN 2010.

(2). Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2004, t.34, tr232

NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI BỆNH “SỢ TRÁCH NHIỆM” CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC TRONG THỰC THI CÔNG VỤ

✧ ThS. THÁI THỊ HIỀN

Giảng viên Phòng QLĐT&NCKH

Tóm tắt: Đội ngũ cán bộ, công chức là lực lượng giữ vai trò then chốt trong tổ chức, triển khai và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thực tiễn thực thi công vụ hiện nay cho thấy, vẫn còn một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức rơi vào tình trạng né tránh, dùn dầy, thiếu quyết đoán - biểu hiện rõ nét của căn bệnh “sợ trách nhiệm”. Đây không chỉ là vấn đề tinh thần, thái độ làm việc, mà còn là rào cản rất lớn đối với quá trình cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân. Ngăn chặn, đẩy lùi bệnh “sợ trách nhiệm” là yêu cầu cấp thiết nhằm đảm bảo sự trong sạch, vững mạnh của bộ máy hành chính nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

Bệnh “sợ trách nhiệm” trong thực thi công vụ là tình trạng một bộ phận cán bộ, công chức vì lo ngại hậu quả có thể xảy ra ảnh hưởng đến bản thân hoặc gặp rắc rối, nên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao cố tình né tránh, dùn dầy; thiếu quyết đoán trong xử lý tình huống, không dám hành động hoặc đưa ra quyết định; làm việc cầm chừng, không dám đổi mới sáng tạo; sợ sai, sợ bị kiểm điểm nên không dám chịu trách nhiệm cá nhân; dè dặt, trông chờ vào cấp trên để được “an toàn”...

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề cập đến biểu hiện của căn bệnh “sợ trách nhiệm” và chỉ ra nguồn gốc của nó là do chủ nghĩa cá nhân. Người chỉ rõ: “Có lợi cho tôi thì tôi tích cực; không có lợi cho tôi thì tôi tiêu cực. Tôi muốn có địa vị cao,

nhưng lại sợ trách nhiệm”⁽¹⁾. Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) cũng chỉ rõ biểu hiện của hiện tượng này là: “Tham vọng chức quyền, không chấp hành sự phân công của tổ chức; kén chọn chức danh, vị trí công tác; chọn nơi có nhiều lợi ích, chọn việc dễ, bỏ việc khó; không sẵn sàng nhận nhiệm vụ ở nơi xa, nơi có khó khăn”⁽²⁾. Việc này thường được che đậy kỹ lưỡng và khéo kéo dưới nhiều vỏ bọc khác nhau.

Trên thực tế, những người mắc bệnh “sợ trách nhiệm” thường là những người muốn có địa vị cao, nhưng lại sợ trách nhiệm nặng. Vì sợ trách nhiệm nên dần dần tinh thần đấu tranh, ý chí phấn đấu và tính tích cực của họ bị kém sút, những phẩm chất tốt đẹp của người cách mạng cũng bị mài mòn; họ chỉ lo vun vén cho lợi ích cá nhân mà quên đi lợi ích tập thể,

quên đi bốn phận, trách nhiệm của người cán bộ, công chức là phải hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân.

Nguyên nhân dẫn đến căn bệnh “sợ trách nhiệm” có rất nhiều, nhưng điển hình phải kể đến là: do cơ chế, chính sách còn nhiều chông chéo, thiếu hướng dẫn cụ thể nên cán bộ, công chức khi thực thi thì lúng túng, sợ sai; do việc bố trí, sử dụng cán bộ, công chức còn nhiều bất cập, có những lúc, những nơi chưa thực sự “vì việc mà bố trí người”, chưa thực sự căn cứ vào năng lực và tinh thần trách nhiệm mà vẫn còn nể nang, cảm tính; việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức vẫn còn chưa thực sự khách quan, chưa gắn với hiệu quả công việc. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, khi Đảng và Nhà nước ta đang tiến hành cuộc cách mạng về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị các cấp, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Khi kết thúc đơn vị hành chính cấp huyện, các nhiệm vụ, quyền hạn của cấp huyện sẽ đưa lên cấp tỉnh và phần lớn là đưa xuống cấp xã. Giai đoạn đầu triển khai và thực hiện mô hình này có thể sẽ xuất hiện những thách thức như: địa bàn quản lý rộng, với nhiều đầu việc, nhiều nhiệm vụ mới phải trực tiếp giải quyết cho người dân; năng lực cán bộ, công chức có thể chưa đáp ứng hết yêu cầu, nhất là kỹ năng quản lý, kiến thức chuyên môn và ứng dụng chuyển đổi số, một bộ phận cán bộ, công chức chọn cách an toàn để giữ vị trí, tránh rủi ro nên ngại đổi mới sáng tạo; khung pháp lý vẫn đang trong quá trình phải hoàn thiện nên có thể sẽ có những bất cập; việc thay đổi môi trường làm việc có thể tác động đến tâm tư, nguyện vọng của đội ngũ cán bộ, công chức;... Đây cũng chính là những nguyên nhân làm phát sinh

căn bệnh “sợ trách nhiệm” trong cán bộ, công chức.

Căn bệnh này nếu không được ngăn chặn, đẩy lùi sẽ gây ra nhiều hệ lụy: làm chậm trễ, ách tắc công việc, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước; gây khó khăn, phiền hà cho người dân và doanh nghiệp; làm xói mòn niềm tin của Nhân dân; nhiều nguồn lực không được khơi thông và phát huy, là rào cản cho từng cá nhân và lực cản đối với cả hệ thống, gây ra nhiều tác động tiêu cực, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả cải cách hành chính, chất lượng phục vụ Nhân dân và sự phát triển của đất nước. Vì vậy, việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, xây dựng và hoàn thiện cơ chế chính sách; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh, quyết tâm cao, sẵn sàng dấn thân, hy sinh lợi ích cá nhân; dám đi đầu, đổi mới, loại bỏ cái cũ, cái lạc hậu; khơi thông điểm nghẽn, giải quyết vướng mắc, ách tắc trong thực tiễn, mang lại hiệu quả cao trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ; giải quyết những vấn đề sai sót tồn đọng, kéo dài hoặc đột phá đối với những vấn đề mới chưa có quy định hoặc quy định chông chéo, thiếu thống nhất, khó thực hiện; có năng lực tổ chức thực hiện, đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước vào thực tiễn đời sống xã hội... là yêu cầu cấp thiết nhằm ngăn chặn, đẩy lùi bệnh “sợ trách nhiệm” trong cán bộ, công chức khi thực thi công vụ. Muốn vậy, cần tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách nhằm quy định rõ ràng về trách nhiệm cá nhân trong từng vị trí công tác; phân cấp phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát. Đây là giải pháp căn cơ

nhằm khắc phục tâm lý e dè, lo sợ rủi ro trong quá trình thực thi công vụ. Để thực hiện có hiệu quả giải pháp này, trên cơ sở quy định của Trung ương, các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền địa phương cần xây dựng và ban hành quy chế hoạt động, phân định rạch ròi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng vị trí công tác và gắn trách nhiệm cá nhân với kết quả thực hiện công việc; thiết lập cơ chế kiểm soát, giám sát và phản hồi minh bạch, nhằm phát hiện sớm những biểu hiện thiếu trách nhiệm để có biện pháp xử lý kịp thời. Mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động rà soát lại hệ thống các quy định, quy chế nội bộ, quy trình xử lý công việc để lược bỏ những thủ tục rườm rà, không thực sự cần thiết, để giảm tâm lý sợ sai, sợ bị quy trách nhiệm cho cán bộ, công chức khi thực thi công vụ. Việc xây dựng và hoàn thiện cơ chế rõ ràng không chỉ tạo hành lang pháp lý vững chắc mà còn giúp cán bộ, công chức biết mình phải làm gì, làm đến đâu và chịu trách nhiệm như thế nào, từ đó nâng cao tính chủ động, tinh thần trách nhiệm và loại bỏ dần tâm lý cầu an, né tránh.

Thứ hai, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung nhằm tạo động lực làm việc cho đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi công vụ. Các cấp ủy, tổ chức đảng cần quán triệt và thực hiện nghiêm Kết luận số 14-KL/TW, ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị (khóa XIII) về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung; Nghị định số 73/2023/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm,

dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Các bộ, ban, ngành, địa phương, nhất là địa phương, đơn vị sau sắp xếp, sáp nhập cần tiếp tục bổ sung, xây dựng và ban hành các quy định, quy chế, hướng dẫn cụ thể, rõ ràng, phù hợp với tình hình thực tiễn để bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm; trong đó xác định cụ thể các trường hợp được bảo vệ khi thực hiện nhiệm vụ vì lợi ích chung, kể cả khi kết quả chưa được như mong muốn; thiết lập cơ chế giám sát, phản biện và thẩm định rủi ro đối với các sáng kiến, quyết định mang tính đột phá, đảm bảo tính minh bạch và khách quan trong xử lý trách nhiệm. Định kỳ, cần đánh giá thực chất kết quả thực hiện; kịp thời biểu dương, khen thưởng những cán bộ có tư duy đổi mới, cách làm đột phá, sáng tạo, hiệu quả cao và xem đó là một tiêu chí quan trọng để xếp loại, nâng ngạch, quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, công chức. Đồng thời, nghiêm túc kiểm điểm, phê bình, thậm chí miễn nhiệm đối với những cán bộ, công chức “an phận thủ thường”, không dám nói, không dám làm, không dám chịu trách nhiệm, không hành động vì lợi ích chung, mà chỉ lo vun vén lợi ích cá nhân.

Thứ ba, tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng và đạo đức công vụ gắn với rèn luyện đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, công chức. Người cán bộ, công chức khi có bản lĩnh và đạo đức cách mạng sẽ bình tĩnh, tự tin, sáng suốt giải quyết những vấn đề đặt ra và sẽ luôn thúc đẩy chính mình hành động vì lợi ích chung, không thờ ơ, vô cảm trước những khó khăn, bức xúc, không tư lợi, hủ hóa; luôn có liêm sỉ trong suy nghĩ và hành động; tự biết xấu hổ khi công việc thuộc

thẩm quyền, trách nhiệm của mình chưa hoàn thành, hổ thẹn với lương tâm và những người xung quanh khi không làm tròn chức trách, nhiệm vụ được giao. Để rèn luyện bản lĩnh và đạo đức cách mạng cho cán bộ, công chức, các cấp ủy, tổ chức đảng phải quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho mỗi cá nhân về vai trò, tầm quan trọng của việc nêu cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện, mỗi người phải biết tự soi, tự sửa, soi rọi tinh thần, ý thức, trách nhiệm của cá nhân mình với các chuẩn mực đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới tại Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị để gột rửa những sai lầm, khuyết điểm, giống như việc rửa mặt hàng ngày. Có như vậy, cán bộ, công chức mới có sức đề kháng để ngăn chặn, đẩy lùi bệnh “sợ trách nhiệm”. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức công vụ cần hướng đến nâng cao tinh thần trách nhiệm, sứ mệnh của từng cá nhân đối với sự nghiệp đổi mới; nhấn mạnh đến vai trò dẫn dắt, kiến tạo phát triển của cán bộ, công chức trong giai đoạn phát triển mới. Từ đó, khơi dậy tinh thần cống hiến hết mình và luôn trăn trở về sự phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân địa phương của đội ngũ cán bộ, công chức.

Thứ tư, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đây là yếu tố đặc biệt quan trọng, là “điều kiện đủ” để giúp đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện chức trách, nhiệm vụ, giải quyết công việc được giao một cách khoa học, đúng đắn, hiệu quả. Trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp hiện nay, nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức

ngày càng nhiều, yêu cầu đặt ra ngày càng cao. Nếu cán bộ, công chức không nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước; yếu về chuyên môn nghiệp vụ, thiếu linh hoạt trong xử lý các tình huống phát sinh,... thì dễ rơi vào trạng thái lúng túng, sợ sai, sợ bị quy trách nhiệm. Ngược lại khi có trình độ, năng lực, kinh nghiệm thực tiễn, có khả năng dự báo, nắm bắt xu thế phát triển chung, nhanh chóng thích ứng với những biến đổi và yêu cầu mới thì sẽ năng nổ, nhiệt tình, hăng hái trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Vì vậy, cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ gắn với xây dựng và hoàn thiện cơ chế tuyển dụng, thu hút, bố trí, sử dụng cán bộ, nhất là những người có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm thực tiễn. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cơ bản, lâu dài của địa phương. Kết hợp chặt chẽ giữa quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng những cán bộ, công chức đủ tiêu chuẩn, năng lực, phẩm chất, bản lĩnh và uy tín gắn với kiên quyết loại bỏ những cán bộ, công chức thiếu phẩm chất đạo đức và năng lực, tinh thần đổi mới, làm cho địa phương tri trệ, yếu kém. Mỗi cán bộ, công chức phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ mọi mặt, trước hết là trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ; nâng cao năng lực trong chỉ đạo, tổ chức, triển khai thực hiện nhiệm vụ; tích cực học hỏi và tự mình đúc rút kinh nghiệm trong thực tiễn để vận dụng linh hoạt, sáng tạo trong thực thi công vụ. Khi những yếu tố này được tích lũy đầy đủ, đội ngũ cán bộ, công chức sẽ luôn phát huy tốt tinh thần “bảy dám”: “dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám

đương đầu với khó khăn, thử thách và dám hành động vì lợi ích chung”⁽³⁾, sẵn sàng đảm nhận những việc khó, việc mới và tìm tòi, sáng tạo để hoàn thành tốt nhiệm vụ, theo đó, bệnh “sợ trách nhiệm” sẽ không còn hiện hữu trong mỗi cá nhân.

Thứ năm, phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu, nhằm tạo động lực và niềm tin cho cấp dưới. Đây là một trong những giải pháp mang tính nền tảng và có sức lan tỏa mạnh mẽ để đẩy lùi bệnh “sợ trách nhiệm” trong cán bộ, công chức khi thực thi công vụ. Người đứng đầu không chỉ là người tổ chức, điều hành hoạt động của địa phương, đơn vị, mà còn là hình mẫu về tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh chính trị và năng lực đổi mới. Khi người đứng đầu dám chịu trách nhiệm, dám ra quyết định trong những tình huống khó, sẵn sàng bảo vệ cấp dưới khi họ làm đúng và vì lợi ích chung thì sẽ hình thành một môi trường công vụ đầy ắp niềm tin, cán bộ cấp dưới sẽ được truyền cảm hứng và có chỗ dựa tinh thần vững chắc để hành động. Ngược lại, nếu người đứng đầu chọn cách né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, không rõ ràng trong định hướng và xử lý rủi ro, thì sẽ tạo ra tâm lý “cầu an dây chuyền”, khiến cấp dưới mất niềm tin và chỉ làm việc cầm chừng để né tránh trách nhiệm. Sự nêu gương của người đứng đầu cần phải được thể hiện trong thực tiễn và bằng hành động như: sẵn sàng chịu trách nhiệm trước tập thể khi có sai sót; công khai bảo vệ cán bộ cấp dưới khi họ thực hiện nhiệm vụ vì lợi ích chung; khuyến khích, động viên cấp dưới tìm tòi sáng kiến, cải tiến cách thức làm việc khoa học, hiệu quả; tiên phong nhận phần khó, phần mới trong phân công công việc; chịu trách nhiệm về việc xây dựng đội ngũ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm...

Bệnh sợ trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ, công chức không chỉ là biểu hiện của sự yếu kém về bản lĩnh và tinh thần công vụ, mà còn là rào cản nghiêm trọng đối với tiến trình cải cách hành chính, phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Để ngăn chặn và đẩy lùi căn bệnh này cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, đặc biệt cần xây dựng và lan tỏa một nền văn hóa công vụ dựa trên tinh thần phụng sự, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung, trong đó mỗi cán bộ, công chức không chỉ làm đúng quy trình, mà còn phải dám hành động, dám chịu trách nhiệm với tinh thần kiến tạo và đổi mới. Chỉ như vậy, bộ máy hành chính mới hoạt động hiệu quả và thực sự trở thành niềm tin, chỗ dựa vững chắc cho Nhân dân trong tiến trình xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc./.

Chú thích:

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.11, tr.467;

(2) Nghị quyết số 04/NQ-TW, ngày 30/10/2016, Hội nghị lần thứ tư, BCH Trung ương Đảng (khóa XII) về Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ;

(3) Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Quân ủy Trung ương lần thứ 6, nhiệm kỳ 2020 - 2025, đăng trên Báo Điện tử Chính phủ, ngày 3/7/2023.

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM HỒ CHÍ MINH VỀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ ĐƯA ĐẤT NƯỚC BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN MỚI

✧ ThS. TRẦN THỊ THÚY HƯỜNG

Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Với tầm nhìn vượt thời đại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến vấn đề phát triển khoa học, công nghệ và coi đó là khâu then chốt trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng và phát triển nước. Đối với nước ta, từ rất sớm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấy rõ tầm quan trọng đó và xác định nội dung, biện pháp, điều kiện để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ. Những quan điểm của Người về phát triển khoa học và công nghệ vẫn vẹn nguyên giá trị trong việc vận dụng vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về phát triển khoa học và công nghệ

Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phát triển khoa học và công nghệ thể hiện qua những nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, khoa học và công nghệ bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi, là lực lượng sản xuất trực tiếp, là động lực của tiến bộ xã hội. Theo Hồ Chí Minh, khoa học và công nghệ có vai trò quan trọng giúp con người làm chủ tự nhiên, xã hội. Khoa học và công nghệ gắn bó chặt chẽ với việc xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội vì muốn xây dựng được cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho Nhân dân thì tất yếu phải xây dựng chủ nghĩa xã hội và muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì cần phải phát triển khoa học, công nghệ. Khoa học là động lực cho sự nghiệp xây dựng đất nước; chủ nghĩa xã hội là môi trường thuận lợi cho khoa học, kỹ thuật phát triển. Người chỉ rõ: “Chúng ta đều biết rằng trình độ khoa học, kỹ thuật của ta hiện nay còn thấp kém. Lề lối sản xuất chưa cải tiến được nhiều. Cách thức làm việc còn nặng nhọc. Năng suất lao động còn thấp

kém. Phong tục tập quán lạc hậu còn nhiều. Nhiệm vụ của khoa học là ra sức cải biến những cái đó”⁽¹⁾. Khoa học phải từ sản xuất mà ra và phải trở lại phục vụ sản xuất, phục vụ quần chúng, nhằm nâng cao năng suất lao động và không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân, bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi”⁽²⁾. Người khẳng định: “Như vậy, nhiệm vụ của khoa học, kỹ thuật là cực kỳ quan trọng, cho nên mọi ngành, mọi người đều phải tham gia công tác khoa học, kỹ thuật, để nâng cao năng suất lao động, sản xuất ra nhiều của cải vật chất, để xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi”⁽³⁾. Hồ Chí Minh quan niệm: “Chủ nghĩa xã hội cộng với khoa học, chắc chắn sẽ đưa loài người đến hạnh phúc vô tận”⁽⁴⁾, vì vậy, muốn có tiến bộ, ấm no, hạnh phúc thì phải xây dựng chủ nghĩa xã hội và phát triển khoa học, công nghệ; “cách mạng xã hội chủ nghĩa gắn liền với sự phát triển khoa học và kỹ thuật, với sự phát triển văn hóa của nhân dân”⁽⁵⁾.

Thứ hai, khoa học và công nghệ là nhân tố quyết định xây dựng đường lối, chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận thấy sự phát triển

khoa học, kỹ thuật và công nghệ sẽ quyết định đến khả năng cạnh tranh về kinh tế của đất nước. Đối với các nước chậm phát triển, nền kinh tế lạc hậu, thì việc tiếp nhận khoa học, công nghệ từ bên ngoài và mở rộng mối quan hệ hợp tác là hết sức quan trọng. Người lấy mình chứng thực tế từ nước Nhật Bản, là một nước điển hình về việc sử dụng thành quả của khoa học tiên tiến trên thế giới, thực hiện công nghiệp hóa, du nhập và học hỏi từ các nước phương Tây về khoa học - kỹ thuật hiện đại để mở rộng sản xuất và tăng khả năng cạnh tranh về kinh tế. Người cho rằng: “là phi lý nếu nghĩ rằng hai dân tộc láng giềng như dân tộc An Nam và dân tộc Nhật Bản lại có thể cứ tồn tại biệt lập đối với nhau. Nhưng người Nhật, nhờ ở Chính phủ khôn khéo của họ, có các phương tiện rất đầy đủ, được trang bị tốt để tiến hành đấu tranh kinh tế; trong khi đó thì người An Nam- chúng tôi đã nói vì sao - lại hoàn toàn là con số không, xét về mặt tiến bộ hiện đại, so với các láng giềng của họ”⁽⁶⁾. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh việc hoạch định đường lối, chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế phải dựa trên những căn cứ khoa học, thực tiễn và tôn trọng quy luật khách quan. Người viết: “Phải nắm vững quy luật phát triển của cách mạng, phải tính toán cẩn thận những điều kiện cụ thể, những biện pháp cụ thể. Kế hoạch phải chắc chắn, cân đối. Chớ đem chủ quan của mình thay thế cho điều kiện thực tế”⁽⁷⁾. Đây vừa là điều kiện cần, vừa là điều kiện đủ để các chính sách của Đảng và Nhà nước đi vào cuộc sống và được Nhân dân đón nhận.

Thứ ba, khoa học và công nghệ phải liên kết chặt chẽ với sản xuất. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, khoa học và công nghệ phải gắn kết chặt chẽ với sản xuất, là một yếu tố đầu vào quan trọng của sản xuất và hướng vào giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế của đất nước. Khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất, đồng thời sản xuất là động lực thúc đẩy khoa học và công nghệ phát triển. Xuất phát từ nền sản xuất ở nước ta còn

manh mún, lạc hậu, tư liệu sản xuất thủ công là chính, Người cho rằng muốn tổ chức lại sản xuất thì tất nhiên phải cải tiến kỹ thuật và tổng kết những kinh nghiệm từ đời sống hoạt động kinh tế, đúc rút và nâng lên thành những luận thuyết khoa học, chuyển từ hoạt động tự phát sang hoạt động tự giác: “Có cải tiến kỹ thuật, cải tiến tổ chức lao động, mới có thể sản xuất nhiều, nhanh, tốt, rẻ. Nếu chỉ dựa vào sự quen tay hoặc nếu chỉ dòn thêm sức ra, kết quả thường là được mặt này mất mặt khác, được nhanh lại không tốt, được tốt lại không nhanh, không rẻ... mà mặt nào cũng bị hạn chế”⁽⁸⁾. Người thường xuyên nhắc nhở muốn cải tiến kỹ thuật thì phải có tri thức, hiểu biết về khoa học, bởi lẽ kỹ thuật và khoa học có mối quan hệ chặt chẽ. Mỗi bước tiến của khoa học đều là cơ sở trực tiếp cho sự phát triển kỹ thuật và ngược lại.

Thứ tư, muốn phát triển đất nước cần xây dựng một đội ngũ nhân lực làm công tác khoa học và phát huy tốt vai trò của Nhân dân. Sinh thời, chủ tịch Hồ Chí Minh giành sự quan tâm đặc biệt đối với việc trọng dụng nhân tài và đào tạo cán bộ khoa học - kỹ thuật, công nhân lành nghề. Cuối năm 1946, khi Hội nghị Fontainebleau thất bại Hồ Chí Minh đã tập hợp được một số trí thức khoa học Việt Nam ở Pháp theo Người về nước để chuẩn bị hạt giống phát triển đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật trong nước phục vụ cho cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc và công cuộc kiến thiết đất nước sau này. Người viết “kiến thiết phải có nhân tài” và chỉ thị cho các địa phương trong cả nước “phải lập tức điều tra nơi nào có người tài đức, có thể làm được những việc ích nước lợi dân, thì phải báo cáo ngay cho Chính phủ biết”⁽⁹⁾. Người căn dặn các cấp chính quyền “Nhân tài nước ta dù chưa có nhiều lắm nhưng nếu chúng ta khéo lựa chọn, khéo phân phối, khéo dùng thì nhân tài càng ngày càng phát triển càng thêm nhiều”⁽¹⁰⁾.

Hồ Chí Minh chủ trương phát triển khoa học và công nghệ phải đi đôi với giáo dục và đào tạo. Bởi lẽ, muốn khoa học và công nghệ phát triển, thì đòi hỏi con người phải có trí tuệ, có trình độ văn hóa và tri thức nhất định để một mặt, đủ khả năng làm chủ được các phương tiện và quy trình kỹ thuật; mặt khác, có khả năng sáng tạo và có những phát minh mới. Hơn nữa, do tình hình trong nước và thế giới luôn biến đổi, kỹ thuật của thế giới ngày càng tiến bộ, song sự hiểu biết của con người có hạn nên phải không ngừng học tập. Ngoài ra, Người cũng yêu cầu phải tổng kết những kinh nghiệm quý báu của Nhân dân và chủ động, bồi dưỡng nâng cao năng lực khoa học; trình độ văn hóa cho người lao động, cán bộ khoa học. Người căn dặn “phải ra sức đem hiểu biết khoa học, kỹ thuật của mình truyền bá rộng rãi trong nhân dân lao động, để nhân dân đẩy mạnh thi đua sản xuất nhiều, nhanh, tốt, rẻ. Có như vậy nước mới giàu, dân mới mạnh và đời sống của nhân dân mới được cải thiện về mọi mặt”⁽¹¹⁾.

2. Vận dụng quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phát triển khoa học và công nghệ trong giai đoạn hiện nay

Quán triệt quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về khoa học và công nghệ, Đảng và Nhà nước ta luôn dành sự quan tâm to lớn và đưa ra các chủ trương, chính sách về phát triển khoa học và công nghệ, coi phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, động lực then chốt trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước đặc biệt là trong thời kỳ mở cửa, hội nhập quốc tế hiện nay.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đã khẳng định: “Giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”⁽¹²⁾. Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển 2011) nhấn mạnh: “Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ có sức mạnh nâng cao dân trí,

phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam. Phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu”⁽¹²⁾. Đặc biệt, vai trò của khoa học và công nghệ được luật hóa tại điều 62 của Hiến pháp 2013: “Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước”⁽¹³⁾.

Để phát triển khoa học công nghệ thực sự trở thành quốc sách hàng đầu, Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/12/2012 về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Nghị quyết đã nêu ra 5 quan điểm chỉ đạo phát triển khoa học và công nghệ của nước ta định hướng đến năm 2030. Trong đó chỉ rõ, khoa học và công nghệ phải thật sự trở thành động lực then chốt phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục xác định khoa học và công nghệ có vai trò nền tảng cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước: “phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”⁽¹⁴⁾. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, Đảng ta cũng xác định: “phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế”⁽¹⁵⁾.

Học tập, quán triệt và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước ta tiếp tục đề ra những mục tiêu, phương hướng cụ thể để khẳng định và phát huy vai trò của khoa

học, công nghệ trong thời đại cách mạng 4.0. Ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Nghị quyết 57-NQ/TW ra đời như một bước đi chiến lược không chỉ khẳng định vai trò then chốt của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta, truyền cảm hứng mạnh mẽ, nâng cao ý thức trách nhiệm của các nhà khoa học tiếp tục cống hiến, đóng góp trực tiếp vào sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Các chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về khoa học và công nghệ đã được triển khai thực hiện và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, trên thực tế, khoa học và công nghệ chưa thực sự thể hiện đầy đủ vai trò là “quốc sách hàng đầu”, là “động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Nghị quyết 57-NQ/TW chỉ rõ: “Tốc độ và sự bứt phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia còn chậm; quy mô, tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia còn khoảng cách xa so với nhóm các nước phát triển; nhận thức của nhiều cấp, nhiều ngành, cán bộ, công chức và Nhân dân về chuyển đổi số chưa đầy đủ và sâu sắc; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa có bước đột phá, chưa làm chủ được công nghệ chiến lược, công nghệ cốt lõi; thể chế pháp luật, cơ chế, chính sách chưa đáp ứng yêu cầu; nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu; hạ tầng chưa đồng bộ, nhất là hạ tầng số còn nhiều hạn chế; an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu còn nhiều thách thức”⁽¹⁶⁾.

Thực tế nêu trên đặt ra yêu cầu cần phải tiếp học tập, nghiên cứu, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển khoa học và công nghệ trong giai đoạn hiện nay.

Theo đó, cần quan tâm thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, Tiếp tục giáo dục nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của khoa học công nghệ trong toàn xã hội. Cần làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức, quyết tâm cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ nhận thức đúng đắn về vai trò của khoa học và công nghệ, tạo niềm tin, khí thế mới trong toàn xã hội.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực; cải cách phương thức quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với từng loại hình nghiên cứu; cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ; giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích các thành phần kinh tế ngoài nhà nước tham gia đóng góp các nguồn tài chính cho phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Tạo lập và vận hành chính sách phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Đổi mới cách thức đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu khoa học; giảm bớt tối đa thủ tục hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ.

Thứ ba, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng và đãi ngộ đội ngũ cán bộ khoa học, nhất là chuyên gia đầu ngành, nhân tài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Hiện nay, sự phát triển của khoa học và công nghệ, đặc biệt là Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang đặt ra yêu cầu cấp thiết cần tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt những lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc trọng dụng nhân tài cho đất nước. Cần kịp thời ban hành các cơ chế, chính sách hấp dẫn về tín dụng, học bổng và

học phí để thu hút học sinh, sinh viên giỏi theo học các lĩnh vực toán học, vật lý, sinh học, hoá học, kỹ thuật và công nghệ then chốt, nhất là ở các trình độ sau đại học. Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo tài năng trên các lĩnh vực. Có cơ chế thu hút người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có trình độ cao về Việt Nam làm việc, sinh sống. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ các nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài chuyển giao về nước những tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến. Tăng cường thực thi việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, quyền kiểu dáng công nghiệp nhằm bảo đảm lợi ích của trí thức, doanh nhân khi chuyển giao phát minh, sáng chế.

Thứ tư, đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ. Trong quan điểm của Hồ Chí Minh, khoa học công nghệ không chỉ để học mà phải biết vận dụng vào sản xuất và đời sống. Cho nên, giai đoạn hiện nay cần tăng cường đầu tư cho nghiên cứu khoa học, hỗ trợ các đề tài thực sự gắn với nhu cầu thực tiễn. Có cơ chế tạo điều kiện để doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, chú trọng phát triển các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ số, xây dựng các khu công nghệ cao, các nền tảng số quốc gia, vùng. Cần có cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đầu tư, xây dựng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, phát triển kinh tế dữ liệu, thị trường dữ liệu,...

Thứ năm, tăng cường hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ theo tinh thần học để làm chủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khuyến khích việc học hỏi từ bạn bè quốc tế. Để mở rộng giao lưu quốc tế về khoa học và công nghệ có thể thông qua việc tham gia vào các diễn đàn, hội nghị khoa học quốc tế để học hỏi kinh nghiệm, tiếp thu các tiến bộ từ các quốc gia có trình độ khoa học và công nghệ phát triển, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn,.. Có chính sách mua,

chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện hiện nay của nước ta.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ giúp chúng ta tìm thấy những luận giải sâu sắc của Người về vai trò của khoa học và công nghệ cho công cuộc kiến thiết, xây dựng đất nước mà còn tìm thấy những giải pháp để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc phát triển khoa học và công nghệ ở nước ta hiện nay. Vận dụng những quan điểm của Người về khoa học và công nghệ có ý nghĩa hết sức quan trọng để thực hiện thành công Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam./.

Chú thích:

- (1) CD room - Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 14, trang 96.
- (2), (3), (11) CD room - Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, tập 14, trang 97.
- (4) CD room - Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, tập 11, trang 354.
- (5), (8) CD room - Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, tập 12, trang 371, trang 527.
- (6) CD room - Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, tập 1, trang 14.
- (7) CD room - Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, tập 13, trang 71.
- (9), (10) CD room - Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, tập 4, trang 504, trang 114.
- (12) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb.CTQG Sự thật, H.2006, tr94-95.
- (13) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb CTQG Sự thật, H.2011, tr.77.
- (14) <https://thuvienphapluat.vn>. Hiến pháp năm 2013.
- (15), (16) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb.CTQG Sự thật, H.2021, t1, tr214, tr126.
- (17) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ HIỆN NAY

✧ ThS. LÊ THỊ THUỶ DUNG

Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt: Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, dữ liệu cá nhân đang dần trở thành một nguồn tài sản quan trọng và có giá trị. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển nhanh chóng của khoa học, công nghệ, rủi ro về an toàn dữ liệu ngày càng gia tăng. Trên môi trường Internet, mạng xã hội, thương mại điện tử và các dịch vụ số, người dùng ngày càng chia sẻ nhiều thông tin cá nhân lên không gian mạng. Điều này đặt ra nhiều thách thức lớn về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong môi trường số. Việc bảo vệ dữ liệu cá nhân không chỉ là trách nhiệm của các cá nhân mà còn là nghĩa vụ của các tổ chức, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước.

Ở nước ta, chuyển đổi số được Đảng, Nhà nước xác định là một nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá để hiện đại hóa đất nước, nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng năng lực cạnh tranh và phát triển kinh tế - xã hội. Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghệ lần thứ tư. Tiếp đó, ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia nhằm xây dựng nền kinh tế bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Những nghị quyết này không chỉ là định hướng, mà còn là cam kết chính trị mạnh mẽ nhằm giúp Việt Nam nắm bắt cơ hội và ứng phó với thách thức trong thời đại công nghệ và số hóa trong đó nhấn mạnh yêu cầu cấp bách đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số.

Việc xây dựng Chính phủ số - một trong ba trọng tâm của chuyển đổi số quốc gia sẽ giúp Việt Nam tận dụng được những cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo ra sự bứt phá để thu hẹp khoảng cách, giúp chúng ta mau chóng tiến kịp với các nước phát triển trên thế giới. Để xây dựng chính phủ số việc thu thập dữ liệu, dữ liệu cá nhân của toàn dân là cần thiết, được tiến hành bằng nhiều cách, nhiều công cụ trên các nền tảng số. Đồng thời với công tác thu thập, việc bảo vệ, bảo đảm quyền riêng tư, an toàn dữ liệu cá nhân trên môi trường số hiện nay đang là vấn đề quan trọng cần được quan tâm, hoàn thiện hơn nữa, đặc biệt trong bối cảnh nhận thức chung của cộng đồng về an toàn thông tin chưa thực sự theo kịp tốc độ phát triển.

Theo Điều 2, Nghị định số 13/2023/NĐ-CP của Chính phủ về Bảo vệ dữ liệu cá nhân: “Dữ liệu cá nhân là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự trên môi

trường điện tử gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể”. Dữ liệu cá nhân bao gồm dữ liệu cá nhân cơ bản và dữ liệu cá nhân nhạy cảm.

Dữ liệu cá nhân cơ bản bao gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh, tên gọi khác (nếu có); ngày, tháng, năm sinh; ngày, tháng, năm chết hoặc mất tích; giới tính; nơi sinh, nơi đăng ký khai sinh, nơi thường trú, nơi tạm trú, nơi ở hiện tại, quê quán, địa chỉ liên hệ; quốc tịch; hình ảnh của cá nhân; số điện thoại, số chứng minh nhân dân, số định danh cá nhân, số hộ chiếu, số giấy phép lái xe, số biển số xe, số mã số thuế cá nhân, số bảo hiểm xã hội, số thẻ bảo hiểm y tế; tình trạng hôn nhân; thông tin về mối quan hệ gia đình (cha mẹ, con cái); thông tin về tài khoản số của cá nhân; dữ liệu cá nhân phản ánh hoạt động, lịch sử hoạt động trên không gian mạng.

Dữ liệu cá nhân nhạy cảm gắn liền với quyền riêng tư của cá nhân mà khi bị xâm phạm sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của người đó. Chẳng hạn như quan điểm chính trị, quan điểm tôn giáo; tình trạng sức khỏe; nguồn gốc chủng tộc, nguồn gốc dân tộc; đặc điểm di truyền; đặc điểm sinh học riêng; đời sống tình dục; dữ liệu về vị trí; dữ liệu về tội phạm, hành vi phạm tội được thu thập, lưu trữ bởi các cơ quan thực thi pháp luật; thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng.

Như vậy, có thể thấy dữ liệu cá nhân có vai trò đặc biệt quan trọng, là nguồn dữ liệu chiến lược, tác động trực tiếp, toàn diện đến chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của một quốc gia. Nhận thức rõ điều đó, Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân như: Hiến pháp, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự; Luật An ninh mạng, Luật Công nghệ thông tin, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu

dùng, Luật An toàn thông tin mạng, Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử, Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân; tiếp đó ngày 26/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 đã thông qua Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025. Tuy nhiên, trước sự phát triển quá mạnh như vũ bão của công nghệ thông tin, công nghệ số và các thủ đoạn ngày càng tinh vi của những kẻ xấu muốn chiếm đoạt, sử dụng một cách bất hợp pháp dữ liệu cá nhân, việc bảo vệ dữ liệu cá nhân vẫn đang đứng trước những thách thức rất lớn.

Thông tin từ Cục An ninh mạng và Phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, trong 6 tháng đầu năm 2025, lực lượng công an đã phát hiện và xử lý 56 vụ việc mua bán trái phép dữ liệu cá nhân với quy mô lên tới hơn 110 triệu bản ghi⁽¹⁾. Theo báo cáo từ Công ty An ninh mạng Viettel, trong năm 2024, Việt Nam ghi nhận 14,5 triệu tài khoản bị rò rỉ dữ liệu, chiếm 12% tổng số tài khoản lộ, lọt toàn cầu. Sự bùng nổ của việc rao bán thông tin người dùng, dữ liệu hệ thống cùng nhiều dữ liệu nhạy cảm của các doanh nghiệp lớn tại Việt Nam cũng được ghi nhận với 134 vụ lộ, lọt dữ liệu chứa khoảng 294 triệu bản ghi dữ liệu khách hàng và 184.3 GB dữ liệu⁽²⁾. Các loại dữ liệu bị rao bán vô cùng đa dạng, từ thông tin cơ bản như tên tuổi, địa chỉ, số điện thoại, email đến những dữ liệu nhạy cảm hơn như lịch sử giao dịch ngân hàng, thông tin khám, chữa bệnh, lịch sử truy cập web, thậm chí là thông tin sinh trắc học.

Tại Hà Tĩnh, ngày 31/5/2025, Cơ quan An ninh điều tra có quyết định khởi tố bị can, bắt tạm giam Trần Quang Huy (sinh năm 2004, trú tỉnh Nam Định) về tội “Xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác”. Khoảng cuối năm 2024, trên

một diễn đàn tin tặc nước ngoài, Huy thấy bài đăng tìm người lấy cắp thông tin trên các hệ thống dữ liệu tại Việt Nam như: Cổng thông tin dịch vụ công quốc gia, bảo hiểm xã hội, mã số thuế, đăng kiểm. Sau đó, Huy đã sử dụng tài khoản Telegram của mình liên hệ với người đăng bài. Sau khi thống nhất cách thức đăng nhập vào các hệ thống dữ liệu, thu thập được dữ liệu trên hệ thống sẽ chuyển lại cho người đăng và Huy sẽ được trả 1 triệu đồng/lần cung cấp dữ liệu. Khoảng tháng 3/2025, Huy xâm nhập vào hệ thống Cổng thông tin dịch vụ công tỉnh Hà Tĩnh để lấy cắp 7.278 dữ liệu của công dân, bao gồm nhiều trường thông tin như: họ tên, số định danh cá nhân, số chứng minh nhân dân, giới tính, dân tộc, tôn giáo, tình trạng hôn nhân, nhóm máu, ngày tháng năm sinh, quê quán, nơi thường trú.⁽³⁾

Điều đáng báo động là các dữ liệu cá nhân được rao bán công khai trên các website, chợ đen trực tuyến, với quy mô lớn và bất chấp quy định pháp luật. Không còn là những vụ việc đơn lẻ, việc khai thác thông tin cá nhân đang trở thành “công cụ” sinh lợi cho các nhóm lừa đảo chuyên nghiệp. Các vụ lừa đảo không còn mang tính chất “gửi link bẫy”, mà ngày càng bài bản, có kịch bản được dựng sẵn, kết hợp triệt để việc thu thập thông tin cá nhân để tạo dựng lòng tin. Tình trạng lộ lọt dữ liệu cá nhân diễn ra phổ biến trên không gian mạng xuất phát từ nguyên nhân có thể do vô ý từ người sử dụng hoặc cố ý của các tổ chức, doanh nghiệp. Ngày càng nhiều chủ thể thu thập, phân tích, xử lý dữ liệu cá nhân cho mục đích khác nhau nhưng không thông báo cho khách hàng, không có sự đồng ý của khách hàng; xuất hiện nhiều nguồn lộ thông tin từ nhà mạng, siêu thị cho đến hoạt động mua bán hàng hóa. Hầu hết đều không có quy trình quản lý chặt chẽ. Các thông tin về số điện thoại,

địa chỉ email, tài khoản ngân hàng, hồ sơ y tế đều có thể bị thu thập, mua bán, sử dụng trái phép. Trong khi đó, một bộ phận người dân vẫn chưa có ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, đăng tải công khai trên các nền tảng mạng xã hội hoặc để lộ thông tin cá nhân trong quá trình chuyển giao, lưu trữ, trao đổi phục vụ hoạt động kinh doanh. Họ sẵn sàng cung cấp dữ liệu cá nhân mà không có sự xem xét kỹ về quyền hạn của cá nhân hay tổ chức. Điển hình như trên các nền tảng mạng xã hội, có rất nhiều fanpage được lập dưới danh nghĩa các trang tin tức truyền thông, y tế, sức khỏe... Sau đó, các trang này sẽ tổ chức các cuộc thi viết và thi ảnh online để thu thập thông tin cá nhân của người dùng một cách rất dễ dàng.

Thực tế cho thấy, khi phát hiện thông tin cá nhân của mình bị lộ, vẫn chưa có nhiều người chủ động, nhanh chóng liên hệ với cơ quan chức năng để báo cáo hoặc liên hệ ngay với ngân hàng để khóa thẻ và xin được cấp thẻ mới. Bởi vậy, yêu cầu bảo vệ quyền riêng tư nói chung, quyền dữ liệu cá nhân nói riêng trong môi trường số ngày càng trở nên cấp bách, nhất là trong bối cảnh tội phạm mạng đang có những diễn biến phức tạp. Điều này được thể hiện rất rõ ở tình trạng ngày càng gia tăng về số lượng và mức độ nghiêm trọng của các vụ đánh cắp, mua bán dữ liệu cá nhân. Để phòng tránh, khắc phục những nguy cơ và hệ lụy xâm phạm dữ liệu cá nhân, cần có sự tham gia tích cực và hiệu quả của Nhà nước, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong việc thực hiện đồng bộ các biện pháp kỹ thuật và biện pháp pháp lý, cụ thể như sau:

Thứ nhất, tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ dữ liệu cá nhân, nhất là khi tham gia trên môi trường không gian mạng. Việc nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ dữ

liệu cá nhân đóng vai trò nền tảng trong quá trình xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật về bảo vệ quyền riêng tư. Xây dựng các chương trình đào tạo, tuyên truyền phổ biến quy định pháp luật giúp nâng cao hiểu biết về quyền, nghĩa vụ của người dân trong việc quản lý và bảo vệ thông tin cá nhân thông qua việc tổ chức các chiến dịch truyền thông để nhấn mạnh vai trò và nguy cơ mất an toàn dữ liệu cá nhân; đưa nội dung bảo vệ dữ liệu cá nhân vào chương trình giáo dục, từ tiểu học đến đại học; phát hành tài liệu hướng dẫn (video, infographic, bài viết) về các cách thức bảo vệ dữ liệu như đặt mật khẩu mạnh, không chia sẻ thông tin cá nhân lên mạng xã hội.

Đồng thời, trang bị các kỹ năng bảo vệ dữ liệu cá nhân bao gồm: khả năng nhận diện các nguy cơ tiềm ẩn trên không gian mạng, áp dụng các biện pháp bảo mật mạnh như sử dụng mật khẩu có độ phức tạp cao, xác thực đa yếu tố, kiểm soát quyền truy cập các ứng dụng. Mỗi người dân cần phải tự nâng cao ý thức, kiến thức để bảo vệ dữ liệu cá nhân của mình như không tự ý đưa thông tin, hình ảnh cá nhân lên mạng; không tùy tiện truy cập, chia sẻ các đường link, thông tin khi chưa có sự kiểm chứng, chưa đảm bảo tính an toàn. Đặc biệt, các gia đình cần có biện pháp giám sát, đảm bảo an toàn cho trẻ khi tiếp cận môi trường mạng để tránh các sự cố lộ lọt dữ liệu cá nhân đáng tiếc.

Thứ hai, tăng cường vai trò quản lý của cơ quan nhà nước trong bảo vệ dữ liệu cá nhân. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ dữ liệu cá nhân, trọng tâm là tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, nhất là xác định và thực hiện nghiêm trách nhiệm của các chủ thể liên quan trong bảo vệ dữ liệu cá nhân đã được quy định chặt chẽ trong luật và nghị định. Thường xuyên

phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong rà soát, khắc phục các lỗ hổng bảo mật hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu, nhất là cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và căn cước công dân, không để đối tượng tấn công xâm nhập và lấy cắp dữ liệu.

Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng như Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Thanh tra Chính phủ thiết lập các đường dây nóng hoặc nền tảng trực tuyến để người dân phản ánh các vi phạm về dữ liệu cá nhân. Với mục tiêu tạo kênh liên lạc trực tiếp giữa người dân và cơ quan quản lý để tiếp nhận phản ánh, tố cáo các hành vi vi phạm dữ liệu cá nhân; tăng cường giám sát từ cộng đồng, giúp cơ quan chức năng phát hiện kịp thời các vi phạm; đồng thời nâng cao nhận thức và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân và bảo đảm quyền khiếu nại và quyền được bảo vệ của công dân theo quy định pháp luật. Đây không chỉ là công cụ hỗ trợ thực thi pháp luật, mà còn là minh chứng cho việc Nhà nước bảo vệ quyền riêng tư của người dân trong xã hội số; là một bước đi cần thiết và cần được lồng ghép trong thực hiện chiến lược quốc gia về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong giai đoạn tới.

Thứ ba, tăng cường trách nhiệm của doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp công nghệ nói riêng trong bảo vệ dữ liệu cá nhân. Bảo vệ dữ liệu cá nhân không chỉ là một trách nhiệm của cá nhân mà còn là nghĩa vụ của các tổ chức, doanh nghiệp trong việc bảo vệ thông tin của khách hàng và nhân viên. Khi bảo vệ dữ liệu cá nhân không được thực hiện đúng cách, doanh nghiệp có thể phải đối mặt với những hậu quả nghiêm trọng, từ việc mất uy tín, ảnh hưởng đến lòng tin của khách hàng cho đến các hình phạt tài chính và pháp lý. Ngoài ra, việc bảo vệ dữ liệu cá nhân còn giúp doanh

nghiệp duy trì sự cạnh tranh, cải thiện mối quan hệ với khách hàng và tăng cường bảo mật hệ thống công nghệ. Tổ chức, doanh nghiệp cần thông báo rõ ràng về mục đích thu thập dữ liệu, bảo mật thông tin và hạn chế sử dụng dữ liệu ngoài mục đích đã cam kết. Đặc biệt, việc bảo vệ dữ liệu cá nhân không chỉ dừng lại ở việc thu thập mà còn bao gồm việc lưu trữ và xử lý thông tin. Các tổ chức, doanh nghiệp cần đảm bảo dữ liệu được lưu trữ trong môi trường an toàn và không bị truy cập trái phép. Cần xây dựng các chính sách bảo mật nghiêm ngặt để bảo vệ các thông tin nhạy cảm như thông tin tài chính, thông tin sức khỏe và các thông tin cá nhân khác.

Đối với các doanh nghiệp công nghệ trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ và sự phát triển của nền kinh tế số việc tăng cường trách nhiệm của doanh nghiệp này trong bảo vệ dữ liệu cá nhân là yếu tố then chốt để đảm bảo quyền riêng tư của người dùng. Các nền tảng số, từ mạng xã hội, sàn thương mại điện tử đến các ứng dụng tiện ích, là những nơi tập trung lượng lớn dữ liệu cá nhân của người dùng. Các doanh nghiệp này đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc bảo vệ dữ liệu và lẽ dĩ nhiên phải chịu trách nhiệm chính khi xảy ra sự cố. Vì vậy, doanh nghiệp cần thực hiện nhiều biện pháp, từ kỹ thuật đến pháp lý, để đảm bảo an toàn thông tin của khách hàng và tuân thủ các quy định liên quan. Các nền tảng cũng cần cung cấp chính sách quyền riêng tư rõ ràng, cần cung cấp các công cụ trực quan để người dùng dễ dàng truy cập, chỉnh sửa, xóa bỏ hoặc kiểm soát quyền chia sẻ thông tin cá nhân. Khi có sự cố rò rỉ, nền tảng phải thông báo kịp thời, đầy đủ và minh bạch, giúp người dùng chủ động ứng phó. Mặt khác, cần phải chủ động và tích cực hợp tác với các cơ quan chức năng như Cục An ninh mạng và phòng chống

tội phạm sử dụng công nghệ cao, Bộ Công an để điều tra, cung cấp thông tin và cùng đấu tranh chống tội phạm mạng. Ngoài ra, việc nâng cao nhận thức cộng đồng qua các chiến dịch truyền thông cũng là trách nhiệm của các nền tảng, giúp người dùng tự bảo vệ mình tốt hơn.

Bảo vệ dữ liệu cá nhân để phòng, chống rò rỉ dữ liệu, bảo vệ quyền nhân thân trong môi trường số là vấn đề hết sức cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Để làm được điều đó, trên cơ sở các quy định của pháp luật đã được ban hành cần có sự phát huy hiệu quả trách nhiệm của nhiều bên: sự vào cuộc quyết liệt của cơ quan quản lý; ý thức tự bảo vệ của mỗi người dùng; trách nhiệm tiên phong và nỗ lực không ngừng nghỉ từ các nền tảng số. Chỉ khi bảo đảm đủ ba yếu tố trên, chúng ta mới có thể ngăn chặn các hành vi xâm phạm dữ liệu cá nhân, tạo dựng một môi trường mạng an toàn, tích cực, có như vậy, Việt Nam mới có thể vững bước trên hành trình chuyển đổi số - Động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc./.

Chú thích:

- (1). <https://bocongan.gov.vn/>
- (2). <https://baophapluat.vn/kho-du-lieu-nguoi-viet-bi-rao-ban-dau-la-trach-nhiem-cua-nen-tang-so.html>
- (3). <https://baohatinh.vn/cong-an-ha-tinh-bat-giam-sinh-vien-xam-nhap-trai-phep-mang-may-tinh-vien-thong-post288819.html>

VẬN DỤNG BÀI HỌC VỀ PHÁT HUY TINH THẦN TỰ LỰC, TỰ CƯỜNG TỪ ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 TRONG XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY



ThS. DƯƠNG THỊ VĂN LINH

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là một mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc Việt Nam, không chỉ khẳng định bản lĩnh, trí tuệ và tinh thần chiến đấu kiên cường của quân và dân ta mà còn là minh chứng cho tinh thần tự lực, tự cường của dân tộc Việt Nam khi phải đấu tranh vượt qua muôn vàn khó khăn để giành độc lập, thống nhất đất nước. Bài học ấy vẫn vẹn nguyên giá trị và được thế hệ hôm nay tiếp nối trong xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, giảm phụ thuộc vào bên ngoài, đẩy mạnh sản xuất trong nước, ứng dụng khoa học công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh, vững vàng hội nhập và phát triển bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa, tạo tiền đề đưa đất nước vững bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, dân tộc Việt Nam phải đối mặt với một trong những cường quốc quân sự hùng mạnh nhất thế giới. Với tiềm lực kinh tế khổng lồ và sức mạnh quân sự vượt trội, đế quốc Mỹ đã huy động tới đa nguồn lực nhằm duy trì sự thống trị ở miền Nam Việt Nam, biến nơi đây thành một cứ điểm quân sự quan trọng trong Chiến tranh Lạnh. Từ năm 1965, Mỹ trực tiếp đưa quân viễn chinh vào tham chiến trên quy mô lớn ở miền Nam Việt Nam và leo thang chiến tranh bằng các chiến dịch ném bom hủy diệt miền Bắc, điển hình là chiến dịch “Sấm rền” (Rolling Thunder) kéo dài từ năm 1965 đến 1968. Chỉ riêng năm 1967, Mỹ đã triển khai hơn 500.000 quân đến miền Nam cùng hàng loạt phương tiện chiến tranh hiện đại như máy bay B-52, xe tăng, pháo binh, vũ khí hóa học. Trên chiến

trường, Mỹ áp dụng chiến thuật “tìm diệt”, “bình định” với hy vọng tiêu diệt lực lượng cách mạng. Ngoài ra, Mỹ còn viện trợ mạnh mẽ cho chính quyền Sài Gòn, biến quân đội Việt Nam Cộng hòa thành một lực lượng được trang bị tối tân, sẵn sàng đàn áp phong trào cách mạng. Bên cạnh đó, Mỹ và đồng minh còn thực hiện phong tỏa các tuyến giao thông, hạn chế tối đa nguồn tiếp tế từ bên ngoài, buộc ta phải tự lực cánh sinh trong điều kiện khắc nghiệt, thiếu thốn từ vũ khí, phương tiện tác chiến đến cả những nhu yếu phẩm cơ bản.

Trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân phát huy cao độ tinh thần tự lực, tự cường, tận dụng tối đa tiềm lực trong nước để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng. Ngay từ khi xác định con đường cách mạng, Đảng đã kiên định mục tiêu độc lập

dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; đề ra đường lối đúng đắn phù hợp với tình hình thực tiễn. Trong suốt cuộc kháng chiến, Đảng đã phát huy cao độ tinh thần tự lực, tự cường, không trông chờ vào sự giúp đỡ từ bên ngoài mà xác định lấy sức mình là chính. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân ta đã xây dựng được hậu phương vững mạnh, biến khó khăn thành động lực để sáng tạo, vượt qua thử thách. Đặc biệt, trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến, Đảng đã kịp thời đề ra chiến lược tổng tiến công và nổi dậy, tạo thế và lực để giành thắng lợi nhanh chóng, ít tổn thất nhất.

Đảng đã hiệu triệu được lòng dân, đưa sức mạnh đại đoàn kết dân tộc thành sức mạnh tự cường và nhờ đó Việt Nam chủ động được trong mọi tình huống, tận dụng tối đa mọi nguồn lực để giành thắng lợi. Trong hoàn cảnh chiến tranh gian khổ, nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mỹ, vừa ra sức chi viện cho miền Nam với khẩu hiệu “Tất cả vì miền Nam ruột thịt”. Hàng triệu thanh niên đã lên đường nhập ngũ; hàng triệu tấn lương thực, nhu yếu phẩm được nhân dân đóng góp để nuôi quân. Những con đường chiến lược như đường Trường Sơn huyền thoại trở thành tuyến vận tải huyết mạch, đảm bảo vận chuyển hàng vạn tấn lương thực, vũ khí, đạn dược tiếp tế cho chiến trường miền Nam. Ở miền Nam, quân và dân đã kiên trì bám trụ, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân rộng khắp, từ nông thôn đến đô thị, tạo nên sức mạnh tổng hợp làm lung lay bộ máy chính quyền Sài Gòn. Chính sự đoàn kết ấy đã giúp Việt Nam không chỉ trụ vững trước sức ép quân sự và kinh tế từ Mỹ mà còn chủ động mở các chiến dịch tấn công, giành quyền chủ động chiến trường.

Với lòng căm thù giặc, quyết tâm “không có gì quý hơn độc lập, tự do” và sự thông minh sáng tạo, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân ta đã biến những khó khăn thành lợi thế, sử dụng chiến lược

và chiến thuật linh hoạt, biết tận dụng lợi thế địa hình, phát huy chiến tranh du kích để đánh bại các chiến dịch quy mô lớn của địch. Khi Mỹ leo thang chiến tranh, ta chủ động chuyển từ chiến tranh du kích sang chiến tranh chính quy, tổ chức những trận đánh quan trọng như trận Điện Biên Phủ trên không (1972), phá tan mưu đồ kéo dài chiến tranh của Mỹ. Trong các chiến dịch then chốt như Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, quân đội ta đã tận dụng thời cơ, tấn công thần tốc, làm tan rã hệ thống phòng thủ của đối phương. Song song với đấu tranh quân sự, mặt trận ngoại giao cũng đóng vai trò quyết định. Hiệp định Paris năm 1973 là minh chứng cho sự khéo léo trong kết hợp sức mạnh chính trị, ngoại giao với đấu tranh vũ trang, tạo tiền đề quan trọng cho thắng lợi cuối cùng. Đặc biệt, trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, chiến lược tác chiến của ta được triển khai một cách khoa học, kết hợp chặt chẽ giữa tấn công quân sự và nổi dậy của quần chúng, tạo thế áp đảo khiến chính quyền Sài Gòn sụp đổ chỉ trong vòng 55 ngày. Thực tế lịch sử đã chứng minh, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường của dân tộc Việt Nam đã được phát huy cao độ giúp dân tộc Việt Nam vượt qua mọi khó khăn, đánh bại kẻ thù hùng mạnh, giành lại độc lập, tự do, thống nhất đất nước.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, bài học về phát huy ý chí tự lực, tự cường trong đại thắng mùa Xuân năm 1975 đang soi rọi để Việt Nam xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ, không phụ thuộc vào bên ngoài, tận dụng tối đa nguồn lực trong nước và coi nội lực có tính chất quyết định. Có thể khẳng định, chủ trương xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ có ý nghĩa quan trọng, vừa bảo đảm khả năng chống chịu của nền kinh tế, vừa bảo đảm sự phát triển ổn định, bền vững của đất nước. Khi chúng ta đã xây dựng được một tiềm lực kinh tế đủ mạnh, ít phụ thuộc vào bên ngoài sẽ tạo

cơ sở, tiền đề cho các lĩnh vực, ngành nghề khác phát triển. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ phải thực sự dựa vào những cơ sở, nền tảng vốn có của nó, không quá lệ thuộc vào sự giúp đỡ, hỗ trợ của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác từ bên ngoài. Tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế được thể hiện ngay ở việc xác lập một thể chế, hướng đi đúng đắn, phù hợp với đặc điểm tình hình cụ thể của Việt Nam.

Đảng ta khẳng định: “Giữ vững độc lập, tự chủ trong việc xác định chủ trương, đường lối, chiến lược phát triển kinh tế đất nước”⁽³⁾. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (năm 2021) của Đảng khẳng định: “Đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác. Nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế trước tác động tiêu cực từ những biến động của bên ngoài; chủ động hoàn thiện hệ thống phòng vệ để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế”⁽⁴⁾. Trong nền kinh tế toàn cầu hóa, việc hợp tác với các nước phát triển là điều tất yếu, song Việt Nam luôn xác định rõ rằng sự độc lập, tự chủ trong kinh tế là yếu tố cốt lõi để bảo vệ chủ quyền quốc gia và phát triển bền vững. Đảng và Nhà nước ta đã kiên trì đường lối đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế, không để nền kinh tế bị lệ thuộc vào một thị trường hay một cường quốc kinh tế nào.

Sau gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Kinh tế Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, đất nước phát triển nhanh và bền vững. Nổi bật là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã ngày càng được hoàn thiện và phát triển, đặc biệt trong việc chủ động hội nhập quốc tế đạt được nhiều kết quả quan trọng góp phần củng cố, giữ vững và nâng cao vị thế, uy tín của đất nước

trên trường quốc tế, Việt Nam đã tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP nhằm mở rộng thị trường xuất khẩu, giảm sự phụ thuộc vào một số đối tác lớn. Nhờ đó, cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam ngày càng đa dạng hơn, tránh nguy cơ bị chi phối bởi một quốc gia duy nhất. Nếu như trước đây, thị trường xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam là Mỹ và Trung Quốc thì hiện nay, hàng hóa Việt Nam đã tiếp cận mạnh mẽ hơn vào châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước ASEAN.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng kiểm soát chặt chẽ các khoản vay nước ngoài để tránh rơi vào bẫy nợ. Chính phủ luôn cân nhắc kỹ lưỡng khi tiếp nhận các nguồn vốn ODA hoặc vay thương mại quốc tế, đảm bảo khả năng trả nợ và không để nền kinh tế bị phụ thuộc vào các tổ chức tài chính hay cường quốc kinh tế lớn. Đồng thời, việc phát triển mạnh thị trường tài chính nội địa, thu hút vốn đầu tư trong nước cũng giúp Việt Nam có nguồn lực phát triển mà không phải quá phụ thuộc vào dòng vốn ngoại. Việt Nam đã tập trung chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng, đưa thương hiệu gạo Việt Nam vươn xa trên thị trường quốc tế đến với khoảng 150 quốc gia, vùng lãnh thổ. Các doanh nghiệp cũng đã tận dụng tốt cơ hội thị trường từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, năm 2024 tiếp tục lập kỷ lục, xuất khẩu 9,18 triệu tấn, thu về 5,75 tỷ USD giúp Việt Nam giữ vững vị thế top 3 quốc gia xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới⁽⁵⁾.

Trong quá trình hội nhập, Việt Nam đã tích cực, chủ động tham gia vào các tổ chức kinh tế thế giới, các diễn đàn kinh tế song phương, đa phương, ký kết, hợp tác với nhiều tập đoàn kinh tế lớn, có uy tín của thế giới. Chính vì vậy, trong năm 2024, tốc độ tăng trưởng kinh tế 7,09%, điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực và trên thế giới, mở ra một bước chuyển mình mới của nước ta⁽⁶⁾. Hiện nay, Việt Nam đã vươn lên lọt vào Top 40 nền kinh tế hàng đầu, có quy

mô thương mại hàng đầu trong Top 20 quốc gia trên thế giới, mắt xích quan trọng trong 16 Hiệp định thương mại tự do (FTA) gắn kết với 60 nền kinh tế chủ chốt ở khu vực và toàn cầu. Thiết lập quan hệ ngoại giao với 193 quốc gia trên thế giới, có quan hệ đối tác chiến lược và đối tác toàn diện với 30 nước, trong đó có tất cả các thành viên thường trực của Hội đồng bảo an Liên hiệp quốc, là thành viên tích cực của trên 70 tổ chức khu vực và quốc tế⁽⁷⁾.

Để đảm bảo một nền kinh tế thực sự độc lập, Việt Nam không chỉ tập trung vào khai thác tài nguyên hay sử dụng lao động giá rẻ mà còn đặt trọng tâm vào phát triển khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm nâng cao năng suất lao động trong nước. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2024 đạt 221,9 triệu đồng/lao động (tương đương 9.182 USD/lao động, tăng 726 USD so với năm 2023); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 5,88%. Đời sống của nhân dân được nâng lên, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2024 còn dưới 1,9%, (giảm trên 1%); chỉ số phát triển con người của Việt Nam liên tục cải thiện trong 30 năm qua⁽⁸⁾. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã chủ động đầu tư vào nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm công nghệ cao như ô tô điện, điện thoại thông minh, thiết bị viễn thông... giúp giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu. Điển hình như sự phát triển của VinFast - thương hiệu ô tô điện đầu tiên của Việt Nam, không chỉ phục vụ nhu cầu trong nước mà còn xuất khẩu sang thị trường quốc tế. Điều này thể hiện rõ chiến lược nâng cao năng lực sản xuất trong nước, từng bước làm chủ công nghệ thay vì phụ thuộc vào các tập đoàn nước ngoài. Đặc biệt, trong những năm gần đây, trước những biến động của bối cảnh quốc tế, thế giới đối mặt với cuộc chiến thương mại, phát huy cao vai trò của kinh tế tư nhân trong nước được xem là nhiệm vụ quan trọng để góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Trong bài viết “Phát triển kinh tế tư nhân - Đòn bẩy cho một Việt Nam thịnh vượng”, Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh: kinh tế tư nhân trong nước đóng vai trò quan trọng trong việc định hình tương lai của nền kinh tế Việt Nam; kinh tế tư nhân là lực lượng tiên phong trong kỷ nguyên mới, góp phần xây dựng một Việt Nam năng động, độc lập, tự chủ, tự cường và phát triển thịnh vượng. Tổng Bí thư cũng đề xuất mục tiêu kinh tế tư nhân đóng góp khoảng 70% GDP vào năm 2030, đồng thời kêu gọi xóa bỏ mọi định kiến về kinh tế tư nhân để tạo điều kiện cho khu vực này phát triển mạnh mẽ hơn.

Như vậy, tinh thần tự lực, tự cường không chỉ là động lực trong đấu tranh giành độc lập mà còn là sức mạnh tinh thần to lớn để Việt Nam xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, đồng thời góp phần khơi dậy ý chí, khát vọng hùng cường, đổi mới, sáng tạo, phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam./.

Chú thích:

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2002, t.1, tr. 55.

(2) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2011, t.10, tr. 103.

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 135.

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 135.

(5) Dẫn theo <https://www.qdnd.vn/kinh-te/cac-van-de/nang-cao-gia-tri-giao-xuat-khau-812180>.

(6) Cơ hội lớn từ nâng tầm quan hệ với các nước. <https://daibieunhandan.vn>.

(7) Toàn văn bài phát biểu của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại Lễ kỷ niệm Quốc khánh (2/9/1945-2/9/2024). <https://xaydungchinh sach.chinhphu>.

(8) Tổng cục Thống kê: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2024, H. 2025.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

TẤM GƯƠNG NGƯỜI CÁN BỘ DÂN VẬN MẪU MỰC

✧ ThS. NGUYỄN THỊ LAM

Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Phong cách dân vận Hồ Chí Minh mang đậm dấu ấn riêng, rất đặc biệt. Người cho rằng, công tác dân vận không thuần túy chỉ là nhiệm vụ chính trị, mà còn là một khoa học, một nghệ thuật để đưa những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến được với dân, làm cho dân hiểu, dân nhớ, dân tin, từ đó hăng hái, tự nguyện, tự giác tham gia. Học tập, làm theo, đưa phong cách dân vận Hồ Chí Minh đi vào cuộc sống là hành động thiết thực nhất đối với cán bộ, đảng viên, nhất là đối với những người làm công tác dân vận, góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước trong tình hình mới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương về người cán bộ dân vận mẫu mực. Điều đó được thể hiện rõ nét qua tư tưởng, đạo đức, phong cách và phương pháp dân vận của Người. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Người luôn nêu tấm gương sáng về đạo đức, gần dân, thương dân, lắng nghe để thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, lấy lợi ích, hạnh phúc của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu.

Phong cách dân vận Hồ Chí Minh là sự thống nhất biện chứng giữa nói và làm, hành động cụ thể để vận động Nhân dân. Bài “Dân vận” đăng trên Báo Sự thật (ngày 15/10/1949) đã thể hiện rõ quan điểm, nội dung, lực lượng, phong cách dân vận của Hồ Chí Minh và được xem là “cẩm nang” của cán bộ, đảng viên, nhất là những người trực tiếp làm công tác dân vận. Không chỉ lý luận, Hồ Chí Minh còn thực hành hiệu quả những quan điểm, tư tưởng về dân vận, hình thành nên phong cách dân vận rất riêng, đặc sắc của Người.

Trước hết, phong cách dân vận của Bác được thể hiện ở trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, lắng nghe và *tin tưởng vào sức mạnh của Nhân dân*. Cách mạng Tháng Tám thành công, trong Thư gửi các đồng chí tỉnh nhà, Người lý giải về thành công của thắng lợi lịch sử, đó là bởi: “Lực lượng toàn dân là lực lượng vĩ đại hơn hết. Không ai chiến thắng được lực lượng đó”⁽¹⁾. Để tập hợp được sức mạnh to lớn này, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn trân trọng đặt Nhân dân vào vị trí của người làm chủ, là người vừa có lợi ích, vừa có trách nhiệm đối với sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, đổi mới, xây dựng đất nước. Vì vậy, động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thực của Nhân dân, kết hợp hài hòa các lợi ích, quyền lợi phải đi đôi với nghĩa vụ công dân; sự tham gia, đóng góp của mỗi một người dân, dù ở cương vị nào chính là khởi nguồn để làm nên nhiều người, nhiều của, nhiều tiền của lực lượng toàn dân. Người cho rằng: “Dân ta lại sẵn có sẵn lòng đưa người, đưa của, tiền ra để ủng hộ Đoàn thể và Chính phủ một khi họ hiểu rõ chính sách ấy là rất đúng”⁽²⁾. Coi trọng dân thì người

cán bộ mới xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ của Nhân dân. Gần dân sẽ tránh được căn bệnh quan liêu, hách dịch, mệnh lệnh; mới hiểu được cuộc sống tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của người dân và mới tham mưu đúng, trúng cho cấp ủy đảng, chính quyền những chủ trương, quyết sách phù hợp với lòng dân. Muốn học dân thì người cán bộ phải thực sự biết khiêm tốn, cầu thị, lắng nghe những ý kiến và đề xuất hợp lý của Nhân dân; có trách nhiệm với dân là phải luôn đặt lợi ích của người dân lên trên hết. Người thường xuyên liên hệ chặt chẽ với mọi tầng lớp trong xã hội, kiên trì lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, giải thích để họ hiểu rõ, đồng thuận với đường lối của Đảng, tạo nguồn sức mạnh để chiến thắng “giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm”, xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh.

“Óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm” là phong cách dân vận Hồ Chí Minh. Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, ở đâu, bất cứ cương vị nào, trong thực hành công tác dân vận, Người luôn “óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm”⁽³⁾. Óc nghĩ, là sự suy nghĩ, tìm tòi, về lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao khả năng tuyên truyền, thuyết phục Nhân dân; nắm bắt tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của Nhân dân để đề ra những giải pháp đúng đắn; kịp thời. Cán bộ dân vận phải tham mưu, đề xuất cho Đảng, Nhà nước, cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp xây dựng, ban hành chủ trương, kế hoạch hợp lòng dân; có trình độ, kỹ năng, tổ chức các phong trào hành động cách mạng cho Nhân dân. Mắt trông, là thấy rõ yêu cầu nhiệm vụ theo chức trách, vị trí công việc của mình và thực tiễn cách mạng để thực hành cho đúng. Thực hiện tốt sẽ tránh được bệnh quan liêu, chỉ ngồi nghe báo cáo rồi nhận định, nhận xét. Tai nghe, là lắng nghe

ý kiến phản hồi từ quần chúng Nhân dân để kịp thời tham mưu, xử lý. Nghe dân nói, nói dân nghe, hiểu được nguyện vọng chính đáng của Nhân dân và biết loại trừ những thông tin thiếu chân thực, không đúng sự thật là phương pháp mang tính khoa học trong phong cách Hồ Chí Minh. Chân đi, dù bận trăm công nghìn việc nhưng Hồ Chí Minh vẫn luôn dành thời gian về với cơ sở, với dân. Trong 10 năm hoạt động (từ 1955 đến 1965) người đi về cơ sở hơn 700 lượt. trong những chuyến đi này, có khi Người không báo trước, không xe đưa, đón để không làm phiền cơ sở và người dân. Xuống với dân, về với cơ sở, Người đi sâu vào tìm hiểu thực tiễn, thấu hiểu, cảm thông với những khó khăn của Nhân dân, ở cơ sở và luôn dùng những lời động viên, khích lệ để vận động Nhân dân, khuyến khích cơ sở vượt qua khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Miệng nói, là chức năng cơ bản của dân vận, nhằm tuyên truyền, thuyết phục Nhân dân thực hiện nhiệm vụ cách mạng. Để dân hiểu, dân tin, dân ủng hộ và làm theo, Hồ Chí Minh luôn nói đúng vấn đề, với phong cách giản dị và thái độ đúng mực. Với người già, các bậc lão thành cách mạng, Bác dùng lời lẽ cung kính; với đồng chí, đồng bào thì thật thà, khiêm tốn; với các cháu nhi đồng là thương yêu, nhắc nhở, động viên. Tay làm, là nói được, phải làm được, cần thiết thì làm mẫu để dân tin. Với Hồ Chí Minh, miệng nói, tay làm, nói ít, làm nhiều, làm đến đâu hiệu quả đến đó là phương pháp vận động quần chúng tốt nhất. Trên thực tế, dù ở bất kỳ cương vị nào, công việc nào, Người đều làm việc hăng say, cùng lao động, cùng chiến đấu, cùng làm việc với Nhân dân để thực hiện mục đích dân vận. Phong cách này, đối lập với những “quan cách mạng” luôn “chỉ nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh”⁽⁴⁾, nói mà không làm, nói nhiều làm ít.

Tự mình nêu gương là điểm đặc sắc trong phong cách dân vận Hồ Chí Minh,

Nêu gương có sức lan tỏa, thuyết phục, hướng dẫn rất lớn và lâu dài. Để Nhân dân tin tưởng, Người luôn gương mẫu, thực hành những chủ trương, những phong trào, cuộc vận động mà Đảng, Nhà nước phát động. Ngày 28/09/1945, Hồ Chủ tịch đã viết bài “Sẻ cơm nhường áo” đăng trên Báo “Cứu Quốc” với nội dung: “...Lúc chúng ta bụng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ chúng ta không khỏi động lòng. Vậy tôi xin đề nghị với đồng bào cả nước và tôi xin thực hành trước. Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo”⁽⁵⁾. Lời kêu gọi và hành động cụ thể của Hồ Chí Minh - người đứng đầu Chính phủ đã trở thành một động lực có sức lan tỏa mạnh mẽ đến mọi người dân, mọi tầng lớp xã hội. Trong cuộc sống hàng ngày, Người sống, làm việc trong một ngôi nhà cấp 4, nhà sàn giản dị; ăn uống thanh đạm; trang phục giản dị, chỉ bộ ka-ki, dép lốp cao su; Người dành dụm tiền lương, tiền nhuận bút viết sách, viết báo để tặng quà cho các cháu thiếu niên, nhi đồng, các cụ già, ủng hộ bộ đội... Người thực sự là tấm gương: Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

Trong thực hành dân vận, Hồ Chí Minh lựa chọn cách làm phù hợp, sát thực tế, trình độ, tâm tư, nguyện vọng của từng đối tượng dân vận. Khi hoàn thành công việc thì cùng với Nhân dân kiểm thảo lại, rút kinh nghiệm, phê bình, khen thưởng. Như vậy, nắm vững mục đích công việc, nội dung, giải thích cho dân hiểu, bàn bạc với dân, tổ chức toàn dân thực hiện, kiểm tra, kiểm điểm rút kinh nghiệm, phê bình, khen thưởng là phong cách dân vận Hồ Chí Minh. Làm được như vậy, sẽ tránh được bệnh không đi sâu đi sát vào quần chúng; chỉ thị, nghị quyết không gắn với thực tế; làm việc thiếu kế hoạch, biện pháp cụ thể; không kiểm tra, kiểm soát, tổng kết đúc rút kinh nghiệm.

Nhận thức sâu sắc về giá trị to lớn của phong cách dân vận Hồ Chí Minh, trong những năm qua, cùng với sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, Đảng ta luôn quan tâm, ban hành nghị quyết cụ thể hóa chủ trương, đường lối về công tác dân vận, đổi mới nội dung, phương thức vận động quần chúng, như: Nghị quyết 8B-NQ/HNTW ngày 27/3/1990 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân; Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới; Quyết định số 290-QĐ/TW ngày 25/02/2010 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị. Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII xác định rõ yêu cầu, nhiệm vụ về công tác dân vận: “thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết, giữa đảng với nhân dân, dựa vào dân để xây dựng Đảng⁽⁶⁾”. Đây chính là sự vận dụng sáng tạo tư tưởng dân vận Hồ Chí Minh trong tình hình mới, từ đó đòi hỏi phải đổi mới công tác dân vận, vận dụng một cách thiết thực, sáng tạo, hướng đến tạo sự đồng thuận, củng cố niềm tin của Nhân dân, phát huy sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng, góp phần xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Trong giai đoạn phát triển mới của đất nước hiện nay, với các nhiệm vụ lớn về sắp xếp tổ chức bộ máy tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững, hội nhập quốc tế sâu rộng đặt ra nhiều cơ hội nhưng cũng nhiều thách thức đối với việc phát huy các nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo trong Nhân dân. Để tạo nên phong

trào rộng lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đòi hỏi công tác dân vận của Đảng phải không ngừng đổi mới, đồng thời đòi hỏi đội ngũ cán bộ phải đáp ứng được yêu cầu mới. Kế thừa, phát triển tư tưởng, đạo đức và phong cách dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào việc xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận hiện nay, đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận, cần thực hiện tốt một số nội dung sau:

Thứ nhất: Tiếp tục quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh, tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII và các văn bản của Đảng về công tác dân vận, đồng thời cụ thể hóa các quan điểm của Đảng để kịp đưa vào thực tiễn cuộc sống của người dân; đổi mới phương thức, nội dung công tác dân vận phù hợp với tình hình mới với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng”.

Thứ hai: Không ngừng học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách dân vận Hồ Chí Minh, vận dụng vào thực tiễn công tác. Thấm nhuần và thực hiện tác phong quần chúng: trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin.

Thứ ba: Cán bộ dân vận phải tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, nói đi đôi với làm, tiên phong, gương mẫu đi đầu, luôn làm gương và phải biết nêu gương, giỏi tuyên truyền, thuyết phục, để tuyên truyền vận động Nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương người cán bộ dân vận mẫu mực để cho cán bộ dân vận nói riêng và cán bộ, đảng viên nói chung phải học tập, noi theo để xây dựng nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Để làm được điều đó, đòi hỏi cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, cán bộ, đảng viên phải giữ vững được niềm tin và thực sự dựa vào dân, phát huy sức mạnh của Nhân dân./.

Chú thích:

(1), (5). CD- Room, Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Xuất bản lần 3, H2011, trang 19, tr8.

(2), (3), (4). CD- Room, Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, tập 6, trang tr 278, trang 233- 234.

(6). Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG...

(Tiếp theo trang 31)

sâu hơn vào công tác này, đặc biệt trong việc phối hợp đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, từ đó cung cấp thông tin để các cơ sở đào tạo xây dựng nội dung chương trình phù hợp, tránh hình thức, lãng phí; phối hợp xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trong từng năm và cả nhiệm kỳ; phối hợp thực hiện công tác quản lý cán bộ trong thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng; phối hợp đánh giá chất lượng cán bộ, công chức sau đào tạo, bồi dưỡng; tạo điều kiện thuận lợi nhất về thời gian, kinh phí và động viên, giúp đỡ cán bộ, công chức của địa phương, đơn vị tham gia đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Trong mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, góp phần đảm bảo sự vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả của cả hệ thống. Việc nhận thức đúng và quan tâm đầu tư đúng mức, đồng bộ cho công tác này sẽ tạo tiền đề để xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức “vừa hồng, vừa chuyên”, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững Hà Tĩnh trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên phát triển phồn vinh và thịnh vượng!

Chú thích:

(1) Chính phủ ban hành 28 nghị định về phân cấp, phân quyền; phân định thẩm quyền giữa Chính phủ và chính quyền địa phương 02 cấp.

NHẬN DIỆN VÀ ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC LUẬN ĐIỀU XUYỀN TẠC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

✧ ThS. PHAN THỊ ÁI VÂN

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm sâu sắc và toàn diện về cách mạng Việt Nam, là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, có giá trị cách mạng và khoa học sâu sắc, là bộ phận quan trọng trong nền tảng tư tưởng của Đảng. Chính vì vậy, các thế lực thù địch luôn âm mưu xuyên tạc, phủ nhận giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh. Việc nhận diện và đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái của các thế lực thù địch, tiếp tục khẳng định giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, tạo cơ sở khoa học và thực tiễn bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân vào tư tưởng Hồ Chí Minh.

1. Nhận diện các luận điệu xuyên tạc, phủ nhận tư tưởng Hồ Chí Minh của các thế lực thù địch

Thứ nhất, xuyên tạc, phủ nhận, coi Chủ tịch Hồ Chí Minh không phải là nhà tư tưởng. Các thế lực thù địch cho rằng, không có “tư tưởng Hồ Chí Minh”, vì xét về nội dung Hồ Chí Minh chủ yếu chỉ tổng hợp, sắp xếp, diễn đạt lại các quan điểm của người khác hoặc trích ca dao, tục ngữ chứ không có tư tưởng của riêng mình; còn xét về hình thức thì Hồ Chí Minh đa số chỉ có những bức thư, bài viết, bài nói ngắn chứ gần như không hề có tác phẩm nào xứng tầm chuyên bàn về lý luận như các nhà tư tưởng khác. Các thế lực thù địch còn đưa ra lập luận rằng, trong ba bản Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980 đều không hề có “năm chữ tư tưởng Hồ Chí Minh”. Sau khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan rã vào cuối thập niên 1980 - đầu thập niên 1990 thì “tư tưởng Hồ Chí Minh” lại “đột nhiên” xuất hiện ở Đại hội VII (1991) của Đảng và Hiến pháp năm 1992. Chúng giải thích rằng, bởi vì lúc này “chủ nghĩa Mác - Lênin đã hết thời và là nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ của Liên Xô và các nước

xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Vì thế, Đảng đã cố tình bầu víu, đưa thêm “tư tưởng Hồ Chí Minh” vào tiếp theo sau chủ nghĩa Mác - Lênin để tuyên truyền, trấn an nhân dân và cán bộ, đảng viên.

Thứ hai, xuyên tạc, đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với Chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối của Đảng. Về luận điệu đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin, có hai quan điểm xuyên tạc chính mà các thế lực thù địch nhắm vào: (1) Các thế lực thù địch cho rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh khác và đối lập với chủ nghĩa Mác - Lênin về bản chất; chúng cố tình dựa vào những luận điểm có tính bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin hay sự kế thừa những giá trị tư tưởng của nền cộng hòa Pháp và Mỹ để kết luận Hồ Chí Minh “là một người theo chủ nghĩa cộng hòa và chủ nghĩa hòa bình hơn là một người theo chủ nghĩa cộng sản”; chúng tìm cách đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin, vì thế đã vu khống rằng, Chủ nghĩa Mác - Lênin là chủ nghĩa chia rẽ và cực đoan, thiên về đấu tranh giai cấp, đối lập với tư tưởng Hồ Chí Minh là tư tưởng đề cao đoàn kết và thống nhất; Hồ Chí Minh là người theo chủ

nghĩa dân tộc chứ không theo chủ nghĩa cộng sản, chỉ nhấn mạnh đến đoàn kết chứ không nhấn mạnh đến đấu tranh. Thực chất của luận điệu này chính là muốn hướng lái dư luận hoài nghi về bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, gây ra tâm lý hoang mang, dao động, chia rẽ sự thống nhất về chính trị, tư tưởng, tổ chức trong Đảng, làm giảm sút niềm tin của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Sâu xa hơn nữa, chúng muốn phủ nhận nền tảng tư tưởng, lý luận của Đảng và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, muốn Việt Nam thay đổi chế độ chính trị, thực hiện đa nguyên, đa đảng, từ bỏ mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

(2) Các thế lực thù địch “tôn vinh” tư tưởng Hồ Chí Minh và hạ thấp giá trị và vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với cách mạng Việt Nam. Các thế lực thù địch cho rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin từng có giá trị nhưng đã bị lịch sử vượt qua. Hơn nữa, chúng còn nguy hiểm rằng, cho dù chưa bị lịch sử vượt qua thì chủ nghĩa Mác - Lênin cũng chỉ phù hợp với các nước phương Tây, còn tư tưởng Hồ Chí Minh mới phù hợp với Việt Nam. Do đó, các thế lực thù địch ra sức kêu gọi “chỉ cần theo tư tưởng Hồ Chí Minh, bỏ qua chủ nghĩa Mác - Lênin”. Từ đó chúng cho rằng, nên đưa chủ nghĩa Mác - Lênin ra khỏi nền tảng tư tưởng của Đảng, chỉ nên giữ lại tư tưởng Hồ Chí Minh là đủ. Đây là quan điểm nhân danh là đề cao tư tưởng Hồ Chí Minh, song thực chất chính là nhằm phủ nhận cả chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bởi trong tư tưởng Hồ Chí Minh đã có chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây chính là thủ đoạn “nâng lên” để “hạ thấp”, “đề cao” để “phủ nhận” mà thôi. Nếu tách tư tưởng Hồ Chí Minh khỏi cội nguồn lý luận quan trọng nhất là chủ nghĩa Mác - Lênin thì bản thân tư tưởng Hồ Chí Minh cũng không còn những đặc tính tốt đẹp như nó vốn đang có nữa. Cả hai quan điểm này đều là không đúng cả về lịch sử và logic. Về

mặt lịch sử, chủ nghĩa Mác - Lênin chính là nguồn gốc quan trọng dẫn tới việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Về mặt logic, tư tưởng Hồ Chí Minh chính là sự vận dụng sáng tạo, phát triển và làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện lịch sử mới. Vì thế, tư tưởng Hồ Chí Minh thống nhất với chủ nghĩa Mác - Lênin về bản chất chứ không hề có sự mâu thuẫn, đối lập như sự suy luận, xuyên tạc một số người.

Bên cạnh thủ đoạn đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin, các thế lực thù địch còn xuyên tạc, đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với đường lối của Đảng; chúng lấy tám gương đạo đức, cuộc đời, sự nghiệp của Hồ Chí Minh để bôi nhọ Đảng. Chúng vịn vào có hiện nay “một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống” như trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI của Đảng đã khẳng định để thổi phồng những khuyết điểm của một số cán bộ thoái hóa, biến chất mà làm ngơ trước những ưu điểm mang tính bản chất của đa số những cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị. Từ đó, chúng cho rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam ngày nay cũng đã thoái hóa, biến chất, khác xa với lý tưởng, khát vọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng yêu cầu phải bỏ Điều 4 trong Hiến pháp, xóa bỏ quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thứ ba, phủ nhận giá trị thực tiễn và sức sống của tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay. Các thế lực thù địch cho rằng, Hồ Chí Minh là nhà “dân tộc chủ nghĩa chứ không phải là nhà mác-xít”; “không thể lấy tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng” vì tư tưởng Hồ Chí Minh không phù hợp với điều kiện mới của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Chúng cũng ra sức phủ nhận sự cần thiết và hiệu quả của việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Lý do chúng đưa ra là Hồ Chí

Minh là bậc “thánh nhân” trong khi chúng ta là người thường; Hồ Chí Minh là người đi theo chủ nghĩa khổ hạnh trong khi chúng ta đang có cuộc sống bình thường ở thế giới hiện đại.

2. Đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh

Thứ nhất: Đối với các luận điệu coi Chủ tịch Hồ Chí Minh không phải là nhà tư tưởng. Theo V.I.Lênin, một người xứng đáng là “nhà tư tưởng” khi họ giải quyết được trước người khác tất cả những vấn đề về chính trị - chiến lược, sách lược, các vấn đề về tổ chức, về những yếu tố vật chất của phong trào một cách tự giác. Vì vậy, mặc dù Hồ Chí Minh cũng tự nhận mình không phải là nhà tư tưởng, nhưng thực tế thì trong quá trình hoạt động cách mạng, tư tưởng của Người đã dần được hình thành và được bạn bè thế giới công nhận. “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam”¹, xuyên suốt là tư tưởng về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội với nội dung cốt lõi là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Chủ nghĩa Mác - Lênin có vai trò rất quan trọng trong việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định, chủ nghĩa Mác - Lênin là “chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất”² chỉ đường cho cách mạng Việt Nam vận động; đồng thời, “Chủ nghĩa Mác- Lênin là kim chỉ nam cho hành động, chứ không phải là kinh thánh”³. Điều đó cho thấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp thu lý luận Mác - Lênin theo hướng cốt nắm lấy tinh thần, bản chất để vận dụng cho phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam, không đi tìm những kết luận có sẵn trong sách vở kinh điển. Một mặt, Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin cho phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam; mặt khác, làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác - Lênin trong những điều kiện lịch sử mới.

Thực tế cho thấy, việc phủ nhận tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là vấn đề gì mới mẻ, mà ngay từ những năm 90 của thế kỷ XX, các thế lực thù địch đã ra sức công kích khi cho rằng không hề có cái gọi là “tư tưởng Hồ Chí Minh”, hoặc tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ là sự bao biện của Đảng Cộng sản Việt Nam trước bối cảnh Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ mà thôi... Tuy nhiên, thực tế thì ngay từ rất sớm, trước khi khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh xuất hiện, thế giới đã thừa nhận có tư tưởng Hồ Chí Minh. Tổ chức UNESCO khẳng định: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là hiện thân khát vọng của các dân tộc trong việc bảo vệ bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho sự thúc đẩy hiểu biết lẫn nhau”⁴.

Nhiều nhà khoa học, nhà lãnh đạo, các tổ chức tiến bộ trên thế giới đã thừa nhận Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà tư tưởng; và thực tiễn những thành tựu to lớn mà cách mạng Việt Nam đạt được đã củng cố vững chắc điều này. Vậy tại sao các thế lực chống đối vẫn cố tình chống phá, “quay lưng” với những bằng chứng xác thực về giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh? Điều này hiển nhiên không xuất phát từ lý do khoa học hay hạn chế trong nhận thức. Các thế lực thù địch thậm chí còn hiểu rất rõ nội dung và tầm ảnh hưởng sâu rộng của tư tưởng Hồ Chí Minh tới cách mạng Việt Nam, tới lương tri của nhân loại và nhân dân tiến bộ thế giới. Việc họ xuyên tạc, phủ nhận sự tồn tại của tư tưởng Hồ Chí Minh là do xuất phát từ động cơ chính trị đen tối, với mục đích gây hoang mang, mơ hồ về chính trị của các tầng lớp nhân dân; phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng; gây mất ổn định chính trị, tạo cơ can thiệp vào công việc nội bộ, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Thứ hai: Đối với luận điệu xuyên tạc, đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với Chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối của Đảng. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với đấu tranh “tự phê bình và phê bình” là việc làm thường

xuyên, mang bản chất cách mạng của Đảng ta. Hồ Chí Minh cũng đã từng khẳng định: “Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”⁵. Tuy nhiên, khi Đảng kiên quyết đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, loại trừ các vấn nạn trong công tác cán bộ để nhằm làm trong sạch Đảng, lấy lại niềm tin của Nhân dân với Đảng, với chế độ thì các thế lực thù địch lại vu khống, quy kết là Đảng ta “đấu đá nội bộ”, “đấu tranh giữa các phe phái vì quyền lực”. Chúng làm ra vẻ khách quan khi dùng tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh làm “hệ quy chiếu” để đánh giá, phán xét Đảng. Đề cao và đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ trương của Đảng để chống phá Đảng là thủ đoạn rất tinh vi và nguy hiểm, như viên đạn bọc đường, vì nó có thể gây hoang mang, mất niềm tin, chia rẽ nội bộ; đặc biệt, nó có thể làm một bộ phận dân chúng, thậm chí là ngay cả các nhà khoa học, những trí thức vốn rất tin và kính trọng Hồ Chí Minh cũng có thể trở nên bất mãn, mất niềm tin vào Đảng, vào chế độ hiện nay.

Thứ ba: Đối với các luận điệu phủ nhận giá trị thực tiễn và sức sống của tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay. Thực tiễn lịch sử cho thấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh không phải là người theo chủ nghĩa khổ hạnh và cũng chưa bao giờ tỏ ra mình là bậc “thánh nhân”, là người toàn vẹn, mà Người luôn yêu cầu cán bộ góp ý cho mình, rằng “nếu tôi có vết nhọ trên trán, các đồng chí trông thấy, lại lấy cớ “nể cụ” không nói, là tôi mang nhọ mãi”. Các thế lực thù địch cố tình không hiểu rằng, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là học cái tinh túy trong tư tưởng, phương pháp, phong cách của Người để vận dụng linh hoạt, sáng tạo vào

trong thực tiễn như chính trước đây Hồ Chí Minh đã học tập, vận dụng sáng tạo thành công chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Việt Nam chứ không phải học rồi “làm theo” một cách máy móc để cho giống hoặc thành một “Hồ Chí Minh thứ hai”. Do đó, đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện tại là chủ trương đúng đắn của Đảng, hợp với lòng dân và có giá trị thiết thực trong mọi mặt của đời sống xã hội. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định: “Kiên định và không ngừng vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong từng giai đoạn”⁶.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trong số rất ít nhân vật trong lịch sử trở thành một phần của huyền thoại ngay từ khi còn sống. Cho đến nay, tư tưởng của Người vẫn còn nguyên giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc. Giá trị đó không chỉ đối với dân tộc Việt Nam mà còn đối với nhân loại; không chỉ được khẳng định trong thế kỷ XX, mà còn được thể hiện trong hiện tại và tương lai. Đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh chính là nhằm bảo vệ nội dung và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần vào bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh hiện nay./.

Chú thích:

- (1). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 88
- (2). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 2, tr. 289
- (3). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 7, tr. 120
- (4). Phạm Ngọc Anh: “Tư tưởng Hồ Chí Minh - không thể phủ nhận”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 11 - 2013, tr. 60
- (5). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 5, tr. 301
- (6). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 180.

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN TƯ DUY VỀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

✧ ThS. VÕ THANH CƯỜNG

Giảng viên phòng QLĐT và NCKH

Tóm tắt: Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành đảng cầm quyền với nhiệm vụ lãnh đạo xây dựng chính quyền vững mạnh, đem lại ấm no, tự do, hạnh phúc cho Nhân dân. Để đạt được mục tiêu đó, Đảng phải thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo, nhất là đối với Nhà nước để vừa giữ vững vai trò lãnh đạo, vừa phát huy vai trò của Nhà nước trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng. Trong thời kỳ đổi mới, trước những biến động quốc tế, trong nước và yêu cầu của sự nghiệp cách mạng, Đảng đã không ngừng tự chỉnh đốn, đổi mới và có những bước phát triển quan trọng trong tư duy, nhận thức về phương thức lãnh đạo đối với Nhà nước.

1. Quá trình phát triển tư duy, nhận thức về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước từ Đại hội VI đến nay

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, trong đó có nội dung quan trọng là đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước; xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước trong điều kiện chuyển đổi tư duy từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Sự đổi mới căn bản đó, đòi hỏi Nhà nước ta phải thực hiện tốt chức năng thể chế hóa đường lối của Đảng; xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả chiến lược, kế hoạch kinh tế - xã hội; giữ vững kỷ cương pháp luật, trật tự xã hội; bảo đảm quốc phòng và an ninh; phát hiện và xử lý những biểu hiện mất cân đối trong phát triển đất nước; thực

hiện quy chế làm việc khoa học, có hiệu suất cao; xây dựng bộ máy gọn nhẹ...

Đại hội VII của Đảng đã đề ra Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong đó nêu rõ quan điểm cần thiết đổi mới hệ thống tổ chức nhà nước, cải cách bộ máy hành chính, kiện toàn các cơ quan luật pháp để thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý của Nhà nước. Cương lĩnh xác định: “Tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương... Nhà nước Việt Nam thống nhất ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, với sự phân công rành mạch ba quyền đó”. Theo đó, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khóa VII, nhấn mạnh: “Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là điều kiện quan

trọng nhất để tiến hành đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, làm cho sự lãnh đạo của Đảng có chất lượng và có hiệu quả hơn, đồng thời làm cho sự quản lý và điều hành của nhà nước có hiệu quả, pháp luật được tôn trọng, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy”.

Tại Đại hội VIII, Đảng ta xác định xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa như một giải pháp quan trọng nhằm tiếp tục cải cách, đổi mới nhà nước, xây dựng và hoàn thiện nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII, đã khẳng định những thành tựu quan trọng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và những đổi mới về nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, để vừa bảo đảm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy trách nhiệm, tính chủ động của các cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, trước thực tế là tổ chức bộ máy nhà nước còn cồng kềnh và chưa thật sự trong sạch, vững mạnh, Nghị quyết đã đề ra yêu cầu cần nắm vững và thực hiện tốt ba nội dung trọng yếu về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là: Lãnh đạo các cơ quan nhà nước kịp thời thể chế hóa đường lối của Đảng thành pháp luật; Tăng cường quản lý cán bộ, đảng viên trong bộ máy nhà nước, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, vững mạnh, thực sự vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân; Tăng cường kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên trong việc thực hiện các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Đến Đại hội IX, qua tổng kết thực tiễn, Đảng đã xác định chủ trương: “xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng” là một nhiệm vụ có tính chiến lược và xuyên suốt, trong thực hiện việc “đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của nhà nước, phát huy dân

chủ, tăng cường pháp chế”. Đại hội tiếp tục khẳng định nội dung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước: “Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua việc đề ra đường lối, chủ trương, các chính sách lớn, định hướng cho sự phát triển và kiểm tra việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước...”. Việc khẳng định Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng tại Đại hội IX của Đảng.

Tại Đại hội X, Đảng nêu rõ: “Khẩn trương xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy định cụ thể về nguyên tắc, nội dung và cơ chế Đảng lãnh đạo đối với Nhà nước trong từng lĩnh vực: lập pháp, hành pháp, tư pháp và từng cấp, từng loại hình tổ chức nhà nước”. Đó chính là sự đổi mới nhằm phát triển và tiếp tục hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Tổng kết 25 năm đổi mới, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định: Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân... Nhà nước phục vụ nhân dân, gần bó mật thiết với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân; giữ nghiêm kỷ cương xã hội, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân”. Tại Hội nghị lần thứ 7 khóa XI, Ban Chấp hành Trung ương một lần nữa khẳng định: “Đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị phải bám sát, cụ thể hóa, thể chế hóa các quan điểm của Cương lĩnh, Điều lệ, văn kiện Đại hội XI của Đảng, đồng bộ với nội dung sửa đổi

Hiến pháp 1992; bảo đảm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân...”.

Trên cơ sở tổng kết 30 năm đổi mới, Đại hội XII của Đảng đã đưa ra những nhận định, đánh giá, quan điểm, định hướng quan trọng trong việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đại hội xác định: “Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”. Trên cơ sở đó, Đại hội định hướng đổi mới phương thức lãnh đạo đối với Nhà nước với những giải pháp cụ thể: (1) Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng các chủ trương, chính sách lớn, lãnh đạo thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật; (2) Lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất và năng lực, lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách và hệ thống pháp luật; (3) Chú trọng lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng lập pháp, cải cách hành chính và cải cách tư pháp; các tổ chức của Đảng và đảng viên phải gương mẫu tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. (4) Xác định rõ nội dung, phương thức lãnh đạo bằng những quy chế, quy định, quy trình cụ thể; (5) Coi trọng xây dựng văn hóa trong các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, trong hệ thống chính trị mà nội dung quan trọng là tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; (6) Đẩy mạnh đấu tranh, phòng, chống tham nhũng, lãng phí...

Trên cơ sở tổng kết 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), Đại hội XIII của Đảng đã xác định: Tiếp tục xây dựng

và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Một trong những quan điểm rất mới về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là Đảng ta coi xây dựng hệ thống chính trị (trong đó có nhà nước) là một trong những nhiệm vụ gắn chặt với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, được triển khai đồng bộ trên các mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Đại hội xác định: “Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng Cương lĩnh, chiến lược, các chủ trương, chính sách lớn, bằng công tác tổ chức, cán bộ, bằng kiểm tra, giám sát; lãnh đạo thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật; lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, Hiến pháp và pháp luật; chú trọng lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng lập pháp, cải cách hành chính và cải cách tư pháp. Các tổ chức của Đảng và đảng viên, nhất là tổ chức, đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước vừa phải gương mẫu tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, vừa phải nêu cao vai trò tiên phong trong thực hiện chủ trương, đường lối, các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”.

Đất nước đang bước vào kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Giai đoạn mới, đòi hỏi đổi mới về nhận thức, đổi mới về hành động của toàn Đảng, của cấp ủy các cấp, của toàn xã hội trong việc giữ gìn, nuôi dưỡng, sử dụng hiệu quả nguồn lực của đất nước, phấn đấu thực hiện thành công những mục tiêu chiến lược, tạo sự phát triển vượt bậc ở một tầm cao mới, trình độ mới, chất lượng mới, xác lập vị thế quốc gia trên trường

quốc tế, tạo nền tảng cho bước phát triển đột phá kế tiếp. Yêu cầu nhiệm vụ của sự nghiệp cách mạng trong kỷ nguyên mới tiếp tục đặt ra nhiều vấn đề mới trong việc tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là đối với Nhà nước, thể hiện trên một số nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới, nhận thức về Đảng và Nhà nước. Đảng ta là đảng cầm quyền, là lực lượng lãnh đạo toàn xã hội; quyền lực của Đảng khác với quyền lực Nhà nước. Sự khác nhau đó quy định những điểm khác biệt về chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động giữa Đảng và Nhà nước. Nếu không phân biệt rõ ràng, thấu đáo những khác biệt đó và đặc biệt là không kiên quyết, mạnh dạn chuyển biến từ đổi mới nhận thức sang đổi mới tổ chức và hoạt động của Đảng và Nhà nước thì không tránh khỏi tình trạng đã xảy ra là “Nhà nước hóa Đảng” và “hình thức hóa Nhà nước” làm cho Đảng trở nên “hành chính hóa”, “quan liêu hóa” kiểu nhà nước và nhà nước thì không có thực quyền, vừa thụ động vừa trì trệ, xơ cứng trong quản lý. Thước đo hiệu quả sự lãnh đạo của Đảng phải được thể hiện ở sức mạnh, hiệu lực thực tế của Nhà nước. Để quản lý, Nhà nước buộc phải dùng đến sức mạnh của tổ chức và hành chính cũng như sức mạnh cưỡng chế của luật pháp.

Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng đường lối, nghị quyết, bằng công tác tổ chức cán bộ và kiểm tra việc Nhà nước thực hiện chấp hành đường lối, nghị quyết như thế nào, thông qua tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước và thông qua các cơ quan chuyên trách của hệ thống Đảng. Là lực lượng lãnh đạo chính trị, Đảng quyết định những vấn đề chính trị thuộc về chiến lược phát triển, về đường lối, chủ trương, quan điểm, nguyên tắc đối với tổ chức và hoạt động của Nhà nước nhưng Nhà nước lại tổ

chức quyền lực, thực thi vai trò, chức năng quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật. Do đó, Đảng không can thiệp sâu vào hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước có tính chất đặc thù của khoa học quản lý. Đảng cũng không thể lấn sân, bao biện, làm thay những công việc của chính quyền các cấp trong hệ thống quản lý hành chính... Điều đó chẳng những không hạ thấp và làm suy giảm vai trò lãnh đạo của Đảng, mà trái lại, còn làm tăng thêm sức mạnh bảo vệ và tự bảo vệ của Đảng, tránh cho Đảng rơi vào tình trạng độc đoán, lạm quyền, vi phạm pháp luật và vi phạm dân chủ.

Thứ hai, phân định rõ mục tiêu lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và mục tiêu hoạt động của Nhà nước. Mục tiêu lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là phát huy vai trò của Nhà nước trong việc thể chế hóa, tổ chức thực hiện có hiệu quả những quan điểm chỉ đạo của Đảng đối với sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại. Mục tiêu quản lý của Nhà nước là biến toàn bộ quan điểm chỉ đạo của Đảng trên các phương diện tương ứng nói trên trở thành hiện thực.

Mục tiêu lãnh đạo của Đảng và mục tiêu quản lý của Nhà nước có nội dung tương tự như nhau, nhưng nội dung phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và nội dung quản lý của Nhà nước nhằm đạt mục tiêu đó lại có nhiều điểm khác nhau. Điều đó được bộc lộ ở sự khác biệt giữa nhiệm vụ của Đảng với nhiệm vụ của Nhà nước. Với tư cách là đảng cầm quyền, Đảng đề ra các chủ trương, đường lối, quan điểm có tính chiến lược và lãnh đạo việc tuyên truyền, cổ động quần chúng thực hiện; mặt khác, Đảng lãnh đạo các cơ quan nhà nước thể chế hóa, tổ chức thực hiện các đường lối, chủ trương, quan điểm, chính sách đó. Đảng không trực tiếp giải quyết các công việc của Nhà nước. Nhà nước bằng quyền lực của mình có nhiệm vụ “bảo đảm và

không ngừng phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của Nhân dân, xây dựng đất nước giàu mạnh, thực hiện công bằng xã hội, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện”.

Thứ ba, phân định hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng với hệ thống tổ chức bộ máy của Nhà nước. Hiện nay, cả hai hệ thống này đều đang đứng trước yêu cầu phải đổi mới theo yêu cầu dân chủ - pháp quyền, trong sạch, vững mạnh, chống quan liêu tham nhũng, lãng phí, tiêu cực có hiệu quả. Đảng đổi mới cơ chế lãnh đạo của mình đối với Nhà nước trên cơ sở tự chỉnh đốn Đảng, thực hiện dân chủ trong Đảng, “phải kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng ở tất cả các cấp từ Trung ương đến cơ sở” theo hướng tinh gọn và tinh nhuệ, thể hiện thật rõ tính đặc thù của lãnh đạo chính trị. Sử dụng các chuyên gia giỏi vào công việc được chuyên môn hóa là một trong những cách tốt nhất để khắc phục tình trạng “thừa” bộ máy mà “thiếu” hoạt động, như tình hình đã xảy ra.

Đòi hỏi hiện nay đối với Nhà nước trên con đường tiến tới Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là tạo lập một hệ thống pháp luật đồng bộ, cải cách bộ máy hành chính nhà nước bảo đảm trong sạch, vững mạnh, hiệu lực và hiệu quả với đội ngũ công chức được đào tạo cơ bản, tinh thông chuyên môn nghiệp vụ, tận tụy mẫn cán, am hiểu pháp luật và tôn trọng pháp luật, có chế độ công vụ, kỷ luật và đạo đức công chức được đề cao.

Thứ tư, đề cao tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, củng cố, xây dựng niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong tình hình mới, nâng cao năng lực lãnh đạo, chất lượng và hiệu quả thực tế của các nghị quyết, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự là đội ngũ tiên phong

trong sự nghiệp mới, mỗi cán bộ, đảng viên thực sự là hạt nhân lãnh đạo, là tấm gương có sức lôi cuốn, tập hợp nhân dân trong tiến trình thực hiện các mục tiêu của đổi mới kinh tế, cải cách hành chính, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong cải cách tư pháp, trong thực hiện huy động sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân. Phát huy truyền thống người đảng viên cộng sản đã đi đầu, hy sinh trong sự nghiệp cách mạng giành độc lập dân tộc trước đây, cũng vẫn và mãi mãi là người đi đầu trong mọi lĩnh vực của sự nghiệp đổi mới, xây dựng phát triển đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

Thứ năm, tiếp tục đổi mới phong cách lãnh đạo, phương pháp công tác, lề lối làm việc và chuyển đổi số trong cơ quan Đảng. Đổi mới phong cách, phương pháp công tác, lề lối làm việc bảo đảm khoa học, dân chủ, sâu sát, cụ thể. Hoàn thiện quy định về ban hành văn bản của Đảng bảo đảm khoa học, thực tiễn, hệ thống, chặt chẽ. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị; mở rộng hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến; giảm hội họp không cần thiết.

Hiện nay, việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo ngày càng quyết liệt, toàn diện và đồng bộ hơn. Bộ máy nhà nước đã được sắp xếp theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Nền hành chính quốc gia được cải cách theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, tư duy xây dựng pháp luật có nhiều đổi mới, hệ thống pháp luật tiếp tục được hoàn thiện đồng bộ hơn... Những kết quả đạt được trong thời gian qua đã khẳng định sự đột phá, vượt trội trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam./.

TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO TRONG NGHIÊN CỨU THỰC TẾ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI ĐÀO TẠO CÁN BỘ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

✻ ThS. NGUYỄN TRỌNG MINH QUÂN
Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học

Tóm tắt: Trong bối cảnh Đảng và Nhà nước triển khai chủ trương tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, yêu cầu đổi mới đào tạo cán bộ ngày càng trở nên cấp thiết. Bài viết tập trung làm rõ vai trò của hoạt động nghiên cứu thực tế tại các trường chính trị cấp tỉnh như một phương thức gắn lý luận với thực tiễn, đồng thời là môi trường rèn luyện năng lực sáng tạo cho học viên. Thực trạng hiện nay cho thấy hoạt động này đã có những đóng góp tích cực song vẫn còn nhiều hạn chế như tính hình thức, nội dung nghiên cứu chưa gắn với vấn đề bức thiết, thiếu sáng tạo và cơ chế đánh giá chưa phù hợp. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp mới nhằm tăng cường trải nghiệm sáng tạo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giai đoạn mới.

Công cuộc đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta đang được đẩy mạnh theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Một trong những bước đi quan trọng là chủ trương sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính, trong đó có việc sáp nhập một số tỉnh, thành phố, nhằm phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quản lý nhà nước trong giai đoạn mới. Quá trình này không chỉ tác động đến cơ cấu tổ chức bộ máy, mà còn đặt ra những thách thức lớn về quản lý, điều hành, phân bổ nguồn lực, bảo đảm sự đồng thuận xã hội và phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ. Trong bối cảnh đó, các trường chính trị cấp tỉnh giữ vai trò then chốt trong việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở - lực lượng trực tiếp triển khai và cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước ở địa phương. Để nâng

cao chất lượng đào tạo, việc tăng cường hoạt động nghiên cứu thực tế cho học viên trở thành yêu cầu tất yếu. Nghiên cứu thực tế không chỉ giúp học viên củng cố, vận dụng kiến thức lý luận, mà còn tạo cơ hội trải nghiệm, phát hiện vấn đề mới từ chính bối cảnh sáp nhập đơn vị hành chính. Từ đó, học viên có thể rèn luyện tư duy sáng tạo, kỹ năng phân tích, tổng kết thực tiễn và đề xuất giải pháp phù hợp với yêu cầu quản lý ở địa phương sau sáp nhập. Việc gắn kết trải nghiệm sáng tạo trong nghiên cứu thực tế với bối cảnh sáp nhập tỉnh hiện nay sẽ góp phần trực tiếp nâng cao năng lực thích ứng, năng lực giải quyết vấn đề của học viên – những cán bộ nguồn của hệ thống chính trị cấp cơ sở. Đây cũng chính là cách các trường chính trị khẳng định vai trò trung tâm trong việc đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác cán bộ và xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu quả trong giai đoạn mới.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ luôn được Đảng ta xác định là nhiệm vụ chiến lược, có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp cách mạng: *“Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải gắn với thực tiễn, lấy hiệu quả công tác, uy tín trong nhân dân làm thước đo chủ yếu”*⁽¹⁾. Điều đó cho thấy việc đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, trong đó có hoạt động nghiên cứu thực tế, là yêu cầu tất yếu nhằm gắn lý luận với thực tiễn, nâng cao năng lực thực hành cho học viên. Ở góc độ khoa học giáo dục, Luật Giáo dục năm 2019 khẳng định nguyên tắc đào tạo là phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học, tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, lý thuyết vào thực tiễn⁽²⁾. Như vậy, việc tổ chức nghiên cứu thực tế theo hướng trải nghiệm sáng tạo tại các trường chính trị cũng phù hợp với tinh thần chung của cải cách giáo dục, đặt học viên vào vị trí chủ thể của quá trình học tập, đồng thời khuyến khích khả năng phát hiện, xử lý vấn đề thực tiễn. Theo quan điểm lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, thực tiễn là cơ sở, động lực và tiêu chuẩn kiểm nghiệm chân lý. V.I. Lênin từng nhấn mạnh: *“Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn - đó là con đường biện chứng của nhận thức chân lý, nhận thức hiện thực khách quan”*⁽³⁾. Điều này cho thấy, nếu thiếu đi hoạt động gắn với thực tiễn, quá trình học tập ở các trường chính trị sẽ khó hình thành tư duy lý luận sâu sắc và năng lực hành động sáng tạo cho học viên. Ngoài ra, Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 9/2/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới, cũng yêu cầu các cơ sở đào tạo chính trị tăng cường gắn kết học tập lý luận với thực tiễn địa phương. Trong tác phẩm *“Sửa đổi lỗi làm việc”* (1947), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: *“Lý luận mà không liên*

hệ với thực tiễn là lý luận suông”⁽⁴⁾. Đây là nền tảng tư tưởng quan trọng định hướng cho các trường chính trị cấp tỉnh trong việc tổ chức hoạt động nghiên cứu thực tế.

Cơ sở lý luận cho việc tăng cường trải nghiệm sáng tạo trong nghiên cứu thực tế của học viên trường chính trị cấp tỉnh bắt nguồn từ cả yêu cầu thực tiễn đổi mới công tác cán bộ và từ hệ thống văn kiện, tư tưởng chỉ đạo của Đảng, Nhà nước. Nó bảo đảm cho hoạt động này không chỉ có ý nghĩa giáo dục - đào tạo mà còn góp phần trực tiếp vào việc thực hiện thắng lợi chủ trương tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong giai đoạn mới.

Hiện nay, công cuộc xây dựng, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả đang được triển khai mạnh mẽ. Chủ trương sáp nhập đơn vị hành chính, trong đó có việc sáp nhập một số tỉnh, đặt ra những yêu cầu mới đối với đội ngũ cán bộ. Sau sáp nhập, phạm vi quản lý của chính quyền địa phương được mở rộng, khối lượng công việc tăng lên, trong khi yêu cầu bảo đảm ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội và củng cố niềm tin của nhân dân ngày càng cao. Trong bối cảnh đó, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở các trường chính trị cấp tỉnh cần có bước đổi mới căn bản, vừa để đáp ứng tình hình thực tiễn, vừa để thực hiện đúng tinh thần của Đảng về xây dựng đội ngũ cán bộ ngang tầm nhiệm vụ. Trước hết, đào tạo cán bộ trong giai đoạn mới phải gắn chặt với thực tiễn địa phương, coi thực tiễn là môi trường rèn luyện và kiểm nghiệm năng lực. Hoạt động nghiên cứu thực tế cần được tổ chức một cách thiết thực, gắn với những vấn đề nóng bỏng nảy sinh sau sáp nhập đơn vị hành chính, để học viên có cơ hội tiếp cận, phân tích và đề xuất giải pháp xử lý. Đây cũng là cách để học viên hình thành năng lực thích ứng nhanh, xử lý tình huống đa chiều, đáp

ứng yêu cầu quản lý trong điều kiện mới. Thứ hai, đổi mới đào tạo phải chú trọng nâng cao năng lực tư duy và phương pháp làm việc khoa học cho học viên. Trong thời đại chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, cán bộ không chỉ cần kiến thức lý luận chính trị vững chắc, mà còn phải thành thạo kỹ năng phân tích, tổng hợp, dự báo và sử dụng công nghệ thông tin để phục vụ quản lý. Vì vậy, chương trình đào tạo của trường chính trị cần được thiết kế theo hướng hiện đại, cập nhật các phương pháp điều tra xã hội học, phân tích dữ liệu và kỹ năng quản trị công. Thứ ba, đào tạo cán bộ trong giai đoạn mới phải phát huy tính chủ động, sáng tạo của học viên. Hoạt động giảng dạy cần chuyển từ cách tiếp cận truyền thụ một chiều sang khuyến khích học viên tham gia nghiên cứu, trải nghiệm sáng tạo, trực tiếp giải quyết vấn đề của cơ sở. Thực tiễn cho thấy, chỉ có qua trải nghiệm, học viên mới rèn luyện được bản lĩnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn. Bên cạnh đó, đào tạo cán bộ còn phải đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ “vừa hồng vừa chuyên”, nghĩa là vừa có phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng trong sáng, vừa giỏi nghiệp vụ, có năng lực thực tiễn cao. Điều này đòi hỏi trường chính trị phải không ngừng đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, vừa giữ vững định hướng chính trị, vừa tạo môi trường để học viên rèn luyện năng lực sáng tạo, khả năng thích ứng với tình hình mới. Đào tạo cán bộ trong giai đoạn hiện nay cũng cần hội nhập với xu hướng đổi mới giáo dục và quản lý hiện đại. Đội ngũ cán bộ phải có tầm nhìn rộng, tiếp cận các phương pháp quản trị tiên tiến, biết ứng phó với những thách thức phi truyền thống, nhưng đồng thời phải bám sát thực tiễn của Việt Nam, đặc biệt là những địa phương sau sáp nhập.

Hiện nay, quá trình đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước đang được đẩy mạnh theo

hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đặc biệt, việc sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh đã tạo ra sự thay đổi lớn trong cơ cấu quản lý. Theo Nghị quyết của Quốc hội, từ ngày 12/6/2025 cả nước chỉ còn 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh (28 tỉnh và 6 thành phố) thay vì 63 như trước đây. Cùng với việc giảm đầu mối, dự kiến hơn 18.440 biên chế cấp tỉnh sẽ được tinh giản sau khi sáp nhập⁽⁵⁾. Những con số này cho thấy quy mô, phạm vi quản lý của chính quyền các tỉnh mới được mở rộng, đồng thời khối lượng công việc và yêu cầu phối hợp đặt lên vai đội ngũ cán bộ cũng trở nên phức tạp hơn. Trong bối cảnh đó, hoạt động nghiên cứu thực tế của học viên tại các trường chính trị cấp tỉnh vẫn còn nhiều bất cập. Về mặt tích cực, các trường chính trị đã đưa nghiên cứu thực tế trở thành một học phần bắt buộc trong chương trình trung cấp lý luận chính trị, coi đây là điều kiện quan trọng để học viên gắn lý luận với thực tiễn. Một số trường đã tổ chức các chuyến đi nghiên cứu liên tỉnh, tạo điều kiện cho học viên tiếp cận mô hình phát triển và kinh nghiệm thực tiễn ở nhiều địa phương khác nhau. Thực tế cho thấy, hoạt động này giúp học viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, nâng cao khả năng vận dụng kiến thức lý luận vào thực tiễn quản lý.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động nghiên cứu thực tế của học viên tại các trường chính trị cấp tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế cần khắc phục. Trước hết, việc tổ chức nghiên cứu thực tế ở nhiều nơi vẫn còn nặng về hình thức, chưa phát huy hết vai trò trải nghiệm sáng tạo của học viên. Nhiều chuyến đi thực tế chủ yếu dừng lại ở việc nghe báo cáo, ghi chép thông tin và tham quan, trong khi việc trao đổi, thảo luận, phân tích vấn đề để rút ra bài học kinh nghiệm còn hạn chế. Điều này khiến sản phẩm nghiên cứu chưa thực sự có giá trị ứng dụng, chủ yếu mang tính tổng hợp tư

liệu chứ chưa thể hiện tư duy sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề. Thứ hai, nội dung và địa bàn nghiên cứu thực tế chưa thật sự gắn chặt với những vấn đề bức thiết của địa phương sau sáp nhập đơn vị hành chính. Một số đề tài còn chung chung, trùng lặp, chưa đi sâu vào phân tích những thách thức mới như sắp xếp tổ chức bộ máy, quản lý nguồn lực sau sáp nhập hay xây dựng khối đoàn kết trong cộng đồng. Vì vậy, kết quả nghiên cứu chưa đóng góp nhiều cho việc tham mưu, tư vấn chính sách tại cơ sở. Thứ ba, điều kiện bảo đảm cho nghiên cứu thực tế còn thiếu và yếu. Nguồn kinh phí dành cho hoạt động này ở nhiều trường còn hạn hẹp, dẫn đến việc tổ chức quy mô nhỏ, thời gian ngắn, không đủ để học viên tiếp cận sâu với thực tiễn. Hệ thống cơ sở dữ liệu, tài liệu tham khảo phục vụ cho quá trình nghiên cứu cũng chưa được xây dựng bài bản, khiến học viên gặp khó khăn trong xử lý và phân tích thông tin. Thứ tư, đội ngũ giảng viên hướng dẫn nghiên cứu thực tế chưa đồng đều về năng lực, đặc biệt là kỹ năng hướng dẫn phương pháp điều tra xã hội học, kỹ năng phân tích dữ liệu và tư duy sáng tạo. Không ít trường hợp giảng viên chỉ đóng vai trò theo dõi, quản lý học viên trong chuyến đi, mà chưa thật sự định hướng cách tiếp cận vấn đề, phương pháp phân tích và xây dựng sản phẩm nghiên cứu chất lượng. Cuối cùng, cơ chế đánh giá kết quả nghiên cứu thực tế còn nhiều bất cập. Hình thức đánh giá chủ yếu dựa vào báo cáo viết và trình bày, ít chú ý đến giá trị sáng tạo, tính ứng dụng hay hiệu quả thực tiễn của nghiên cứu. Vì vậy, học viên thường có tâm lý làm để hoàn thành nhiệm vụ, thiếu động lực tìm tòi, sáng tạo. Điều này khiến cho hoạt động nghiên cứu thực tế chưa phát huy được đúng vai trò là cầu nối giữa lý luận và thực tiễn, cũng như môi trường rèn luyện năng lực sáng tạo cho học viên. Những hạn chế trên tác động trực tiếp đến chất lượng đào tạo cán bộ. Học viên

sau khi tốt nghiệp vẫn còn khoảng cách giữa lý luận và kỹ năng xử lý tình huống thực tiễn. Trong bối cảnh sáp nhập tỉnh, khi quy mô quản lý mở rộng và yêu cầu phối hợp ngày càng cao, sự thiếu hụt kỹ năng thực tế và năng lực sáng tạo có thể khiến cán bộ gặp khó khăn trong công việc. Đồng thời, các trường chính trị, với chức năng nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và tư vấn chính sách, nếu không nâng cao chất lượng tổ chức nghiên cứu thực tế thì khó có thể khẳng định vai trò của mình trong sự nghiệp đổi mới hệ thống chính trị hiện nay.

Để nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ và khắc phục những hạn chế còn tồn tại, các trường chính trị cấp tỉnh cần đổi mới cách tổ chức nghiên cứu thực tế theo hướng tăng cường trải nghiệm sáng tạo. Trước hết, cần đổi mới phương pháp tổ chức nghiên cứu thực tế theo hướng gắn chặt với những vấn đề trọng tâm của địa phương, nhất là các vấn đề nảy sinh sau sáp nhập đơn vị hành chính như quản lý bộ máy mới, phân bổ nguồn lực, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, bảo đảm sự đồng thuận xã hội. Hoạt động nghiên cứu thực tế không chỉ dừng ở việc thu thập số liệu mà phải trở thành môi trường để học viên trực tiếp tham gia khảo sát, thảo luận, phân tích và đề xuất giải pháp cụ thể, có tính ứng dụng cao, hạn chế tình trạng trùng lặp và chung chung.

Thứ hai, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong nghiên cứu thực tế. Thay vì chỉ ghi chép thủ công và làm báo cáo truyền thống, học viên cần được khuyến khích sử dụng các công cụ khảo sát trực tuyến, phần mềm phân tích dữ liệu lớn và các hình thức trực quan hóa thông tin hiện đại. Việc thể hiện kết quả bằng bản đồ số, infographic hay dashboard không chỉ nâng cao tính khoa học và thuyết phục, mà còn giúp học viên làm quen với những kỹ năng quản trị hiện đại đang được áp dụng trong bộ máy hành chính.

Thứ ba, cần tăng cường vai trò của giảng viên và cán bộ hướng dẫn. Giảng viên không chỉ là người quản lý đoàn nghiên cứu mà còn phải đóng vai trò cố vấn, khơi gợi tư duy sáng tạo, hướng dẫn học viên phương pháp điều tra xã hội học, xử lý dữ liệu và xây dựng báo cáo có chất lượng. Các trường chính trị cần chú trọng bồi dưỡng năng lực nghiên cứu thực tiễn cho giảng viên, đồng thời tạo cơ chế gắn kết giữa giảng viên với cơ sở để bảo đảm hướng dẫn sát thực tế hơn.

Thứ tư, phải ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong hoạt động nghiên cứu thực tế. Học viên có thể sử dụng các phần mềm khảo sát trực tuyến, công cụ phân tích dữ liệu hiện đại và các nền tảng trực quan hóa thông tin để nâng cao chất lượng sản phẩm nghiên cứu. Bên cạnh đó, mỗi trường chính trị nên xây dựng ngân hàng dữ liệu thực tế, cập nhật thường xuyên các thông tin, số liệu, báo cáo nghiên cứu địa phương để học viên có nguồn tham khảo tin cậy.

Thứ năm, cần tăng cường phối hợp giữa trường chính trị với các cơ quan, địa phương, tổ chức xã hội và doanh nghiệp. Việc này không chỉ giúp học viên có thêm kênh tiếp cận thực tiễn phong phú, mà còn tạo điều kiện cho họ tham gia trực tiếp giải quyết các vấn đề cụ thể của cơ sở. Các chương trình nghiên cứu nên được thiết kế theo hướng “thực hành chính sách”, tức là học viên vừa học, vừa trải nghiệm, vừa đề xuất khuyến nghị phục vụ quản lý địa phương.

Ngoài ra, chính quyền các tỉnh, huyện sau sáp nhập có nhiều vấn đề mới phát sinh, có thể đặt hàng cho học viên nghiên cứu theo từng chuyên đề cụ thể. Việc này vừa bảo đảm tính thiết thực của hoạt động nghiên cứu, vừa giúp học viên cảm nhận rõ trách nhiệm phục vụ thực tiễn, tránh tình trạng làm báo cáo hình thức.

Thực tiễn cho thấy, mặc dù hoạt động nghiên cứu thực tế đã được quan tâm và

bước đầu phát huy tác dụng, nhưng vẫn còn tồn tại không ít hạn chế về tính hình thức, nội dung chưa sâu, thiếu sáng tạo và chưa gắn chặt với các vấn đề bức thiết của địa phương sau sáp nhập. Nếu không khắc phục, những hạn chế này sẽ làm giảm vai trò của nghiên cứu thực tế trong việc rèn luyện năng lực cho học viên, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng đội ngũ cán bộ trong tương lai. Chính vì vậy, tăng cường trải nghiệm sáng tạo trong nghiên cứu thực tế là một bước đột phá cần thiết để các trường chính trị khẳng định vai trò trung tâm trong sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Đây cũng là cách thiết thực để góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ vừa có bản lĩnh chính trị, vừa có năng lực thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước và xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả trong giai đoạn mới./.

Chú thích:

- (1). Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018, *Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*
- (2). Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, Luật Giáo dục số 43/2019/QH14.
- (3). V.I. Lênin (1978), *Toàn tập*, NXB Tiến bộ, Mátxcova.
- (4). Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 5, NXB Chính trị Quốc gia.
- (5) Dân trí (2025), “Cập tinh dự kiến giảm 18.440 biên chế sau sáp nhập”. <https://dantri.com.vn/thoi-su/bo-chinh-tri-cap-tinh-du-kien-giam-18440-bien-che-sau-sap-nhap-20250503130334031.htm>

VẬN DỤNG BÀI VIẾT CỦA TỔNG BÍ THƯ TÔ LÂM TRONG ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG



CN. TRẦN THỊ TÚ ANH

Chuyên viên Phòng TC, HC, TT, TL

Tóm tắt: Xuất phát từ vai trò và vị trí quan trọng của phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với sự phát triển của đất nước và yêu cầu của việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong trong bối cảnh đất nước đang hội nhập và đối mặt với nhiều thách thức mới, Tổng Bí thư Tô Lâm đã có bài viết “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, yêu cầu cấp bách của giai đoạn cách mạng mới”. Bài viết đã nêu lên những vấn đề cấp bách cần đổi mới trong phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Nội dung, quan điểm trong bài viết là cơ sở lý luận và thực tiễn sâu sắc đối với các tổ chức cơ sở đảng trong việc đổi mới phương thức lãnh đạo đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy và thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

Ngay trong phần mở đầu bài viết, Tổng Bí thư Tô Lâm đã khẳng định rõ tầm quan trọng của đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng ta để đáp ứng những yêu cầu của thực tiễn lịch sử đất nước trong giai đoạn mới. Vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng được xây dựng trên cơ sở lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và được khẳng định tính đúng đắn, tất yếu qua thực tiễn cách mạng Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước ta đã hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và đạt được những thành tựu to lớn về kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế.

Trong bài viết Tổng Bí thư đã nhấn mạnh đến yêu cầu “thống nhất nhận thức và thực hiện cho nghiêm phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, tuyệt đối

không để xảy ra bao biện, làm thay hoặc buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng”. Đây là yêu cầu mang tính tiên quyết, đặc biệt quan trọng đối với Đảng ta trong giai đoạn hiện nay. Vị trí lãnh đạo, cầm quyền của Đảng cũng như vai trò hạt nhân của Đảng trong hệ thống chính trị đã được khẳng định trong Hiến pháp cũng như trong thực tiễn đời sống chính trị đất nước. Đảm bảo yêu cầu “thống nhất nhận thức” thể hiện sự đoàn kết, thống nhất không chỉ trong Đảng mà còn thể hiện sự đồng lòng, nhất trí của toàn dân về vai trò lãnh đạo, nhân tố quyết định cho sự nghiệp cách mạng nước ta trong giai đoạn lịch sử mới. Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong giai đoạn mới vừa góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, vừa thể hiện vai trò, vị trí của Đảng trong đời sống chính trị, xã hội; khẳng định sự tất yếu Đảng Cộng sản Việt Nam là lực

lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội; sự trung thành tuyệt đối với mục tiêu cao cả của Đảng luôn hướng tới lợi ích của nhân dân vì sự phát triển thịnh vượng của đất nước. Bên cạnh đó, những đánh giá của Tổng Bí thư về tồn tại, hạn chế về phương thức lãnh đạo của Đảng là rất sát, rất thực tiễn chứ không chỉ là “câu chữ”. Những tình trạng như ban hành nhiều văn bản, văn bản còn chung chung, dàn trải, trùng lặp là một thực trạng; việc buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng tuy hiện nay chưa thấy rõ ràng, nhưng nếu không được quan tâm chấn chỉnh thì hiện tượng bao biện, buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng rất có thể sẽ xảy ra như cảnh báo của Tổng Bí thư.

Đặc biệt trong bài viết của mình, Tổng Bí thư đã nhắc đến tầm quan trọng việc giới thiệu đại biểu ưu tú vào bộ máy Nhà nước và nâng cao chất lượng bộ máy, tổ chức cơ quan của Đảng. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh chuẩn bị cho Đại hội Đảng các cấp hiện nay, đòi hỏi công tác nhân sự phải tìm được những người đứng đầu các cấp ủy đảng, các tổ chức xã hội, hệ thống chính trị của địa phương, đơn vị là những người có tâm huyết, nhiệt tình, có đủ tài, biết cách quản lý và đổi mới phương thức hoạt động để phát huy vai trò lãnh đạo của mình. Bên cạnh đó, bài viết của Tổng Bí thư cũng nhắc đến yêu cầu tiếp tục đổi mới công tác kiểm tra, giám sát. Đây cũng là tâm tư của nhiều đảng viên vì ở một góc độ nào đó thì thời gian vừa qua công tác kiểm tra, giám sát của Đảng phần nào đó cũng chưa được hoàn thiện, vẫn còn để xảy ra những trường hợp đảng viên sai phạm phải kỷ luật. Điều này đòi hỏi cần phải làm tốt công tác kiểm tra, giám sát một cách thực chất, dân chủ ngay từ chi bộ cơ sở, vì nếu cơ sở không làm tốt thì dẫn đến sự nhìn nhận cán bộ không đúng, không thực chất. Đồng thời đòi hỏi Đảng ta phải quan tâm hơn nữa đến công tác nhân sự, củng cố, hoàn thiện cơ chế, tăng cường giáo dục,

bồi dưỡng đội ngũ cán bộ từ bí thư, cấp ủy chi bộ cơ sở.

Trong giai đoạn hiện nay, khi Đảng ta đang lãnh đạo cuộc cách mạng đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, vai trò của tổ chức cơ sở đảng trong các cơ quan, đơn vị, địa phương rất quan trọng trong việc tuyên truyền, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chủ trương của Trung ương phù hợp với thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo sự ổn định về tư tưởng, chính trị, tâm tư, tình cảm của cán bộ, đảng viên. Đề vận dụng các quan điểm trong bài viết “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, yêu cầu cấp bách của giai đoạn cách mạng mới” của Tổng Bí thư Tô Lâm góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng, trước mắt cần quan tâm thực hiện một số nội dung sau:

Trước hết, cần nghiên cứu kỹ các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của cấp ủy cấp trên về đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong giai đoạn hiện nay. Đổi mới việc tổ chức triển khai, thực hiện nghị quyết của Đảng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền. Tiếp tục đổi mới việc học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, giám sát chặt chẽ việc cụ thể hóa, thể chế hóa, tổ chức thực hiện nghị quyết; coi trọng kiểm tra, giám sát, đôn đốc, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, quy định, chỉ thị, kết luận của Đảng, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả.

Thứ hai, tiếp tục tăng cường đổi mới toàn diện trên các mặt công tác lý luận, tuyên truyền, nhất là định hướng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Trong điều kiện hiện nay, chúng ta đang thực

hiện cuộc cách mạng sắp xếp tổ chức, bộ máy, việc sàng lọc để đưa ra khỏi hệ thống chính trị những cán bộ, đảng viên không đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn, do đó sẽ ảnh hưởng đến tư tưởng, tâm tư tình cảm của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Chính vì vậy, tổ chức cơ sở đảng phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả sự thông suốt đường lối, chủ trương của Đảng. Công tác tư tưởng phải nắm chắc, dự báo đúng, định hướng chính xác, xử lý đúng đắn, kịp thời các vấn đề tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; nắm bắt, định hướng dư luận xã hội, bảo đảm thống nhất tư tưởng trong tổ chức, đồng thuận cao trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

Ba là, để tổ chức bộ máy tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, cần tiến hành sắp xếp, cơ cấu lại theo hướng dẫn của Trung ương và của cấp ủy cấp trên trực tiếp, khâu nào, chỗ nào tổ chức chưa hợp lý, chưa bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, kim hãm sự phát triển, thì phải được rà soát, sửa chữa, kiện toàn, khắc phục kịp thời. Công tác tổ chức phải bảo đảm thực hiện nghiêm túc nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo việc đổi mới, sắp xếp và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất của Trung ương, đồng thời phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của từng cấp, từng ngành, từng địa phương; xác định rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu. Phương hướng, mục tiêu đổi mới công tác tổ chức là tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ với việc thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng.

Bốn là, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, công tác cán bộ đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, của cấp tỉnh. Vì vậy, công việc lựa chọn cán bộ là khâu quan trọng để hình thành nên đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất, năng lực “đủ đức”, “đủ tài” làm việc trong các cơ quan, đơn vị, địa phương. Theo đó, tổ chức cơ sở Đảng phải xác định nhu cầu vị trí việc làm, từ đó xác định tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực trong việc tuyển dụng, bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ. Đối với những người ưu tú, cần thiết phải có đề xuất với cấp ủy cấp trên những cơ chế chính sách thu hút, đãi ngộ. Tăng cường tự đào tạo, tự bồi dưỡng, nhất là đối với yêu cầu của chuyển đổi số. Xây dựng cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ có tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Sàng lọc, đưa ra khỏi vị trí công tác đối với những người không đủ phẩm chất, năng lực, uy tín...

Năm là, tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức cơ sở Đảng. Xây dựng, hoàn thiện quy định, quy chế nhằm giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát. Cải tiến, đổi mới phương pháp, quy trình, kỹ năng công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng bảo đảm khách quan, dân chủ, khoa học, đồng bộ, thống nhất, thận trọng, chặt chẽ, khả thi; trong đó, tập trung vào cơ chế, biện pháp chủ động phát hiện sớm để phòng ngừa, ngăn chặn khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên; có biện pháp phòng ngừa, xử lý nghiêm minh hành vi vi phạm kỷ luật đảng. Tập trung kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở nơi dễ xảy ra vi phạm, nơi có nhiều bức xúc nổi cộm, dư luận quan

Xem tiếp trang 110

BỒI DƯỠNG CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC THỜI ĐẠI HỒ CHÍ MINH CHO THẾ HỆ TRẺ GÓP PHẦN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



VÕ THỊ QUYÊN

Phòng tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu

Tóm tắt: Chủ nghĩa yêu nước thời đại Hồ Chí Minh là giá trị tinh thần cao đẹp, bền vững của dân tộc được hình thành, phát triển khi cách mạng Việt Nam có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, trở thành chuẩn mực cao nhất định hướng suy nghĩ, điều chỉnh hành vi của mỗi cá nhân và toàn thể cộng đồng cùng hướng tới mục tiêu giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa yêu nước gắn liền với cuộc sống trên mọi miền đất nước, trong từng hoàn cảnh khác nhau, mỗi lứa tuổi, ngành nghề... Việc bồi dưỡng lòng yêu nước, tự hào dân tộc cho thế hệ trẻ để họ thực hiện tốt trách nhiệm của mình đối với quê hương, đất nước là một trong những cách thức hữu hiệu để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong giai đoạn hiện nay.

Nghiên cứu quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc ta có thể khẳng định, chủ nghĩa yêu nước là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử Việt Nam từ cổ đại đến hiện đại. Yêu nước đã trở thành một triết lý xã hội và nhân sinh của người Việt Nam, là đạo lý của dân tộc Việt Nam, một truyền thống sâu bền, cao đẹp, không còn dừng lại ở một trình độ nhận thức, một tình cảm cảm tính mà đã trở thành một chủ nghĩa, một lực lượng tinh thần vô cùng mạnh mẽ, có tác dụng trong việc động viên, cổ vũ mọi người dân sẵn sàng đứng lên bảo vệ Tổ quốc khi có nguy cơ xâm lược, hay kiên trì góp hết tinh thần và sức lực vào sự nghiệp xây dựng đất nước.

1. Về chủ nghĩa yêu nước thời đại Hồ Chí Minh

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam hiện đại hay chủ nghĩa yêu nước thời đại Hồ Chí Minh được bắt nguồn từ chủ nghĩa yêu nước Việt Nam truyền thống, bao gồm những nội dung như: Tình yêu quê hương, đất nước, con người; tình cảm gắn bó cố kết cộng đồng, hướng về dân, lấy dân làm gốc; ý thức bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc; ý thức bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; ý thức sâu sắc về độc lập dân tộc, lòng tự tôn dân tộc và ý thức về xây dựng đất nước; tinh thần quốc tế cao cả, trong sáng, thủy chung. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam hiện đại ra đời từ khi cách mạng Việt Nam có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Hơn

95 năm qua, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam hiện đại đã đóng vai trò động lực tinh thần to lớn trong việc huy động sức mạnh của dân tộc vào sự nghiệp đấu tranh giành, giữ độc lập dân tộc trong giai đoạn đã qua, đang và sẽ đóng vai trò quan trọng trong công cuộc xây dựng đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Cơ sở lý luận chủ nghĩa yêu nước Việt Nam hiện đại là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; là lý tưởng cách mạng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

2. Nội dung bồi dưỡng chủ nghĩa yêu nước thời đại Hồ Chí Minh cho thế hệ trẻ

Ý thức dân tộc, lòng yêu nước là giá trị rất quan trọng đối với mỗi người dân trong việc xây dựng đất nước thành quốc gia phát triển, thịnh vượng, hòa bình, hạnh phúc trước những thách thức ngày càng gia tăng của toàn cầu hóa. Do đó, giáo dục ý thức dân tộc, chủ nghĩa yêu nước cho nhân dân nói chung, thế hệ trẻ, có vai trò vô cùng quan trọng, cần được thực hiện một cách bài bản, có hệ thống. Thanh niên là một nguồn lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển xã hội và là người chủ tương lai của đất nước. Vì vậy, các quốc gia dân tộc trong quá trình phát triển đều quan tâm xây dựng, phát huy tiềm năng, sức sáng tạo, giá trị văn hóa của dân tộc để họ đảm nhận và thực hiện tốt nhiệm vụ, xứng đáng là chủ nhân tương lai của đất nước.

Giáo dục ý thức dân tộc, khơi dậy lòng yêu nước, tự hào truyền thống lịch sử cha ông cho thế hệ trẻ, thanh thiếu niên là yêu cầu cấp thiết. Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, khi mà khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ, toàn cầu hóa, quốc tế hóa với các yếu tố chủ quan và khách quan tác động đa

chiều, càng cần tăng cường thực hiện giáo dục ý thức dân tộc, lòng yêu nước trong thế hệ trẻ, bởi có yêu quý dân tộc mình, tự hào với lịch sử vẻ vang của dân tộc trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước thế hệ trẻ mới đủ khả năng miễn dịch với những quan điểm sai trái, thù địch về truyền thống của ông cha.

Yêu nước, hiểu một cách đơn giản, thông thường là yêu quê hương, đất nước, nhân dân, yêu lịch sử dân tộc, yêu các giá trị văn hóa của dân tộc, làm tròn chức trách nghĩa vụ của mình góp phần vào thực hiện mục tiêu chung của dân tộc. Như vậy, để giáo dục chủ nghĩa yêu nước thời đại Hồ Chí Minh, yêu cầu thế hệ trẻ phải thực hiện các nội dung cụ thể sau:

Thứ nhất, nhận thức và có hành động để chứng minh tình cảm yêu nước của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam hiện đại là tình yêu quê hương đất nước toàn diện. Tình yêu Tổ quốc bắt nguồn từ tình yêu gia đình, dòng họ, huyết thống tiến lên tình yêu đồng bào bao la, rộng lớn, yêu quý kính trọng các tộc người trong cộng đồng dân tộc Việt Nam. Tình yêu quê hương, đất nước còn được biểu hiện ở tình đồng chí, đồng đội, tình yêu của những người cùng chí hướng, mục đích. Tình yêu Tổ quốc gắn bó chặt chẽ với tình yêu chế độ xã hội chủ nghĩa, người yêu nước phải là con người yêu xã hội chủ nghĩa.

Trên thực tế, trước các ngày lễ lớn của Đảng, của dân tộc, các thế lực thù địch luôn tiến hành các hoạt động chống phá, chúng đưa ra những quan điểm sai trái, gây nghi ngờ cho thanh niên về vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn Thanh niên, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Những hành động của thế hệ trẻ đã, đang hưởng ứng, tham

gia trên cả nước có tác dụng trao truyền, lan tỏa các giá trị tốt đẹp của quê hương, đất nước thông qua việc kỷ niệm các ngày lễ lớn của quê hương, đất nước, của Đảng và Đoàn. Đây là cách thức nâng cao lòng tự hào dân tộc, đồng thời thông qua các hoạt động đó để nâng cao nhận thức vai trò trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chống lại các quan điểm sai trái, thù địch.

Thứ hai, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam hiện đại đòi hỏi mọi người phải biết kế thừa, bảo vệ, phát triển bản sắc văn hoá dân tộc. Song hành với hội nhập về kinh tế là hội nhập về văn hóa, đó là quy luật tất yếu. Những tác động ở các mức độ khác nhau, cường độ khác nhau từ nhỏ tới lớn của toàn cầu hoá lên ý thức của giới trẻ hiện nay, cả về ý thức dân tộc, văn hóa là không thể phủ nhận. Trên thực tế, sự du nhập của các giá trị văn hóa nước ngoài vào Việt Nam đã có sự thâm nhập vào đời sống, làm cho đời sống văn hóa sinh động hơn, đa dạng hơn và tác động đáng kể đến lối sống, cách suy nghĩ và tác phong lao động, học tập của giới trẻ. Sự xâm nhập đó đương nhiên xâm lấn, thay thế phần nào văn hóa truyền thống dân tộc, đặc biệt là đời sống sinh hoạt văn hóa ở thế hệ trẻ.

Trình độ văn hóa chỉ có thể được nâng lên thông qua việc được đào tạo, bồi dưỡng và tự bản thân mỗi người phải có ý thức tự trau dồi, tự học. Văn hóa dân tộc là bệ đỡ, là động lực để dân tộc phát triển. Bảo vệ truyền thống văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại thông qua xây dựng, phát triển, phát huy văn hóa đọc, duy trì “Tủ sách yêu thương” ở các địa phương là một trong những cách thức tự vệ với sự xâm lăng văn hóa ngoại, trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc, qua đó

góp phần bảo vệ đề cao giá trị nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chống lại các quan điểm sai trái, thù địch.

Thứ ba, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam hiện đại là sự hoà quyện, kết hợp hài hoà các mối quan hệ trong một quốc gia - dân tộc. Mỗi quốc gia dân tộc đều phải đối mặt với các vấn đề như: mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc, nhân loại; chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế cao cả của giai cấp công nhân; giải quyết hài hoà giữa lợi ích cá nhân - gia đình - tập thể - xã hội - dân tộc - quốc tế... Nhận thức và giải quyết các mối quan hệ này phù hợp hay không phù hợp là thông qua từng con người, từng giai cấp và cả cộng đồng dân tộc. Trong quá trình bảo vệ và xây dựng đất nước, giai cấp cầm quyền Việt Nam đã biết đứng trên lập trường của quốc gia, dân tộc, của nhân dân, của chủ nghĩa quốc tế chân chính, thủy chung để giải quyết tốt, hài hoà các mối quan hệ này, giữ gìn sự độc lập, hòa bình, thống nhất cho Tổ quốc, bình yên, hạnh phúc cho nhân dân. Trong thời đại ngày nay, thế hệ trẻ cần nhận thức sâu sắc, đầy đủ mối quan hệ này để vận dụng, phát triển trong điều kiện hoàn cảnh các thế lực thù địch luôn dương cao ngọn cờ dân chủ, nhân quyền, quyền các tộc người, nhân quyền cao hơn chủ quyền... để can thiệp thô bạo vào các vấn đề quan trọng thuộc về mối quan hệ quốc gia - dân tộc của Việt Nam.

Thứ tư, yêu nước là phải quyết tâm giữ vững độc lập dân tộc, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là đường lối cơ bản chỉ đạo cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng. Độc lập dân tộc trong thời đại mới có nội dung sâu sắc hơn, đó là sự độc lập

về lãnh thổ, chủ quyền, độc lập về kinh tế, chính trị, văn hoá... Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội là tạo ra những tiền đề cần thiết để bảo vệ, củng cố vững chắc nền độc lập dân tộc.

Thực tế cho thấy rằng, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và cách mạng khoa học công nghệ đưa lại cơ hội to lớn và bình đẳng cho các quốc gia dân tộc, song cũng đặt các quốc gia phải đối mặt với nhiều nguy cơ, thách thức, kéo theo sự suy giảm trong tinh thần dân tộc và chủ nghĩa yêu nước. Trong tiến trình hội nhập quốc tế toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, nhiều người trẻ dễ mất phương hướng hoặc trở nên ích kỷ hơn, họ không còn quan tâm đến những mục tiêu chung của tập thể, của quốc gia, dân tộc mà thu mình lại trước việc tiếp cận những điều mới từ xã hội. Kết quả là, nhiều người trẻ thờ ơ, bàng quan trước sự phát triển của quê hương, đất nước mình. Bên cạnh đó, xã hội phát triển với các cuộc cách mạng công nghiệp, công nghệ đã làm thay đổi gần như mọi chiều cạnh của cuộc sống con người, bao gồm cả hoạt động và ứng xử, cũng như ý thức về chủ nghĩa dân tộc, đặc biệt là ở lứa tuổi thanh thiếu niên. Việc dễ dàng kết nối với khắp thế giới, tiếp cận các nguồn thông tin, hàng hóa ở mọi nơi, mọi lúc vô hình trung đã xóa nhòa ranh giới vật lý khiến người ta nghĩ rằng mình là “công dân toàn cầu”, thay vì một tiềm thức quan trọng bậc nhất là mình là một công dân của một quốc gia nhất định. Do đó, các hoạt động mang dấu ấn quốc gia dân tộc đối với thế hệ trẻ là cách thức để khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc mình, đồng thời phản bác các quan điểm sai trái trong việc phủ nhận mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã

hội - con đường duy nhất đúng của cách mạng Việt Nam.

3. Giải pháp bồi dưỡng chủ nghĩa yêu nước cho thế hệ trẻ góp phần bảo vệ nền tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch

Từ thực trạng công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chống lại các quan điểm sai trái thù địch trong thời gian qua. Thiết nghĩ, việc bồi dưỡng chủ nghĩa yêu nước cho thế hệ cán bộ trẻ nhằm nâng cao nhận thức, hành động về công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, cần tập trung vào những nội dung sau:

Một là, tăng cường công tác giáo dục truyền thống yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc trong thế hệ trẻ định hướng giá trị cho sự phát triển những phẩm chất, nhân cách của con người Việt Nam đương đại bằng các giải pháp: cụ thể hóa thành các chính sách và phong trào thi đua yêu nước với hình thức, nội dung phong phú trong các lĩnh vực chuyên môn; đẩy mạnh học tập suốt đời theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh bằng những việc làm cụ thể, thiết thực gắn với công việc chuyên môn và việc làm hàng ngày của mỗi bạn trẻ.

Hai là, xây dựng chính sách khơi dậy niềm tự hào dân tộc, khát vọng xây dựng, phát triển đất nước phồn vinh thông qua việc tham gia đầy đủ, có trách nhiệm các khóa bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp.

Ba là, phát huy cao hơn nữa vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, khuyến khích, tạo điều kiện để các bạn trẻ tích cực tham gia các hoạt động sôi nổi gắn với việc gìn giữ giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp nhận giá trị mới, công

nghệ mới. Đoàn Thanh niên cần tổ chức các diễn đàn bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong các đợt sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt định kỳ nhằm trang bị cho thế hệ trẻ những nội dung, phương thức, lĩnh vực mà các thế lực thù địch thường lợi dụng để chống nền tảng tư tưởng của Đảng, từ đó các bạn trẻ xác định nhiệm vụ của mình trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ vững chắc hệ tư tưởng Đảng đã lựa chọn.

Bốn là, thông qua các trang mạng xã hội, thế hệ trẻ phải lên tiếng lên án mạnh mẽ những tổ chức, cá nhân lợi dụng chủ trương đường lối của Đảng về thực hiện đường lối đổi mới, về chính sách đại đoàn kết dân tộc, về công tác đối ngoại trên các lĩnh vực... để trục lợi cá nhân, chia rẽ các tầng lớp giai cấp, dân tộc, bóp méo quan điểm, đường lối của Đảng, xem đây là kênh thông tin biểu thị chính kiến của mình nhằm nêu cao tinh thần tự tôn dân tộc, bảo vệ lợi ích quốc gia.

Năm là, lãnh đạo đơn vị, địa phương, tổ chức làm tốt công tác khen thưởng, tôn vinh những đoàn viên, tổ chức Đoàn có thái độ nghiêm túc, thành tích tốt trong việc tham gia cuộc thi chính luận Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng chống các quan điểm sai trái, thù địch qua các lần tổ chức.

Sáu là, lan tỏa thành quả của công cuộc đổi mới đất nước, hội nhập quốc tế sâu, rộng, chứng minh và khẳng định cho được tính chất tiến bộ và ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa đang được xây dựng và bảo vệ trên đất nước ta. Đây là cơ sở vững chắc bảo đảm cho sự phát triển và phát huy tổ chức chính trị - tinh thần của mỗi người và trạng thái chính trị - tinh thần lành mạnh của xã hội, tạo nên động lực to lớn của toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

thời kỳ mới, đồng thời là cơ sở minh chứng rõ ràng nhất tính đúng đắn, phù hợp của đường lối chính trị, kinh tế chúng ta đang thực hiện, qua đó phản bác các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, bảo vệ hệ tư tưởng nền tảng của Đảng ta hiện nay.

Tình yêu nước và lòng tự hào dân tộc là truyền thống quý của dân tộc Việt Nam. Trong mỗi thời đại và thời điểm lịch sử nó được thể hiện ở các sắc thái khác nhau. Trong giai đoạn cả nước đang thực hiện công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thế hệ trẻ cần thể hiện quan điểm, chính kiến và hành động của mình trong các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, các cuộc thi chính luận Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chống các quan điểm sai trái thù địch. Đổi mới đất nước là yêu cầu khách quan, tham gia vào toàn cầu hóa là xu thế tất yếu mà các quốc gia trên thế giới đều phải chấp nhận. Để hoàn thành được mục tiêu ổn định, phát triển bền vững, từng bước đạt các tiêu chí dân giàu, nước mạnh, dân chủ công bằng, văn minh, chúng ta phải nắm vững những nội dung mới của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam hiện đại, bồi dưỡng, vận dụng những nội dung đó vào các mặt của đời sống xã hội và các tầng lớp nhân dân trong đó lực lượng nòng cốt là thanh niên./.

Chú thích:

1. Nghị quyết Trung ương 4, BCH TƯ Khóa VII

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SINH HOẠT CHI BỘ TẠI ĐẢNG BỘ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ



ThS. NGUYỄN THẮNG MỸ

Trường phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu

Tóm tắt: Sinh hoạt chi bộ là một trong những hình thức hoạt động chủ yếu của chi bộ, là phương thức tạo sự thống nhất về nhận thức, hành động của chi bộ, đảng viên trong một thời gian nhất định hoặc trong thực hiện một nhiệm vụ cụ thể; là cơ sở bảo đảm cho chi bộ thực hiện chức năng lãnh đạo bằng chủ trương, nghị quyết, đối với các tổ chức trong hệ thống chính trị và xã hội. Sinh hoạt chi bộ được thực dưới nhiều hình thức phong phú với những nội dung phù hợp như sinh hoạt chính trị, sinh hoạt học tập, sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt định kỳ... Nội dung, hình thức sinh hoạt chi bộ phải gắn với nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh.

Thời gian qua, Đảng ủy Trường Chính trị Trần Phú đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các chi bộ thực hiện nghiêm túc các hướng dẫn của Đảng về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Đảng ủy đã kịp thời phổ biến và quán triệt nội dung nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ theo tinh thần Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 02/02/2008 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; nội dung “Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ” trong Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban

Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 22/08/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa X); Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW, ngày 06/7/2018 của Ban Tổ chức Trung ương về một số vấn đề về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ và cấp ủy; Nghị quyết số 11-NQ/ĐUK, ngày 18/12/2013 của Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh về “Tiếp tục nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ”; Chỉ thị số 02-CT/ĐUK, ngày 20/9/2017 của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối các cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh về tiếp tục nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy đối với công tác xây dựng Đảng. Đồng thời, Đảng ủy đã ban hành kế hoạch về việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; nâng

cao nhận thức của các chi bộ trực thuộc về tầm quan trọng của việc sinh hoạt chi bộ trong việc xây dựng, chỉnh đốn đảng và nâng cao tính chiến đấu của Đảng để lãnh đạo đơn vị hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ. Trên cơ sở đó, các chi bộ chuẩn bị sinh hoạt; ấn định thời gian cụ thể sinh hoạt hàng tháng theo lịch của cấp ủy; tổ chức sinh hoạt từ 90 phút trở lên; nội dung sinh hoạt đã đảm bảo theo hướng dẫn; công tác tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt chi bộ đã có những chuyển biến tích cực; việc duy trì nền nếp sinh hoạt chi bộ góp phần nâng cao chất lượng chi bộ và sinh hoạt đảng tại chi bộ. Kết quả đánh giá, phân loại chi bộ và đảng viên giai đoạn 2018 - 2024 cho thấy, tỷ lệ chi bộ và đảng viên được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ luôn đạt tỷ lệ cao (20% theo quy định), không có chi bộ hoàn thành và không hoàn thành nhiệm vụ.

Tuy nhiên, với đặc thù là một đơn vị sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, với cơ cấu tổ chức bao gồm các khoa, phòng có chức năng, nhiệm vụ khác nhau nên thời gian sinh hoạt giữa các chi bộ chưa có sự thống nhất; việc tổ chức sinh hoạt, nội dung sinh hoạt còn rập khuôn, thiếu sáng tạo, nặng về công việc chuyên môn; nội dung sinh hoạt chuyên đề chưa phong phú; việc nhận xét, đánh giá về công tác tư tưởng trong đảng viên chưa được cụ thể, còn chung chung; lãnh đạo quản lý đảng viên của bí thư chi bộ có lúc, có nơi chưa được sâu sát, còn một số ít đảng viên tinh thần tự giác chấp hành nội quy, quy chế của nhà trường chưa nghiêm túc; một số đảng viên thiếu tinh thần phấn đấu, chưa tự giác gương mẫu, còn ngại khó trong việc giao nhiệm vụ,

hiệu quả công việc chưa cao; chất lượng chuẩn bị cho sinh hoạt chi bộ ở một số chi bộ chưa thực sự tốt, bí thư cùng lúc phải thực hiện nhiều công việc, chưa phát huy sức mạnh của tập thể của chi ủy; một số chi bộ còn lúng túng trong phân công công tác chuẩn bị sinh hoạt...

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế, từng bước nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ gắn với việc thực hiện Hướng dẫn số 02-HD/TU, ngày 14/5/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện mô hình “Chi bộ bốn tốt”, “Đảng bộ cơ sở bốn tốt”, góp nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng trong việc tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức đảng ở cơ sở và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới, trước mắt các chi bộ cần thực hiện một số giải pháp sau trọng tâm sau:

Một là, nâng cao nhận thức của chi ủy; bí thư, phó bí thư chi bộ về vai trò, mục đích, yêu cầu, nội dung, hình thức sinh hoạt chi bộ. Chi ủy, bí thư, phó bí thư chi bộ tiếp tục quán triệt sâu sắc đến toàn thể đảng viên và tổ chức thực hiện tốt đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng ở cơ sở và nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ. Xây dựng phương pháp công tác, lề lối làm việc của cấp ủy, chi bộ thực sự khoa học, dân chủ, sát với thực tiễn. Thực hiện nghiêm, đầy đủ các nội dung Kết luận số 18-KL/TW, ngày 22/9/2017 của Ban Bí thư khóa XII về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 30/3/2007 của Ban Bí thư khóa X về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong tình hình mới; Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW, ngày 06/7/2018 của Ban Tổ chức Trung ương về một số vấn đề về nâng cao chất lượng sinh hoạt

chi bộ; Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 28/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả sinh hoạt chi bộ trong giai đoạn mới; Quy định số 17-QĐ/TU, ngày 02/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đánh giá, xếp loại chất lượng sinh hoạt chi bộ, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII)... Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, văn bản chỉ đạo để chi ủy, chi bộ nghiên cứu, phổ biến, quán triệt, triển khai đến đảng viên nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng, của chi bộ; ý nghĩa, tầm quan trọng của sinh hoạt chi bộ; yêu cầu cấp thiết phải nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; vai trò, trách nhiệm của đảng viên trong việc đóng góp trí tuệ, công sức vào hoạt động của chi bộ.

Hai là, tích cực đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt cấp ủy, chi bộ. Nội dung sinh hoạt định kỳ cần cụ thể, thiết thực, sát với nhiệm vụ của đơn vị. Do vậy, việc chuẩn bị nội dung sinh hoạt định kỳ phải thực sự chu đáo, hiệu quả, tránh hình thức. Chi ủy hoặc bí thư chi bộ, trước hết là bí thư chi bộ phải bám sát chức năng, nhiệm vụ của đơn vị để lựa chọn đúng, trúng nội dung sinh hoạt, bảo đảm tính toàn diện, xác định đúng những vấn đề trọng tâm, trọng điểm cần lãnh đạo, chỉ đạo, tránh trùng lặp giữa nhiệm vụ công tác đảng và nhiệm vụ công tác chuyên môn. Chi ủy, bí thư, phó bí thư họp thống nhất về nội dung phân công người chuẩn bị nội dung, xác định thời gian và lựa chọn hình thức sinh hoạt cho phù hợp, sinh hoạt nhiều nội dung hay đi sâu một vấn đề, tùy mức độ quan trọng của nội dung sinh hoạt. Đây là công việc tác động mạnh nhất đến

thành công của buổi sinh hoạt chi bộ. Với buổi sinh hoạt thường kỳ có thể đồng chí bí thư trực tiếp chuẩn bị; với những buổi sinh hoạt chuyên đề, nhất là những vấn đề quan trọng, phức tạp thì có thể phải được phân công cụ thể cho từng đảng viên trong chi bộ hoặc mời người có chuyên môn để đảm bảo chất lượng sinh hoạt. Khi đó, cấp ủy, bí thư, phó bí thư thông báo trước nội dung quan trọng và kèm thêm bản kế hoạch chi tiết để đảng viên có thời gian nghiên cứu trước khi ra cuộc họp tập trung, chất lượng.

Về nội dung sinh hoạt chuyên đề, cấp ủy, bí thư, phó bí thư cần lựa chọn chuyên đề phù hợp, sát với tình hình thực tế của chi bộ, tập trung vào các vấn đề, như: Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; các giải pháp nâng cao trình độ lý luận chính trị, nghiệp vụ chuyên môn, năng lực công tác của cán bộ, đảng viên; việc triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan trực tiếp đến sự lãnh đạo, chỉ đạo của chi bộ; công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, cơ quan, đơn vị; việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chuyên môn; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực...

Ba là, nâng cao chất lượng đội ngũ cấp ủy chi bộ. Chi ủy cần thường xuyên quan tâm tạo nguồn, củng cố, kiện toàn cấp ủy, nhất là bí thư chi bộ bảo đảm số lượng, chất lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực tổ chức thực hiện. Hằng năm, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ, tập huấn kỹ năng về nội dung nghiệp vụ công tác đảng và tập huấn chuyên đề về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, đồng thời thực hiện tốt công tác đảng viên trên cả 3 mặt: Công tác giáo dục, rèn luyện,

bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức, lối sống cho đội ngũ cán bộ, đảng viên; công tác quản lý đảng viên và công tác phát triển đảng viên. Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư; Hướng dẫn số 02-HD/BTCTW, ngày 12/4/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về tiêu chí, quy trình rà soát, phát hiện, giáo dục, giúp đỡ, sàng lọc, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng; quán triệt thực hiện nghiêm túc Quy định số 37-QĐ/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm... Tiếp tục chỉ đạo, tổ chức thực hiện kiên trì, kiên quyết, hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII), Kết luận Hội nghị Trung ương 4 (khóa XIII) gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Bốn là, nâng cao kỹ năng điều hành sinh hoạt chi bộ đối với cấp ủy chi bộ. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng các kỹ năng chuẩn bị, điều hành sinh hoạt chi bộ đối với đội ngũ chi ủy chi bộ một cách toàn diện, cụ thể. Hướng dẫn 12-HD/BTCTW, ngày 6/7/2018 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn một số vấn đề về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ xác định 5 tiêu chí khung để làm cơ sở ban hành tiêu chí đánh giá một buổi sinh hoạt chi bộ thường kỳ đạt chất lượng. Trong đó có tiêu chí công tác chuẩn bị sinh hoạt chi bộ. Do đó, người điều hành buổi sinh hoạt chi bộ cần có các kỹ năng, từ khâu chuẩn bị nội dung, chương trình hội nghị sinh hoạt, đến việc thông tin, điều hành thảo luận, tổng hợp và đưa ra kết luận. Ngoài ra cần có kỹ năng nắm tình hình và rút kinh nghiệm sau sinh hoạt chi bộ để điều hành sinh hoạt chi bộ đạt hiệu quả cao nhất.

Năm là, phát huy dân chủ trong sinh hoạt cấp ủy gắn với kỷ luật phát ngôn của đảng viên. Trước khi sinh hoạt chi bộ,

các đồng chí trong chi ủy hoặc đồng chí bí thư chi bộ phải chuẩn bị thật chu đáo nội dung cuộc họp, theo trình tự, đây là nội dung quan trọng để góp phần thành công của buổi sinh hoạt chi bộ. Một số nội dung cần chú trọng như: Đánh giá tình hình tư tưởng và diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng trong chi bộ; về kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của chi bộ trong tháng; tình hình đảng viên thực hiện chủ trương, nghị quyết của đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, các nhiệm vụ được cấp trên và chi bộ phân công. Đánh giá tình hình đảng viên thực hiện phương hướng vận động học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh và các tiêu chuẩn phấn đấu của tập thể. Qua đó nêu gương những đảng viên tiêu biểu gương mẫu, phê bình góp ý những đảng viên còn hạn chế thiếu sót chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Sáu là, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Hằng năm, Đảng ủy, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành nền nếp chế độ sinh hoạt; việc đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt của chi ủy, nhất là nội dung chuẩn bị của chi ủy; sổ biên bản sinh hoạt chi ủy, chi bộ. Sau kiểm tra, giám sát phải thông báo kết luận kiểm tra, giám sát để các chi bộ biết, đồng thời có các giải pháp, hình thức phù hợp để trao đổi kinh nghiệm, biểu dương các tập thể, cá nhân thực hiện tốt để nhân rộng và phát động thi đua giữa các chi bộ, kịp thời chấn chỉnh chi bộ còn hạn chế, xem xét xử lý đối với bí thư chi bộ để chi bộ yếu kém. Đảng ủy cần thực hiện kiểm tra, giám sát sinh hoạt ở tất cả các chi bộ trực thuộc trước khi đánh giá, phân loại chất lượng chi bộ hằng năm./

VẬN DỤNG NGUYÊN TẮC “DÂN TỘC HÓA”, TÌNH DÂN TỘC CỦA ĐỀ CƯƠNG VĂN HÓA VIỆT NAM NĂM 1943, PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG CẦN CÙ, SÁNG TẠO XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG HÀ TĨNH PHỒN VINH, HẠNH PHÚC



ThS. PHAN BÁ LINH

Phó trưởng Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Nguyên tắc “Dân tộc hóa”, tình dân tộc là một trong nội dung quan trọng của Đề cương văn hóa Việt Nam, là phương châm, mục tiêu hành động, quan điểm xuyên suốt trong quá trình cách mạng và xây dựng nền văn hóa mới dưới sự lãnh đạo của Đảng. Là vùng “địa linh nhân kiệt”, trong thời kỳ mới, vận dụng sáng tạo, nguyên tắc “Dân tộc hóa”, Đảng bộ và Nhân dân Hà Tĩnh đã không ngừng phát huy những giá trị văn hóa truyền thống nhất là truyền thống cần cù, sáng tạo nhằm xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh, bước tới phồn vinh, hạnh phúc.

Trong bài phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Nói đến văn hóa là nói đến những gì là tinh hoa, tinh túy nhất, được chưng cất, kết tinh, hun đúc thành những giá trị tốt đẹp, cao thượng, đặc sắc nhất, rất nhân văn, nhân ái, nhân nghĩa, nhân tình, tiến bộ (một con người có văn hóa, một gia đình có văn hóa, một dân tộc có văn hóa; lối sống văn hóa, nếp sống văn hóa, cách ứng xử có văn hóa,...)”⁽¹⁾. Đây là mạch tư duy nhất quán, có sự kế thừa, phát triển các quan điểm, nghị quyết về văn hóa của Đảng ta, đặc biệt là nguyên tắc “Dân tộc hóa”, “Tính chất dân tộc” của Đề cương về văn hóa Việt Nam - Cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa.

Đề cương về văn hóa Việt Nam (1943) đã nhấn mạnh tính chất của nền văn hóa mới Việt Nam, đó là “một thứ văn hóa có tính chất dân tộc về hình thức và tân dân

chủ về nội dung”. Đề cương cũng nêu lên ba nguyên tắc của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam, trong đó có nguyên tắc “Dân tộc hóa” (Cùng với nguyên tắc “Đại chúng hóa”, “Khoa học hóa”). Về sau, trong Báo cáo tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai năm 1948 và tại Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng năm 1951, đồng chí Trường Chinh tiếp tục khẳng định tính chất dân tộc của nền văn hóa mới Việt Nam... Điều đó khẳng định: Tình dân tộc, Nguyên tắc “Dân tộc hóa” trở thành một nội dung quan trọng là phương châm, mục tiêu hành động, là quan điểm xuyên suốt trong quá trình cách mạng và xây dựng nền văn hóa mới, là hồn cốt của nền văn hóa Việt Nam.

Tính dân tộc của văn hóa cần được hiểu là: văn hóa phải thực hiện có hiệu quả cuộc đấu tranh không khoan nhượng với tư tưởng độc hại đang tìm cách xâm lấn dân tộc Việt, văn hóa Việt, chống lại “mọi ảnh hưởng nô

dịch và thuộc địa”; phải “Khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập” (thoát khỏi sự phụ thuộc bên ngoài về văn hóa)⁽²⁾; văn hóa phải trực tiếp tham gia vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, gây dựng nền độc lập, tự chủ của dân tộc; văn hóa Việt Nam phải là sự kết tinh những tinh hoa của nhân loại, được hình thành qua hoạt động sáng tạo của nhân dân và qua quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa; văn hóa phải làm sống dậy những giá trị truyền thống, những phẩm chất cao quý của dân tộc đã được xây đắp nên trong suốt mấy ngàn năm lịch sử...

Dân tộc Việt Nam trong hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước đã tạo lập cho mình một nền văn hóa riêng, phong phú và bền vững với những truyền thống tốt đẹp và cao quý, đó là: “Lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống...”⁽³⁾. Trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, đặc biệt từ khi có Đảng lãnh đạo, hệ giá trị văn hóa ấy, đã phát huy mạnh mẽ lòng tự tôn, tự hào dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, tạo nên sức mạnh quật khởi để dân tộc Việt Nam chiến thắng giặc ngoại xâm, bảo vệ giang sơn bờ cõi, xây dựng và phát triển đất nước.

Văn hóa của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng được nhận thức đầy đủ và sâu sắc hơn. Đảng đã xác định, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là sức mạnh tiềm tàng và bản lĩnh của dân tộc ta; văn hóa là mục tiêu, động lực của sự phát triển nhanh và bền vững. Mọi sự phát triển phải lấy văn hóa làm cơ sở, hướng đến sự phát triển những giá trị cao quý, giá trị bản chất của con người, để xây dựng một xã hội ngày một tiên bộ, phù hợp với bản chất nhân văn, nhân đạo của chế độ ta. Việc mở rộng quan hệ quốc tế không chỉ mở rộng sự

ảnh hưởng, lan tỏa của văn hóa dân tộc Việt Nam mà còn góp phần củng cố vững chắc sự độc lập của nền văn hóa trong tính đa dạng; khơi dậy mạnh mẽ các giá trị trong tầng sâu văn hóa, kết hợp với tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu, nâng tầm những giá trị của bản sắc văn hóa dân tộc. Đồng thời qua đó lọc bỏ những yếu tố lỗi thời, những truyền thống lạc hậu, “những kẻ địch to”, cản trở sự tiến bộ, phát triển của quốc gia, dân tộc. Nhân dịp kỷ niệm 131 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 -19/5/2021), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” đã khẳng định: “Chúng ta coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng, dựa trên các giá trị tiến bộ, nhân văn; chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những thành tựu, tinh hoa văn hóa nhân loại, phân đấu xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực, lối sống và thẩm mỹ ngày càng cao”⁽⁴⁾.

Hà Tĩnh là vùng “địa linh nhân kiệt”, giàu truyền thống văn hóa, lịch sử và cách mạng. Những điều kiện về đất đai, khí hậu, thời tiết, vị trí địa lý, địa hình, nguồn gốc dân cư đã rèn đúc nên con người Hà Tĩnh với những giá trị văn hóa vừa giàu tính dân tộc, vừa mang bản sắc vùng miền. Đó là lòng yêu quê hương, đất nước, tinh thần kiên cường, dũng cảm chống giặc ngoại xâm, chế ngự thiên nhiên,

hiếu học, đoàn kết, chịu thương, chịu khó, sống cương trực, nghĩa tình... Và nhất là tính cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất. Có thể khẳng định, bất cứ ở điều kiện, hoàn cảnh lịch sử nào, con người Hà Tĩnh luôn biết phát huy truyền thống văn hóa cần cù, sáng tạo; cần cù gắn liền với sáng tạo trong lao động, sản xuất để thích nghi, tồn tại và phát triển.

Từ thời tiền sử và sơ sử đến nay, Hà Tĩnh đã trải qua nhiều thăng trầm của lịch sử. Chính trong khó khăn, gian khổ của quá trình sống và lao động; với ý chí, tinh thần mạnh mẽ, mà hun đúc nên đức tính cần cù, sáng tạo của con người Hà Tĩnh.

Cần cù và sáng tạo trở thành một trong những giá trị văn hóa tinh thần, là lẽ sống, cội nguồn của những triết lý nhân sinh con người Hà Tĩnh. Truyền thống ấy trong lao động biểu hiện rất đa dạng, phong phú và rõ nét. Đó là công cuộc cải tạo, chinh phục tự nhiên; là sự sáng tạo trong chế tác, cải biến công cụ lao động; là việc hình thành và phát minh ra các ngành nghề gắn với từng lợi thế của địa phương; là quá trình sản xuất vật chất phục vụ cuộc sống; là công cuộc xây dựng cộng đồng, xã hội... Và cũng chính từ trong tiến trình ấy, con người Hà Tĩnh đã tiếp tục sáng tạo những giá trị văn hóa tinh thần to lớn khác, tạo nên bản sắc, đặc trưng, cốt cách riêng của mảnh đất và con người nơi đây.

Cần cù và sáng tạo - những đức tính gắn bó chặt chẽ với nhau, hòa vào nhau tạo động lực mạnh mẽ; là dòng chủ lưu xuyên suốt cả không gian và thời gian, hóa thành sức mạnh vật chất để đất và người Hà Tĩnh vượt qua mọi khó khăn, thử thách. Từ cái buổi đầu “đẻ đất, đẻ nước”, người Hà Tĩnh đã biết cách chọn đá, đẽo đá chế tác công cụ lao động; biết “thanh xuân hóa” những chiếc rìu đã mòn, đã cũ; biết đúc đồng, đúc sắt; biết trồng lúa nước... Để từ đó hình thành nên làng, nên xóm (có các “kẻ” ở đồng bằng, “nguồn” ở miền núi và “vạn” ở miền biển, vùng sông) của thời vua Hùng dựng nước.

Trải hơn một ngàn năm bị cai trị thời Bắc thuộc; gần một thập kỷ đầy biến cố, thăng trầm của các triều đại phong kiến Việt Nam; gần một trăm năm chống thực dân Pháp xâm lược nhưng bất cứ giai đoạn, hoàn cảnh, điều kiện nào, con người Hà Tĩnh với nền sức sống mãnh liệt và tinh thần dân tộc sâu sắc, đã kiên cường, sáng tạo trong chống ngoại xâm giành độc lập dân tộc; và cần cù, sáng tạo trong xây dựng quê hương ngày càng tươi đẹp hơn.

Có một điều rất đặc biệt trở thành bản chất ở con người Hà Tĩnh, đó là càng trong khó khăn, gian khổ, tính chất dân tộc, nhất là đức tính cần cù, sáng tạo lại càng được phát huy cao hơn, được nhân lên, được bồi đắp và tỏa sáng. Điều đặc biệt đó càng được thể hiện sâu sắc kể từ ngày Đảng bộ Hà Tĩnh được thành lập. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, dưới ánh sáng của Đề cương văn hóa Việt Nam, tính dân tộc, bản chất cách mạng và lao động cần cù sáng tạo của con người Hà Tĩnh đã được phát huy đến mức cao độ, trở thành động lực, sức mạnh để Đảng bộ và Nhân dân đấu tranh giành được chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám; xây dựng vùng tự do Hà Tĩnh thành hậu phương vững mạnh toàn diện trong chín năm kháng chiến chống Pháp; là tuyến đầu của hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa đối với tiền tuyến lớn miền Nam, trực tiếp đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành nghĩa vụ quốc tế; cùng cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Từ ngày tái lập tỉnh Hà Tĩnh, đường lối đổi mới của Đảng tiếp tục mở đường cho truyền thống lao động cần cù sáng tạo, thay đổi cách nghĩ, cách làm để Đảng bộ và Nhân dân vừa khắc phục những khó khăn “tồn dư” thời kỳ nhập tỉnh và những năm đầu đầu tách tỉnh; vừa vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội; xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, từng bước chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà. Sau gần 40 năm thực hiện

đường lối đổi mới của Đảng, 35 năm tái lập tỉnh (1991-2024), với sự cố gắng, quyết tâm; tinh thần lao động cần cù sáng tạo không biết mệt mỏi; với bản sắc văn hóa giàu tính dân tộc, với ý chí tự lực, tự cường, với khát vọng xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh, Hà Tĩnh “đã đạt được những kết quả có tính lịch sử; từ một tỉnh nghèo, điểm xuất phát thấp đã vươn lên đứng trong top các tỉnh dẫn đầu khu vực”⁽⁵⁾. “Quy mô nền kinh tế tăng gấp 95 lần; GRDP bình quân đầu người tăng hơn 100 lần, thu ngân sách nội địa tăng hơn 190 lần”⁽⁶⁾; Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2024 đạt 112.855 tỷ đồng, tỷ lệ hộ nghèo đạt 2,40%⁷, đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân không ngừng được nâng cao. Nhìn những miền quê nông thôn mới đáng sống; những mô hình kinh tế, những cánh đồng rau củ năng suất cao, ropy bóng tốt tươi trên những bãi cát hoang hóa từ lâu đời; những khu kinh tế, khu công nghiệp được đầu tư xây dựng quy mô, hiện đại,... Đó là kết quả của ý Đảng, lòng dân; của ý chí, khát vọng, giá trị văn hóa và sức mạnh con người Hà Tĩnh, trong đó có sức mạnh của tinh thần lao động cần cù, thông minh và sáng tạo.

Bước vào chặng đường mới, Hà Tĩnh đang quyết tâm đến năm 2030 xây dựng Hà Tĩnh “trở thành tỉnh khá”⁽⁸⁾ của cả nước. Điều đó đòi hỏi Hà Tĩnh phải thực hiện bằng được “Triết lý sống giàu sang, biết làm giàu và thích làm giàu trên cơ sở bản sắc nhân văn của con người Hà Tĩnh”⁽⁹⁾. Biết lấy con người làm trung tâm, khoa học - công nghệ là nền tảng, động lực; xây dựng con người Hà Tĩnh thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị chuẩn mực phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc - quê hương. Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước và khát vọng, ý chí, vươn tới đích cao, vươn lên hiện tại; khát vọng phát triển đất nước, quê hương phồn vinh hạnh phúc. Phát huy tinh thần lao động cần cù gắn liền với đổi mới, sáng tạo; không ngừng nâng cao trình

độ, tay nghề của người lao động gắn với phát triển khoa học - kỹ thuật nhằm tạo ra năng suất, hiệu quả trong công việc ngày càng cao. Kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống của quê hương với giá trị thời đại; tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại, mở rộng giao lưu quốc tế...

Nguyên tắc “Dân tộc hóa”, tính dân tộc của Đề cương văn hóa năm 1943 là giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc cho các vấn đề văn hóa dân tộc hiện nay, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến giữ gìn, phát huy giá trị truyền thống của dân tộc nói chung, những giá trị văn hóa truyền thống của quê hương Hà Tĩnh nói riêng, nhất là truyền thống cần cù, sáng tạo; đồng thời tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại trong bối cảnh hội nhập hiện nay nhằm không ngừng phát huy ý chí tự lực, tự cường và khát vọng xây dựng đất nước, quê hương phồn vinh, hạnh phúc.

Chú thích:

1. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. CTQG Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.158-159).
2. *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. CTQG, Hà Nội, t.7, tr.319).
3. *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1998, tr.56.
4. *Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh hạnh phúc*, Nxb. CTQG Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.36-37.
- 5,6. *Kỷ yếu Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025*, Hà Tĩnh - năm 2021, tr.61,61,95.
7. <https://baohatinh.vn/ha-tinh-giam-3547-ho-ngheo-can-ngheo-post280656.html>.
8. *Kỷ yếu Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025*, Hà Tĩnh - năm 2021, tr.61,61,95.
9. Nguyễn Thanh Bang: *Hà Tĩnh hướng tới năm 2010*, Nxb Thế giới, H.2003, tr.184.

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ VỚI NHIỆM VỤ NÂNG CAO HIỆU QUẢ BOI DƯỠNG CÔNG CHỨC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VẬN HÀNH MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

✻ TS. HỒ THANH

Phó trưởng Phòng QLĐT&NCKH

Tóm tắt: Năng lực thực thi công vụ của đội ngũ công chức ảnh hưởng lớn đến hiệu lực, hiệu quả thực thi quyền lực Nhà nước, quyền làm chủ của Nhân dân. Thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp đòi hỏi đội ngũ công chức phải được trang bị những kiến thức, kỹ năng, phẩm chất phù hợp để đáp ứng với mô hình quản trị mới của cơ quan thực thi quyền hành pháp ở địa phương. Đánh giá, tổng kết hoạt động bồi dưỡng công chức và xây dựng những giải pháp quan trọng đáp ứng điều kiện chính quyền địa phương 2 cấp, đồng thời xây dựng chiến lược dài hạn cho công tác cán bộ là nhiệm vụ quan trọng nhằm hoàn thiện nền hành chính nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Tổ chức vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp là dấu mốc lịch sử của nền lập pháp, bước tiến quan trọng trong thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. Chính quyền địa phương mới, đặc biệt là cấp xã hiện nay sẽ thực hiện một khối lượng công việc lớn, trách nhiệm, áp lực cao, điều này đòi hỏi đội ngũ công chức phải có những điều kiện, tiêu chuẩn mới, cao hơn trong vị trí việc làm, đáp ứng việc thực thi công vụ trong điều kiện hiện nay. Nâng cao chất lượng đội ngũ công

chức là một trong những nội dung trọng tâm và là thước đo kết quả của cải cách hành chính được thể hiện qua phương thức, cách thức, kết quả giải quyết công việc đối với công dân, tổ chức. Năng lực của mỗi công chức nhất là kiến thức và kỹ năng quản lý nhà nước sẽ hợp thành năng lực của nền công vụ. Bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng thực thi công vụ công chức có ý nghĩa trực tiếp và lâu dài đối với công cuộc cải cách hành chính, chất lượng nền công vụ.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương, trong những năm vừa qua, Trường Chính trị Trần Phú đã chủ động phối hợp với các địa phương, đơn vị kịp thời tổ chức triển khai có hiệu quả các chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức và theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, đơn vị địa phương. Tổng kết 4 năm, từ 2021 đến 2024, mặc dù có nhiều khó khăn như: đại dịch Covid 19, tình giãn biên chế, sáp nhập cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị..., tuy nhiên, với uy tín, kinh nghiệm và chất lượng bồi dưỡng đã được khẳng định trong nhiều năm qua, Trường Chính trị Trần Phú đã đạt và vượt một số chỉ tiêu trong công tác bồi dưỡng. Đối với các chương trình bồi dưỡng về kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức, Trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai đối với chương trình bồi dưỡng ngạch chuyên viên và tương đương với 25 lớp, 1630 học viên; chương trình bồi dưỡng đối với công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương với 09 lớp 313 học viên; phối hợp với Học viện Hành chính Quốc gia (nay là Học viện Hành chính và Quản trị công) tổ chức bồi dưỡng công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương với 01 lớp, 33 học viên. Đối với các chương trình bồi dưỡng về kiến thức quản lý nhà nước theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý, Trường đã chủ trì xây dựng kế hoạch triển khai chương trình bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương với 08 lớp, 474 học viên; phối hợp với Học viện Hành chính và Quản trị công tổ chức bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý cấp huyện và tương đương với 02 lớp 24 học viên; bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương với 01 lớp, 23 học viên.

Trên cơ sở quy định của các cơ quan Trung ương, từ yêu cầu của thực tiễn đối với công tác bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn và yêu cầu vị trí việc làm của lãnh đạo, quản lý của công chức trong vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, Nhà trường đã tăng cường chỉ đạo xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, trọng tâm là bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên sâu gắn với nội dung các chuyên đề trong từng chương trình bồi dưỡng; đổi mới phương pháp giảng dạy theo phương châm lý luận gắn liền với thực tiễn; luôn quán triệt quan điểm lấy người học làm trung tâm, gắn việc học tập của học viên với việc giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống, nhất là vận dụng những kiến thức lý luận vào giải quyết những vấn đề đang đặt ra tại địa phương, đơn vị. Việc chủ trì và phối hợp tổ chức các chương trình luôn tuân thủ đúng các quy định của Đảng, Nhà nước về bồi dưỡng từ việc học các chuyên đề lý thuyết, thảo luận đến việc tổ chức đi nghiên cứu thực tế và đánh giá kết quả bồi dưỡng. Để gắn kiến thức lý luận với thực tiễn, quá trình triển khai các chương trình, Trường đã tổ chức cho học viên nghe báo cáo chuyên đề gắn với từng nhóm đối tượng học viên, phù hợp với từng vị trí, lĩnh vực công tác và chức danh đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng tham gia báo cáo là lãnh đạo các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh có trình độ, kinh nghiệm trong lãnh đạo, quản lý am hiểu thực tiễn có cách thức truyền đạt phù hợp với đối tượng học viên. Qua khảo sát dư luận và ý kiến học viên và cơ quan cử đi học về cơ bản các chương trình bồi dưỡng đáp ứng các yêu cầu về nhiệm vụ xây dựng và phát triển đội ngũ công chức và cán bộ

lãnh đạo cấp phòng, cấp huyện, cấp sở và tương đương.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được trong công tác bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn công chức và yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý còn có một số hạn chế như: Thái độ, động cơ tham gia học tập, nghiên cứu của một số học viên chưa thật sự đúng đắn, chuẩn mực; một bộ phận tham gia các chương trình bồi dưỡng cốt yếu là để hoàn thiện bằng cấp, chứng chỉ đủ điều kiện để bổ nhiệm và tham gia các kỳ thi nâng ngạch mà chưa chú trọng việc trang bị và nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng trong thực thi công vụ; một số giảng viên tham gia giảng dạy các chương trình bồi dưỡng chưa từng giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan, đơn vị, địa phương, do đó thiếu kinh nghiệm, nhất là kỹ năng xử lý các tình huống thực tiễn; một số chuyên đề trong chương trình bồi dưỡng chưa bám sát yêu cầu từ thực tiễn phát triển tình hình kinh tế - xã hội, do đó còn nặng về lý thuyết, thiếu các tình huống thực hành trong phần thảo luận; còn có tình trạng trùng lặp thiếu tính liên thông giữa các chương trình bồi dưỡng; sự phối hợp giữa các cơ sở bồi dưỡng công chức ở Trung ương và địa phương còn chưa thực sự thuận lợi và tạo điều kiện cho người học; các học phần đánh giá kết quả được tiến hành bằng hình thức kiểm tra trắc nghiệm chưa thật sự phù hợp, chưa phát huy được tính sáng tạo, kinh nghiệm thực tiễn của người học; một số chương trình bồi dưỡng chưa sát với tình hình thực tế ở địa phương, ngành, lĩnh vực và vị trí việc làm; chưa quan tâm công tác đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của công chức trước và sau quá trình bồi dưỡng.

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn công chức và yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, từ thực tiễn công tác quản lý, giảng dạy và tham mưu trong xây dựng chương trình, kế hoạch bồi dưỡng công, tác giả đề xuất một số giải pháp sau đây:

Thứ nhất: Thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc trong công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức tại Nghị định 171/2025/NĐ-CP, ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức: (i) Phải căn cứ vào vị trí việc làm gắn với công tác sử dụng, quản lý công chức phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao của cơ quan, đơn vị. (ii) Thực hiện phân công, phân cấp trong tổ chức bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm. (iii) Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo trong đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức. (iv) Nâng cao ý thức trách nhiệm của công chức về tự nghiên cứu, tự học tập và lựa chọn chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ. (v) Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả.

Thứ hai: Tiếp tục đổi mới nội dung chương trình bồi dưỡng theo hướng đáp ứng yêu cầu thực thi nhiệm vụ của đội ngũ công chức trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Thực hiện đa dạng hoá các hình thức tổ chức bồi dưỡng; tập trung trực tiếp, trực tuyến, kết hợp trực tiếp và trực tuyến; kết hợp các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả khoá học như: thi viết, viết tiểu luận, thi vấn đáp, xử lý tình huống... Tham mưu, đề xuất với các cơ quan Trung ương,

các ngành trong việc thống nhất nội dung một số chương trình bồi dưỡng công chức, đảm bảo tính liên thông, chuyên nghiệp và đáp ứng các yêu cầu vị trí việc làm theo hướng mỗi nhóm chức danh vị trí việc làm cần xây dựng khung chương trình riêng, tránh chồng chéo, trùng lặp. Kịp thời tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá chất lượng, hiệu quả các chương trình bồi dưỡng, nhất là đánh giá năng lực công chức sau bồi dưỡng nhằm cung cấp cơ sở cho việc điều chỉnh, bổ sung nội dung chương trình, nhất là đề xuất các chuyên đề tự chọn phù hợp với địa phương, ngành, lĩnh vực.

Thứ ba: Tăng cường hơn nữa công tác phối hợp giữa Trường Chính trị Trần Phú phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ và các sở, ban ngành, địa phương trong việc phê duyệt danh sách, dự nguồn học viên, phân công mở lớp phù hợp với tình hình thực tế của chính quyền 2 cấp; thực hiện rà soát tiêu chí đối với từng đối tượng cán bộ, công chức viên chức để cử tham gia các chương trình bồi dưỡng phù hợp; phối hợp xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đảm bảo phù hợp về thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tham gia học tập, hạn chế phân công nhiệm vụ, giao việc cho cán bộ, công chức, viên chức trong thời gian tham gia các khóa bồi dưỡng.

Thứ tư: Quan tâm xây dựng đội ngũ giảng viên, giảng viên thỉnh giảng, báo cáo viên đáp ứng yêu cầu của công tác bồi dưỡng trong tình hình mới; xây dựng kế hoạch cử giảng viên tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên sâu đáp ứng yêu cầu giảng dạy các chương trình bồi dưỡng; nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu thực tế theo hướng nghiên cứu mô hình cụ thể gắn với nội dung từng chương trình bồi

dưỡng; quan tâm cải thiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ giảng viên, giảng viên thỉnh giảng.

Thứ năm: Đẩy mạnh chuyển đổi số và tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo trong công tác bồi dưỡng công chức. Tổ chức cho công chức tham gia bồi dưỡng tại các quốc gia có nền hành chính hiện đại, quản trị công hiện đại, có thể mạnh, kinh nghiệm quản lý về các lĩnh vực chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, kinh tế xanh, hội nhập quốc tế và các lĩnh vực khác cần học tập, nghiên cứu, có thể áp dụng ở Việt Nam.

Trong giai đoạn đầu vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp sẽ còn nhiều trở ngại, khó khăn và áp lực. Để bộ máy vận hành hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả cần tiếp tục hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách và cần có sự nỗ lực từ nhiều phía, trọng tâm là kịp thời ban hành các quy định, chính sách của cơ quan trung ương; sự chủ động, linh hoạt và sáng tạo của chính quyền địa phương; ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm và năng lực thực thi công vụ của đội ngũ công chức. Chọn đúng và trúng chìa khóa là vấn đề con người để giải bài toán về những thách thức khi thực hiện bước đi quan trọng trong cải cách bộ máy nhà nước và hiện thực hóa mô hình chính quyền phục vụ Nhân dân, vì vậy, trong thời gian tới, Trường Chính trị Trần Phú cần tiếp tục quan tâm đổi mới toàn diện công tác bồi dưỡng công chức, góp phần xây dựng đội ngũ công chức đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của sự vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp./.

THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 57-NQ/TW, TẠO ĐỘNG LỰC CHO HÀ TĨNH BỨT PHÁ PHÁT TRIỂN TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

✻ ThS. PHAN CHÍ QUYẾT

Giáo viên Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị được ban hành nhằm tạo đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, động lực then chốt cho phát triển nhanh, bền vững đất nước. Đối với Hà Tĩnh, Nghị quyết có vai trò đặc biệt quan trọng, mở ra hướng đi chiến lược để bứt phá trong kỷ nguyên mới. Việc triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp theo tinh thần Nghị quyết sẽ giúp Hà Tĩnh phát huy tiềm năng, lợi thế, nâng cao năng lực cạnh tranh, khắc phục mọi khó khăn, đồng thời thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với hội nhập quốc tế, tạo nền tảng xây dựng tỉnh Hà Tĩnh ngày càng giàu mạnh.

Xác định tầm quan trọng của khoa học, công nghệ đối với sự phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đây là văn kiện có ý nghĩa chiến lược, đánh dấu bước chuyển mình quan trọng của đất nước trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần đưa Việt Nam thành quốc gia phát triển, thu nhập cao, có năng lực cạnh tranh toàn cầu.

Hà Tĩnh là tỉnh có vị trí địa lý đặc biệt quan trọng với nhiều tiềm năng, lợi thế: Nằm ở trung tâm Bắc Trung Bộ, là cầu nối giữa hai miền Bắc - Nam, giữa Việt Nam và nước bạn Lào, Thái Lan. Tỉnh có hệ thống hạ tầng giao thông thuận lợi gồm Quốc lộ 1A, Cao tốc Bắc - Nam, đường Hồ Chí Minh, đường sắt Bắc - Nam, quốc lộ 8, quốc lộ 12 kết nối trực tiếp với Lào và

vùng Đông Bắc Thái Lan. Đặc biệt, Khu kinh tế Vũng Áng sở hữu cảng biển nước sâu Sơn Dương có khả năng tiếp nhận tàu hàng trăm ngàn tấn, là cửa ngõ quan trọng ra biển của các nước Lào, Đông Bắc Thái Lan. Đây là điều kiện lý tưởng để Hà Tĩnh phát triển các ngành công nghiệp nặng, luyện kim, năng lượng, dịch vụ logistics. Hà Tĩnh có với nguồn tài nguyên phong phú như sắt, titan, đất hiếm và tiềm năng lớn về thủy điện, năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời... Ngoài ra, Hà Tĩnh có truyền thống văn hóa, hiếu học, nhiều di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận như Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh... Trong thời gian qua, Hà Tĩnh luôn xác định khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực then chốt thúc đẩy phát triển bền vững. Theo kết quả đánh giá Chỉ số PII do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố, so với mặt bằng chung, Hà Tĩnh có nhiều bước phát triển vượt trội. Năm 2024, Chỉ số PII của Hà Tĩnh đạt 33,62 điểm, xếp thứ hạng

34/63 tỉnh, thành phố; tăng từ nhóm 3 lên nhóm 2 và tăng 8 bậc so với năm 2023, xếp thứ 3 khu vực Bắc Trung Bộ, xếp thứ 8 của 14 tỉnh Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung. Đây là kết quả đáng khích lệ, thể hiện sự nỗ lực của toàn tỉnh trong việc thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo⁽¹⁾.

Tuy nhiên, trong những năm vừa qua, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Hà Tĩnh vẫn còn những hạn chế nhất định. Kinh tế tăng trưởng nhưng chưa ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm; một số dự án công nghiệp trọng điểm chậm tiến độ, thiếu tính lan tỏa; hạ tầng giao thông kết nối còn chưa đồng bộ; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp hiện đại; một bộ phận nhân dân đời sống còn khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo ở miền núi, vùng sâu còn cao; tình trạng ô nhiễm môi trường do khai thác khoáng sản, sản xuất công nghiệp vẫn là vấn đề bức xúc. Bên cạnh đó, hạn chế trong huy động nguồn vốn cho phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo bị giới hạn, thiếu các chính sách khuyến khích, cơ sở hạ tầng, nghiên cứu và phát triển hạn chế; hệ thống đào tạo chưa đáp ứng nhu cầu; các chương trình đào tạo chưa cập nhật với những xu hướng công nghệ mới, dẫn đến việc nhân lực không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn; khó khăn về nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo vẫn là bài toán khó cho Hà Tĩnh. Việc triển khai các giải pháp một cách đồng bộ và dài hạn sẽ là yếu tố then chốt để Hà Tĩnh thực hiện thành công mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh ban hành Chương trình hành động số 42-CTr/TU, ngày 10/4/2025 với các chỉ tiêu, nhiệm vụ

và giải pháp cụ thể, nhằm thống nhất nhận thức, tạo quyết tâm chính trị cao, giúp cấp ủy, chính quyền, mặt trận, đoàn thể, doanh nghiệp và Nhân dân có nhận thức đúng đắn, tạo sự đồng thuận trong triển khai; khơi dậy tinh thần chủ động, sáng tạo ở mọi cấp, mọi ngành, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong tổ chức thực hiện; phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương, xác định các lĩnh vực ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số dựa trên lợi thế của tỉnh; thúc đẩy các đột phá trong phát triển kinh tế xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, nhân tài, công nghệ; tạo bước chuyển mạnh mẽ về hạ tầng số, nhân lực số, hệ sinh thái khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo... Đồng thời, hướng tới xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả; phát triển hạ tầng số, nhân lực số, hệ sinh thái khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; góp phần đưa Hà Tĩnh trở thành tỉnh phát triển khá vào năm 2030⁽²⁾. Để góp phần thực hiện Nghị quyết 57, theo định hướng của Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 10/4/2025, cần quan tâm một số nội dung cơ bản sau:

Một là, tăng cường truyền thông để nâng cao nhận thức. Thực tế cho thấy, nhận thức của một bộ phận người dân về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn hạn chế, nhất là tại các vùng nông thôn, nơi công nghệ tiếp cận chậm hơn; một số doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa sẵn sàng áp dụng, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do thiếu kiến thức và nguồn lực. Bên cạnh đó, việc truyền tải thông điệp đến nhiều nhóm đối tượng với nhu cầu và mức độ nhận thức khác nhau đang đặt ra những thách thức đối với công tác truyền thông... Vì vậy, cần đa dạng hoá các phương thức truyền thông, phân loại đối tượng, phân nhóm mục tiêu (người

dân, doanh nghiệp, cán bộ) để xây dựng nội dung phù hợp. Thiết kế thông điệp đơn giản tập trung vào lợi ích thiết thực của Nghị quyết số 57-NQ/TW đối với từng nhóm đối tượng; lựa chọn, kết hợp đa dạng các kênh truyền thông như: mạng xã hội, truyền hình, báo chí, hội thảo và các nền tảng số... Tổ chức tuyên truyền lồng ghép nội dung Nghị quyết vào chương trình giáo dục, hội thảo, phối hợp với các tổ chức tại địa phương để tổ chức sự kiện nâng cao nhận thức.

Hai là, đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng, hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các ngành, lĩnh vực phục vụ quản lý nhà nước và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan, địa phương trong tỉnh với các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia. Triển khai các nền tảng số: du lịch thông minh, nông nghiệp thông minh, giáo dục, y tế thông minh, quản trị hạ tầng, đô thị, tài nguyên, môi trường, đầu tư, tài chính, ngân sách. Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh. Ưu tiên các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, khu công nghệ cao, đô thị thông minh...) có tính kết nối, liên thông; phát triển các nền tảng số, cơ sở dữ liệu số dùng chung, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị tại tỉnh. Khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số. Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu trên nền tảng chung; nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số; xây dựng trung tâm điều hành thông minh ở cấp tỉnh, kết nối đến cơ sở. Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính,

cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn tỉnh, phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số. Triển khai hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”. Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử, logistic...).

Ba là, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xây dựng và triển khai chiến lược, chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao. Xác định nhu cầu nhân lực của từng lĩnh vực, xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu, chất lượng cao, có chính sách ưu đãi để thu hút, giữ chân nhân tài. Cụ thể hóa các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số, kiến thức chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, doanh nghiệp và người dân. Tích hợp, lồng ghép nội dung chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng cán bộ. Có giải pháp, lộ trình tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhất là ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao. Tăng cường đào tạo về kỹ năng số, kiến thức về công nghệ mới; khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo, triển khai mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số. Khuyến khích các đề tài khoa học sinh viên, thúc đẩy phong trào nghiên cứu, khởi nghiệp trong môi trường trung học phổ thông, đại học, cao đẳng,

giáo dục nghề nghiệp. Tăng cường hợp tác trong đào tạo nhân lực với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước, tạo điều kiện cho sinh viên, giảng viên thực tập, nghiên cứu tại doanh nghiệp.

Bốn là, xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ. Kiểm tra, giám sát đảm bảo thực thi hiệu quả các chính sách, chương trình và kế hoạch hành động liên quan đến Nghị quyết số 57 được thực hiện đúng theo định hướng, mục tiêu và tiến độ đề ra. Phát hiện và xử lý sai lệch kịp thời nhanh chóng nhận diện các điểm bất cập, sai lệch hoặc lãng phí trong quá trình triển khai. Nâng cao trách nhiệm và minh bạch tăng cường trách nhiệm của các cấp lãnh đạo, tổ chức và cá nhân trong việc thực hiện các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Thiết lập tiêu chí đánh giá các chỉ số hiệu suất cụ thể cho từng lĩnh vực như: Số lượng công nghệ mới được nghiên cứu và triển khai. Tỷ lệ ứng dụng chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhà nước và tư nhân... Việc xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ là cần thiết để đảm bảo thành công của Nghị quyết số 57 góp phần thực thi hiệu quả, tạo dựng niềm tin, sự đồng thuận của xã hội đối với các chính sách lớn của Đảng và Nhà nước.

Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị là văn kiện có ý nghĩa chiến lược, mở ra giai đoạn phát triển mới cho đất nước nói chung, Hà Tĩnh nói riêng. Đây thực sự là định hướng toàn diện, giúp Hà Tĩnh phát huy tiềm năng, khắc phục hạn chế, tạo bước đột phá mạnh mẽ trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh. Với quyết tâm của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân, cùng sự hỗ trợ của Trung ương, Hà Tĩnh hoàn toàn có khả năng hiện thực hóa mục tiêu trở thành tỉnh phát triển khá vào năm 2030 và tiến tới hiện đại, bền vững vào năm 2045./.

Chú thích:

- (1) Baohatinh.vn, Thứ Hai, ngày 22/09/2025.
- (2) Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh - Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 10/4/2025.

VẬN DỤNG BÀI VIẾT...

(Tiếp theo trang 89)

tâm; xử lý kịp thời, kiên quyết, triệt để, đồng bộ, nghiêm minh tổ chức đảng, đảng viên vi phạm. Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp để kịp thời phát hiện, ngăn chặn từ xa, từ đầu, giải quyết từ sớm, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn, kéo dài và lan rộng.

Sáu là, tiếp tục đổi mới việc phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Cấp ủy, tổ chức cơ sở Đảng cần cụ thể hóa các quy định của Trung ương để hoàn thiện quy định và đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên trong cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Mọi đảng viên phải gương mẫu, nói đi đôi với làm, thực hiện nghiêm Điều lệ Đảng, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Kịp thời khen thưởng tập thể, cá nhân đảng viên tiêu biểu, gương mẫu. Phát hiện, chấn chỉnh hành vi thiếu gương mẫu của cán bộ, đảng viên; xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên sai phạm.

Bảy là, tiếp tục đổi mới phong cách, lề lối làm việc của cấp ủy, chính quyền của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo hướng khoa học, dân chủ, sâu sát, cụ thể, chặt chẽ. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị; mở rộng hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến; giảm hội họp không cần thiết./.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TẠO ĐỘNG LỰC CHO TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG TẠI HÀ TĨNH



ThS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY

Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt: Kinh tế tư nhân là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, bền vững. Phát triển kinh tế tư nhân không chỉ là yêu cầu khách quan mà còn là lựa chọn chiến lược của Hà Tĩnh trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Việc triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp, đặc biệt là sự chủ động, năng động của chính các doanh nghiệp sẽ góp phần quan trọng đưa khu vực kinh tế tư nhân trở thành động lực phát triển bền vững của Hà Tĩnh trong thời gian tới.

Trong gần 40 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước ta luôn kiên định và nhất quán đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối, trong đó kinh tế tư nhân được xác định là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Trong bài viết “Phát triển kinh tế tư nhân - đòn bẩy cho một Việt Nam thịnh vượng”, Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh: “kinh tế tư nhân không chỉ là một thành phần của nền kinh tế, mà còn là động lực hàng đầu thúc đẩy tăng trưởng và đổi mới sáng tạo”. Hiện nay, khu vực này đóng góp khoảng 51% GDP, hơn 30% ngân sách nhà nước và tạo việc làm cho trên 40 triệu lao động. Với những đóng góp to lớn, kinh tế tư nhân được kỳ vọng sẽ tiếp tục đóng vai trò tiên phong trong giai đoạn phát triển mới, nhất là trong bối cảnh đất nước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Từ sau Đại hội X của Đảng, khi kinh tế tư nhân được chính thức xác định là thành phần kinh tế được khuyến khích phát triển, không hạn chế về quy mô, kinh tế tư nhân ở Hà Tĩnh đã có bước phát triển vượt bậc cả về quy mô lẫn chất lượng. Theo số liệu từ Niên giám thống kê Tỉnh Hà Tĩnh, năm 2023: Tỷ lệ của thành phần kinh tế tư nhân gồm doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần không có vốn nhà nước tại Hà Tĩnh đang hoạt động tính tới thời điểm 31/12 năm 2020 chiếm 97,29%, năm 2021 chiếm 97,66%, năm 2022 chiếm 98,13% trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động tại Hà Tĩnh. Sự gia tăng về số lượng và tỷ trọng của kinh tế tư nhân là yếu tố thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương đi lên. Thành phần kinh tế tư nhân đã giải quyết được một số lượng lao động lớn trên địa bàn, cụ thể: năm 2020 là 56.838 việc làm, năm 2021 là 55.986 việc làm, năm 2022 là 55.827 việc làm. Số lượng lao động trong thành phần kinh tế tư nhân luôn chiếm xấp

xi 75% tổng số lao động trong các thành phần kinh tế tại Hà Tĩnh. Với sự phát triển nhanh về số lượng, tham gia vào nhiều loại hình, lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh và mô hình sản xuất, thành phần kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đã tham gia tích cực vào giải quyết việc làm, góp phần quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu lao động địa phương, từ đó góp phần vào nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người dân. Trong đó, một số doanh nghiệp tiêu biểu đã vươn lên trở thành trụ cột kinh tế địa phương, trở thành hình mẫu về sự năng động, sáng tạo của doanh nghiệp tư nhân tại Hà Tĩnh như Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Việt Hải (Thạch Hà). Hoạt động đa ngành từ sản xuất vật liệu xây dựng, thi công công trình đến cấu kiện công nghệ cao, doanh nghiệp Việt Hải hiện đạt doanh thu hàng nghìn tỷ đồng mỗi năm, tạo việc làm ổn định cho hơn 1.000 lao động địa phương.

Sự phát triển của kinh tế tư nhân đã tạo ra nguồn thu ngân sách bền vững cho địa phương. Từ các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt... các doanh nghiệp đã và đang nuôi dưỡng tốt nguồn thu ngân sách cho Tỉnh. Trong 9 tháng đầu năm 2024, đứng đầu bảng xếp hạng các doanh nghiệp đóng nộp thuế nội địa nhiều nhất Hà Tĩnh là Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh với số số thuế nộp ngân sách gần 595 tỷ đồng; các công ty nằm trong top 10 như Công ty CP Phúc Lộc Ninh đóng nộp hơn 223 tỷ đồng; Liên danh nhà thầu thi công, mua sắm trang thiết bị xây dựng cho Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II đóng nộp hơn 88,7 tỷ đồng⁽¹⁾... Trước các cú sốc vĩ mô về kinh tế, biến động của kinh tế toàn cầu ảnh hưởng đến thuế xuất nhập khẩu thì nguồn thu thuế nội địa đóng góp

rất lớn cho sự phát triển của Hà Tĩnh, giúp chính quyền thực hiện tốt các mục tiêu về tăng trưởng, đảm bảo các nhiệm vụ chi trên địa bàn, đáp ứng các chính sách xã hội, xây dựng nông thôn mới...

Bên cạnh việc tạo ra nguồn thu ngân sách bền vững cho địa phương, các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân đã luôn tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo như giúp đỡ người nghèo, người già, gia đình neo đơn, gia đình chính sách, nạn nhân chất độc màu da cam, đồng bào dân tộc thiểu số... Điển hình như trong năm 2024 Công ty TNHH Kim Ngân - Bình Thủy ủng hộ 572.900.000 đồng; Công ty ô tô Hoàng Hà ủng hộ 269 triệu đồng; Công ty TNHH Sao Đại Dương ủng hộ 160 triệu đồng⁽²⁾... thực hiện hỗ trợ xây dựng công trình nước sạch cho thôn Đại Tiến (xã Thạch Trị, TP Hà Tĩnh), hỗ trợ quỹ “Mẹ đỡ đầu” năm 2024 cho 23 cháu mồ côi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, ủng hộ quỹ “Mái ấm tình thương”... Các chương trình an sinh xã hội, từ thiện của các doanh nghiệp xuất phát từ tấm lòng, tạo nên sức mạnh tinh thần, lan tỏa tính nhân văn trong văn hóa các doanh nghiệp, góp phần cùng cấp ủy chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, khi hầu hết các quốc gia đã chuyển sang kinh tế thị trường đầy đủ, nếu chậm trễ trong xử lý các vấn đề để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển, sẽ làm hạn chế tiềm năng phát triển của tỉnh. Báo cáo chính trị của Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, phân nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế xã hội tỉnh 2020-2025 đã chỉ rõ: phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế, nhất là những lĩnh vực tỉnh

có lợi thế như công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, dịch vụ, du lịch. Thực tiễn cho thấy, sự đồng hành của chính quyền địa phương đã hỗ trợ, tạo điều kiện, môi trường ổn định, thuận lợi để kinh tế tư nhân được phát triển. Cụ thể: Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh có nhiều chuyển biến. Đến nay một số chỉ tiêu về cải cách thủ tục hành chính đã đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra đến năm 2025 như tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính. Xếp hạng năm 2024: Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) hiện đứng thứ 15 cả nước; Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) xếp thứ 6 cả nước và thứ nhất khu vực Bắc Trung bộ; Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính (SIPAS) đứng thứ 16 cả nước⁽³⁾. Ngoài ra theo báo cáo số liệu từ NHNN Việt Nam khu vực VIII, Hà Tĩnh hiện có khoảng 12.000 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc đang hoạt động, trong đó chủ yếu là doanh nghiệp tư nhân với dư nợ doanh nghiệp của Hà Tĩnh hiện đạt gần 33.900 tỷ đồng, chiếm trên 30% tổng dư nợ của tỉnh. Mặt khác, dư nợ hộ kinh doanh cá thể cũng chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu dư nợ của ngành ngân hàng Hà Tĩnh, cho thấy các tổ chức tín dụng đã chủ động khơi thông dòng vốn cho khu vực kinh tế tư nhân⁽⁴⁾. Những kết quả cho thấy sự nỗ lực của chính quyền địa phương Hà Tĩnh trong vai trò “bà đỡ” cho phát triển các thành phần kinh tế nói chung và kinh tế tư nhân nói riêng. Các cấp chính quyền không chỉ là người kiến tạo môi trường phát triển mà còn là đối tác tin cậy, đồng hành cùng doanh nghiệp tư nhân trên hành trình phát triển bền vững. Sự chủ động, cầu

thị và đồng hành sát sao của chính quyền chính là “chìa khóa” để kinh tế tư nhân tại địa phương phát triển mạnh mẽ.

Bên cạnh những thành tựu nêu trên, quá trình phát triển kinh tế tư nhân vẫn đang gặp phải nhiều điểm nghẽn lớn, cản trở sự bứt phá của khu vực kinh tế năng động này. Cụ thể như:

Một là, hạn chế về quy mô và năng lực nội tại của doanh nghiệp. Thực tế cho thấy phần lớn trong thành phần kinh tế tư nhân ở Hà Tĩnh là các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và siêu nhỏ (chiếm tới hơn 98%), trong đó số lượng doanh nghiệp siêu nhỏ chiếm trên 90%. Các doanh nghiệp chủ yếu tập trung vào lĩnh vực thương mại, dịch vụ bán lẻ và vận tải, các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác chưa phát triển. Đây là một rào cản đáng kể vì các doanh nghiệp nhỏ thường gặp khó trong việc tiếp cận vốn, mở rộng sản xuất, đầu tư công nghệ và tuyển dụng nhân lực chất lượng cao. Hơn nữa, năng lực quản trị của chủ doanh nghiệp còn hạn chế, phần lớn trưởng thành từ kinh nghiệm thực tiễn, thiếu nền tảng kiến thức chuyên sâu về quản trị, tài chính, thị trường, chiến lược kinh doanh. Điều này khiến cho doanh nghiệp dễ bị tổn thương trước biến động thị trường, chưa đủ sức cạnh tranh trong môi trường kinh tế mở, năng động và đòi hỏi cao như hiện nay. Bên cạnh đó, tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động thực tế, có phát sinh doanh thu, nộp thuế so với doanh nghiệp đăng ký thành lập còn thấp.

Hai là, doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn. Mặc dù các tổ chức tín dụng trên địa bàn Hà Tĩnh đã có nhiều nỗ lực trong việc khơi thông dòng vốn cho khu vực tư nhân, nhưng điều kiện vay vốn hiện nay vẫn còn quá khắt khe, đặc biệt là các yêu cầu về tài

sản đảm bảo, yêu cầu về báo cáo tài chính... Điều này khiến nhiều doanh nghiệp, dù có tiềm năng, vẫn không thể tiếp cận được nguồn vốn cần thiết để đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ.

Ba là, chất lượng nguồn nhân lực còn thấp. Đây là một trong những “nút thắt” mang tính hệ thống. Điều này dẫn đến năng suất lao động thấp, khó tiếp thu công nghệ hiện đại và không thể đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường, nhất là trong các ngành sử dụng công nghệ cao hoặc đòi hỏi kỹ năng chuyên sâu. Bên cạnh đó, mức lương, chế độ đãi ngộ tại các doanh nghiệp Hà Tĩnh chưa hấp dẫn so với các tỉnh, thành phát triển khác. Số liệu từ niên giám thống kê 2023 cho thấy mức thu nhập người lao động của khu vực kinh tế tư nhân bình quân khoảng từ 5-7 triệu đồng/tháng khiến lực lượng lao động có xu hướng dịch chuyển sang các địa phương khác để tìm kiếm cơ hội tốt hơn. Việc “chảy máu nhân lực” này làm giảm khả năng cạnh tranh và cản trở sự phát triển dài hạn của khu vực kinh tế tư nhân.

Bốn là, môi trường kinh doanh chưa thật sự thông thoáng. Dù Tỉnh đã nỗ lực cải cách hành chính, song trên thực tế, nhiều thủ tục vẫn còn phức tạp, rườm rà. Một số lĩnh vực như đất đai, xây dựng, cấp phép đầu tư, khai thác khoáng sản... vẫn còn tình trạng chùng chéo về quy định pháp lý, gây khó khăn trong thực thi. Ngoài ra, sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành trong hỗ trợ doanh nghiệp còn thiếu nhịp nhàng, khiến quá trình giải quyết thủ tục kéo dài, làm giảm niềm tin của doanh nghiệp đối với cơ quan công quyền.

Năm là, thiếu liên kết và năng lực cạnh tranh còn yếu. Doanh nghiệp tư nhân tại Hà Tĩnh còn hoạt động rời rạc, chưa hình

thành được mạng lưới liên kết sản xuất, tiêu thụ và cung ứng dịch vụ một cách bền vững. Việc tham gia vào chuỗi giá trị trong nước và quốc tế còn thấp. Một số doanh nghiệp vẫn làm ăn theo kiểu “chộp giật”, thiếu chiến lược dài hạn, thậm chí có hiện tượng “doanh nghiệp ma” (đăng ký nhưng không hoạt động thực chất), làm méo mó môi trường kinh doanh. Bên cạnh đó, phần lớn doanh nghiệp chưa xây dựng được thương hiệu mạnh, công nghệ sản xuất còn lạc hậu, năng suất và hiệu quả thấp, dẫn đến khả năng cạnh tranh hạn chế cả trên thị trường trong nước và quốc tế.

Sáu là, hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp chưa đáp ứng. Cơ sở hạ tầng, nhất là tại các cụm, khu công nghiệp, các tuyến giao thông kết nối, dịch vụ logistic... vẫn còn nhiều bất cập, ảnh hưởng không nhỏ đến chi phí sản xuất, lưu thông và khả năng tiếp cận thị trường của doanh nghiệp. Hạ tầng kỹ thuật yếu cũng làm giảm sức hấp dẫn của Hà Tĩnh trong thu hút đầu tư tư nhân và đầu tư ngoài tỉnh.

Để phát triển kinh tế tư nhân tương xứng với tiềm năng và trở thành động lực phát triển bền vững của Hà Tĩnh trong thời gian tới, cần triển khai đồng bộ một số giải pháp sau:

Thứ nhất: Nhóm các giải pháp đối với chính quyền địa phương

- Tạo lập môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch và cạnh tranh bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến khơi thông dòng vốn, mở rộng khả năng tiếp cận tài chính, tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ - nhóm doanh nghiệp chiếm tỷ trọng áp đảo trong tổng số doanh nghiệp tư nhân toàn tỉnh. Đồng thời, tinh xác định việc gỡ bỏ các rào cản thủ tục hành chính là nhiệm vụ

trọng tâm. Các lĩnh vực như đầu tư, xây dựng, đất đai, khoáng sản, giải ngân vốn đầu tư công... cần tiếp tục được rà soát, đơn giản hóa quy trình, đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp. Ngoài ra, cần củng cố và cải thiện các kết nối giữa Tỉnh với các đơn vị chức năng hỗ trợ doanh nghiệp của các bộ, hiệp hội ngành hàng trong và ngoài nước. Thực hiện các cuộc đối thoại định kỳ giữa lãnh đạo tỉnh với doanh nhân, tọa đàm để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh hỗ trợ phát triển khởi nghiệp, nuôi dưỡng các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ, thương mại điện tử và chuyển đổi số. Cùng với đó là chính sách ưu tiên tiếp cận đất đai, hạ tầng, nguồn nhân lực chất lượng và thị trường tiêu thụ. Một trong những nội dung quan trọng nữa là khuyến khích hộ kinh doanh cá thể chuyển đổi thành doanh nghiệp, tiến tới liên kết, hợp tác theo chuỗi giá trị sản xuất - kinh doanh - phân phối. Đây là hướng đi nhằm giúp kinh tế tư nhân phát triển bài bản, hiện đại, hội nhập sâu rộng vào chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế.

- Chú trọng nâng cấp kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông, logistic, cảng biển và các khu - cụm công nghiệp để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận hạ tầng sản xuất, ưu tiên các ngành công nghiệp chế biến; đầu tư hệ thống giao thông cho các vùng nguyên liệu trọng điểm cụ thể và thiết thực hơn; kiến nghị Trung ương chú trọng đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các công trình giao thông trọng điểm phục vụ doanh nghiệp; tạo các điều kiện pháp lý để doanh nghiệp có thể tiếp cận, được sử dụng ổn định mặt bằng sản

xuất - kinh doanh. Song song đó, cần xây dựng nhà ở cho công nhân, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục để giữ chân lao động chất lượng cao. Một hệ thống hạ tầng đồng bộ sẽ tạo nền tảng vững chắc cho kinh tế tư nhân phát triển.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Hà Tĩnh cần đẩy mạnh liên kết giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp để đào tạo lao động theo nhu cầu thực tế. Việc đào tạo cần tập trung vào kỹ năng nghề, thái độ làm việc, và khả năng thích ứng công nghệ mới. Tỉnh cũng nên khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia vào công tác đào tạo và phát triển kỹ năng cho người lao động của mình.

- Đẩy mạnh liên kết vùng và xúc tiến đầu tư. Tỉnh cần phát huy vai trò của các tổ chức xúc tiến thương mại, đầu tư, chủ động giới thiệu tiềm năng, thế mạnh và cơ hội hợp tác với nhà đầu tư trong và ngoài nước. Việc xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất, cụm ngành kinh tế và liên kết vùng với các tỉnh lân cận cũng là giải pháp quan trọng giúp doanh nghiệp tư nhân phát triển bền vững và hội nhập sâu vào chuỗi giá trị.

Thứ hai: Nhóm các giải pháp đối với doanh nghiệp

- Trong bối cảnh dự báo tình hình kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, xung đột địa chính trị, căng thẳng thương mại gia tăng tác động lớn đến nền kinh tế Việt Nam, trong đó có khu vực kinh tế tư nhân. Bởi vậy, song song với vai trò của chính quyền, bản thân các doanh nghiệp tư nhân Hà Tĩnh cũng cần nâng cao ý thức trách nhiệm và chủ động thích ứng trước những yêu cầu mới, chủ động thích ứng linh hoạt với thị trường, xây dựng phương án sản xuất - kinh doanh khoa học, khả thi. Nhiều doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt là doanh

ng nghiệp nhỏ và vừa, vẫn hoạt động theo kiểu truyền thống, thiếu kế hoạch bài bản. Do đó, cần nâng cao năng lực hoạch định chiến lược, định vị rõ thị trường mục tiêu, phân khúc khách hàng, và xác định rõ lợi thế cạnh tranh. Trong đó, đổi mới tư duy quản trị, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số là yếu tố then chốt giúp doanh nghiệp tăng năng suất, mở rộng thị trường và hội nhập hiệu quả. Việc đầu tư vào máy móc thiết bị hiện đại, tự động hóa, và các giải pháp số hóa sẽ giúp giảm chi phí, nâng cao năng suất và tạo ra giá trị gia tăng cao hơn.

- Khu vực tư nhân cần tận dụng tốt lợi thế địa phương Hà Tĩnh để phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, hình thành các sản phẩm chủ lực mang thương hiệu Hà Tĩnh, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Bên cạnh đó, khai thác mạnh mẽ tiềm năng du lịch biển, du lịch sinh thái và dịch vụ logistic là hướng đi khả thi, phù hợp với xu thế tiêu dùng mới.

- Phát huy vai trò liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp. Doanh nghiệp tư nhân tại Hà Tĩnh nên đẩy mạnh liên kết theo cụm ngành, chuỗi giá trị để tận dụng nguồn lực, chia sẻ thị trường và công nghệ. Thay vì hoạt động đơn lẻ, việc hợp tác với doanh nghiệp khác trong cùng lĩnh vực hoặc với các doanh nghiệp lớn sẽ giúp tăng sức cạnh tranh, đồng thời tạo điều kiện tiếp cận nguồn vốn, kỹ thuật và thị trường xuất khẩu.

- Nâng cao trách nhiệm xã hội và xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Ngoài mục tiêu lợi nhuận, các doanh nghiệp tư nhân cần quan tâm đến trách nhiệm với cộng đồng, người lao động và môi trường. Việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp tích cực sẽ giúp tạo dựng uy tín, nâng cao hình ảnh và thu hút nhân lực chất lượng cao. Đây cũng là yếu tố quan trọng để phát triển bền vững trong dài hạn.

Sự phối hợp chặt chẽ, đồng hành hiệu quả giữa chính quyền và doanh nghiệp sẽ là chìa khóa để xây dựng một hệ sinh thái doanh nghiệp vững mạnh tại Hà Tĩnh. Trong đó, kinh tế tư nhân là trung tâm vận hành linh hoạt, kết nối đa chiều với các khu vực kinh tế khác như nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Việc phát triển kinh tế tư nhân không chỉ là mục tiêu kinh tế thuần túy mà còn là giải pháp tổng thể để giải phóng sức sản xuất, tận dụng tối đa nguồn lực xã hội, tạo việc làm và nâng cao chất lượng sống cho người dân. Để Hà Tĩnh vươn xa, kinh tế tư nhân cần được tiếp sức mạnh mẽ hơn nữa, cả về thể chế, hạ tầng và nguồn lực. Với định hướng đúng đắn, quyết tâm mạnh mẽ và giải pháp đồng bộ, Hà Tĩnh hoàn toàn có cơ sở để kỳ vọng vào một giai đoạn phát triển mới, nơi khu vực kinh tế tư nhân thực sự trở thành “đòn bẩy” đưa Tỉnh vươn lên mạnh mẽ, toàn diện và bền vững trong tương lai gần./.

Tài liệu tham khảo:

(1) <https://baohatinh.vn/10-doanh-nghiep-dong-nop-thue-noi-dia-nhieu-nhat-ha-tinh>

(2) <https://baohatinh.vn/hiep-hoi-nu-doanh-nhan-ha-tinh-dong-gop-an-sinh-xa-hoi-hon-1-ty-dong-post281778.html>

(3) <https://hatinh.gov.vn/tuyen-truyen/tin-bai/24066/ha-tinh-xep-thu-6-ca-nuoc-ve-chi-so-papi-nam>

(4) <https://baohatinh.vn/khoi-thong-dong-von-cho-khu-vuc-kinh-te-tu-nhan-post284675.html>

XÂY DỰNG VĂN HÓA PHÁP LUẬT GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN CON NGƯỜI HÀ TĨNH THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 18-NQ/TU

✻ ThS. NGUYỄN HÀ GIANG

Khoa Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt: Văn hóa pháp luật là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần mà con người sáng tạo ra trong lĩnh vực pháp luật, được cấu thành từ các thành tố cơ bản như ý thức pháp luật, hệ thống pháp luật, các thiết chế pháp luật, các phương tiện pháp luật; hành vi, lối sống pháp luật, trình độ sử dụng pháp luật. Văn hóa pháp luật có vai trò quan trọng trong việc góp phần thực hiện chiến lược xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. Đối với tỉnh Hà Tĩnh, xây dựng văn hóa pháp luật theo tinh thần Nghị quyết 18-NQ/TU là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần xây dựng văn hóa con người Hà Tĩnh.

1. Văn hoá pháp luật và việc thực hiện pháp luật tại Hà Tĩnh

Tại Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ nhất năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi. Tôi mong chúng ta đem văn hóa lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập, tự cường và tự chủ. Tư tưởng của Người đến nay vẫn nguyên giá trị mà Đảng, Nhà nước ta tiếp tục vận dụng và phát triển văn hóa trở thành hồn cốt của dân tộc, là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Tại Hội nghị văn hóa toàn quốc năm 2021, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng dự và phát biểu đã nhấn mạnh “văn hóa còn thì dân tộc còn”.

Văn hóa pháp luật là một trong những loại hình của văn hóa xã hội; là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần mà con người sáng tạo ra trong lĩnh vực pháp luật,

bao gồm hệ thống quy phạm pháp luật được ban hành trong các thời kỳ lịch sử, những tư tưởng, quan điểm, luận điểm, nguyên lý, nguyên tắc, những tác phẩm văn hóa pháp luật, những kinh nghiệm và thói quen tích lũy được trong quá trình xây dựng và thực thi pháp luật. Văn hóa pháp luật có vai trò quan trọng trong việc góp phần thực hiện chiến lược xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trụ cột cơ bản của nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Văn hóa pháp luật được cấu thành từ các thành tố cơ bản như ý thức pháp luật, hệ thống pháp luật, các thiết chế pháp luật, các phương tiện pháp luật; hành vi, lối sống pháp luật, trình độ sử dụng pháp luật. Từ góc độ thực tiễn đời sống nhà nước, pháp luật, văn hóa pháp luật là khái niệm chỉ một trạng thái tốt, trạng thái có chất lượng của đời sống pháp luật quốc gia, được thể hiện ở trình độ nhất định đạt được về sự hoàn thiện pháp luật, về ý thức tôn trọng,

tuan thủ pháp luật của mọi cá nhân. Như vậy, với tính đặc thù riêng, văn hoá pháp luật góp phần tích cực trong việc điều tiết ý thức, hành vi, chuẩn mực đạo đức, chuẩn mực pháp luật trong các mối quan hệ của con người với con người trong xã hội; thứ hai văn hóa pháp luật thể hiện ở sự định hướng cho các thành viên xã hội lựa chọn cách xử sự hợp lý để tránh xung đột với các cá nhân khác, cách giải quyết hài hòa các lợi ích xã hội và lợi ích cá nhân mà không vi phạm pháp luật.

Đại hội XIII của Đảng khẳng định “Đẩy mạnh giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ. Từng bước vươn lên khắc phục các hạn chế của con người Việt Nam; xây dựng con người Việt Nam thời đại mới, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại”¹. Ngày 22/12/2023, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TU của về xây dựng, phát triển văn hóa và con người Hà Tĩnh trong giai đoạn mới. Nghị quyết nêu quan điểm: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, mục tiêu, động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh... xây dựng, phát triển văn hóa và con người Hà Tĩnh trên cơ sở bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, chọn lọc, tiếp thu tinh hoa văn hóa dân tộc và thời đại. Đồng thời, Nghị quyết số 18-NQ/TU cũng xác định 6 nhiệm vụ chủ yếu, 6 giải pháp trọng tâm hướng đến mục tiêu “Xây dựng, phát triển toàn diện văn hóa và con người Hà Tĩnh thấm nhuần tinh thần dân tộc, giàu bản sắc quê hương, tiếp thu chọn lọc các giá trị văn hóa tiên tiến”, “Tập trung đầu tư nguồn lực để văn hóa phát triển toàn diện, trở thành sức mạnh nội sinh, động lực đưa Hà Tĩnh phát triển nhanh, bền vững, sớm trở thành tỉnh khá của cả nước”². Một

trong những giải pháp trọng tâm được Nghị quyết số 18-NQ/TU xác định là đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân về xây dựng, phát triển văn hóa và con người Hà Tĩnh trong giai đoạn mới, trong đó chú trọng nội dung “nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong gia đình, cộng đồng dân cư, cơ quan, đơn vị, trường học, doanh nghiệp”³, thông qua xây dựng văn hóa pháp luật hình thành ý thức chấp hành pháp luật cho con người Hà Tĩnh.

Thực hiện nội dung xây dựng văn hóa pháp luật theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TU, trong thời gian vừa qua, các địa phương, đơn vị đã thường xuyên bám sát cơ sở, chủ động nắm bắt tình hình; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các lực lượng chức năng đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tích cực đấu tranh, phòng ngừa các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; kịp thời giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo, làm tốt công tác đối thoại với công dân; đảm bảo tốt công tác trật tự an toàn giao thông, xử lý nghiêm các phương tiện quá tải, quá hạn đăng kiểm, gây ô nhiễm môi trường. Công tác quản lý nhà nước, sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế, cắt giảm thời gian giải quyết các thủ tục hành chính, đổi mới phương thức điều hành, quản lý; hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân được nâng cao; công tác kỷ luật kỷ cương hành chính, kỷ cương xã hội được chú trọng. Các cơ quan tư pháp, tòa án, viện kiểm sát, thi hành án thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đáp ứng yêu cầu được giao; thực hiện tốt công tác phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ giám định, định giá tài sản, chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc không để các vụ án tồn đọng, kéo dài.

Tuy nhiên, tình hình tai nạn giao thông năm 2024 tăng so với cùng kỳ, xảy ra 347 vụ đường bộ, làm chết 190 người, bị

thương 214 người (so với năm 2023 là 274 vụ, số người chết 153 người, 172 người bị thương)⁴. Tai nạn giao thông đường sắt xảy ra 03 vụ, làm 01 người chết, 01 người bị thương. Xảy ra hiện tượng, một số đối tượng thanh thiếu niên tụ tập đi xe máy lạng lách, đánh võng, rú ga, sử dụng hung khí nguy hiểm một số tuyến đường trên địa bàn. Tình hình cháy nổ giảm so với trước xảy ra 74 vụ cháy, không có thiệt hại về người, thiệt hại hơn 1,8 tỷ đồng, 18,2 ha rừng, thực bì (so với năm 2023 là 104 vụ cháy nổ, làm 01 người bị thương, thiệt hại khoảng 30,3ha rừng cây và thực bì, trị giá 3,61 tỷ đồng)⁵. Công tác tuyên truyền Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật dân quân tự vệ chưa được quan tâm đúng mức; quản lý công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ chưa chặt chẽ; công tác nắm tình hình tư tưởng của công dân sẵn sàng nhập ngũ chưa sâu sát; một số công dân dùng thủ thuật, không hợp tác trong công tác khám tuyển để trốn tránh nghĩa vụ quân sự, chế độ chính sách cho quân nhân xuất ngũ còn thấp; khó khăn về đăng ký, quản lý nguồn dân quân tự vệ, thao trường, bãi tập cho lực lượng dân quân tự vệ. Cũng trong năm 2024, Viện kiểm sát hai cấp đã thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra 990 vụ 1.987 bị can. Cơ quan điều tra đã giải quyết: 839 vụ 1.528 bị can, trong đó, kết thúc điều tra, đề nghị truy tố: 760 vụ 1.505 bị can; đã giải quyết 761 vụ 1.523 bị can trên tổng số 761 vụ 1.523 bị can thụ lý, trong đó, quyết định truy tố 757 vụ 1.514 bị can; thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử 830 vụ 1.702 bị cáo sơ thẩm và 156 vụ 264 bị cáo phúc thẩm; tuy nhiên tiến độ giải quyết một số vụ, việc của Viện kiểm sát còn chậm, còn có 4 vụ án trả hồ sơ để điều tra bổ sung có trách nhiệm của Viện kiểm sát. Tòa án nhân dân hai cấp đã xét xử các vụ án hình sự bảo đảm nghiêm minh, đúng pháp luật, chưa phát hiện trường hợp nào kết án oan người không có tội (đã thụ lý, giải quyết 3.681/4.213 vụ, việc, tăng 192 vụ, việc; xét xử 156 phiên tòa trực

tuyến 151 vụ án hình sự, 01 vụ án dân sự, 04 vụ án hôn nhân gia đình; hủy, sửa các loại án do nguyên nhân chủ quan 07 vụ, sửa 07 vụ). Công tác thi hành án dân sự xong 4.046 việc/4.544 việc có điều kiện thi hành, thi hành xong 197,85 tỷ đồng/405,15 tỷ đồng có điều kiện thi hành. Tuy nhiên, vẫn tồn đọng 1 vụ việc trọng điểm về tranh chấp đất đai tại huyện Hương Khê, đơn thư phát sinh nhiều, tăng so với năm 2023 (phát sinh 47 đơn, tăng 14 đơn).

Trong thời gian vừa qua, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các lực lượng chức năng triển khai toàn diện, quyết liệt, có hiệu quả các mặt công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; góp phần giữ vững an ninh - trật tự, phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; thành lập, đưa vào hoạt động và phát huy hiệu quả lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở, góp phần quan trọng trong công tác phòng ngừa, bảo đảm an ninh, trật tự từ cơ sở. Năm 2024, công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm hình sự tiếp tục đạt hiệu quả cao như điều tra khám phá 394 vụ, 972 đối tượng phạm tội về trật tự xã hội, khởi tố mới 795 vụ 1.639 bị can (giảm 9 vụ, tăng 184 bị can, so với năm 2023)⁶. Phối hợp với các lực lượng chức năng của Lào bắt gọn 155 đối tượng trong đường dây lừa đảo xuyên quốc gia tại Đặc khu kinh tế Tam giác vàng; bắt giữ 4 đối tượng về hành vi mua bán người, giải cứu thành công 36 người về nước an toàn; triệt xóa đường dây buôn bán hơn 1000 khẩu súng. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được quan tâm (toàn tỉnh tổ chức tiếp: 4.487 lượt công dân; số người được tiếp: 5.848 người; số vụ việc: 3.781 vụ việc. Số đoàn đông người được tiếp 63 lượt đoàn, số người được tiếp 1.317 người (trong đó: số vụ việc tiếp lần đầu 131 vụ việc, số vụ việc tiếp nhiều lần 53 vụ việc); các cơ quan hành chính các cấp tiếp nhận 4.064 đơn KNTC, KNPA, trong đó số đơn đủ điều kiện xử lý 2.839); công tác cải

cách hành chính có nhiều đổi mới, các chỉ số về sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước, chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh đều tăng và xếp thứ hạng cao trong khu vực Bắc Trung Bộ cũng như cả nước; hoàn thiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025; hoàn thiện trình cơ quan có thẩm quyền đề án mở rộng địa giới thành phố Hà Tĩnh đạt tiêu chí đô thị loại 2, đề án thị trấn Nghèn đạt tiêu chí đô thị loại 4, một số đơn vị sự nghiệp công lập được kiện toàn, sắp xếp theo quy định; công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật đã được các cấp, các ngành quan tâm, ngày càng đi vào nề nếp, các văn bản quy phạm pháp luật thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước được ban hành kịp thời, đảm bảo công tác chỉ đạo, điều hành, góp phần củng cố, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, đáp ứng yêu cầu thực tiễn về quản lý nhà nước trên địa bàn⁷.

2. Giải pháp xây dựng văn hóa pháp luật góp phần phát triển toàn diện con người Hà Tĩnh theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TU

Để xây dựng văn hóa pháp luật góp phần phát triển toàn diện con người Hà Tĩnh theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TU, trước mắt cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, kết hợp giữa giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật để hình thành lối sống chấp hành pháp luật. Người Hà Tĩnh giàu truyền thống, là cái nôi của cách mạng và hiếu học ngàn đời của cha ông. Ngày nay do quá trình phát triển và thay đổi nhanh của các quan hệ xã hội tác động một phần đến đạo đức của một bộ phận người dân làm ảnh hưởng đến văn hóa truyền thống tốt đẹp của con người Hà Tĩnh. Vì vậy, hiện nay kết hợp giữa giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật là điều kiện không thể thiếu để hình thành hành vi hợp pháp và hợp đạo

đức, hạn chế những hành vi vi phạm pháp luật. Trong đó, giáo dục pháp luật hướng vào việc hình thành, nâng cao thái độ tôn trọng pháp luật, gia tăng niềm tin vào pháp luật, tôn trọng quyền, tự do, lợi ích chính đáng, ý thức trách nhiệm của mình đối với người khác, cộng đồng và xã hội; tích cực tham gia góp ý kiến xây dựng, thực hiện chính sách, pháp luật. Đó chính là cách tốt nhất để phát huy tác động tích cực giữa pháp luật và đạo đức, đồng thời là cách tốt nhất để vừa thượng tôn pháp luật, vừa thực hành đạo đức. Bên cạnh đó, giáo dục đạo đức đánh thức lương tri của mỗi con người giúp họ thận trọng hơn, có trách nhiệm hơn đối với mỗi hành vi của bản thân, hình thành thói quen của xã hội là lên án những hành vi vi phạm đạo đức và pháp luật; đồng thời, ủng hộ, khuyến khích, tạo điều kiện cho những hành vi hợp pháp, hợp đạo đức phát triển; thúc đẩy hình thành những quan điểm, chuẩn mực pháp luật, chuẩn mực đạo đức mới, tiến bộ.

Thứ hai, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả phổ biến, giáo dục pháp luật. Một trong những nội dung cần đổi mới trong phổ biến, giáo dục pháp luật là sự kết hợp phổ biến, giáo dục về kiến thức pháp luật với những kỹ năng cần thiết trong thực hiện pháp luật. Sự hiểu biết pháp luật là cơ sở để mỗi cá nhân hình thành ý thức tôn trọng và lối sống tuân theo pháp luật. Đưa các nội dung pháp luật, kỹ năng thực hành pháp luật vào trong môi trường giáo dục ở các cấp học; thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục những quy định pháp luật sát thực tế, phù hợp với các đối tượng; chia sẻ rộng rãi những hành động bảo vệ pháp luật, thực hiện pháp luật và lên án mạnh mẽ những hành vi vi phạm pháp luật, chỉ rõ những lý do và các căn cứ pháp luật vận dụng vào xử lý hành vi vi phạm pháp luật để người dân tránh không vi phạm; bên cạnh đó, phát triển các loại hình dịch vụ pháp lý, trợ giúp pháp lý, tư

vấn, bảo vệ góp phần giảm thiểu những rủi ro và nâng cao an toàn pháp lý cho cá nhân, tổ chức trong các quan hệ xã hội.

Thứ ba, hình thành văn hóa ý thức về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của con người. Văn hóa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm con người là một thể thống nhất bao gồm các thành tố cơ bản như sự hiểu biết, kiến thức cơ bản về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm đạo đức, pháp lý của con người, ý thức tôn trọng quyền con người, tôn trọng các giá trị, chuẩn mực đạo đức; kỹ năng sử dụng, bảo vệ các quyền con người, thực hiện nghĩa vụ cơ bản, nghĩa vụ cụ thể theo quy định pháp luật. Thực tế cho thấy, khi thực hành các quyền tự do của mình, nhiều người dân dễ rơi vào trạng thái lạm dụng, lợi dụng, vượt quá giới hạn và tràn sang vùng cấm của pháp luật và đạo đức xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến quyền, lợi ích của những người khác và xã hội; vẫn còn những sai lệch, vi phạm trong thực hiện hành vi, thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm con người của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước, bộ phận học sinh trong các trường học, thanh thiếu niên và bộ phận người dân ngoài xã hội. Vì vậy, việc hình thành văn hóa ý thức về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm thông qua giáo dục nhằm trang bị cho người dân những kiến thức cần thiết về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý của con người, cơ chế bảo vệ quyền, tạo lập ý thức, thói quen tôn trọng quyền, nghĩa vụ phù hợp với các nguyên tắc pháp luật gắn với xây dựng, phát triển bền vững văn hóa quyền con người, văn hóa nghĩa vụ, văn hóa trách nhiệm là tiền đề, điều kiện đảm bảo thực hiện mục tiêu xây dựng con người Hà Tĩnh phát triển toàn diện trong bối cảnh hiện nay.

Thứ tư, xây dựng văn hóa pháp luật đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ. Văn hóa pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước như một tất yếu có ảnh hưởng mạnh

mẽ đến văn hóa pháp luật của các cá nhân trong đó có việc tạo lập niềm tin vào công lý và pháp luật, một trong những điều kiện cơ bản đảm bảo ý thức tôn trọng, thực hiện pháp luật. Đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức văn hóa pháp luật phải được thể hiện, đo lường thông qua các tiêu chí cơ bản về trình độ hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng pháp luật, kỹ năng sử dụng pháp luật, thi hành pháp luật, tuân thủ pháp luật, áp dụng pháp luật chính xác, nghiêm minh trong thực thi công vụ, bảo vệ pháp luật và bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của công dân.

Ngoài ra, xây dựng ý thức trách nhiệm đạo đức công vụ, tính chuyên nghiệp, tôn trọng, tuân thủ pháp luật thực hiện đúng, đầy đủ quyền hạn, nghĩa vụ, nhiệm vụ được giao một cách trung thực, chuyên nghiệp, công tâm, tận tụy, miễn cưỡng, cẩn trọng, tránh xung đột lợi ích, không vụ lợi cá nhân và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện; có trách nhiệm với công dân và tổ chức, với công việc hàng ngày trong hoạt động công vụ là điều kiện cơ bản để tạo lập, vận hành nền công vụ phục vụ xã hội hiệu lực và hiệu quả; xây dựng bản lĩnh, đạo đức liêm chính, công khai, minh bạch, trách nhiệm và phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực./.

Chú thích:

(1), Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, tr.143.

(2),(3), Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh, *Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 22/12/2023 của BCH Đảng bộ tỉnh về xây dựng, phát triển văn hóa và con người Hà Tĩnh trong giai đoạn mới*.

(4),(5),(6), Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, *Báo cáo số 702/BC-HĐND ngày 05/12/2024 báo cáo thẩm tra tình hình chấp hành pháp luật năm 2023*.

(7), Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, *Báo cáo số 708/BC-HĐND ngày 09/12/2024 báo cáo thẩm tra tình hình chấp hành pháp luật năm 2024*.

ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN TỔ CHỨC BỘ MÁY, NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TỈNH HÀ TĨNH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



ThS. NGUYỄN ANH TẤN

Giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật

Tóm tắt: Gần 40 năm thực hiện đường lối đổi mới và sau gần 35 tái lập tỉnh, cùng với cả nước, Hà Tĩnh đã đạt những thành tựu quan trọng, tạo cơ sở vững chắc để cùng cả nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Tuy nhiên, nằm trong thực trạng chung, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị Hà Tĩnh vẫn còn cồng kềnh, điều này đặt ra yêu cầu cấp bách trong việc thực hiện quyết liệt cuộc cách mạng nhằm đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị thật sự tinh, gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

Xác định việc đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị là nhiệm vụ cơ bản và cấp bách, có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới, vì vậy, sau khi có các chủ trương mới của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh đã kịp thời ban hành các kế hoạch để tổ chức học tập, quán triệt cho đội ngũ cán bộ cốt cán trong toàn tỉnh. Đồng thời, chỉ đạo Ban Thường vụ các huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc triển khai học tập, quán triệt cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên; tổ chức xây dựng chương trình hành động, kế hoạch cụ thể, sát với tình hình thực tiễn của từng địa phương, cơ quan, đơn vị; ban hành nhiều

văn bản đề tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cơ sở triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tiễn. Sắp xếp, kiện toàn một số tổ chức và các đầu mối bên trong của từng tổ chức thực hiện theo hướng giảm đầu mối, giảm tối đa cấp trung gian, giảm cấp phó. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là trong khối giáo dục, y tế, văn hóa theo hướng vừa sáp nhập, vừa cơ cấu lại tổ chức đầu mối bên trong, vừa đẩy mạnh cơ chế tự chủ.

Giai đoạn 2019 - 2021, thực hiện sắp xếp 80 đơn vị hành chính cấp xã, hình thành 34 đơn vị hành chính cấp xã, giảm

46 đơn vị hành chính cấp xã; tiếp tục thực hiện chủ trương sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện giai đoạn 2023-2025 và định hướng giai đoạn 2026 - 2030; lãnh đạo, chỉ đạo việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố đảm bảo theo quy định, từ đầu nhiệm kỳ đến nay đã giảm 26 thôn, tổ dân phố; hợp nhất Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bên cạnh đó, bám sát các quy định của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của tỉnh về chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy để đảm bảo các quy định mới và phù hợp với thực tiễn của tỉnh; chỉ đạo cấp ủy cấp huyện tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung các nội dung đảm bảo với các quy định của Trung ương, của tỉnh và chỉ đạo các đảng bộ, chi bộ cơ sở trực thuộc xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc của cấp ủy, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đồng chí cấp ủy viên, bí thư, phó bí thư cấp ủy, đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện trên các mặt công tác, phù hợp với từng loại hình tổ chức cơ sở đảng. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc nêu cao vai trò lãnh đạo của cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy, tạo sự đoàn kết, thống nhất trong ban chấp hành, ban thường vụ cấp ủy; thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, định kỳ điều chỉnh bổ sung và việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện; xác định rõ mối quan hệ giữa Đảng ủy với các tổ chức trong hệ thống chính trị xã, phường, cơ quan, đơn vị, đảm bảo đúng quy định nhằm phát huy vai trò, vị trí, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Quán triệt quan điểm “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả”, trong thời gian tới, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị cần tập trung đổi mới trên 2 nội dung cụ thể sau:

Một là, tinh gọn tổ chức bộ máy gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, thực tài, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Đổi mới tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn không đơn thuần là cắt giảm số lượng, mà còn phải chú trọng cải thiện, nâng cao chất lượng đội ngũ, bảo đảm mỗi cán bộ, công chức, viên chức phải có đủ trình độ chuyên môn, năng lực, kỹ năng đáp ứng yêu cầu công việc cũng như có đầy đủ phẩm chất đạo đức, tâm huyết, trách nhiệm. Cán bộ, công chức, viên chức phải thường xuyên tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cũng như phải thực sự cầu thị, sẵn sàng học hỏi, tiếp thu kiến thức, kỹ năng kinh nghiệm mới để có thể nâng cao chất lượng, kết quả thực thi nhiệm vụ, công vụ trong môi trường có nhiều thay đổi như hiện nay. Đồng thời, đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy đòi hỏi phải xác định biên chế hợp lý, chuẩn hóa chức danh, xây dựng cơ chế đánh giá minh bạch, khoa học, dựa trên kết quả công việc cụ thể nhằm khích lệ người làm việc tốt, đồng thời loại bỏ cá nhân không đáp ứng yêu cầu, qua đó nâng cao hiệu suất công việc. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức tham mưu xây dựng thể chế, chính sách có năng lực chuyên môn cao, có tầm nhìn và khả năng dự báo. Có cơ chế, chính sách hợp lý, đủ mạnh để thu hút, trọng dụng người có tài năng và có phẩm chất đạo đức tốt vào làm việc cho cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị.

Hai là, đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị phải bảo đảm thu hút, mở rộng sự tham gia và vai trò giám sát của người dân; tăng cường, củng cố mối quan hệ mật thiết với nhân dân, phát huy quyền làm chủ thực sự của nhân dân.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ đổi mới tổ chức bộ máy hệ thống chính trị theo hướng “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả”, cần chú trọng thực hiện tốt các giải pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, nghiêm túc quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết số 18-NQ/TW về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Những tư tưởng chỉ đạo trên phải được quán triệt đầy đủ, sâu rộng trong toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm tạo sự chuyển biến trong nhận thức và hành động, lan tỏa mạnh mẽ trong cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương và toàn xã hội. Việc triển khai thực hiện phải luôn bám sát Cương lĩnh, Hiến pháp, Điều lệ Đảng và các văn kiện của Đảng trong việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Nghiêm túc thực hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo việc đổi mới, sắp xếp và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất của Trung ương, đồng thời phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của từng cấp, từng ngành, từng địa phương.

Thứ hai, tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cấp ủy, cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên trong hệ thống Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân về mô hình tổ chức bộ máy mới. Sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy là công việc khó khăn, nhạy cảm, phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến

mỗi cán bộ, công chức, viên chức, nhất là trong việc đề xuất giải thể, sáp nhập một số cơ quan, tổ chức. Chính vì vậy, cần làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, công tác tuyên truyền trong toàn hệ thống chính trị và xã hội về yêu cầu, nhiệm vụ tinh gọn bộ máy đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Đồng thời, đề cao, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu như Tổng Bí thư Tô Lâm đã yêu cầu: Trung ương phải gương mẫu, các ban của Đảng phải gương mẫu, Quốc hội gương mẫu, Chính phủ gương mẫu... nhằm bảo đảm sự đoàn kết, quyết tâm cao, vì lợi ích chung của từng đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức trong toàn hệ thống chính trị.

Thứ ba, hoàn thiện thể chế, quy định pháp luật nhằm bảo đảm thể chế hóa kịp thời chủ trương, chính sách của Đảng về đổi mới tổ chức, hoạt động của hệ thống chính trị trong thực tiễn. Rà soát toàn bộ hệ thống quy định, văn bản liên quan để sửa đổi, bổ sung phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới, kịp thời tháo gỡ điểm nghẽn, rào cản phát triển; huy động, khơi thông mọi nguồn lực bên trong, bên ngoài, nguồn lực trong dân, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm. Theo dõi, bám sát việc triển khai thực hiện thể chế, pháp luật cũng như thực tiễn hoạt động của cơ quan, tổ chức được xây dựng theo mô hình tổ chức bộ máy mới, đánh giá kết quả hoạt động, từ đó có giải pháp điều chỉnh kịp thời, khắc phục hạn chế, bất cập để bảo đảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức.

Thứ tư, sắp xếp tổ chức bộ máy chắc chắn sẽ tác động đến tâm tư, tình cảm, quyền lợi của mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, do đó, phải thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với cán bộ, đảng viên, công chức,

Xem tiếp trang 128

THỰC HIỆN VĂN HÓA CÔNG SỞ GÓP PHẦN HOÀN THÀNH TIÊU CHÍ VĂN HÓA TRƯỜNG ĐẢNG TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ



THS. TRẦN THỊ BÍCH THỦY

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Văn hoá công sở là tổng hòa các giá trị hữu hình và vô hình, bao gồm trình độ nhận thức, phương pháp tổ chức, quản lý, môi trường cảnh quan, phương tiện làm việc, đạo đức nghề nghiệp và phong cách giao tiếp ứng xử của cán bộ, công chức nhằm xây dựng một công sở văn minh, lịch sự, hoạt động đúng pháp luật và hiệu quả cao. Việc hiểu rõ và thực hành văn hóa công sở là yêu cầu cần thiết đối với mỗi cán bộ, công chức trong đó có đội ngũ giảng viên, học viên của các trường chính trị tỉnh, qua đó đó góp phần hoàn thiện tiêu chí xây dựng văn hóa trường Đảng, nâng cao chất lượng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn.

Văn hóa công sở là tập hợp các giá trị, hình thành nên cơ sở của niềm tin về cách thức để thỏa mãn sự mong đợi, tạo thành các chuẩn mực trong tư duy và hành động thực tiễn của nguồn lực con người trong công sở. Như vậy, có thể hiểu văn hoá công sở là tổng hòa các giá trị hữu hình và vô hình, bao gồm trình độ nhận thức, phương pháp tổ chức, quản lý, môi trường cảnh quan, phương tiện làm việc, đạo đức nghề nghiệp và phong cách giao tiếp ứng xử của cán bộ, công chức nhằm xây dựng một công sở văn minh, lịch sự, hoạt động đúng pháp luật và hiệu quả cao. Giá trị văn hoá công sở luôn quyết định hành vi và thái độ của con người trong tổ chức. Những hành vi và thái độ tốt sẽ nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của công sở và ngược lại, nếu

hành vi và thái độ không tốt sẽ làm giảm hiệu quả hoạt động của công sở. Trong hoạt động công sở, những giá trị đạo đức được thể hiện dưới dạng trách nhiệm đối với công việc chung, không tham ô, lãng phí của công, không mưu hại đồng nghiệp để tiến thân, không ganh đua đố kỵ vì mưu cầu lợi ích cá nhân.

Văn hóa công sở có khả năng lôi cuốn, tập hợp con người nhờ sức hút từ hệ thống giá trị của nó. Văn hóa công sở có khả năng tác động và điều chỉnh hành vi của những thành viên thuộc về nó. Khả năng điều chỉnh hành vi còn được gọi là khả năng quản lý của văn hóa công sở. Bên cạnh đó, các giá trị văn hóa, niềm tin văn hóa và chuẩn mực hành vi văn hóa của một công sở được trao truyền cho các thể hệ thành viên của công sở đó. Nói cách khác,

văn hóa công sở sẽ làm thay đổi lối nghĩ, cách làm của các thành viên mới của công sở. Mặt khác, hệ thống các quy phạm văn hóa tồn tại trong công sở và tạo nên cái gọi là luật bất thành văn, cùng với những nguyên tắc chính thức, hệ thống quy phạm văn hóa tác động trực tiếp đến hành vi thực thi công vụ của các thành viên trong công sở và ảnh hưởng trực, trực tiếp đến hiệu quả vận hành của công sở.

Để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg về ban hành Quy chế văn hoá công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước, Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ và Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 14/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở” giai đoạn 2019 - 2025. Riêng đối với các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngày 26/10/2017, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 5029-QĐ/HVCTQG về việc quy định ứng xử văn hóa của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (thay thế Quyết định số 2616/QĐ- HVCTQG và Quyết định số 1659/QĐ-HVCT-HCQG). Quyết định đã nêu rõ đối tượng, phạm vi, nguyên tắc áp dụng cho toàn thể cán bộ, học viên đang công tác và học tập, nghiên cứu tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, các học viện khu vực, các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là trường Đảng). Đây là căn cứ để

phát huy những giá trị văn hóa đạo đức và lối sống lành mạnh, xây dựng phong cách ứng xử chuẩn mực của cán bộ, học viên trong công tác, học tập và rèn luyện; xây dựng môi trường làm việc, học tập chuyên nghiệp, dân chủ, văn minh, hiện đại, khoa học, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và đặc thù của trường Đảng. Đặc biệt, để xây dựng văn hóa trong các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về trường chính trị chuẩn đã xác định một trong những tiêu chí quan trọng cần phải quan tâm xây dựng đó là tiêu chí xây dựng văn hóa trường Đảng góp phần nâng cao chất lượng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn. Đồng thời góp phần thực hiện các nghị quyết của Trung ương về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Trường Chính trị Trần Phú là đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tổ chức, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở về lý luận chính trị, quản lý hành chính nhà nước và một số lĩnh vực khác. Trong những năm qua, Trường Chính trị Trần Phú luôn quan tâm xây dựng văn hoá công sở, thực hiện nghiêm túc các quy định về văn hoá ứng xử, bài trí công sở, môi trường cảnh quan; hoạt động giảng dạy và học tập của đội ngũ giảng viên, học viên luôn được xem là môi trường thực hành văn hoá công sở, văn hóa trường Đảng. Trong những năm vừa qua, đội ngũ cán bộ, giảng viên Trường Chính trị Trần Phú luôn trung thành, kiên định với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội;

gương mẫu, sáng tạo, nêu cao tính Đảng và luôn phấn đấu cống hiến vì sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng lý cán bộ, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đại đa số học viên của Trường Chính trị Trần Phú đều đáng giữ những chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các tổ chức Đảng, chính quyền, hệ thống chính trị, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, lực lượng vũ trang. Đây là đội ngũ có chuyên môn sâu, kinh nghiệm thực tiễn phong phú, có tính kỷ luật, tự giác cao trong học tập và rèn luyện tại trường Đảng.

Thực tế cho thấy, trong thời gian vừa qua, nhận thức của một bộ phận giảng viên, học viên về văn hoá công sở chưa toàn diện; vẫn còn tình trạng “đi muộn về sớm”, chưa nhiệt tình với công việc được giao. Vẫn còn tình trạng giảng viên, học viên thực hiện Quy chế văn hoá công sở chưa nghiêm hoặc còn mang tính hình thức. Đối với giảng viên chưa chú trọng vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học; đối với học viên chưa xác định mục đích học tập, rèn luyện rõ ràng. Vẫn còn không ít cán bộ, giảng viên, học viên mang trang phục chưa chuẩn mực khi lên lớp; thiếu các kỹ năng thiết lập giao tiếp phi ngôn ngữ; chưa biết “nói chuyện” bằng ánh mắt, khuôn mặt, cử chỉ. Cơ sở vật chất, việc bài trí công sở chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng. Để thực hiện văn hóa công sở góp phần hoàn thiện tiêu chí văn hóa trường Đảng tại trường Chính trị Trần Phú, cần thực hiện một số nội dung sau:

Một là: Đối với nội dung thực hành văn hóa công sở ngoài việc yêu cầu cán bộ, giảng viên, học viên phải nắm rõ các quy định hiện hành về văn hóa công sở. Tổ chức các khoá tập huấn về văn hoá công sở cho toàn thể cán bộ, giảng viên, học viên. Cụ thể hoá các nội quy, quy định và

các chế tài trong việc thực hiện văn hoá công sở gắn với tăng cường kiểm tra, đánh giá, khắc phục bệnh phong trào, tránh tình trạng “đánh trống bỏ dùi”. Việc đánh giá, chấm điểm này sẽ là căn cứ quan trọng trong việc xếp loại đối với cán bộ, giảng viên và kết quả rèn luyện của học viên.

Hai là: Thực hành nêu gương của cán bộ, giảng viên trong thực hiện văn hoá công sở. Văn hóa trường Đảng phải bắt đầu từ người cán bộ, giảng viên trường Đảng, do đó, người dạy phải luôn là tấm gương sáng trong việc thực hiện các chuẩn mực hành vi văn hóa và đưa ra những giải pháp thiết thực để nghiêm túc thực hiện hiện Quy chế văn hoá công sở đối với học viên.

Ba là: Gắn việc thực hiện văn hoá công sở với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Rèn luyện đạo đức, phong cách giao tiếp, ứng xử trong quá trình học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh bằng những việc làm cụ thể như cách phát ngôn, cách giao tiếp ứng xử, thái độ ân cần, niềm nở, nhiệt tâm trong giảng dạy, học tập và xử lý, giải quyết công việc. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, công khai, minh bạch các thủ tục hành chính tạo điều kiện cho mọi cá nhân được kiểm tra, giám sát.

Bốn là: Đưa việc thực hiện văn hoá công sở đi vào chiều sâu, tránh chung chung, hời hợt, trọng tâm là tổ chức các phong trào cụ thể, dễ thực hiện, dễ tổ chức. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các tổ chức đoàn thể, các chi bộ học viên trong tổ chức thực hiện văn hoá công sở; coi trọng tính bình đẳng trong công việc giữa nhân viên, giảng viên, học viên; khuyến khích các thành viên đề xuất các sáng kiến trong công việc, tạo điều kiện để mọi cá nhân hoàn thành tốt công việc

được giao; quan tâm thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách và quyền lợi chính đáng của cán bộ, giảng viên, học viên.

Năm là: Tiếp tục nâng cao ý thức xây dựng văn hoá trường Đảng. Quan tâm xây dựng môi trường làm việc trong sạch, lành mạnh; giữ gìn vệ sinh và mỹ quan công sở. Tổ chức và duy trì các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nâng cao đời sống tinh thần, tăng cường đoàn kết trong cán bộ, giảng viên, học viên.

Năm 1949, khi đến thăm Trường Nguyễn Ái Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ, học để phụng sự Đoàn thể, phụng sự giai cấp và nhân dân, phụng sự Tổ quốc và nhân loại...”¹. Lời dạy của Người đã trở thành kim chỉ nam cho sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của hệ thống trường Đảng. Để hoàn thành sứ mệnh thực hiện “công việc gốc” của Đảng, việc xây dựng văn hoá trường Đảng, môi trường giảng dạy, học tập và rèn luyện mang tính Đảng, nêu cao tinh thần công hiến, tận tụy, gắn lý luận với thực tiễn, tu dưỡng đạo đức cách mạng là yêu cầu quan trọng đối với hệ thống các trường chính trị tỉnh nói chung và Trường Chính trị Trần Phú nói riêng trong giai đoạn hiện nay./.

Chú thích:

(1). Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, H. 2011, t.5, tr.684

ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN...

(Tiếp theo trang 124)

viên chức, người lao động bị ảnh hưởng. Cơ chế, chính sách phải bảo đảm tính công bằng, hài hòa trong tổng tương quan chung giữa các đối tượng nhằm ổn định cuộc sống, quyền và lợi ích để không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy. Việc xây dựng chính sách phải gắn với trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong đánh giá, sàng lọc, lựa chọn đối tượng nghỉ gắn với tinh giản biên chế và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ, đồng thời không để chảy máu chất xám, bảo đảm duy trì và giữ chân cán bộ, công chức, viên chức tốt, có năng lực, phẩm chất ngang tầm nhiệm vụ.

Thứ năm, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát để phòng, chống việc lợi dụng chủ trương sắp xếp bộ máy để tiêu cực, tham nhũng. Xử lý nghiêm, kịp thời trường hợp lợi dụng việc sắp xếp tổ chức, gây mất đoàn kết nội bộ, ảnh hưởng đến uy tín của Đảng và cơ quan, tổ chức. Phát huy và tạo điều kiện thuận lợi cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia công tác giám sát, kiểm tra việc xây dựng mô hình tổ chức bộ máy mới.

Đổi mới tổ chức bộ máy hệ thống chính trị không chỉ là cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, mà còn là cuộc cách mạng thay đổi tư duy với tầm nhìn và nhận thức mới. Đây cũng là cuộc cách mạng đầy khó khăn, thách thức, phức tạp, cam go và có cả sự cản trở, đòi hỏi bản lĩnh, ý chí, trí tuệ, đoàn kết, thống nhất, sự dân thân, dũng cảm và hy sinh của mỗi cán bộ, công chức cũng như của cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu trong hệ thống chính trị để việc triển khai được tiến hành nhanh, tích cực và hiệu quả. Với tinh thần trách nhiệm và quyết tâm mạnh mẽ, chắc chắn công cuộc đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo tinh thần “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả” sẽ thành công, góp phần vì một đất nước Việt Nam hùng cường, dân tộc Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc./.